HT. THÍCH THIỀN TÂM

mây điệu SEN THANH

QUYỂN 1

SH: 01-1214
Mây điệu sen thanh (B
9 786048 937317
Giá: 100.000đ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PHƯƠNG LIÊN TỊNH XỨ MẬT TỊNH ĐẠO TRÀN

Việt dịch: Hòa thượng Thích thượng Thiền hạ Tâm

Mấy Điệu Sen Thanh

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com;
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

MẤY ĐIỆU SEN THANH - TẬP 1

Tác giả: Phương liên tịnh xứ mật tịnh đạo tràng –
HT. Thích thượng Thiền hạ Tâm

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHẠN THỊ NGỌC MINH
Sửa bản in: Hoằng Chuyên
Trình bày: Thanh Duy

ĐỐI TÁC LIÊN KẾT
Phòng phát hành Kinh Sách & Văn hóa phẩm
Phật Giáo Thanh Duy
ĐC : 484 Tô Ngọc Vân, Tam Phú, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
ĐT: 028.37290620. Website: nhasachthanhduy.com

*

In 3.000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty TNHH cơ khí in Tuệ Mẫn 327 Đất Mới, khu phố 4, P.Bình Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân, TP.HCM.
Số XNĐKKH: 1323 - 2018/CXBIPH/18 - 24/HĐ. Số QĐXB của NXB: 270/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 21/4/2018. In xong và nộp lưu chiểu năm 2018. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604- 89-3731- 7.

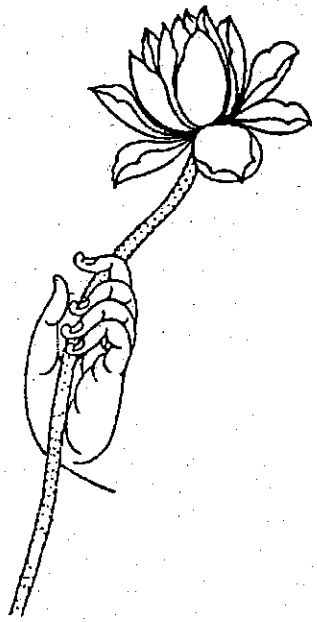

Mấy điệu sen thanh đầu đặt tới
Vang thành ánh ngọc nối liên phương

LỜI ĐẦU

Quyển nầy bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những tryện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đinh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum Pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngần ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường tất biết người sanh về Tịnh độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh độ. Nơi quyển nầy, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng Tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay

có thể theo dấu. Vì thế ở quyển nầy, bút giả lưu ý dịch các chuyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhơn đã có vị viết sách Tịnh độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển nầy là MẤY ĐIỆU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển nầy là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường việc tội phước nhân quả, thánh thần qui ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyễn. Từ điểm nầy xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

"Nương mình tựa án xem người cổ,

Ẩn bóng trong gương ngẫm chuyện đời".

Mong độc giả khi xem quyển nầy, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi nầy tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

Liên Du

PHẦN MỘT

THÁNH NHÂN KHUYẾN HÓA

MÃ MINH ĐẠI SĨ

Mã Minh Đại sĩ, tiếng Phạn gọi là As'vaghosa, người dòng Bà la môn ở nước Tang Kỳ Đa, xứ Đông Thiên Trúc. Sau Phật diệt độ 600 năm, ngài ứng thế xiển dương Phật pháp, nổi danh là bậc Đại Thừa Luận sư.

Các truyền thuyết về ngài có nhiều điểm không đồng. Theo truyện Phú Pháp Tạng, Mã Minh Đại sĩ xuất gia ở xứ Trung Thiên Trúc, thông suốt các pháp ngoại đạo. Trí tuệ ngài sâu xa, tài biện luận như thác nước tuôn trào, người đương thời khó ai sánh kịp. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Phú Na Dạ Xa làm vị Tổ thứ mười hai bên Thiền tông ngài du hóa ở thành Hoa Thị nước Ma Kiệt Đà. Đại sĩ có tạo khúc nhạc nhiệm mầu, tên Lại Tra Hòa La, âm điệu thanh nhã cảm thương, tuyên diễn về pháp khổ, không, vô thường, vô ngã. Bấy giờ, năm trăm vị vương tử trong thành nghe nhạc ấy, tỉnh ngộ việc đời, bỏ nhà đi tu. Vua trong xứ sợ nhân dân nghe nhạc rồi xuất gia quá nhiều, thế nước sẽ bị suy yếu, nên cấm chỉ không cho lưu hành nhạc khúc ấy. Tương truyền khi Đại sĩ khảy đàn thuyết pháp, bầy ngựa lắng nghe đều rơi lệ, kêu lên giọng bi thương nên người đương thời mới tôn hiệu là Mã Minh.

Theo luận Thích Ma Ha Diễn, Mã Minh Đại sĩ nguyên là một vị cổ Phật, hiệu Đại Quang Minh. Khi ngài ứng tích ở xứ Thiên Trúc, thị hiện làm vị Bồ Tát chứng đến ngôi thứ tám Bất Động Địa.

Trong một đời hoằng pháp, Đại sĩ có trứ thuật nhiều Phật điển. Và quyển Đại Thừa Khởi Tín Luận, được các học giả đương thời cùng hậu lai ngợi khen là một danh tác. Quyển luận nầy khái quát các yếu lý Đại thừa, chỉ bày đường lối tu tập, kết cuộc có đoạn khuyên cầu sanh về Tịnh độ như sau:

"Ở thế giới Ta Bà nầy, các hành giả sợ mình không thể thường gặp chư Phật, để gần gũi nghe pháp cúng dường. Và ngại tín tâm khó được thành tựu e dễ bị thối chuyển. Các chúng sanh ấy nên biết rằng, đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ lòng tin. Đó là nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy nguyện cầu sanh về cõi Tịnh độ tha phương để thường được thấy Phật, lìa hẳn ba đường ác. Như trong Tu Đa La nói: "Nếu kẻ nào chuyên niệm đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem căn lành mình tu hồi hướng nguyện về cõi ấy, tất sẽ được vãng sanh. Vì thường được thấy Phật, nên không còn lo bị thối chuyển".

Về sau, khi hóa duyên đã mãn, Mã Minh Đại Sĩ gọi Tôn giả Ca Tỳ Ma La đến truyền trao chánh pháp. Xong, ngài liền an lành nhập định, vào môn Long Phấn Tấn Tam Muội, cả mình bay vượt lên hư không hiện ra tướng nhật luân sáng rỡ. Rồi liền hạ xuống trở về bản vị và nhập Niết Bàn.

LONG THỌ ĐẠI SĨ

Long Thọ Đại sĩ, tiếng Phạn gọi là Nàgàrjuna, người dòng Phạm chí, ứng thế ở xứ Nam Thiên Trúc, sau Phật diệt độ 700 năm. Tương truyền ngài sanh dưới cây A Châu Đà Na, cây nầy có 500 vị Long thần ở, lại nhờ Long Vương Bồ Tát mà thành đạo, nên lấy hiệu là Long Thọ .

Trong quyển Tam Bảo Cảm Ứng Lục có trích dẫn: "Theo kinh Kim Cang Chánh Trí, thì thời quá khứ, ngài Mã Minh đã thành Phật, hiệu là Đại Quang Minh Như Lai. Ngài Long Thọ hiệu là Diệu Vân Tướng Như Lai. Lại theo kinh Đại Trang Nghiêm Tam Muội, ngài Mã Minh là vị Cổ Phật hiệu Nhật Nguyệt Tinh Minh. Ngài Long Thọ là Diệu Vân Tự Tại Vương Phật". Truyện Phú Pháp Tạng cũng nói về ngài như sau: "Bản vị nguyên là Phật Diệu Vân, ứng tích ở ngôi Hoan Hỷ Địa". Truyền ký về ngài có nhiều điểm thần kỳ, như việc mở Thiết tháp ở Nam Thiên Trúc học về Mật giáo; được Đại Long Bồ Tát đem vào hải cung đọc kinh Hoa Nghiêm và các kinh điển đại thừa. Vì thế, ngài một thân mà kiêm làm Tổ sư của tám tông phái Phật giáo.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Ca Tỳ Ma La, làm vị Tổ thứ bốn bên Thiền tông, Long Thọ Đại sĩ đi hoằng hóa các nơi và có trứ thuật nhiều bộ luận. Trong luận Tỳ Bà Sa của ngài viết, có đoạn khen ngợi về Tịnh độ như sau:

Nếu người muốn thành Phật,
Xưng niệm A Di Đà,
Ứng thời vì hiện thân,
Nên nay con quy mạng.
Do sức nguyện Phật kia,

Mười phương chư Bồ Tát,
Đến nghe pháp cúng dường,
Nên con cúi đầu lễ.
Các Bồ Tát cõi ấy,
Đầy đủ những tướng hảo,
Thân đẹp tự trang nghiêm,
Nên con lạy quy y.
Chư Bồ Tát Cực Lạc,
Mỗi ngày trong ba thời,
Cúng dường Phật mười phương,
Nên con cúi đầu lạy.
Nếu người trồng căn lành,
Nghi thì hoa không nở,
Kẻ lòng tin thanh tịnh,
Hoa nở được thấy Phật.
Hiện tại Phật mười phương,
Dùng các thứ nhân duyên,
Khen công đức Di Đà,
Nên con quy mạng lễ.
Cõi Cực Lạc nghiêm đẹp,
Mầu nhiệm hơn thiên cung,
Công đức rất sâu dầy,
Nên con lễ chân Phật.

Ngài lại tạo bộ luận Đại Trí Độ, trong đoạn khai thị về pháp môn Tịnh độ có dạy:

"Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và những tội đời trước. Các pháp tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm không thể trừ được nghiệp sân. Có môn trừ được nghiệp sân không thể trừ nghiệp dâm. Có môn trừ được nghiệp si, không thể trừ dâm, sân. Có môn trừ được

ba độc tham, sân, si, không thể trừ các tội đời trước. Môn Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và các thứ tội chướng. Lại nữa, Niệm Phật tam muội có phước đức lớn, hay độ chúng sanh. Chư Bồ Tát muốn mau diệt tội chướng, được nhiều phước đức, sớm độ chúng sanh, không chi hơn tu môn Niệm Phật tam muội ..."

- *Hỏi*: Bồ Tát phải thường ở cõi trần lao để giáo hóa chúng sanh, sao lại nguyện sanh về Tịnh độ?

- *Đáp*: Nếu chưa vào Vô sanh nhẫn của Bồ Tát vị, chưa được thọ ký, chưa đến ngôi Bất thối chuyển, mà xa lìa chư Phật, tất sẽ chìm trong biển phiền não, hư mất hết các căn lành! Như thế, đã không thể độ mình, làm sao độ chúng sanh được? Ví như kẻ dùng chiếc thuyền không bền chắc để đưa người, khi gặp sóng to gió lớn, tất thuyền sẽ bị hư rã, mình và người đều chết đắm. Lại như người đem ấm nước sôi đổ vào ao băng tuyết, muốn cho ao băng tuyết tiêu tan, ban sơ chỉ tan được chút ít, kết cuộc chính nước sôi ấy sẽ trở thành băng tuyết. Bồ Tát chưa nào Vô sanh pháp vị mà xa lìa chư Phật cũng lại như thế! Nếu Bồ Tát chưa đủ nhẫn lực, chưa đủ phương tiện, muốn dùng chút ít công đức để ra hóa độ chúng sanh, sự lợi ích tuy có đôi phần, nhưng trái lại chính mình sẽ bị đọa lạc ... - Lại nữa, nếu Bồ Tát mắt thường thấy sắc tướng của Phật, tai thường nghe âm thanh Phật nói, thì tâm sẽ được thanh tịnh, được pháp lạc, được trí tuệ lớn, kế đó y theo lời dạy tu hành tất sẽ mau giải thoát. Gặp Phật được vô lượng sự lợi ích như thế, tại sao không nhất tâm cầu về cõi Phật? Như trẻ thơ không nên rời mẹ, người đi xa không rời lương thực, lúc nóng bức không rời gió nước trong mát, tiết nghiêm hàn không rời sưởi ấm, sang sông không rời thuyền câu, đau bệnh không rời thuốc

hay; Bồ Tát không rời chư Phật còn quá hơn các việc như trên. Tại sao thế? Bởi dù là cha mẹ, hàng thân thuộc, bậc thiện tri thức, ngôi vua chúa, hay các đấng thiên vương, cũng không thể làm lợi ích cho chúng sanh bằng Phật. Chư Phật có đủ năng lực đưa loài hữu tình lìa các cảnh khổ, lần lần tiến tới ngôi vị Thế Tôn ...

- ***Hỏi***: Làm thế nào để thường được gần gũi chư Phật?

- ***Đáp***: Chúng sanh luân hồi từ vô thỉ kiếp, tạo vô lượng tội chướng nhân duyên. Cho nên, dù có tu phước đức, trí tuệ vẫn kém ít; dù có tu trí tuệ, phước đức cũng không được bao nhiêu. Bồ Tát khi cầu Phật đạo, cần phải thực hành sanh nhẫn và pháp nhẫn. Do thực hành sanh nhẫn, đối với tất cả chúng sanh phát tâm từ bi hỷ xả, nên diệt được tội chướng trong vô lượng kiếp, sanh vô thượng phước đức căn lành. Do thực hành pháp nhẫn nên phá hết các vô minh về pháp chấp, sanh vô lượng trí tuệ. Nếu hai hạnh ấy được hòa hiệp, thì đời đời không xa rời chư Phật.

Lại một hạnh: "Ví như chúng sanh tâm dục nặng: thì đọa làm thân dâm điểu; tâm sân nặng thì thọ sanh trong loài độc trùng. Nếu kẻ nào thường niệm Phật, ưa thích cõi Phật, không tham phước báo cõi nhơn thiên, tất sẽ tùy tâm mến trọng của mình, quyết được sanh về Tịnh độ, thường gần gũi chư Phật ..."

Về sau, ngài Long Thọ phú pháp cho tôn giả Ca Na Đề Bà, rồi nhập định như con ve bỏ xác mà hóa.

Trong kinh Lăng Già, về ngài Long Thọ, đức Phật đã có lời huyền ký với Đại Huệ Bồ Tát rằng:

Đại Huệ ông nên biết,
Chứng sơ Hoan hỷ địa,
Đời vị lai sẽ có,

Sau khi ta Niết bàn,
Tôn hiệu là Long Thọ,
Tỳ kheo danh đức lớn,
Duy trì pháp của ta,
Ở nước Nam Thiên Trúc
Trong thế gian hiển ngã,
Phá các tông Hữu, Vô.

Như thế, ngài Long Thọ ứng tích là bậc Sơ địa Bồ Tát bi trí rộng sâu, một thân làm Tổ sư của tám tông, mà vẫn phát nguyện cầu sanh Tịnh độ.

THIÊN THÂN LUẬN SƯ

Luận sư Thiên Thân, tân dịch là Thế Thân, tiếng Phạm tên Vasubandhu *(Bà Tu Bàn Đầu)*, người nước Phú Lủ Sa Phú La. Ngài ra đời ở Ấn Độ sau Phật Niết Bàn 900 năm tại vùng Bắc Thiên Trúc.

Ban sơ, Luận sư xuất gia tu theo phái Tát Bà Đa ở nước A Du Xà, nghiên cứu về Tiểu thừa giáo. Trong thời gian nầy, ngài viết ra 500 bộ luận tuyên dương giáo pháp Tiểu thừa, bác phá Đại thừa. Sau nhờ trưởng huynh là Luận sư Vô Trước khuyến hóa, ngài cảm ngộ hối sự lầm lỗi của mình, muốn cắt lưỡi để tạ tội. Vô Trước can ngăn bảo: "Em đã đem lưỡi ấy hủy báng Đại thừa, nay cũng nên dùng lưỡi ấy để tán dương Đại thừa mới là điều hợp lý. Nếu cắt bỏ đi thì có ích lợi gì đâu!" Ngài nghe lời, từ đó chuyên tinh nghiên cứu về Đại thừa giáo, rồi viết ra 500 bộ luận tuyên

dương pháp sâu rộng của Đại thừa. Do đó, ngài nổi danh về bậc trí tuệ bao la, biện thuyết uyên bác, và được người đương thời tôn xưng là Thiên Bộ Luận sư.

Ngài có viết ra quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng gọi là Vãng Sanh Luận, khai thị về pháp môn Tịnh độ, phần đầu dùng lời kệ khen ngợi rằng:

Thế Tôn, con một lòng,
Quy mạng mười phương Phật,
Vô Ngại Quang Như Lai,
Nguyện sanh về Cực Lạc.
Xin nương theo nghĩa kinh,
Tướng công đức chơn thật,
Nói kệ, nguyện tổng trì,
Hợp với lời Phật dạy.
Quán tướng thế giới kia,
Siêu thắng hơn ba cõi,
Cứu cánh như hư không,
Rộng lớn không ngằn mé.
Đạo chánh, đại từ bi,
Căn lành xuất thế sanh,
Ánh tịnh quang đầy khắp,
Sáng hơn gương nhật, nguyệt,
Đầy các tánh trân bảo,

Đủ sự trang nghiêm mầu,
Ánh vô cấu rực rỡ,
Sáng sạch soi thế gian.
Cỏ công đức chất báu,
Mềm dịu xoay bên hữu,
Xúc chạm sanh vui đẹp,
Hơn lông Chiên lân đà.
Hoa báu ngàn muôn loại,
Đầy khắp mặt suối ao,
Gió nhẹ động cánh hoa,
Ánh sáng giao xen lẫn.
Các lâu đài, cung điện,
Hiện bóng cảnh mười phương,
Cây tạp, ánh sáng lạ,
Lan can báu vây quanh,
Khắp hư không mành lưới,
Vô lượng báu giao xen,
Linh ngọc khua vang tiếng,
Diễn nói pháp âm mầu,
Mưa áo, hoa nghiêm đẹp,
Tỏa vô lượng hương thơm.

Phật huệ như nhật rạng,
Trừ si ám thế gian.
Phạm âm ngộ sâu xa,
Nhiệm mầu vang khắp cõi.
Đấng chánh giác Di Đà,
Pháp vương khéo trụ trì,
Tịnh chúng như hoa sạch,
Hóa sanh từ Đại giác.
Ưa thích pháp nhị mầu,
Thiền định làm thức ăn,
Lìa hẳn não thân tâm,
An vui hằng tự tại.
Cõi căn lành đại thừa,
Không điều chi hềm chê,
Không có kẻ căn thiếu,
Người nữ, giống nhị thừa.
Chỗ chúng sanh ưa thích,
Tất cả đều đầy đủ,
Nên con nguyện vãng sanh,
Về cõi Phật Di Đà.
Đấng Bảo vương Vô Lượng,

Ngồi đài hoa sạch mầu,
Tướng đẹp, ánh rực rỡ,
Sắc tượng vượt muôn loài.
Như Lai tiếng vi diệu,
Phạm âm vang mười phương,
Cùng tứ đại, hư không,
Hòa lẫn không phân biệt.
Chúng trời người bất động,
Từ biển tịnh trí sanh,
Như núi chúa Tu Di,
Tướng đẹp mầu tột bậc,
Tịnh chúng đều cung kính,
Vây quanh chiêm ngưỡng Phật,
Sức bản nguyện Thế Tôn,
Chân thật không trí hơn,
Khiến quần sanh mau đầy,
Biển công đức báu lớn.
Cõi Cực Lạc thanh tịnh,
Thường chuyển Vô cấu luân,
Chư hóa Phật, Bồ Tát,
Đầy, sáng như Tu Di.
Mỗi thời đến mỗi niệm,

Ánh vô cấu trang nghiêm,
Chiếu khắp các Phật hội,
Làm lợi ích quần sanh.
Mưa nhạc trời, áo, hoa,
Cùng hương mầu cúng dường,
Khen công đức chư Phật,
Không còn tâm phân biệt.
Thế giới nào không có,
Báu công đức Phật Pháp,
Con nguyện đều vãng sanh,
Tuyên dương pháp như Phật.
Con viết luận nói kệ,
Nguyện thấy A Di Đà,
Nguyện cùng khắp chúng sanh,
Đồng sanh về Cực Lạc.

Toàn quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận phát huy về sự lợi ích trang nghiêm ở cõi Tịnh độ rất rõ ràng. Về sau Pháp sư Đàm Loan đời Ngươn Ngụy có chú thuật thêm, khiến cho càng tăng phần đặc sắc.

Theo truyện Phú Pháp Tạng: Thiên Thân Luận sư, tức Tôn giả Bàn Tu Bàn Đầu là vị Tổ thứ 21 của Thiền tông bên cõi Tây Thiên. Khi hóa duyên đã mãn ngài gọi Tôn giả Ma Na La đến bảo: "Nay ta đem pháp mầu vô thượng phú chúc cho ngươi. Ngươi hãy cố gắng mà hộ trì". Nói xong, liền vào định mà nhập Niết Bàn.

GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

Đời nhà Minh niên hiệu Sùng Trinh thứ 16, có Bồ Tát dùng phương tiện giáng thần ở Ngô môn, tự xưng là Giác Minh Diệu Hạnh, thường khuyên dạy về Phật pháp. Đến năm Thuận Trị thứ tư đời nhà Thanh, do nhân duyên trước, ngài lại giáng đàn, tùy cơ nói pháp, khai diễn về môn Tịnh độ. Trước tiên, Bồ Tát dùng lời kệ khai thị rằng :

Pháp yếu của chư Phật,
Nhiệm mầu chẳng nghĩ bàn!
Bởi pháp chẳng nghĩ bàn,
Không thể diễn hết ý.
Đấng cha lành Mâu Ni,
Thương xót khắp quần sanh,
Nói chỗ không thể nói,
Dắt kẻ trước người sau.
Lại dùng phương tiện lạ,
Chỉ rõ cõi Cực Lạc,
Bảo phát nguyện vãng sanh,
Vượt ngang ba đường ác.
Bởi Phật A Di Đà,
Nguyện lớn nhiếp muôn loài,
Như nghe danh thọ trì,
Quyết sanh không còn nghi.
Nếu người có đại lực,
Tâm niệm thường chuyên nhất,

Thành tựu tam muội sâu,
Đường Tây phương như tin,
Nay ta y thánh giáo,
Tâm niệm thường chuyên nhất,
Thương các ngươi mê lầm,
Hiện tiền cũng thấy Phật.
Đây chẳng phải duyên nhỏ,
Sắp diễn pháp lợi sanh.

Lúc ấy các tín hữu trong đàn đều cung kính chắp tay yên lặng. Bồ Tát lại dạy tiếp:

- Các ngươi nên biết, môn Niệm Phật đây đích thật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát thẳng tắt nhất của hàng nhơn thiên. Nay các ngươi tuy có lòng tin, tuy thực hành hạnh niệm Phật cầu vãng sanh, nhưng nếu tâm nguyện không chí thiết, thì chẳng khác chi người đi biển gặp được châu báu mà lần lựa về tay không, tất cũng luống nhọc công vô ích! Thuở xưa, nếu ta không nhờ tâm nguyện chí thiết, thì đâu được như ngày hôm nay.

Đời Minh Đế nhà Tấn, ta nguyên là một người bần dân. Trong cảnh quá nghèo khổ, duyên may được nghe biết Phật pháp, ta phát đại nguyện rằng: "Con vì túc nghiệp nên mới chịu quả báo khổ cực nầy. Nếu hiện đời con không được thấy Phật A Di Đà, được sanh về cõi Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức, thì dù cho xả thân, nguyện không thối chuyển". Phát thệ rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tinh nhớ niệm không thôi nghỉ, liền được tâm khai, thấy Phật A Di Đà tướng tốt rực rỡ, ánh sáng soi khắp mười phương. Lúc ấy, trước Phật ta được nhờ ân thọ ký. Đến năm bảy mươi lăm tuổi, ta ngồi niệm Phật thoát hóa, vãng sanh về

Tây phương. Sau khi đắc quả, bởi nguyện độ sanh sâu nặng, ta trở lại cõi nầy tùy phương hiển hóa. Từ đó, hoặc thị hiện làm thân Tỳ kheo, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm vua, hoặc làm quan, hoặc làm người nữ, hoặc làm kẻ ăn xin, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc thuận hoặc nghịch; đều tùy duyên nói pháp, dẫn dắt người mê. Nay ta lại vì các ngươi chỉ rõ lẽ chánh tà, mở bày môn Tịnh độ. Các ngươi phải một lòng một ý, bền tu pháp môn nầy, quyết định sẽ được lợi ích lớn, không còn sợ lầm lạc! Nếu kẻ nào tâm chí bền chắc, thì không đợi sau khi vãng sanh, mà trong đời hiện tại cũng được thấy Phật. Hãy ghi nhớ bài kệ sau đây của ta mà tu tiến:

Nói ít một câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật,
Đánh chết được vọng niệm,
Hiển pháp thân chân thật.

Một tín hữu thưa: - Bạch ngài! Con niệm Phật không được nhất tâm, chẳng biết phải dùng phương tiện nào?

Bồ Tát dạy: - Ngươi nên ngồi yên lặng, dứt hết mọi tư tưởng, từ từ mà niệm. Điều cốt yếu phải làm sao cho tiếng hợp với tâm, tâm hòa cùng tiếng, niệm lâu như thế, tự nhiên sẽ thấy lòng mình trong lặng. Chừng ấy tâm cảnh chiếu sáng, dứt sự đối đãi, chứng vào Niệm Phật tam muội. Nhưng nên nhớ lúc bình nhật cần phải niệm nhiều, từ ngàn cho đến số muôn câu tâm không gián đoạn, thì căn khí mới dễ thành thục. Nếu cưỡng ép muốn cho tâm mau qui nhất, tất trọn không thể được nhất tâm.

Một tín hữu khác lại thưa: - Bạch Bồ Tát! Thế nào là nghĩa: Tâm hành xứ diệt?

Ngài dạy: - Tâm hành xứ diệt là chỗ tuyệt dải, không còn dấu vết của niệm phàm Thánh, là chân tâm thường trú

của Phật. Còn tâm hành xứ hữu là nghiệp tâm hoặc thiện hoặc ác trong vòng sống chết luân hồi của chúng sanh. Vọng tâm nầy nối tiếp nhau không xen hở. Nếu khi niệm Phật ngươi gia công miên mật, không còn mảy may tạp vọng, mới mong được đôi phần tương ứng.

Phải dè dặt, đừng có vừa thật hành được nửa năm hay mười tháng, rồi tự cho là mình đã khổ công tu niệm. Nên biết ý nghĩ tự đắc ấy chính là chỗ chướng đạo! Lại tuy có gia công, nhưng nếu niệm lực chưa được vững như non đồng vách sắt, xô không ngã, lay chẳng động, thì sức niệm vẫn chưa thành một khối. Phải tu tập liên tục, đừng nên thấy có chút ảnh hưởng liền dừng nghỉ. Đó là lỗi "Bán đồ nhi phế" khiến cho công phu trước luống uổng, không được mảy may lợi ích chi. Đây là căn bịnh lớn của người học đạo, cần phải lưu ý. Nên biết rằng: Phật pháp như bể cả, càng vào càng rộng sâu, quyết không thể dùng chút ít tri kiến mà thấu hiểu hết được. Sự tu tập cần phải trọn đời, dụng công đến chỗ non cùng nước tận, chớ có quan niệm xem thường!

Khi ấy, ông Cố Định Thành đứng lên xin thỉnh giáo thêm về phương thức niệm Phật.

Ngài bảo: - Nầy thiện nam tử! Tâm thể vốn ly niệm, vọng niệm từ tư tưởng mà sanh. Tư tưởng ấy nguyên giả dối, khiến cho người lưu chuyển trong vòng sanh tử. Ngươi nên biết một câu A Di Đà Phật đây, chẳng từ tưởng mà sanh, không theo niệm mà có, chẳng trụ trong ngoài, không có hình dáng. Niệm như thế thì dứt các vọng tưởng, cùng với chân thân nhiệm mầu thanh tịnh của Như Lai, chẳng đồng chẳng khác, không thể phân biệt. Niệm như thế thì phiền não trần lao không dứt không buộc, chỉ là nhất tâm.

Được như thế mới gọi là ***CHẤP TRÌ DANH HIỆU***, mới gọi là nhất tâm bất loạn. Chừng ấy công tịnh nghiệp thành tựu, bước thẳng lên ngôi thượng phẩm. Nay ngươi nên phát nguyện lớn, cầu sanh về Cực Lạc, rồi chí thành cảm thiết xưng niệm A Di Đà Phật. Phải quyết ý khiến cho tiếng nương theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm cùng tiếng hợp nhau. Dụng công như thế lâu ngày không để sơ thất, chăm chú như mèo rình chuột, tất sẽ được vào Chánh ức niệm tam muội. Nếu muốn tu tiến thêm, phải tham cứu nhiều hàng tri thức, rộng hỏi các bậc cao minh, tất sẽ tỏ ngộ được ý mầu ***TỨC TÂM THÀNH PHẬT***.

Kế tiếp cư sĩ Vô Hủ thưa thỉnh: - Bạch ngài! Xin từ bi chỉ dạy cho con phần khái yếu về sự tu tập. Từ lúc bình nhật cho đến khi lâm chung, con phải hành trì như thế nào?

Bồ Tát nói: - Đại để người tu tịnh nghiệp khi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc khởi cư ăn uống đều nên hướng về phương Tây. Như thế cơ cảm mới dễ thành, căn cảnh mới dễ thục. Trong thất chỉ nên cúng một tượng Phật, một pho kinh, một bàn thờ, một lư hương, một bàn, một ghế, chẳng nên để nhiều đồ vật khác. Ngoài sân cũng phải quét dọn trống trải sạch sẽ để đi kinh hành niệm Phật cho thuận tiện. Nên giữ tâm mình vắng lặng không vướng một mảy tơ, muôn niệm đều quên, trong không thấy thân, ngoài không biết cảnh. Cũng không nghĩ đến hành động hôm nay của ta đây là việc tu hành. Như thế thì cùng với đạo ngày càng gần, với đời ngày càng xa, có thể thành tựu tịnh nghiệp. Nếu lúc bình thời ngươi rũ sạch được muôn duyên, một lòng niệm Phật; thì khi lâm chung mới có thể không còn quyến luyến đến gia đình sự nghiệp, vui vẻ thanh thoát mà đi. Đấy há chẳng phải là tác phong của bậc đại trượng phu ư! Ta bảo như thế

là muốn cho ngươi chuyên chí tu hành, không còn vướng bận điều chí. Và đây chính là điều kiện rất quan trọng, thiết yếu!

Đến như pháp tu Tịnh độ, vẫn không ngoài hai chữ ***Chuyên*** và ***Cần***. Chuyên thì không quản đến việc chi khác. Cần thì không bỏ phí một phút giây.

Từ nay mỗi sáng sớm thức dậy, sau khi lễ Phật, ngươi nên tụng một quyển kinh A Di Đà, rồi tùy sức niệm Phật. Kế đó quỳ đọc bài văn "*Một lòng Quy mạng ...* " để phát nguyện hồi hướng, vì bài văn ấy lời giản dị mà ý đầy đủ. Ban sơ thân tâm chưa yên, mỗi ngày chỉ khóa tụng hai thời, kế đó thì tăng lên đến bốn thời, nếu có thể, lên đến sáu thời. Ngoài ra thì niệm thả không ký số, hoặc niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, chỉ nhiếp tâm chuyên nhớ mà thôi.

Lại, phép trì danh cần phải mỗi chữ mỗi câu, rành rẽ rõ ràng, tâm và tiếng hòa hợp nương nhau, không xen lẫn mảy may tư tưởng tạp vọng. Niệm như thế lâu ngày, công lực sẽ tự thành thục, quyết định được sanh về cõi Liên bang. Chừng ấy ngồi tòa sen báu lên Bất thối luân, tự tại giải thoát, há chẳng phải là điều đáng hoan hỷ ư? Nên cố gắng! Cố gắng!

Bồ Tát giáng thần thuyết pháp, trước sau kể có 24 hội. Các đệ tử của ngài là bọn ông Thường Nhiếp thay phiên ghi chép, kết hợp thành bộ Tây Phương Xác Chỉ, khắc bản lưu truyền.

LỜI PHỤ

Phần thánh nhơn khuyến hóa, gồm có sự tích và lời dạy của chư thánh: - Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni, đức Đạo sư A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kỳ Bà Ca Tôn giả, Mã Minh Đại sĩ, Long Thọ Đại sĩ, Thiên Thân Luận sư, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát. Trong đây, vì chọn phần giảng yếu, bút giả chỉ diễn dịch lại sự và lời của bốn vị sau cùng mà thôi. Để kết thúc phần nầy, Ấn Quang Pháp sư có ghi lời bình chú như sau:

- Kinh Duy Na nói: "Tuy biết các cõi Phật. Cùng chúng sanh đều không. Mà thường tu Tịnh độ. Để giáo hóa quần sanh".

Sở dĩ như thế, vì các bậc đại thừa Bồ Tát không vị nào chẳng lấy tâm Bồ đề làm căn bản, và tu Tịnh độ làm trang nghiêm. Bởi nếu không như thế, thì chẳng làm sao đầy đủ mười hạnh nguyện Phổ Hiền được. Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới nói: "Các bậc đại Thanh văn vì không tán dương công đức thanh tịnh của mười phương Tịnh độ, vì không khen ngợi các sự thần biến của chư Phật Thế Tôn, vì không được các trí tuệ thần thông nghiêm tịnh cõi Phật, nên nơi hải hội Hoa Tạng Hoa Nghiêm tuyệt không nghe không thấy".

Thế thì biết, nếu hàng phàm phu nào có thể phát tâm trong sạch, hồi hướng về Tịnh độ, tất công đức sẽ hơn các bậc đại Thanh văn kia quá bội trăm ngàn muôn ức lần. Kẻ ấy quyết định mau được vào cảnh giới Hoa Nghiêm Bất Tư Nghị.

Cũng trong kinh Hoa Nghiêm, đức Văn Thù Sư Lợi bảo Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng các bậc Đại thiện tri thức. Trước tiên, Đồng tử tham học với ngài Đức Vân được nghe dạy về pháp môn Niệm Phật. Sau rốt, khi Thiện Tài đến thưa thỉnh, Phổ Hiện Bồ Tát cũng đem mười đại nguyện vương khuyên ngài và tất cả đại chúng ở Hoa Tạng thế giới, gồm 51 giai vị: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác đều nên phát tâm tu mười đại nguyện vương ấy, hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Xem đấy thì biết môn Tịnh độ cao thâm bao quát đến ngần nào! Tiếc thay cho những vị chỉ biết giảng triết lý thiên thông, cao đàm luận vô tướng, rồi xem thường chê bai người niệm Phật. Những vị ấy trí tuệ quả thật có hơn đức Văn Thù, Phổ Hiền chăng?

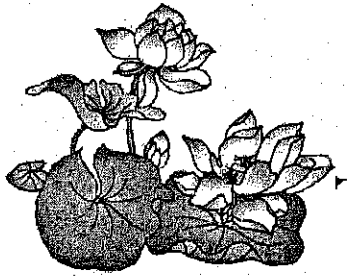

PHẦN HAI

LIÊN TÔNG CHƯ TỔ

HUỆ VIỄN ĐẠI SƯ

(Liên Tông Sơ Tổ)

Huệ Viễn đại sư họ Cổ, nguyên quán xứ Lâu Phiền ở Nhạn Môn thuộc tỉnh Sơn Tây. Ngài sanh tại Thạch Triệu, năm Giáp Ngọ, vào niên hiệu Diên Hy đời vua Thành Đế nhà Tấn. Cả song thân đều khuyết danh.

Thuở ấy, còn gọi là thời Ngũ Hồ, mặc dù có nhiễu nhương, nhưng các tư tưởng học thuyết Thánh Hiền lan rộng đã lâu, nên từ bé ngài đã thấm nhuần nề nếp thuần phong đạo đức.

Niên hiệu Hàm Hòa thứ 9, ngài lên mười ba tuổi được song thân cho du học ở miền Hứa Lạc. Không bao lâu, từ Nho giáo đến các học thuyết Lão, Trang cùng Bách gia chư tử, ngài đã thông biện đến mức siêu quần.

Trong niên hiệu Cảnh Bình, vừa 21 tuổi, cảm thấy các học thuyết sở đắc của mình không thể giải quyết được vấn đề sống chết luân hồi, mà trong tâm hằng thao thức, ngài cùng ẩn sĩ Phạm Tuyên Tử định du phương tìm đạo. Nhưng

lúc ấy vì có loạn Thạch Hồ, đường giao thông bị trở ngại, nên ý nguyện không thành.

Thời gian sau, có Đạo An Pháp sư trú tại chùa Nghiệp Trung ở núi Thái Hàng thuộc dãy Hằng Sơn, vân tập tăng chúng giảng dạy kinh điển. Các hàng đạo tục, vua quan sĩ thứ đều cảm hóa hướng về. Ngài nghe danh mến đức, tìm đến xin quy y, nương theo tu học.

Sau khi nghe Pháp sư giảng kinh Bát Nhã, ngài suốt thông tỏ ngộ than rằng: "Phật pháp quả thật cao diệu bao la, xét lại học thuyết của Khổng, Mạnh, Lão, Trang khác nào như tro tàn cặn bã!" Từ đó, ngài chuyên tâm hôm sớm đọc tụng, suy nghĩ, tu tập. Đạo An thấy biết khen ngợi: "Về sau Phật pháp lưu thông ở Đông Độ, âu là do Huệ Viễn nầy chăng?"

Niên hiệu Thái Nguyên thứ 6, đại sư du hóa tới Tầm Dương, thuộc tỉnh Giang Tây, xa trông cảnh Lô Sơn rộng rãi thanh u, phải nơi hành đạo, mới đến lập tinh xá nương ở. Thấy chỗ đó thiếu nước, vả lại bấy giờ tại bản xứ gặp cơn nắng hạn, các dòng suối đều cạn khô, ngài phát tâm từ bi đến khe núi tụng kinh Hải Long Vương; cầm tích trượng động xuống đất khẩn nguyện. Bỗng có con Bạch long từ dưới đất bay vọt lên hư không. Giây phút mưa to xối xả, mực nước các nơi đều trở lại bình thường, tại đó xuất hiện dòng suối mát mẻ trong xanh, quanh co uốn chảy. Vì hiện tượng nầy, ngài lấy hiệu Tinh xá là Long Tuyền. Lúc ấy Pháp sư Huệ Vĩnh, một bạn đồng môn, trước đã trụ chùa Tây Lâm bên phía Tây Lô Sơn, muốn mời ngài về cùng ở. Nhưng pháp duyên của Huệ Viễn đại sư thạnh, học giả nương về ngài càng ngày càng đông, cảnh Tây Lâm đất hẹp, không thể lập đạo tràng dung chúng. Quan Thái Sử

Hoàn Y thấy thế, phát tâm cất chùa cho ngài bên phía Đông Lô Sơn. Do uy đức của đại sư, khi sắp khởi công kiến tạo, vào một đêm nọ bỗng có cơn mưa giông to lớn, sấm sét vang trời. Sáng ra, đại chúng thấy vật liệu xây cất, như các thứ gỗ to quí và cát đá chất thành đống. Bởi nhờ sức thần linh vận chuyển giúp công như thế, nên ngôi chùa ấy có tên Đông Lâm Thần Vận Tự.

Khi ngôi lan nhã hoàn thành, đại sư đốc suất chúng ngày đêm tinh tấn hành đạo. Trước thời gian ấy, tại Quảng Châu có các ngư dân, vào buổi hoàng hôn, thấy ánh sáng xuất hiện trên mặt biển. Họ cùng đến tìm xem, và vớt được một tôn tượng Văn Thù Bồ Tát rất đẹp, liền đem trình với quan Thái thú sở tại là Đào Khản. Tượng nầy được tôn trí tại chùa Hàn Khê. Sau đó, vị trụ trì nhân có việc xuống Hạ Khẩu, ban đêm mộng thấy ngôi bản tự bị hỏa hoạn, chỗ thờ đức Văn Thù có nhiều Long thần ủng hộ vây quanh. Ông vội vã trở về, quả thật ngôi chùa đã bị lửa thiêu tàn rụi, chỉ có pho tượng là còn nguyên. Về sau Đào Công sắp đi trấn nhậm nơi khác, nhân thấy tôn tượng rất linh thiêng muốn đem theo, nhưng dùng đủ mọi cách mà vẫn không di chuyển được. Nghe danh đức của ngài Huệ Viễn ông đến viếng thăm, nhân tiện thuật lại mọi việc, và nhờ đại sư chú nguyện để cung thỉnh tôn tượng về thờ tại chùa Đông Lâm. Lần nầy, khác hơn trước, long thiên đều ủng hộ, một cơn gió nhẹ thổi đến làm cho tôn tượng bỗng nhiên lay động, cuộc di chuyển rất thuận tiện dễ dàng. Tượng được tôn trí một nơi trang nghiêm riêng biệt tại Đông Lâm, gọi là Văn Thù Các.

Trước chùa, để cảnh trí thêm phần trang nhã và muốn phân định thời khắc, đại sư cho đào ao trồng hoa sen trắng,

trên mặt nước thả 12 cánh sen gỗ, dẫn nước suối ra vào. Cứ mỗi giờ nước chảy đẩy qua cánh sen gỗ. Đại chúng y theo đó định thời khóa tu hành, gọi là Liên Lậu.

Lần lượt, các bậc cao tăng, những hàng danh sĩ, mến đạo phong của Huệ Viễn đại sư, đến xin dự chúng tu tập, mỗi ngày thêm nhiều. Trong đây có những vị lỗi lạc tài hoa, như nhóm ông Tạ Linh Vận, trước kia thường nhìn thiên hạ bằng đôi mắt trắng. Nhưng khi gặp đại sư, bỗng liền đổi thành thái độ khiêm cung trước đạo phong an điềm giải thoát, và lời luận biện cao nhã thông suốt của ngài.

Khu vực Lô Sơn có rất nhiều rắn độc, từ trước đã làm nguy hại đến tánh mạng dân cư ở vùng ấy. Nhưng từ khi có chùa Đông Lâm, các loài rắn dữ đều trở nên hiền lành, ngày lẫn đêm thường vây quanh đại sư để nghe giảng kinh. Bởi trường hợp nầy, đại sư được người đương thời tôn hiệu là Bích Xà Thánh giả.

Thỉnh thoảng lại có những bậc danh tài bá lãm, tìm đến vấn nạn ngài. Trong ấy đại để như Pháp sư Huệ Nghĩa, cho đến quan Thái úy Hoàn Huyền. Nhưng khi tiếp kiến gương mặt rộng rãi uy nghiêm, phong thái trầm tĩnh tự tại của đại sư, các vị ấy bỗng nhiên mất tự chủ xuất hạn đầm đìa, rồi rút lui không dám tranh biện. Ra ngoài họ đều kinh ngạc than thở: "Huệ Viễn đại sư có uy lực nhiếp chúng rất lạ lùng, thật đáng nể phục!".

Niên hiệu Long An thứ ba và đầu năm Nguyên Hưng đời Đông Tấn, quan Phụ chính Hoàn Huyền lần lượt gởi cho ngài hai văn kiện bãi đạo và thanh lọc hàng ngũ xuất gia. Nội dung của văn kiện gồm nhiều lý lẽ đề cập đến việc không lợi ích cho quốc gia, và sự hoang đường thiếu thiết thật của Phật giáo. Thời gian ấy, tăng chúng trong toàn

quốc bị đạo luật nầy chi phối, nhiều vị phải hoàn tục. Đại sư đều tuần tự phúc đáp bằng lời lẽ vững mạnh thích đáng, khiến cho đạo luật đó không thể ứng dụng được tại tỉnh Giang Tây.

Trong niên hiệu Nghĩa Hy, An Đế từ Giang Lăng xa giá đến Giang Tây, Trấn Nam tướng quân Hà Vô Kỵ yêu cầu ngài đích thân nghinh tiếp đức vua. Đại sư lấy cớ đau yếu từ khước không bái yết. Đến năm Nguyên Hưng thứ hai, Hoàn Huyền lại gởi văn thư cho ngài, với nhiều lý luận bắt buộc hàng Sa môn phải lễ bái quốc vương. Đại sư soạn văn thư phúc đáp, và quyển Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận gồm 5 thiên để hồi âm. Triều đình đều nể trọng và phải chấp nhận quan điểm của ngài.

Đạo đức, sự linh cảm và công hộ trì Phật pháp của đại sư còn rất nhiều, nơi đây chỉ thuật lại phần khái quát. Những điểm nầy trong vô hình đã khiến cho tỉnh Giang Tây biến thành trung tâm Phật hóa tại miền Nam.

Ở Đông Lâm nhân khi rỗi rảnh, đại sư họp chúng lại bảo: "Chư vị đến đây niệm Phật, phải chăng đều cùng quyết chí gieo nhân lành cầu về Tịnhh độ ư?" Nhân cơ duyên đó, ngài cùng đại chúng cho mời thợ khéo chiếu y theo kinh điển, tạo tượng Tây phương tam thánh. Ba tôn tượng Di Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí khi tạo thành, rất cao lớn tươi đẹp, có đủ nét tướng uy đức trang nghiêtn. Tượng tam thánh ấy được phụng cúng ở Bát Nhã Đài tại Đông Lâm. Vào tiết Mạnh Thu năm Mậu Thìn, nhằm ngày lạc thành tôn tượng, đại sư cùng tất cả chúng kết lập Bạch Liên Xã, nguyện đồng sanh về cõi Liên bang. Khi ấy, ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Các danh sĩ như nhóm ông Vương Kiều Chi lại viết thành tập thơ, lấy

tên Niệm Phật Tam Muội để tỏ bày ý chí. Đại sư vì làm lời tựa như sau:

"Tam muội là thế nào? - Chính là nhớ chuyện, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyện, thì chí một tâm đồng. Tưởng lặng, thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí soi ngộ đến lý nhiệm mầu. Thần sáng thì không chỗ u-vi nào chẳng thấu. Hai điểm nầy tự nhiên thầm hợp nương về, mà phát sanh ra diệu dụng.

Lại, các môn Tam muội, danh mục rất nhiều, công cao dễ tu, Niệm Phật là thắng. Tại sao thế? Vì cùng nơi huyền tịch, mới hiệu Như Lai, thể hợp với thần, mười phương ứng hiện. Thế nên, khi vào tam muội, lặng lẽ vong tri, trí sáng chiếu cảnh duyên, gương lòng bày muôn tượng. Chỗ mắt tai không đến được, mà vẫn thấy vẫn nghe. Nơi linh trí lặng sáng thanh, nên hằng thông hằng suốt. Nếu chẳng phải bậc căn cơ linh mẫn, thì làm sao vào được cảnh diệu huyền ư?

Hôm nay, cùng chư hiền tu tập, đồng nương kết pháp duyên. Rửa lòng cửa Phật, những e còn kém duyên sen. Chuyên ý sớm hôm, cảm nỗi tháng ngày chẳng lại. Chí nguyện ba thừa thông suốt, bước đạo tiến cao. Lòng mong dìu dắt người sau, lối tranh tẩy sạch.

Xin xem thiên bài mà thấu ý, đừng theo văn vịnh để vui tâm"

Đại sư vì thấy miền Đông Nam kinh tạng còn thiếu nhiều, nên sai đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lĩnh cùng nhiều vị khác vượt ngọn Thông Lãnh sang Tây Thiên, tìm thỉnh các thứ kinh Phạm bản. Trải nhiều năm vượt suối băng ngàn, dãi nắng dầm sương, chịu đủ mọi nỗi khó khăn trở ngại, đoàn thỉnh kinh từ Tây Vức mới trở về, mang lại nhiều kết quả mong muốn. Tuy nhiên, nguyên bản còn là chữ Phạm,

Huệ Viễn đại sư phải cho người đến Trường An thỉnh Tôn giả Phật Đà Bạt La, hợp cùng những vị khác đến Lô Sơn phiên dịch các kinh điển ấy. Đại sư lại viết thư thỉnh cầu Tôn giả Đàm Ma Lưu Chi, người Tây Trúc dịch thành bộ Thập Tụng Luật. Thời ấy, những kinh luật lưu hành từ Lô Sơn, có gần đến trăm thứ.

Tuy xiển dương Tịnh độ, đại sư vẫn lưu tâm đến các pháp môn khác, viết nhiều bài tựa về kinh luận, và hoàn thành mấy tác phẩm như sau:

1. ***Đại Trí Luận Yếu Lược*** *(20 quyển)*
2. ***Pháp Tánh Luận***
3. ***Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận***
4. ***Đại Thừa Nghĩa Chương*** *(3 quyển)*
5. ***Thích Tam Bảo Luận***
6. ***Minh Báo Ứng Luận***
7. ***Sa Môn Đản Phục Luận***
8. ***Biện Tâm Thức Luận***
9. ***Phật Ảnh Tán***
10. ***Du Lô Sơn Thi***
11. ***Lô Sơn Lược Ký***
12. ***Du Sơn Ký***

Ngoài ra còn nhiều văn thư biện luận về Phật pháp giữa đại sư với ngài Cưu Ma La Thập, cùng các ông Lưu Di Dân, Đới An và những hàng tấn thân, đều được người đương thời truyền tụng. Trong bộ Pháp Tánh Luận, đại sư phát minh lý ***NIẾT BÀN THƯỜNG TRÚ***. Khi bộ luận nầy truyền đến Quan Trung, Pháp sư Cưu Ma La Thập xem được, khen rằng: "Lành thay! Huệ Viễn đại sư cư ngụ vùng biên phương, chưa đọc kinh Đại Niết Bàn, mà lời luận lại

thầm hợp với chân lý. Ấy chẳng phải là điều kỳ diệu hay sao?"

Bạch Liên Xã do đại sư thành lập, quy tụ hơn ba ngàn người, trong đây có 123 vị được tôn là HIỀN. Trong 123 vị hiền nầy, lại có 18 bậc thượng thủ gọi Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, gồm các ngài như sau:

1. Huệ Viễn Đại sư
2. Huệ Vĩnh Pháp sư
3. Huệ Trì Pháp sư
4. Đạo Sanh Pháp sư
5. Phật Đà Gia Xá Tôn giả
6. Phật Đà Bạt Đà La Tôn giả
7. Huệ Duệ Pháp sư
8. Đàm Thuận Pháp sư
9. Đạo Kính Pháp sư
10. Đàm Hằng Pháp sư
11. Đạo Bính Pháp sư
12. Đàm Tiên Pháp sư
13. Danh sĩ Lưu Di Dân
14. Danh sĩ Lôi Thứ Tôn
14. Danh sĩ Tôn Bính
16. Danh sĩ Vương Dã
17. Danh sĩ Vương Thuyên
18. Danh sĩ Châu Tục Chi

Đại sư ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, chân không bước ra khỏi núi. Ngài khước từ mọi sự liên lạc không cần thiết với đời, nguyện giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Khi có khách đến viếng, lúc ra về, đại sư chỉ tiễn chân tới cầu suối Hổ Khê trước chùa rồi trở vào. Có một lần hai danh nhân là nho sĩ Đào Uyên Minh và đạo gia Lục Tu

Tĩnh tìm đến yết kiến. Vì cơ luận khế hợp, khi đưa khách ra về, bất giác đại sư bước ra khỏi cầu suối hồi nào không hay. Vừa lúc ấy, ánh tịch dương chợt rọi đến, in bóng người bên vách núi. Cả ba như bừng tỉnh, đứng lại nhìn nhau cả cười, rồi chia tay tạm biệt. Người sau dựng Tam Tiếu Đình tại nơi đây để lưu niệm. Trong Tây Phương bách vịnh, Nhất Nguyên đại sư có biên ký điều trên như sau:

Tây phương cổ giáo Thế Tôn tiên
Đông độ khai tông hiệu Bạch Liên
Thập bát đại hiền vi thượng thủ
Hổ Khê tam tiếu chí kim truyền.

Tạm dịch:

Tây phương Phật dạy trước tiên
Truyền sang Đông độ Bạch Liên mở đàng
Mười tám hiền, học hạnh toàn
Hổ Khê dường hãy còn vang tiếng cười.

Ở Đông Lâm, hôm sớm đại sư hằng lặng lòng quán tưởng, chuyên chí về Tịnh độ, đã ba phen thấy thánh tướng mà trầm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ mười hai, đêm ba mươi tháng bảy, ngài ngồi tịnh nơi Bát Nhã Đài. Lúc vừa mở mắt xuất định, bỗng thấy Phật A Di Đà thân sắc vàng đầy khắp hư không. Trong ánh viên quang hiện vô số hóa Phật, mỗi vị đều có Quán Âm, Thế Chí hầu hai bên tả hữu. Lại thấy nước chảy chia thành mười bốn ngọn quanh lộn lên xuống, phóng ra những tia sáng đẹp, diễn nói các pháp: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đức Phật bảo ngài rằng: "Ta dùng sức bản nguyện đến đây an ủi ngươi. Sau bảy ngày, ngươi sẽ được sanh về Cực Lạc". Đại sư lại thấy các bạn đồng tu ở Liên Xã đã viên tịch trước, như các ông: Phật Đà Da Xá,

Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân ... đều đứng phía sau Phật. Các vị ấy bước đến trước, chắp tay chào và nói: "Ngài phát tâm sớm hơn chúng tôi nay sao lại về muộn như thế?"

Hôm sau, đại sư cảm bịnh nhẹ, gọi đệ tử là Pháp Tịnh, Huệ Bảo đến thuật lại và nói: "Ta ở Lô Sơn nầy, trong mười một năm đầu, đã ba lần thấy thánh tướng cùng các kỳ tích. Nay lại có điềm như thế, tất duyên sanh Tịnh độ đã đến thời kỳ!" Rồi dặn bảo các việc sau, soạn quy chế để răn nhắc đại chúng cùng nhau sách tiến tu tập.

Trong thời gian đại sư lâm bịnh, chư tăng khuyên ngài phương tiện dùng thuốc rượu để điều trị. Đại sư khước từ bảo: Thân người như huyễn, nguyện giữ giới luật hoàn toàn thanh tịnh. Các đại đức lại thỉnh ngài dùng nước cơm, đại sư nói không thể được, vì đã quá ngọ. Chư trưởng lão yêu cầu ngài tạm dùng mật. Đại sư bảo hãy dở luật tìm xem có đề cập đến điều nầy hay không? Các luật sư tra cứu chưa xong, ngài đã viên tịch. Lúc ấy nhằm ngày mùng 6 tháng 8 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hy thứ mười hai. Đại sư thọ 83 tuổi.

Quan Thái thú Tầm Dương là Nguyễn Bảo cùng đại chúng làm lễ an táng và xây tháp ngài tại phía tây Lô Sơn, Vua An Đế nhà Tấn hay tin rất thương tiếc, sắc phong cho đại sư thụy hiệu: "Lô Sơn Tôn giả, Hồng Lô Đại Khanh. Bạch Liên Xã Chủ". Các vua đời sau đều có phong tặng để cảm niệm công đức hộ pháp an dân của ngài.

THIỆN ĐẠO ĐẠI SƯ

(Liên Tông Nhị Tổ)

Thiện Đạo đại sư, người đời nhà Đường, chưa am tường được xuất xứ. Trong niên hiệu Trinh Quán, nhân thấy bài văn Tịnh Độ Cửu Phẩm Đạo Tràng của Đạo Xước thiền sư ở Tây hà, ngài rất mừng bảo: "Đây mới thật là cửa mầu đi vào cảnh Phật. Tu các hạnh nghiệp khác xa vời quanh quất khó thành, duy pháp môn nầy mau thoát sanh tử!"

Từ đó ngài siêng cần tinh khổ sớm hôm lễ tụng. Ít lâu sau lại đến kinh sư khuyến khích tứ chúng niệm Phật. Mỗi khi ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa đến lúc kiệt sức, quyết không chịu thôi nghỉ. Lúc ra thất, lại vì đại chúng mà diễn nói pháp môn Tịnh độ. Hơn ba mươi năm, đại sư vừa hóa đạo vừa chuyên tu, chưa từng ngủ nghỉ. Hằng ngày, thường nghiêm trì giới hạnh không thể sai phạm một mảy may. Khi được cúng dường thức ăn ngon quí, ngài đem dâng cho đại chúng, còn phần mình chỉ dùng thứ thô dở mà thôi. Tài vật của đàn tín cúng cho, ngài dùng tả hơn mười muôn quyển kinh A Di Đà, họa cảnh Tịnh độ được 300 bức. Ngoài ra, thì dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thắp đèn nối sáng, không chứa để dư.

Kẻ đạo người tục quy hướng theo đức hóa của ngài, niệm Phật rất nhiều kể đến số hàng vạn. Nhóm nầy thì tụng kinh A Di Đà từ mười vạn đến 50 vạn biến. Nhóm khác mỗi ngày đêm niệm Phật từ một muôn đến mười muôn câu.

Trong đó những người hiện tiền chứng tam muội, lúc lâm chung được thoại ứng vãng sanh, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi: "Niệm Phật quyết chắc được vãng sanh chăng?" Ngài đáp: "Như ông tin tưởng và thực hành chắc chắn sẽ được toại nguyện!" Nói xong, ngài tự niệm: Nam Mô A Di Đà Phật, liền có một tia sáng từ trong miệng phóng ra. Kế lại liên tiếp từ 10 đến 100 câu, mỗi câu đều có ánh sáng quang minh dài phóng ra nối nhau khiến sáng rực cả chùa. Sự thần dị nầy truyền đến Đế kinh, vua Cao Tôn nghe được phụng tứ một tấm biển sắc tặng hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Đại sư có bài kệ khuyến tu như sau:

Da mồi tóc bạc lần lần,
Lụm cụm bước run mấy chốc.
Dù sang vàng ngọc đầy nhà,
Vẫn khổ suy già bịnh tật.
Ví hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất?
Duy có đường tắt thoát ly,
Chỉ niệm A Di Đà Phật!

Có người gạn: - Sao Hòa thượng không dạy người quán tưởng Phật, mà chỉ bảo chuyên trì danh?

Ngài đáp: - Chúng sanh đời nầy phần nhiều chướng nặng thâm thô, thức thần tán động mà cảnh Tịnh độ thì rất tế diệu, nên quán tưởng khó thành. Vì thế đức Phật xót thương, khuyên thẳng nên xưng danh hiệu. Chính vì xưng danh là hạnh dễ làm, nếu cứ giữ mỗi niệm nối nhau tu như thế suốt đời, thì mười kẻ niệm mười kẻ được vãng sanh, trăm người tu trăm người về Tịnh độ. Tại sao thế? – Vì không duyên tạp bên ngoài, nên dễ được chánh niệm. Vì

cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái với kinh giáo. Vì muốn theo lời Phật và chư thánh chỉ dạy.

Nếu bỏ chuyên niệm mà tu xen tạp những hạnh khác, thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn kẻ vãng sanh. Bởi tại sao? – Vì duyên tạp loạn động khiến cho mất chánh niệm. Vì không hợp với bản nguyện của Phật A Di Đà. Vì trái với kinh giáo và lời Phật thánh. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì tâm không thường nhớ ơn Phật. Vì tuy hành đạo mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích theo duyên tạp, làm chướng chánh hạnh vãng sanh của mình và người.

Gần đây, hàng đạo tục kiến giả không đồng, kẻ thích chuyên tu, người ưa tạp hạnh. Xin khuyên nhắc: Nếu chuyên niệm Phật, tất mười người đều được vãng sanh. Như tạp tu mà không chí tâm, thì trong ngàn người khó mong được một. Nguyện tất cả đều nên chín chắn tự suy xét kỹ!

Lại người niệm Phật đi đứng nằm ngồi, phải cố gắng nhiếp tâm ngày đêm chớ rời thánh hiệu, thề quyết giữ đến hơi thở cuối cùng. Như thế tới lúc mãn phần, niệm trước vừa thọ chung, niệm sau liền sanh Cực Lạc. Từ đây vĩnh viễn hưởng sự vui pháp lạc vô vi cho đến khi thành Phật, há chẳng đáng mừng ư?

Đại sư cũng từng dạy phương pháp giữ vững chánh niệm trong lúc lâm chung như sau:

- Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh độ, thì điểm cần yếu là đừng nên sợ chết. Phải thường nghĩ thân nầy nhơ nhớp, biết bao điều khổ lụy trói vây! Nếu bỏ được thân huyễn hôi nhơ, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú,

hưởng vô lượng sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đổi lấy đồ trân phục, còn điều chi đáng thích ý bằng! Nghĩ như thế, buông hẳn thân tâm, không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bịnh liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó chỉ là chuyện bông lông vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết, lúc mình bịnh ngặt sắp chết, đừng rơi lệ thương khóc, hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu làm kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến sau khi tắt hơi. Nếu lại được bậc tri thức hiểu rành về Tịnh độ, thường đến nhắc khuyên thật là điều hạnh! Như lúc lâm chung biết áp dụng phương pháp nầy tất sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ chi nữa.

Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý suy và ghi nhớ kỹ!

Một hôm, đại sư bỗng bảo người rằng: "Thân nầy đáng chán, ta sắp về Tây!" Nói xong leo lên cây liễu trước chùa, chắy tay hướng về Tây chúc nguyện rằng: "Xin Phật và Bồ Tát tiếp dẫn con, khiến cho không mất chánh niệm, được sanh về Cực Lạc!" Nguyện xong, gieo mình xuống nhẹ nhàng như chiếc lá rơi, ngồi kiết già ngay thẳng trên mặt đất.

Đại chúng vội chạy đến xem thì ngài đã tắt hơi viên tịch.

LỜI BÌNH:

- Các bậc tu thiền đắc đạo, muốn biểu hiện sự sống chết tự tại, có vị đứng mà hóa, có vị trở ngược đầu xuống đất đưa hai chân lên trời mà viên tịch. Nếu chưa phá tan ngũ uẩn, khi từ trên cao rơi xuống, dù bậc phục hoặc phát ngộ cũng khó giữ vững được chánh niệm. Hành động của Thiện Đạo đại sư, từ trên cây cao gieo mình xuống đất ngồi kiết già mà hóa, là biểu hiện sự sống chết tự tại, tùy niệm vãng sanh một cách tuyệt mức. Đại sư muốn ngầm khai thị: niệm Phật được nhất tâm chứng ngộ, thì Tịnh tức là Thiền vậy.

THỪA VIỄN ĐẠI SƯ

(Liên Tông Tam Tổ)

Thừa Viễn đại sư, người đời Đường, nguyên quán từ đâu, chưa rõ được xuất xứ. Ban sơ, ngài theo học với Đường thiền sư ở Thành Đô, kế lại học với Tản thiền sư ở Tứ Xuyên. Sau ngài đến Kinh Châu tham học với Chân Pháp sư ở chùa Ngọc Tuyền.

Sau khi học nghiệp đã xong, tu hành đã ngộ, Chân Công khuyên ngài nên đến Hoành Sơn để ứng duyên hoằng hóa. Trước tiên khi mới đến, đại sư cất thảo am dưới gộp đá phía Tây Nam non Hoành. Người đạo tâm hay biết, đem cúng cho thức ăn thì ngài dùng, hôm nào

không có thì ăn bùn đất, tuyệt không hề đi quyên xin. Khổ tu như thế, đến nỗi mình gầy mặt nám, trên thân chỉ còn một chiếc y cũ rách.

Về phần truyền giáo, đại sư đứng theo lập trường Trung đạo, tùy căn cơ mỗi người mà quyền biến chỉ dạy. Thấy cư dân quanh vùng phần nhiều nghèo khổ tật bịnh, ngài rộng truyền pháp môn Tịnh độ, khuyên mọi người đều nên niệm Phật. Trến đá, nơi gốc cây, ven đường, nơi tường vách, bên hang đá hoặc suối khe, đại sư đều có viết lời thánh giác, khuyên tỉnh ngộ lẽ đạo việc đời, cần chuyên niệm Phật. Do đức hóa của ngài, từ đó không cần chỉ dẫn nhiều, mà lần lượt kẻ mang vải, gạo, người khiêng đá gỗ, đến càng lúc càng đông, xây dựng thành cảnh chùa, đến nỗi có dư bố thí cho kẻ nghèo đói. Ngài vẫn thản nhiên, không khước từ cũng không khuyến khích, để họ xây cất sửa soạn dọn tùy tâm. Chẳng mấy lúc, nơi vùng hoang sơn trước kia, đã trở thành cảnh lan nhã thanh u đồ sộ. Lần lần về sau, bốn phương xa gần người tín hướng quy y niệm Phật càng nhiều, như nước trăm sông đổ về biển, phải lấy số vạn mà kể.

Trước đó, có ngài Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn, một hôm nhập định thần thức dạo chơi cõi Cực Lạc. Bên đức Phật, thấy có vị tăng mặc áo rách đứng hầu. Đức A Di Đà chỉ vị tăng ấy mà bảo rằng: "Ngươi có biết chăng, người nầy là Sa môn Thừa Viễn ở Hoành Sơn đấy!" Sau khi xuất định, Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm. Lúc gặp Thừa Viễn đại sư, nhìn đúng là vị tăng áo rách mà mình đã thấy, liền xin theo làm đệ tử.

Về sau ngài Pháp Chiếu đi truyền giáo khắp nơi, danh đức rộng lớn, được vua Đại Tông nhà Đường phong làm

Quốc sư. Nhân khi nhàn nhã, Quốc sư thuật lại đạo hạnh của thầy mình cho vua nghe. Đại Tông muốn thỉnh ngài Thừa Viễn lai kinh để học đạo, nhưng rồi tự biết đó là bậc chí đức không thể vời rước được, liền xây về phương Nam, hướng phía Hoành Sơn mà đảnh lễ. Kế đó, vua truyền chỉ phong tặng chỗ ở của Ngài hai tấm biển: một tấm đề SẮC TỨ DI ĐÀ TỰ. Tấm kia niêm mấy chữ BÁT CHU TAM MUỘI ĐẠO TRÀNG. Vua lại truyền cho ông Liễu Tôn Nguyên soạn bài văn ký sự khắc vào bia đá; dựng bên cổng trước chùa.

Vào năm Trinh Ngươn thứ 18 đời Đường, nhằm ngày 19 tháng 7, đại sư an lành thị tịch thọ 91 tuổi.

PHÁP CHIẾU ĐẠI SƯ

(Liên Tông Tứ Tổ)

Pháp Chiếu đại sư, chưa rõ là người bậc thế nào? Trong năm Đại Lịch thứ hai đời nhà Đường, hàng đạo tục mới được biết ngài ở chùa Vân Phong tại Hoành Châu, thường chuyên cần tu tập.

Một buổi sáng, vào lúc thanh trai, ngài thấy trong bát cháo ở Tăng đường; hiện rõ bóng mây ngũ sắc. Trong mây hiện ra cảnh sơn tự, phía đông bắc chùa có dãy núi, chân núi có khe nước. Phía bắc khe nước có cửa ngõ bằng đá. Trong ngõ đá lại có một ngôi

chùa to, biển đề "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Mấy hôm sau, ngài lại thấy nơi bát cháo hiện rõ cảnh chùa lớn ấy, gồm vườn ao, lầu đài tráng lệ nguy nga, và một vạn vị Bồ Tát ở trong đó.

Ngài đem cảnh tượng ấy hỏi các bậc tri thức. Một vị cao tăng bảo: "Sự biến hiện của chư thánh khó nghĩ bàn được. Nhưng nếu luận về địa thế non sông, thì đó là cảnh Ngũ Đài Sơn". Nghe lời ấy ngài có ý muốn đến viếng Ngũ Đài thử xem sự thật ra thế nào?

Năm Đại Lịch thứ tư, đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội cảm mây lành giăng che chốn đạo tràng. Trong mây hiện ra cung điện lầu các. Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không. Khắp thành Hoành Châu, bá tánh trông thấy đều đặt bàn đốt hương đảnh lễ. Cảnh tượng ấy hiện ra giây lâu mới ẩn mất. Do điềm lành nầy, rất nhiều người phát tâm tinh tấn niệm Phật. Đạo tràng khai liên tiếp được năm hội.

Một hôm, đại sư gặp cụ già bảo: "Ông từng có niệm muốn đến Kim Sắc thế giới tại Ngũ Đài Sơn, để đảnh lễ đức đại thánh Văn Thù sao đến nay vẫn chưa thật hành ý nguyện?" Nói xong liền ẩn mất. Được sự nhắc nhở, ngài sửa soạn hành trang, cùng với mấy pháp hữu, đồng đến viếng Ngũ Đài.

Năm Đại Lịch thứ năm, vào ngày mùng sáu tháng tư đại sư cùng đồng bạn mới đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, ngài thấy ánh sáng lạ từ xa chiếu đến thân mình liền nhắm phỏng chừng tia sáng mà theo dõi. Đi được năm mươi dặm thì đến một dãy núi, dưới chân núi có khe nước, phía bắc khe có cửa cổng

bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử đứng đón chờ, tự xưng là Thiện Tài và Nan Đà. Theo chân hai đồng tử dẫn đường, ngài đến một ngôi chùa nguy nga, biển đề: "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Nơi đây, đất vàng, cây báu, ao sen, lầu các rất kỳ diễm trang nghiêm. Cảnh giới quả đúng như ảnh tượng đã thấy nơi bát cháo khi trước.

Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy đức Văn Thù bên tây, đức Phổ Hiền bên đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử báu cao đẹp, đang thuyết pháp cho một muôn vị Bồ Tát ngồi phía dưới lặng lẽ lắng nghe. Pháp Chiếu bước đến chí thành đảnh lễ, rồi quì xuống thưa rằng: "Kính bạch Đại Thánh! Hàng phàm phu đời mạt pháp, cách Phật đã xa, chướng nặng nghiệp sâu, tri thức kém hẹp, tuy có Phật tánh mà không biết làm sao hiển lộ. Giáo pháp của Phật lại quá rộng rãi mênh mông, chưa rõ pháp môn nào thiết yếu dễ tu hành cho mau được giải thoát?"

Đức Văn Thù bảo: "Thời kỳ nầy chính là đúng lúc các ngươi nên niệm Phật. Trong các hành môn không chi hơn niệm Phật và gồm tu phước huệ. Thuở đời quá khứ, ta nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Tam bảo mà được Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp như: Bát nhã ba la mật, những môn thiền định rộng sâu, cho đến chư Phật cũng từ niệm Phật mà sanh. Vì thế nên biết, Niệm Phật là vua trong các pháp môn".

Ngài Pháp Chiếu lại hỏi: Bạch Đại Thánh! Nên niệm như thế nào?

Đức Văn Thù dạy: "Về phương tây của thế giới nầy, có Phật A Di Đà giáo chủ cõi Cực Lạc. Đức Thế Tôn đó nguyện lực không thể nghĩ bàn! Ngươi nên chuyên niệm

danh hiệu của ngài nối tiếp không gián đoạn, thì khi mạng chung, quyết được vãng sanh, chẳng còn bị thối chuyển".

Nói xong, hai vị đại thánh đồng đưa tay vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu và bảo rằng: "Do ngươi niệm Phật, nên không lâu sẽ chứng được quả Vô thượng bồ đề. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn mau thành Phật, thì không chi hơn niệm Phật. Kẻ ấy nhất định sẽ mau lên ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác". Được hai vị đại thánh thọ ký xong, ngài Pháp Chiếu vui mừng đảnh lễ, rồi từ tạ lui ra.

Hai đồng tử khi nãy theo sau tiễn đưa. Vừa ra khỏi cổng, ngài quay lại thì người và cảnh đều biến mất. Ngài liền dựng đá đánh dấu chỗ ấy, rồi trở về chùa Phật Quang.

Đến ngày 13 tháng 4, Pháp Chiếu đại sư cùng hơn 50 vị tăng đồng đến hang Kim Cang, thành tâm đảnh lễ hồng danh ba mươi lăm đức Phật. Vừa lạy được mười lượt, ngài bỗng thấy hang Kim Cang rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm có cung điện bằng lưu ly, đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng ngự trong ấy. Hôm khác, ngài lại đi riêng đến hang Kim Cang, gieo mình đảnh lễ, nguyện thấy Đại thánh. Đang khi lạy xuống vừa ngước lên, đại sư bỗng thấy một Phạm tăng tự xưng là Phật Đà Ba Ly. Vị nầy đưa ngài vào một đại điện trang nghiêm, biển đề là Kim Cang Bát Nhã Tự. Toàn điện nhiều thứ báu lạ đẹp mầu, ánh sáng lấp lánh. Dù đã nhiều lần thấy sự linh dị, nhưng ngài vẫn chưa thuật lại với ai cả.

Tháng chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm định kỳ tuyệt thực tu hành, nguyện vãng sanh về Tịnh độ. Đêm đầu hôm, ngày thứ bảy, đang lúc niệm Phật, đại sư bỗng thấy một vị Phạm tăng bước vào bảo: "Ông đã thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao không

truyền thuật cho người đời cùng được biết?" Nói xong, liền ẩn mất.

Hôm sau, trong lúc niệm Phật, vị thánh tăng hiện ra, bảo y như trước. Ngài đáp: "Không phải tôi dám dấu kín thánh tích, nhưng chỉ sợ nói ra người đời không tin sanh sự chê bai mà thôi". Phạm tăng bảo: "Chính đức Đại thánh Văn Thù hiện tại ở núi nầy, mà còn bị người đời hủy báng, thì ông còn lo ngại làm chi? Hãy đem những cảnh giới mà ông được thấy truyền thuật với chúng sanh, làm duyên cho kẻ được nghe biết, phát khởi tâm bồ đề". Ngài tuân lời, nhớ kỹ lại những sự việc đã thấy, rồi ghi chép ra truyền lại cho mọi người.

Năm sau, sư Thích Huệ Tùy ở Giang Đông cùng với chư tăng chùa Hoa Nghiêm, theo Pháp Chiếu đại sư đến hang Kim Cang lễ Phật. Kế đó, lại đến chỗ dựng đá lúc trước để chiêm ngưỡng dấu cũ. Đại chúng còn đang ngậm ngùi ngưỡng vọng, bỗng đồng nghe tiếng hồng chung từ vách đá vang ra. Giọng chuông thanh thoát ngân nga, nhặt khoan rành rẽ. Ai nấy đều kinh lạ, đồng công nhận những lời thuật của ngài Pháp Chiếu là đúng sự thật. Vì muốn cho người viếng cảnh đều phát đạo tâm, tăng chúng nhân cơ duyên ấy khắc những sự việc của ngài nghe thấy vào vách đá. Về sau ngay nơi đó, một cảnh chùa trang nghiêm được dựng lên, vẫn lấy hiệu là Trúc Lâm Tự để lưu niệm.

Triều vua Đức Tông, Pháp Chiếu đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại Tinh Châu, cũng liên tiếp được năm hội. Mỗi đêm vua và người trong cung nghe tiếng niệm Phật rất thanh thoát từ xa đưa vẳng lại. Sau khi cho người dò tìm, được biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu, nhà vua phái sứ giả mang lễ đến thỉnh ngài vào triều. Ngài

mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung, cũng gồm năm hội. Vì thế, người đương thời gọi ngài là Ngũ Hội Pháp sư.

Từ đó đại sư tinh tấn tu hành, ngày đêm không trễ. Một đêm nọ ngài thấy vị Phạm tăng khi trước là Phật Đà Ba Ly hiện đến bảo: "Hoa sen công đức của ông nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc đã thành tựu. Ba năm sau là đúng thời kỳ hoa nở, ông nên chuẩn bị". Đến kỳ hạn, đại sư gọi tăng chúng lại căn dặn rằng: "Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu!" Nói xong, ngài ngồi ngay yên lặng mà tịch.

THIẾU KHANG ĐẠI SƯ

(Liên Tông Ngũ Tổ)

Thiếu Khang đại sư họ Châu, người đời nhà Đường, ở vùng núi Tiên Đô xứ Tần Vân. Từ buổi sơ sanh, ngài im lặng không nói. Năm bảy tuổi, nhân lễ trai hội, ngài theo mẹ vào chùa lạy Phật. Bà chỉ tượng phật hỏi đùa rằng: "Con có biết đó là ai chăng?" Ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn!" Biết con mình có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài liền cho đi xuất gia. Căn cơ linh mẫn, đến 15 tuổi, ngài đã thông suốt được năm bộ kinh.

Niên hiệu Trinh Ngươn năm đầu, đại sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ để sách trong đại

điện phóng quang, ngài lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn Tây phương Hóa Đạo của Thiện Đạo Hòa thượng. Ngài liền khấn rằng: "Nếu tôi có nhân duyên với Tịnh độ, nguyện tập văn nầy phóng quang một lần nữa!" Vừa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu ra rực rỡ, trong ấy ẩn hiện hình dạng các hóa Bồ Tát. Ngài chắp tay nói: "Kiếp đá có thể mòn, nguyện nầy thề không dời đổi!"

Nhân đó, đại sư đến Trường An, chiêm lễ di tượng của Thiện Đạo Hòa thượng. Đang khi lễ, tượng của Nhị Tổ bỗng bay lên, bảo ngài rằng: "Ông nên y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh, ngày kia công thành sẽ sanh về Cực Lạc!" Đi ngang qua Giang Lăng, ngài gặp một sư cụ bảo: "Ông muốn hoằng hóa, nên sang xứ Tân Định, cơ duyên ở nơi đó!" Nói xong bỗng biến mất.

Sau thời gian ấy, đại sư đến Tân Định, thấy người xứ nầy chưa biết niệm Phật là gì. Dùng phương tiện, ban sơ ngài quyên tiền dẫn dụ trẻ con niệm Phật. Nếu đứa nào niệm Phật được một câu, ngài liền thưởng cho một đồng tiền. Như thế hơn một năm, rồi không cần thưởng tiền, chúng nó cũng niệm. Tập quán lần quen, về sau lúc gặp đại sư, khi ở trong nhà hay đi chơi ngoài đường, chúng cũng vẫn niệm. Từ đó, nam nữ già trẻ hễ thấy ngài, đều niệm: A Di Đà Phật! Nhân sự việc nầy, dân chúng vùng ấy lần lượt phát tâm thờ cúng niệm Phật rất nhiều.

Thấy cơ duyên đã có phần thuần thục, đại sư thành lập Tịnh Độ Đạo Tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp. Cứ đến ngày trai, thiện nam tín nữ tụ họp nơi đó để niệm Phật nghe pháp. Thường thường số người họp có trên ba ngàn. Mỗi khi thăng tòa, ngài chắp tay to tiếng niệm Phật, thì đại chúng ở dưới đều xướng niệm hòa theo. Có lúc đại sư xưng

một câu Phật hiệu, hội chúng thấy một đức Phật từ miệng ngài bay ra. Niệm đến mười câu, trăm, ngàn câu đều có mười, trăm, ngàn vị Phật bay ra, liên tiếp như xâu chuỗi. Đại sư bảo: "Quí vị đã được thấy Phật, chắc chắn đều sẽ vãng sanh". Mọi người nghe nói đều có cảm niệm vui mừng, an ủi.

Năm Trịnh Ngươn thứ 21, vào tháng 10, đại sư họp hết hàng đạo tục đến dặn bảo rằng: "Các vị nên phát tâm chán lìa cõi Ta Bà ác trược, ưa thích miền Tịnh độ an vui, mà cố gắng tu hành tinh tấn. Giờ phút nầy ai thấy được quang minh của ta, kẻ ấy mới thật là hàng đệ tử". Nói xong, ngài phóng vài tia sáng lạ đẹp dài, rồi ngồi yên lặng mà tịch.

Đại chúng xây tháp Ngài ở Đại Nham, tôn hiệu là Đài Nham Pháp sư.

DIÊN THỌ ĐẠI SƯ

(Liên Tông Lục Tổ)

Diên Thọ đại sư, tự Xung Huyền, người đời Tống, con của họ Vương ở Tiền Đường. Lúc thiếu thời, ngài thích tụng kinh Pháp Hoa, cảm đến bầy dê quỳ mọp nghe kinh.

Lớn lên, Xung Huyền được Văn Mục Vương tuyển dụng, cho làm quan trông nom về thuế vụ. Nhiều lần ngài lấy tiền công quĩ đến Tây Hồ mua cá trạch phóng sanh. Việc phát giác ra, bị Pháp ty thẩm định, xử ngài vào tội tử hình. Lúc sắp đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật cho người rình

xem, nếu thấy ngài nhan sắc thản nhiên, không tỏ vẻ buồn rầu lo sợ, thì phải đem về trình lại. Thấy ngài trước sau vẫn an điềm. Sứ giả trao sắc chỉ cho quan Giám trảm, rồi dẫn về diện kiến vua. Khi Vương hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi tư dụng của công, thật đáng tội chết. Nhưng toàn số tiền đó, tôi dùng mua cứu được muôn ức sanh mạng, thì dù thân nầy có chết, cũng được vãng sanh về cõi Liên bang, vì thế nên tôi không lo sợ". Văn Mục Vương nghe qua cảm động, ra lịnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Sau đó, ngài đến quy đầu với Thúy Nham thiền sư ở Tứ Minh. Kế lại tham học với Thiều Quốc sư ở Thiên Thai, tỏ ngộ tâm yếu, được Quốc sư ấn khả. Ngài từng tu Pháp Hoa Sám ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán thấy đức Quán Thế Âm Bồ Tát rưới nước cam lồ vào miệng, từ đó được biện tài vô ngại. Do túc nguyện muốn chuyên chủ về thiền hoặc tịnh mà chưa quyết định, ngài đến thiền viện của Trí Giả đại sư, làm hai lá thăm: một lá đề Nhất Tâm Thiền Định, còn lá kia là: Trang Nghiêm Tịnh Độ. Kế lại chí tâm đảnh lễ Tam Bảo sám hối, cầu xin gia bị. Đến khi rút thăm, luôn bảy lần đều nhằm lá Trang Nghiêm Tịnh Độ. Từ đây ngài nhứt ý tu về Tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ 2 đời Tống, Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh, tôn hiệu là Trí Giác thiền sư. Ngài ở đây trước sau 15 năm, độ được 1700 vị tăng. Đại sư lập công khóa, mỗi ngày đêm hành trì 108 điều. Và hai điều đặc biệt trong đó là tụng một bộ kinh Pháp Hoa, niệm mười muôn câu Phật hiệu. Ban đêm khi ngài qua gộp núi khác niệm Phật, những người ở gần nghe tiếng loa pháp cùng thiên nhạc trầm bổng du dương. Về kinh Pháp Hoa, trọn đời ngài tụng được một muôn ba ngàn bộ. Đại sư thường truyền

giới Bồ Tát, mua chim cá phóng sanh, thí thực cho qui thần, tất cả công đức đều hồi hướng về Tịnh độ. Ngài có trứ tác 100 quyển Tông Cảnh Lục, hội chỉ thú dị đồng của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Đại sư lại soạn ra tập Vạn Thiện Đồng Quy. Trong đây lời lẽ chỉ dạy về Tịnh độ rất thiết yếu, đại lược như sau:

Hỏi: - Cảnh duy tâm tịnh độ đầy khắp mười phương sao không hướng nhập, mà lại khơi lòng thủ xả, cầu về Cực Lạc gởi chất ở đài sen. Như thế đâu hợp với lý vô sanh và đã có tâm chán uế ưa tịnh thì đâu thành bình đẳng?

Đáp: - Sanh duy tâm Tịnh độ là phần của các bậc đã liễu ngộ tự tâm, chứng được pháp thân vô tướng. Tuy nhiên, theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới, thì những bậc chứng Sơ địa vào Duy Tâm độ, cũng nguyện xả thân để mau sanh về Cực Lạc. Thế thì biết ngoài tâm không pháp, cảnh Cực Lạc đâu ngoài Duy tâm? Còn về phần "Lý vô sanh và môn bình đẳng" tuy lý thuyết là như thế, nhưng kẻ lực lượng chưa đủ, trí cạn tâm thô, tập nhiễm nặng, lại gặp cảnh trần lôi cuốn mạnh mẽ, dễ gì mà chứng nhập được. Những kẻ ấy cần phải cầu sanh Cực Lạc, nhờ cảnh duyên thắng diệu ở đó, mới mau chứng vào Tịnh độ duy tâm và thực hành đạo Bồ Tát.

Thập Nghi Luận cũng nói: "Bậc trí tuy liễu vô sanh, song vẫn hăng hái cầu về Tịnh độ, vì thấu suốt sanh thể như huyễn không thể tìm được. Đó mới thật là chân vô sanh. Còn kẻ ngu không hiểu lý ấy, bị nghĩa sanh ràng buộc nghe nói sanh thì nghĩ rằng thật có tướng sanh, nghe nói vô sanh lại tưởng lầm là không sanh về đâu cả. Do đó, họ mới khởi niệm thị phi chê bai lẫn nhau gây thành nghiệp tà kiến báng pháp. Đáng thương thay!

Hỏi: - Kinh luận nói: "Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai". Nhưng sao người tu Tịnh độ lại thấy thánh tướng và việc Phật đến rước là như thế nào?

Đáp: - Kinh Bát Chu nói: "Như người nằm mơ thấy bảy thứ báu, hàng thân thuộc đều cùng vui mừng. Đến lúc thức tỉnh nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu ấy ở đâu? Sự việc niệm Phật cũng như vậy". Thế thì biết các cảnh đều như huyễn, do Duy tâm hiện, tức có mà không, tuy hiện tướng khứ lai song thật không có đến đi. Cho nên thánh cảnh tuy như huyễn, song chẳng phải không có huyễn tướng, việc đến đi tuy không thật, song chẳng ngại gì có tướng khứ lai. Đó là lý trung đạo: huyễn sắc tức chân không chính huyễn sắc, có và không đều vô ngại. Tất cả sự và cảnh chúng sanh đang sống ở thế gian nầy, cũng đều như thế.

Thật ra, chân cảnh của duy tâm, không có đông tây cùng các phương hướng, không có đến đi qua lại, cũng không có một pháp nào ngoài tâm. Nhưng với bậc đã dứt trừ nghiệp hoặc, chứng vô sanh nhẫn, vào thật tướng của pháp thân, mới dám đương sánh huyền lý trên đây. Còn hàng sơ tâm mới tu, chớ nên lầm tự nhận.

Hỏi: - Theo Quán kinh thì phải nhiếp tâm vào định, quán y báo chánh báo cõi Cực Lạc rõ ràng, mới có thể về Tịnh độ. Tại sao kẻ chưa vào định, tu môn Trì danh cũng được vãng sanh?

Đáp: - Chín phẩm sen ở Cực Lạc gồm nhiếp tất cả công hạnh thấp cao, song không ngoài hai điểm: Định tâm và Chuyên tâm.

1. Định tâm hay định thiện, là những vị tu tập quán pháp thành công, hoặc trì danh hiệu được vào tam muội. Các vị nầy sẽ sanh về thượng phẩm.

2. Chuyên tâm hay tán thiện, là những người chỉ niệm danh hiệu chưa được vào tam muội, hoặc tu các công đức lành khác trợ giúp rồi phát nguyện hồi hướng. Hạng người nầy cũng được dự vào các phẩm thấp hơn. Nhưng cần phải trọn đời quy mạng Tây phương và chuyên cần tu tập. Lúc ngồi nằm thường xây mặt về hướng Tây. Khi niệm Phật, lúc phát nguyện, phải chí thành không xao lãng. Tâm niệm khẩn thiết ấy ví như kẻ bị gông xiềng tù ngục cầu mau thoát ly; người lâm cảnh lửa cháy, nước trôi, hoặc giặc cướp rượt đuổi mong được khỏi nạn. Lại phải vì sự sống chết, phát lòng bồ đề, cầu sanh Tây phương, mau thành thánh đạo để đền đáp bốn ân, nối thạnh Tam bảo, độ khắp muôn loài. Chí thành như thế, quyết chắc sẽ được kết quả.

Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, sức tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhất, sự tu hành không tương tục, thì khó hy vọng thành công. Bởi kẻ biếng trễ như thế, e khi lâm chung bị nghiệp chướng trở ngăn, chẳng gặp lại bạn lành, lại thêm thân thể đau nhức, tâm thức hôn mê, không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi hiện tại là nhân, khi lâm chung là quả. Cần phải nhân cho chắc thật, quả mới không hư luống, như tiếng hòa nhã thì vang dịu dàng, hình ngay tất bóng thẳng vậy. Nếu muốn khi sắp chết mười niệm thành công, thì ngay lúc hiện tại phải một lòng chí thiết tinh tấn tu hành, tất không còn điều chi lo ngại.

Đại khái, chúng sanh bởi tâm chia thiện ác, nên báo có khổ vui. Do nơi ba nghiệp tạo thành, mới khiến sáu đường luân chuyển. Nếu tâm sân hận, tà dâm, đó là nghiệp địa ngục. Tâm tham lam, bỏn xẻn là nghiệp ngạ quỉ. Tâm ngu si, tà kiến là nghiệp súc sanh. Tâm ngã mạn, tự cao là nghiệp Tu la. Giữ bền ngũ giới, là nghiệp người. Tiến tu thập thiện là nghiệp trời. Chứng ngộ nhân không, là nghiệp Thanh văn. Rõ thấu duyên sanh là nghiệp Duyên giác. Tu trọn lục độ, là nghiệp Bồ Tát. Chân từ bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh niệm Phật, thì hóa sanh về Tịnh độ, ở nơi bảo các hương đài. Như ý mê tối đục nhơ, tất gởi chất cõi uế bang, nương cảnh nổng gò hầm hố. Cho nên lìa nguồn tự tâm không còn biệt thể, muốn được quả tịnh, phải chủng nhân mầu. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên, lý thế tất nhiên, có chi mà ngờ vực!

Đại sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiền và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn, nên làm kệ Tứ liệu giản để so sánh sự lợi hại như sau:

- Có Thiền, không Tịnh độ,
Mười người, chín lạc lộ.
Ấm cảnh khi hiện ra,
Chớp mắt đi theo nó.
- Không thiền, có Tịnh độ,
Muôn tu, muôn thoát khổ.
Vãng sanh thấy Di Đà,
Lo gì chẳng khai ngộ?
- Có Thiền, có Tịnh độ,
Như thêm sừng mãnh hổ.
Hiện đời làm thầy người,
Về sau thành Phật, Tổ.
- Không thiền, không Tịnh độ,
Giường sắt, cột đồng lửa.

Muôn kiếp lại ngàn đời
Chẳng có nơi nương tựa.

Niên hiệu Khai Bảo thứ 8, ngày 26 tháng 2, vào buổi sáng sớm, đại sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật. Lễ xong, ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyên bảo, rồi ngồi kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ được bảy mươi hai tuổi.

Về sau, có vị tăng từ Lâm Xuyên đến, trọn năm kinh hành lễ tháp của đại sư. Có người hỏi duyên cớ, vị tăng đáp: "Năm trước tôi bịnh nặng, thần thức vào cõi U minh, thấy bên tả đại điện có thờ tượng một vị Hòa thượng. Minh Vương đang cung kính lễ bái tượng ấy. Tôi thưa hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diên Thọ thiền sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu. Ngài đã vãng sanh về phẩm Thượng Thượng nơi cõi Cực Lạc. Minh Vương trọng đức nên kính thờ".

Theo truyện ký, vào thời Ngô Việt Vương, tại Hàng Châu có Hòa thượng Hành Tu, trụ trì chùa Pháp Tướng. Ngài vốn con nhà họ Trần ở Tuyền Nam, sanh ra có tướng lạ, hai tai dài chấm tới vai, đến bảy tuổi vẫn không nói. Một hôm có người đùa hỏi, ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Nếu không gặp bậc tác gia, nói cho lắm chỉ xô phá lầu khói mà thôi!"

Sau ngài xuất gia ở chùa Ngõa Quan tại Kim Lăng, tham phỏng với Tuyết Phong thiền sư, ngộ được tâm ấn. Từ đó mãnh thú gặp ngài đều thuần phục, từng nổi tiếng là ông tăng có nhiều sự phi thường, linh dị. Có một đại đức hỏi: "Thế nào là ý nghĩa của đôi tai dài?" Ngài không đáp, chỉ kéo dài hai tai mà biểu thị. Lại hỏi: "Chót núi phương Nam có khó đến chăng?" Ngài đáp: "Chỉ tại chưa từng đi đến".

Hỏi: "Sau khi đến rồi như thế nào?" Đáp: "Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao".

Ngô Việt Vương nhân khi đến chùa lễ Phật, có hỏi ngài Vĩnh Minh: "Bạch tôn đức! Thời nay có bậc chân tăng nào khác chăng?" Đại sư đáp: "Có Hòa thượng Hành Tu, đôi tai dài, chính là Phật Định Quang ứng thân đấy!" Vương tìm đến ngài Hành Tu cung kính đảnh lễ, tôn xưng là Định Quang Như Lai ra đời. Ngài bảo: "Vĩnh Minh đại sư thật khéo nhiều lời. Ông ta cũng chính là Phật A Di Đà ứng thân đó". Nói xong, ngồi yên mà hóa. Ngô Việt Vương vội vã trở về chùa Vĩnh Minh định gạn hỏi hết, thì đại sư cũng đã thị tịch.

Do đó, người đương thời truyền nhau: Vĩnh Minh đại sư là Phật A Di Đà ứng hóa. Và hàng tăng tục mới lấy ngày sanh nhật của đại sư - ngày 17 tháng 11 - làm lễ vía kỷ niệm Phật A Di Đà.

TỈNH THƯỜNG ĐẠI SƯ

(Liên Tông Thất Tổ)

Tỉnh Thường đại sư, tự Thiếu Vi, người đời Tống, con nhà họ Nhan ở Tiền Đường. Khi lên bảy, ngài gặp duyên lành xuất gia và mới 17 tuổi đã thọ giới Cụ túc.

Trong niên hiệu Thuần Hóa, đại sư đến trụ trì chùa Chiêu Khánh. Vì mến đi phong

của Lô Sơn, ngài tạo tượng Phật A Di Đà kết họp bạn sen, thành lập Liên Xã. Sau đó, ngài lại chích máu tả phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên ấy lại đổi tên Liên Xã thành Tịnh Hạnh Xã. Hàng sĩ phu dự vào hội niệm Phật được 120 người. Ngoài ra các hàng nam nữ thiện tín khác có đến hàng vạn, đều xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Trong đây quan Tướng quốc Vương Văn Đán làm hội thủ. Riêng phần Tỳ kheo tăng, đại sư độ được hơn 1000 người, đều tu môn Niệm Phật.

Năm Thiên Hy thứ tư, ngày 12 tháng giêng, theo thường khóa đại sư ngồi kiết già niệm Phật. Giây lát, bỗng nói to lên rằng: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!" Rồi ngồi yên mà hóa, thọ 62 tuổi.

Trong giờ ngài thị tịch đại chúng thấy mặt đất biến thành sắc vàng ròng, rất lâu mới hoàn phục như cũ.

LỜI PHỤ

- Kinh dạy: "Tâm tịnh thì cõi Phật thanh tịnh". Đại sư đã tu nhân niệm Phật thanh tịnh, tất phải cảm tịnh quả. Nhưng vì tịnh quả quá mãnh liệt nên không đợi sanh về Tây Phương mà ảnh hưởng đến cảnh uế địa nầy tạm biến thành sắc hoàng kim. Đây là một bằng chứng cho biết cảnh đất vàng cây báu ở Tịnh độ là có thật, vì "tất cả pháp do tâm tạo".

Quả vị của đại sư tất ở ngôi Thượng thượng phẩm.

CHÂU HOẰNG ĐẠI SƯ

(Liên Tông Bát Tổ)

Châu Hoằng đại sư, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Trầm, ở xứ Nhân Hòa tại Hàng Châu. Năm 17 tuổi ngài đã được bổ làm Giáo thọ, nổi tiếng là người học hạnh kiêm toàn.

Láng giềng có bà lão, mỗi ngày niệm Phật vài ngàn câu, lấy làm thường khóa. Nhân lúc rỗi rảnh sang chơi, ngài hỏi duyên cớ, bà đáp: "Ông nhà tôi lúc sanh tiền chuyên lo niệm Phật đến khi sắp chết, không đau bịnh chi, vui vẻ vòng tay cáo từ mọi người mà qua đời. Do đó, tôi biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!" Ngài nghe nói cảm động, từ đó hằng để ý đến pháp môn Tịnh độ. Lại viết bốn chữ: "Sống chết việc lớn" dán nơi vách đầu bàn để tự răn nhắc.

Năm ba mươi hai tuổi, ngài xuất gia, rồi đi tham phỏng các bậc đại đức. Sau cùng đến học đạo với Tiếu Nham Nguyệt Tâm thiền sư, tham câu: "Niệm Phật là ai?" Một hôm, đang đi tham cứu bỗng chợt tỉnh ngộ, làm bài kệ rằng:

Hai chục năm qua việc đáng nghi
Ngoài ba ngàn dặm gặp sao kỳ!
Đốt hương, liệng kích dường như mộng
Ma, Phật, tranh suông thị lẫn phi!

Niên hiệu Long Khánh thứ 5, đại sư đi khất thực ngang qua đỉnh Vân Thê, thấy cảnh nước non cực kỳ u nhã, quyết ý cất am ở tu. Trong núi ấy có nhiều cọp, ngài hành phép Du Già thí thực, từ đó các loài thú dữ không còn khuấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh

vùng đến am cầu xin đảo võ. Ngài đáp: "Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!" Mọi người vẫn nài nỉ cố thỉnh. Đại sư cảm lòng thành của dân chúng, ra thảo am gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của ngài đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức xây cất điện chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao lâu chỗ ấy thành cảnh đại tòng lâm trang nghiêm thanh tịnh.

Đại sư tuy đã tỏ thiền cơ, nhưng xét thấy căn lực người thời mạt pháp kém yếu, kẻ nói lý thì nhiều song ngộ lý thì rất ít. Vì muốn lợi mình và người, nên ngài chủ trương Tịnh độ, cực lực bác bỏ cuồng thiền. Bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao do ngài trứ tác, dung hòa cả sự lý, gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất là uyên áo. Về trước, các bậc tôn đức trong Phật giáo, tuy hoằng truyền Tịnh độ, nhưng vẫn không bỏ Thiền tông. Đến phiên đại sư là người được chánh truyền tâm ấn từ ngài Tiếu Nham thuộc dòng Lâm Tế, lại chỉ hoằng dương Tịnh độ. Vì thế, các nhà thiền học đương thời rất không bằng lòng. Ông Tào Lỗ Xuyên, một vị học Phật, hai phen gởi thơ đến Vân Thê gạn hỏi. Ngài cũng hai phen phúc đáp, mà vài đoạn có liên quan đến Tịnh độ, sẽ được trích thuật ở phần sau.

Đại sư bình thời cũng tu các công đức để phụ trợ tịnh nghiệp, như truyền giới pháp, khai những ao phóng sanh. Ngài lại thẩm định những nghi Thủy Lục, hành Du Già Diệm Khẩu để cứu khổ u minh, truyền bá văn giới sát, khiến người quy hóa làm lành rất nhiều.

Năm Vạn Lịch thứ 40, cuối tháng 6, đại sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói: "Tôi sắp đi nơi khác!" Rồi ngài trở về chùa thiết tiệc trà từ giã đại

chúng. Mọi người không hiểu là duyên cớ gì. Đến chiều mùng một tháng bảy, ngài vào tăng đường bảo: "Mai nầy tôi sẽ đi".

Qua chiều hôm sau, đại sư kêu mệt rồi vào tư thất ngồi kiết già nhắm mắt. Chư tăng, các đệ tử tại gia và những người cố cựu trong thành đều hội đến. Ngài mở mắt ra nhìn mọi người nói: "Các vị nên chân thật niệm Phật, đừng làm điều chi khác lạ, và chớ phá hoại quy củ của tôi". Nói xong, hướng về Tây chắp tay niệm Phật mà qua đời. Thọ được 81 tuổi.

❁ ❁ ❁

PHỤ VẤN ĐÁP

(Lược trích)

Thơ hỏi: - Kẻ hèn nầy từ lâu giữ miền Đông Lỗ, đối với các kinh điển Nho và Phật, đã làm con mọt sách từ bốn mươi năm qua. Lại thường phụng giáo với những hàng thức giả, cũng uẩn súc được đôi phần. Nay nhân sư Đoạn Phàm đến Vân Thê, xin gởi mấy lời để mong sự hiệu chính nơi ngài là bậc thiện tri thức.

1. Trong Phật pháp có ba tạng, mười hai phần giáo, đức Thế Tôn khi xưa đan giăng nhiều thứ lưới nơi bể sanh tử sâu rộng, để tùy phần vớt các loài cá nhơn thiên lớn nhỏ đưa lên bờ Niết Bàn. Nhưng nên nói lớn để gồm nhỏ, đâu thể cử một mà bỏ nhiều! Gần đây, tôi nghe có kẻ bảo: nhiều kiếp thành Phật, tất là Tiệm chớ không phải Đốn. Vả Tiệm giáo cũng là Phật dạy, chưa từng không đúng, song dùng Tiệm để bỏ Đốn giáo, phải chăng thật đã sai lầm?

Tôn giả bên trong ẩn dấu sự tỏ ngộ đốn viên, ngoài thì hiển bày pháp môn Tịnh độ. Việc nầy chư Phật cũng có như

thế, không đủ để hiềm nghi. Nhưng học chúng của ngài lại chỉ trọng một đức A Di Đà mà bỏ hết mười lăm vì Vương tử, muốn tôn một kinh Tịnh độ mà bỏ hết ba tạng mười hai phần kinh. Đó là điều kẻ hèn nầy không muốn nghe! Hiện nay tuy nhằm thời mạt pháp, song con người há chỉ có độn tánh mà không lợi căn? Như đức Thích Tôn vì Ca Diếp, Kiều Trần Như thì nói pháp nầy; vì Thiện Tài, Long Nữ lại nói pháp khác. Chỗ thuyết giáo của Phật tùy cơ biến đổi, thật tròn trặn như trên mặt nước lăn trái hồ lô, nếu như cắm cọc đóng đinh, giữ cây chờ thỏ, làm sao lợi ích hàng nhơn thiên được? rất mong Tôn giả tùy cơ thuyết pháp, khi gặp hàng lợi căn nên vì nói thượng thừa, để họ ngộ lý viên dung không còn thiên trệ kiến, cho đại bàng cùng chim én đều được thích nghe. Như thế há chẳng là điều rất lành rất tốt ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm là Nhứt thừa viên giáo, là vua trong các kinh. Trong bộ Di Đà Sớ Sao, Tôn giả lại đem kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, điểm ấy tợ hồ chưa thỏa đáng. Đã thế, có người lại còn nhân đó mà làm luận đưa cao Tịnh độ, đè nén Hoa Nghiêm, khiến cho màu tím sắc chu thành ra lẫn lộn! Mong Tôn giả vì căn Tịnh độ nói Tịnh độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm, đừng chê nhau cũng chớ lạm nhau, mới thật là lưu thông Phật pháp.

Thợ đáp: - Tiếp được tờ mây, biết cư sĩ đại lượng bao la, muốn đem hết chúng sanh trong pháp giới đưa vào biển tánh nhứt thừa. Đó là nguyện lớn của đức Phổ Hiền, riêng lòng thật lấy làm kính ngưỡng!

1. Theo lời cư sĩ bảo: tôi nên tùy cơ diễn giáo, đó là ý kiến rất hay! Nhưng tùy muôn cơ mà dẫn dạy, đó là việc của chư Phật ra đời. Điều ấy kẻ hèn nầy chưa làm được. Như khi xưa Lục Tổ ở Tào Khê chuyên dạy môn thiền Trực

Chỉ, đâu phải ngài không thông các giáo pháp khác? Và như Viễn Công ở Lô Sơn riêng mở Bạch Liên Xã, gồm các bậc cao tăng danh sĩ, há chỉ tiếp độ kẻ độn căn? Đến như năm tông: Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy Ngưỡng, Lâm Tế, tuy đồng ra một nguồn, nhưng sự tiếp độ của mỗi tông đều có phần sai khác. Những điều trên là sự thi thiết riêng của chi phái môn đình, đó cũng là lẽ tất nhiên, chẳng lấy làm chi lạ! Chư Tổ sư khi xưa đều như thế, huống nữa là kẻ phàm thường nầy ư? Nếu không tự lượng bắt chước theo Phật, nay nói pháp nầy, mai diễn pháp khác, thì thành ra mờ mịt chẳng có sư thừa. Đó tuy nói là lợi người, kỳ thật làm cho người lầm lạc. Tại sao thế? Bởi Phật là đấng pháp vương, đối với các pháp đều tự tại. Còn kẻ dân thường mà tiếm xưng thiên tử là điều nguy hiểm, há chẳng nên kiêng dè ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm đúng là Nhứt thừa viên giáo, gồm vô lượng môn: cầu sanh Tịnh độ là một trong vô lượng môn của Hoa Nghiêm. Theo căn cơ thời nay, nên do một Tịnh độ mà vào Hoa Nghiêm, không phải nêu Tịnh độ mà bỏ Hoa Nghiêm. Cư sĩ bảo do tôi đem kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, nên mới có kẻ làm luận đưa cao Tịnh độ, đè nén Hoa Nghiêm. Xin hỏi bộ luận ấy ở đâu, do ai trứ tác? Nhưng tôi cũng chưa từng đem kinh Di Đà sánh ngang với Hoa Nghiêm. Trong văn sớ sao của tôi chỉ nói: "Kinh Hoa Nghiêm cực viên, kinh Di Đà được một ít phần viên". Đó là chỉ bảo kinh Di Đà chỉ thuộc một phần pháp quyến của Hoa Nghiêm, có chi gọi rằng đồng bậc? Vả lại khi nói Hoa Nghiêm, đã gồm Tịnh độ, và nói Tịnh độ cũng thông với Hoa Nghiêm. Thế thì kẻ diễn Hoa Nghiêm tự nói Hoa Nghiêm, người nói Tịnh độ tự diễn Tịnh độ, vẫn đồng hành

mà không trái nhau. Người thời nay chỉ biết Hoa Nghiêm rộng hơn Cực Lạc, song không rõ đức Di Đà chính là Phật Giá Na. Ngài Long Thọ truyền bá kinh Hoa Nghiêm mà nguyện sanh Cực Lạc. Đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng phụ tá Phật Tỳ Lô Giá Na, hiệu là Hoa Nghiêm Tam Thánh, cũng phát nguyện về cõi Liên bang. Cư sĩ khuyên tôi vì căn Tịnh độ nói Tịnh độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm. Xin hỏi các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, là bậc người nào? Những vị Bồ Tát ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, là căn Tịnh độ hay Hoa Nghiêm? Cư sĩ lâu nay vẫn truyền dương kinh Hoa Nghiêm, mà trái với đức Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là điều tôi chưa hiểu nổi!

Thật ra, cư sĩ với tôi đều là bạn lành trong Hoa Tạng thế giới. Nay lão hủ lại muốn mời cư sĩ cùng làm huynh đệ ở Liên bang. Mong cư sĩ xét suy, đừng xem tôi là người bên ngoài vậy.

❁

Thơ Hỏi: - Đại đức Đoạn Phàm có đem về thơ phú đáp của Tôn giả. Duyệt xem, thấy lời và ý ân cần, thật rất cảm lòng chiếu cố! Nhưng nỗi riêng chưa tỏ hết, còn xin có mấy điểm trình bày:

1. Kinh Pháp Hoa, trong phần khen công đức thọ trì có dẫn: "Nếu người nữ nào thọ trì phẩm nầy sẽ thoát hẳn nữ thân, sanh về Cực Lạc". Như thế sự vãng sanh Tịnh độ, phải chăng là nhân quả của nữ nhơn? Lại nữa, kinh Lăng Nghiêm trong phần tuyển lựa viên thông, đức Văn Thù đã bác môn Niệm Phật của ngài Thế Chí là vô thường, sanh diệt. Vậy ý Tôn giả nghĩ thế nào?

2. Tề Kỷ thiền sư, khi các học giả đọc đến hai câu kệ của ngài Thiện Đạo: "Duy có đường tắt tu hành. Chỉ niệm

A Di Đà Phật" đã quát to: "Vẫn còn quanh lối cũ, niệm được cái gì?" Thiền sư lại bảo: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, khổ thay A Di Đà Phật!" Lời của một bậc ngộ đạo nói như vậy, há không có ý vị ư?

3. Bởi thế bậc thức đạt đã bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành không bằng một niệm ngộ Vô sanh pháp nhẫn". Người trí cần phải vượt khỏi môn quyền học tam thừa, không còn ngã và ngã sở. Nay sự vãng sanh Tịnh độ, ta là người hay sanh Cực Lạc là chỗ sanh về, thì năng, sở, người, cảnh còn phân biệt rõ ràng, đâu gọi là cứu cánh?

4. Nếu như nói: "Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh". Đây tất phải đợi sau khi vãng sanh thấy đức Di Đà mới được ngộ đạo, phải chăng là quá chậm trễ xa vời?

5. Trong thơ trước, tôi đã khuyên tôn giả "Vì căn Tịnh độ nói Tịnh độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm" thật đã vì ngài mà tỏ bày hết tâm não. Tôn giả lại không lưu ý, nên vừa rồi thỉnh chúng nơi pháp hội của ngài từ Hàng Châu sang đất Tô, vị nào cũng nôn nao cầu về chín phẩm. Nhân khi cùng nói chuyện, tôi vừa đề cập đến thượng thừa thì họ đều sửng mắt kinh lòng! Đó là lỗi của thầy, hay của hàng đệ tử? Đấng đại trượng phu khí lượng phải xung thiên, nay ngài đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, sao không đủ tác lược của bậc đại nhơn, mà chỉ bắt trước hành động những ông già bà cả ăn chay ở đầu làng xóm ngõ? Nếu một mai bị bậc lanh lợi thông suốt hỏi đến, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc Đẩu, hay chui thân vào núi Thiết Vi ư?

6. Thế thì việc Tôn giả muốn vời tôi cùng làm bạn sen nơi Cực Lạc, khác nào bảo kẻ nầy gánh gai bỏ vàng, đuổi theo vật mà chạy vào mê lộ? Há chẳng nghe nói: Nếu là chim Đại bàng kim súy, mới dương cánh đã vượt cao chín

tầng mây; ngựa Nhiếp ảnh thần câu, vừa cất vó đã ra ngoài vạn dặm. Hạng nầy không còn theo thứ lớp mà ăn uống, cũng không tùy tiện chịu vùi thân. Người xưa bảo: "Nếu muốn cứu cánh việc ấy, phải đứng trên chót vót đỉnh non cao, đi sâu tận lòng đáy biển thẳm. Như chưa bỏ được sự êm ấm của khuê phòng, thì có chỗ nào dùng được!"

Cho nên, Phật pháp là việc lớn, không phải phàm thường. Mong ngài nghĩ lại!

Thơ Đáp: - Mấy điều huệ cố của cư sĩ, lời hay lẽ diệu, luận biện điệp trùng, thật là đáng ngợi khen, đáng ngưỡng vọng. Nhưng trộm nghĩ: lòng thương tôi tuy sâu, song tiếc đã lắm lời phí uổng!

Nếu cư sĩ quả muốn tuyên dương Thiền tông, ức chế Tịnh độ, thì không cần nói chi nhiều. Sao chẳng bảo: "Chư Phật trong ba đời bị miệng ta nuốt mất hết cả. Một đức Phật còn chẳng lập, có ai là A Di Đà?" Lại sao không bảo: "Nếu người biết được tâm, đại địa không tấc đất. Một tấc đất đã không, nơi nào là cõi Cực Lạc?" Chỉ dùng hai lời ấy thôi, đủ gồm hết những điều cư sĩ muốn nói. Nay nghĩ nếu mỗi mỗi thù đáp, e phạm lỗi đấu tranh. Nếu hẳn không trả lời, vì đạo pháp có tương quan, lại chẳng thể im lặng. Vậy xin tỏ bày ước lược như sau:

1. Cư sĩ dẫn kinh Pháp Hoa, nói sự vãng sanh Tịnh độ là nhân quả của người nữ. Thế thì việc Long Nữ thành Phật, cũng là nhân quả của người nữ ư? Lại dẫn kinh Lăng Nghiêm nói: đức Văn Thù bác niệm Phật là vô thường, sanh diệt, không viên thông. Thế tại sao ngài Kiều Trần Như tỏ ngộ hai chữ ***KHÁCH TRẦN*** có thể gọi là suốt lý vô thường, hợp lẽ bất sanh diệt, lại chẳng được trọn là pháp viên thông? Nếu quả thật: đức Quán Âm đỗ cao, ngài Thế

Chí thi rớt, thì sao cư sĩ chẳng nghe biết điều thí dụ: "cửa rồng chạm trán" là lời của kẻ quê mùa miền Đông dã ở nước Tề?

2. Về những điều của Tề Kỷ thiền sư bảo, cư sĩ đã học Thiền, sao chẳng biết đó là những nhà tông sư vì người cởi chấp mở trói, ý ở ngoài lời, lại cứ theo văn tự hiểu thành sự thật, mà chịu chết dưới câu nói như thế? Nếu quả vậy, thì cổ đức bảo: "Đạp trên đỉnh đầu Phật Tỳ Lô mà đi", cũng là đạp thật sự hay sao? Những cơ phong ấy trong các Ngữ lục có ngàn muôn ức. Lão hủ bốn mươi năm về trước cũng đã từng dùng đến để cho lời nói cao siêu xuất cách, câu văn mạnh mẽ hùng hào. Về sau xét lại biết hổ thẹn, không còn dám theo lề lối cũ, nay chợt nghĩ đến hãy còn đỏ mặt. Như Tề Kỷ thiền sư nói: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, khổ thay A Di Đà Phật!" Xin cũng dùng chuyên ngữ đối đáp: "Nay chính thật như con nhớ mẹ, trở lại quê xưa, vui thay A Di Đà Phật!" Thử đem cân lường câu nói nầy với lời ngài Tề Kỷ, xem bên nào ít nhiều nặng nhẹ, và có bao khoảng cách xa?

3. Trong thơ lại dẫn lời cổ nhơn bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng ngộ một niệm Vô sanh pháp nhẫn". Xin hỏi: "Cư sĩ đã chứng được Vô sanh pháp nhẫn chưa?" Nếu chứng được thì không nên cho rằng: Ta là người hay sanh Tịnh độ là chỗ sanh về. Tại sao? Bởi tâm tức là cảnh, ai là người hay sanh? Cảnh tức là tâm, đâu là chỗ được sanh? Vì không còn thấy năng sở, nên tuy vãng sanh mà chưa từng có sanh. Đó mới là chân vô sanh. Nếu cho không sanh về đâu mới là vô sanh, thì thành ra lỗi đoạn diệt, thiền không vậy.

4. Cư sĩ bảo: Nếu đợi hoa nở thấy Phật mới ngộ vô sanh là chậm trễ xa vời. Kẻ hiểu thiền tông sao chẳng biết: từ mê được ngộ như giấc chiêm bao dài mới thức tỉnh? Người niệm Phật tùy theo căn cơ, có vị trong hiện đời đã kiến tánh. Đó là hoa sen nở trong giây phút. Có kẻ sau khi vãng sanh mới kiến tánh. Đó là hoa nở về lâu. Bởi căn cơ có sáng tối, công phu có trễ siêng, nên hoa nở mới có sớm muộn, đâu được nhất khái cho là sai chậm ư?

5. Trong thơ còn đề cập đến mấy vị tăng ở núi hoang nào đó, khi hỏi tới thượng thừa thì đều sửng mắt kinh lòng! Cư sĩ khuyên tôi với căn Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh độ thì đàm Tịnh độ. Nay những kẻ ấy thuộc về hàng độn căn, chính nên giảng Tịnh độ, sao cư sĩ không tùy bịnh cho thuốc, lại luận thượng thừa với họ làm chi?

Cư sĩ lại bảo tôi đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, mà không đủ tác lược của bậc đại nhơn. Lão hủ chưa từng dám dương với danh dự ra ứng thế, nên tự ưng không có tác lược của bậc đại nhơn. Điều nầy hãy tạm gác qua, không cần bàn luận. Nhưng nếu bỉ người tu Tịnh độ là hạng ông già bà cả ăn chay quê mùa, thật ra không phải chê các vị đó đâu, mà chính là bỉ đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy! Đâu riêng gì những vị Bồ Tát ấy, mà chư Tổ Huệ Viễn, Thiện Đạo, Thiên Thai, Vĩnh Minh, chư đại thiện tri thức, các hàng danh nhơn niệm Phật, theo cư sĩ, cũng là hạng quê mùa cả ư? Song hạng quê mùa nếu biết niệm Phật được vãng sanh, sẽ lên ngôi Bất thối chuyển, cũng đâu nên xem rẻ khinh chê? Những ông già bà cả ăn chay niệm Phật, cũng đáng khen là họ biết giữ theo quy củ quê mùa của chính mình. Còn hạng thông minh tài biện, ăn thịt uống rượu, vọng nói bát nhã, hôm sớm cứ tìm chư tăng gạn thiền nói đạo thì thế nào?

Đến như việc các ông già bà cả khi bị kẻ lanh lợi thông suốt hỏi đến, thì chẳng cần lên sao Bắc Đẩu, vào núi Thiết Vi làm chi cho cao xa. Họ chỉ cần đặt giường nằm nơi cổ họng, trải tòa ngồi trên đôi mắt của các vị lanh lợi thông suốt ấy. Làm như thế để chi? Để dạy chúng hãy tạm đóng môn tam muội nơi cửa miệng, biết nhắm mắt hồi quang phản chiếu xét trở lại chính mình đó thôi!

6. Cư sĩ cho rằng việc khuyên niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là điên đảo, đuổi theo vật vào mê lộ, là gánh gai bỏ vàng, làm khuất nhục đến mình. Nhưng các thí dụ ấy còn chưa thân thiết. Nay lão hủ xin đem một thí dụ khác thay thế:

Có một lão nông dân chân thật gởi thiếp vào cửa vị phú trưởng giả, mời đến nhà ở đồng ruộng của mình viếng cảnh. Mọi người nghe nói đều cười. Lão nông lại quét dọn đường sá sạch sẽ, đến mời thỉnh lần nữa. Người gác cửa nhà phú trưởng giả cười bảo: "Chủ nhơn lần trước không quở trách ông là may lắm rồi. Ông định làm mặt dày hay sao?" Lão ông đáp: "Tôi thấy trong các nhà giàu, có kẻ làm giàu mà bất nhơn. Có người ngoài giàu nhưng trong nghèo. Có kẻ chưa giàu song tỏ ra kiêu mạn trước. Có người chỉ giữ kho, giữ sổ sách ở nhà giàu, mà tự cho là mình giàu. Vả lại cảnh giàu sang như Kim cốc, My ô, nay còn đâu ư? Tôi là một lão già ở đồng ruộng, an hưởng sự vui thái bình, nên quên phận thấp kém của mình, mới thương xót mà mời thỉnh. Thôi từ nay cũng xin tự biết lỗi rồi!" Nói xong cùng nhau cười rộ mà chia tay.

TRÍ HÚC ĐẠI SƯ

(Liên Tông Cửu Tổ)

Trí Húc đại sư, tự Ngẫu Ích, người đời Thanh, họ Chung, nhà ở Ngô Huyện. Thân phụ thọ trì chú Đại Bi và Bạch Y, mộng thấy đức Quán Âm đại sĩ trao cho một đứa bé trai mà sanh ra ngài.

Thuở niên thiếu ngài học Nho, từng viết sách bác Phật. Sau nhân xem bộ Trúc Song Tùy Bút Lục của Liên Trì đại sư, liền đốt quyển sách của mình viết. Năm hai mươi tuổi, ngài đọc kinh Địa Tạng Bổn Nguyện phát ý xuất trần, mỗi ngày hằng niệm Phật.

Niên hiệu Thiên Khải năm đầu, ngài hai mươi bốn tuổi, sau khi nghe một Pháp sư giảng kinh, bỗng phát nghi tình, dụng công tham cứu. Ít lâu sau, được tỏ ngộ, liền đóng cửa nhập thất ở Ngô Giang. Thời kỳ ấy ngài đau nặng, mới quyết chí niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Bịnh vừa bớt, liền kết đàn trì chú Vãng sanh một thất, đốt ba liều nơi cánh tay, thề phát lòng Bồ đề cầu sanh Cực Lạc, để mau chứng đạo quả, sớm độ chúng hữu tình.

Về sau, đại sư trụ trì trải qua các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và môn Niệm Phật. Thời bấy giờ, những nhà tu thiền ở các nơi, phần đông cho pháp môn Tịnh độ là quyền giáo; khi gặp người niệm Phật, tất bảo tham cứu chữ ***Thùy***. Riêng đại sư lại nhận định pháp Trì danh chính là tâm tông viên đốn. Có ông Trác Tả Xa, một nhà tu thiền, đem những huyền lý bên Thiền

gạn hỏi Tịnh độ, ngài liền trả lời một cách thỏa đáng. Sau đó, đại sư về dưỡng lão ở Linh Phong.

Bình thời, đại sư từng khai thị rằng: - Pháp môn Tịnh độ không có chi lạ kỳ đặc biệt, yếu điểm chỉ là tin sâu, nguyện thiết và gắng sức thật hành mà thôi. Phật dạy: "Nếu người nào chuyên niệm A Di Đà, chính là Vô thượng thâm diệu thiền". Trí Giả đại sư bảo: "Niệm Phật tam muội là vua trong các môn tam muội". Tổ Vân Thê cũng nói: "Một câu A Di Đà Phật bao trùm tám giáo, tròn nhiếp năm tông".

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là cạn cợt tầm thường, bảo đó là công hạnh của hạng ngu phu, ngu phụ. Bởi thế nên lòng tin không chắc, chẳng gắng sức thật hành, trọn ngày lơ là, công phu khó thành tựu. Có kẻ lại lập phương tiện khéo bảo: Muốn đi sâu vào Niệm Phật tam muội phải tham cứu chữ ***Thùy***. Họ đâu biết rằng: Một tâm niệm hiện tiền, vốn đã tự rời tứ cú, tuyệt bách phi, chẳng cần tác ý rời và tuyệt. Một câu niệm Phật hiện tại, cũng vốn vượt tình lìa kiến, cần chi nói diệu nói huyền? Chỉ quí tin cho chắc, giữ cho vững, rồi buông bỏ hết mà niệm. Hoặc mỗi ngày đêm niệm một muôn, ba muôn, năm muôn, bảy muôn, mười muôn câu lấy sự nhất định không thiếu làm tiêu chuẩn. Như thế quyết giữ đến suốt đời, thề không biến đổi. Và nếu đúng như thế mà không được vãng sanh, thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ. Một khi được về Cực Lạc, vĩnh viễn không còn thối chuyển, tất cả pháp môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kiêng kỵ kẻ không có chủ trương, nay vầy mai khác. Khi gặp nhà thuyết giáo, thì muốn tầm chương tích cú, học luật học kinh. Gặp người tu thiền lại mong tham cứu thoại đầu, theo cơ phong chuyển ngữ. Gặp bậc trì luật,

ưa thích ôm bát khất thực, tu hạnh đầu đà. Thế nên sự sự không rồi, điều điều chẳng trọn. Đâu biết rằng khi câu Phật hiệu niệm được thuần thục, thì ba tạng, mười hai phần kinh gồm ở trong đó – một ngàn bảy trăm công án, cơ quán hướng thượng đều ở trong đó – ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng ở trong đó.

Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí. Niệm Phật không khởi tham sân si là đại trì giới. Niệm Phật không quản nhơn ngã thị phi là đại nhẫn nhục. Niệm Phật không gián đoạn, không tạp vọng là đại tinh tấn. Niệm Phật không còn mộng tưởng thô tế là đại thiền định. Niệm Phật không bị các pháp khác mê hoặc cuốn lôi là đại trí huệ. Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên thân tâm thế giới, chưa dứt niệm tham sân si, chưa tuyệt lòng thị phi nhơn ngã, chưa hết gián đoạn tạp vọng, chưa trừ vọng tưởng bông lông, chưa khỏi bị pháp khác cuốn lôi mê hoặc, thì chưa phải là người chân thật niệm Phật.

Nếu muốn đến cảnh giới Nhất tâm bất loạn, cũng không có gì lạ. Khi mới tập niệm, dùng chuỗi ký số rành rẽ, và khắc định thời khóa đừng để cho thiếu sót. Như thế lâu ngày, công phu tự thuần thục, không niệm mà vẫn tự niệm. Chừng đó, muốn ký số hay không ký số cũng được. Nếu bước đầu, vội muốn lộ vẻ mình giỏi, muốn tỏ ra không trước tướng, muốn học lối viên dung tự tại, tất niệm lực khó thành. Đây tổng yếu bởi tin chưa sâu, thực hành chưa hết sức.

Người như thế, dù cho giảng thông thuộc mười hai phần kinh, thấu suốt một ngàn bảy trăm công án, cũng đều

là việc bên bờ sống chết luân hồi mà thôi. Kẻ ấy đến lúc lâm chung, quyết định không dùng chi được! ...

Năm Thuận Trị thứ 11, vào cuối đông, đại sư cảm bịnh nhẹ. Ngài di chúc mọi việc và dặn các đệ tử, sau khi trà tỳ, phải tán nhuyễn xương trộn với bột hòa thành viên, chia thí cho loài cá chim để kết duyên Tịnh độ với chúng. Sang đầu năm, ngày 21 tháng giêng, đại sư sáng dậy sớm, sắc diện tươi khỏe như người không bịnh. Đến đúng ngọ, ngài đoan tọa trên giường, xây mặt về Tây chắp tay niệm Phật mà tịch, thọ được 57 tuổi.

Ba năm sau, các môn nhơn hội lại, định y pháp làm lễ trà tỳ. Lúc mở bảo tháp ra, thấy toàn thân của đại sư vẫn còn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ hai tai, sắc mặt tươi tỉnh như sống. Đại chúng không nỡ tuân lời di chúc, xây tháp thờ toàn thân ở chùa Linh Phong.

HÀNH SÁCH ĐẠI SƯ

(Liên Tông Thập Tổ)

Hành Sách đại sư, tự là Triệt Lưu, người đời nhà Thanh, con của Tưởng Toàn Xương, một bậc lão Nho ở vùng Nghi Hưng. Cha ngài là bạn phương ngoại với Đức Thanh Hòa thượng, tức Hám Sơn đại sư.

Niên hiệu Thiên Khải thứ 6, sau khi Hám Sơn đại sư thị tịch được ba năm, một đêm Tưởng Toàn Xương nằm mộng thấy ngài Hám

Sơn vào nhà mình. Cũng trong đêm ấy, Hành Sách đại sư sanh ra, nên nhân đó ngài lại được cha đặt cho ngoại hiệu là Mộng Hám. Đến khi khôn lớn, cha mẹ kế tiếp qua đời, ngài cảm sự thế vô thường, có ý niệm thoát tục.

Năm hai mươi ba tuổi, ngài thế phát xuất gia với Nhược Am Hòa thượng ở chùa Lý An. Tu hành tinh tấn không đặt lưng xuống chiếu trải năm độ nắng mưa, ngài tỏ suốt nguồn chân, ngộ vào pháp tánh. Sau khi Nhược Am Hòa thượng thị tịch, đại sư trụ trì chùa Báo Ân. Thời gian nầy, ngài được bạn đồng tham là Tức Am thiền sư khuyên tu Tịnh độ, lại gặp Tiểu Thạch Pháp sư hướng dẫn duyệt lãm về Thiên Thai giáo quán. Kế đó, ngài cùng Tiểu Thạch Pháp sư đồng nhập thất tu môn Pháp Hoa tam muội. Nhân đây, túc huệ của đại sư khai phát, ngộ suốt đến chỗ cốt tủy của Thai giáo.

Niên hiệu Khang Hy thứ 2, ngài cất am ở núi Pháp Hoa, bên bờ sông Tây Khê tại Hàng Châu, chuyên tu Tịnh độ. Nhân đó lại đặt tên chỗ ở của mình là Liên Phụ Am. Đến năm Khang Hy thứ 9, đại sư trụ trì cùa Phổ Nhân ở Ngư Sơn, đề xướng thành lập Liên Xã. Học giả các nơi hưởng ứng tu tập rất đông. Ngài từng làm bài văn khuyên phát lòng tin chân thật rằng:

- "Phần đông người tu tập xưa nay, đều ưa thích Niệm Phật tam muội. Tuy nói quả cao để tu tiến, mà kẻ sau ít được thành công. Ấy bởi do tín nguyện không chuyên, nên chẳng thể đồng về cảnh Tịnh. Nay đã họp nhiều liên hữu, cùng nhau tu tập tịnh nhân, nếu không xét kỹ chỗ phát tâm, đâu biết rõ lối đường thoát khổ. Đồng nhơn chúng ta dự vào pháp hội, lòng tin chí nguyện phải thật phải chân. Nếu

không chân chính, tuy ăn chay niệm Phật, tu phước phóng sanh, chỉ là người lanh thế gian, duy hưởng nhơn thiên phước báo. Lúc hưởng phước vui vẻ, dễ bề tạo nghiệp, đã tạo nhiều nghiệp ác, phải đọa khổ luân hồi. Điều nầy dùng chánh nhãn xét xem: chỉ hơn bọn xiển đề một bước! Nếu lòng tin như thế, đâu được gọi là chân? Vậy chân tín là thế nào?

- Thứ nhất phải tin: Tâm, Phật và Chúng sanh, cả ba không sai khác. Chúng ta là Phật chưa thành. Di Đà là Phật đã thành. Giác tánh đồng một vẫn không có hai. Ta tuy điên đảo mê lầm, giác tánh chưa từng mất. Ta tuy nhiều kiếp luân chuyển, giác tánh chưa từng động. Nên nói: khi một niệm hồi quang đồng về nơi bản đắc là như thế.

- Thứ hai phải tin: Chúng ta là Phật danh tự, Di Đà là Phật cứu cánh, tánh tuy không khác, ngôi cách vực trời. Nếu không chuyên niệm đức Phật kia, cầu về cõi Tịnh; tất phải chịu theo nghiệp lưu chuyển, chịu khổ vô cùng! Đây gọi là pháp thân lưu chuyển sáu nẻo, không được thành Phật, mà vẫn cam phận chúng sanh.

- Thứ ba phải tin: Chúng ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu nơi cảnh khổ, vẫn là chúng sanh trong tâm của Di Đà. Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm an vui ở cõi Tịnh, cũng là vị Phật trong tâm của chúng ta. Đã rõ chân tâm vốn không hai, tất biết cảm ứng tự giao tiếp. Như đá nam châm hút sắt, việc nầy đâu phải lựa nghi? Đây gọi: nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền hoặc tương lai, quyết định sẽ thấy Phật, cách Phật chẳng xa vậy.

Đủ lòng tin chân thật như trên đây, tuy chút phước điểm lành như hạt bụi mảy lông, đều có thể hồi hướng Tây phương, trang nghiêm Tịnh độ. Huống nữa trì trai giữ giới,

bố thí, phóng sanh, đọc tụng đại thừa, cúng dường Tam bảo, tu các hạnh lành, há chẳng đủ làm tư lương Tịnh độ ư? Chỉ e lòng tin chẳng chân thành, mới khiến bị chìm nơi hữu lậu. Cho nên trong việc tịnh tu, không chước chi lạ. Muốn công không luống uổng, quả được tròn nên, thì ngày đêm khi hành đạo, không rời ba điều tin trên mà thôi!"

Đại sư thường tổ chức những kỳ đả thất, để khuyến khích đại chúng tinh tấn thêm. Trong các kỳ thất, ngài khai thị đại ý rằng:

- "Bảy ngày trì danh, quí nơi giữ một lòng không loạn, chớ để trần lụy xen vào, không phải niệm mau niệm nhiều là hay. Cách trì danh, cần không hưỡn không gấp, bền bỉ chắc chắn, khiến cho câu Phật hiệu rành rõ nơi tâm. Khi đi đứng nằm ngồi, ăn cơm mặc áo, nên giữ câu hồng danh liên tục chẳng dứt, không tán loạn hôn trầm, dường như hơi thở ra vào nối tiếp. Trì danh như thế gọi là nhất tâm tinh tấn về phần sự.

Nếu thể cứu được sâu vào, thì muôn pháp đều như, nguyên không hai tướng. Đó là chúng sanh cùng Phật, mình cùng người, nhân với quả, y báo với chánh báo, nhơ cùng sạch, khổ cùng vui, ưa với chán, lấy với bỏ, bồ đề cùng phiền não, sanh tử cùng niết bàn ... các pháp ấy đều không hai, đều đồng một tướng, đồng một thể thanh tịnh. Như thế cứ thể cứu một cách thiết thật, không cần phải gắng gượng an bài. Thể cứu đến lúc cùng cực bỗng nhiên khế hợp với bản tâm. Chừng đó mới biết mặc áo ăn cơm cũng là tam muội, cười đùa giận mắng đều việc độ sanh. Khi ấy nhất tâm hay loạn tâm trọn thành hỷ luận, ngày đêm sáu thời tìm một mảy tướng khác cũng không thể được. Liễu đạt như thế, mới chân chánh là người học đạo. Và trì danh như thế, gọi là nhất tâm tinh tấn về phần lý.

Sự nhất tâm như trước tợ khó mà dễ. Lý nhất tâm như sau tợ dễ mà khó. Chỉ nhất tâm được như trước, quyết chắc dự phần vãng sanh. Nếu kiêm thêm cảnh nhất tâm sau, tất có thể lên ngôi thượng phẩm. Nhưng hai thứ nhất tâm đây, đều là phần việc kẻ bác địa phàm phu, người hữu tâm đều có thể tu học. Khắp khuyên các hàng đạo tục trong Liên Xã, đều phải sách tấn thân tâm. Gần trong bảy ngày, xa suốt một đời, nếu thường tin và tu như thế, thì dù không chứng quả, cũng mạnh nhân sen. Ngày kia gởi chất Liên trì, tất không thuộc phẩm trung hạ vậy".

Đại sư trụ trì chùa Phổ Nhân được mười ba năm. Niên hiệu Khang Hy thứ 21, ngày mùng chín tháng bảy, ngài thoát hóa, thọ 55 tuổi. Khi ấy có ông Tôn Hàn bị cấp bịnh tắt hơi, hôm sau bỗng sống lại nói: "Tôi bị Minh ty bắt giam cầm nơi điện Diêm La. Bỗng đâu trong chỗ tối tăm, thấy ánh sáng rực trời, hương hoa đầy khắp hư không. Vua Diêm La quỳ mọp xuống đất, đưa một vị đại sư về Tây phương. Tôi thưa hỏi đại sư nào, được đáp là ngài Triệt Lưu. Nhờ ánh sáng của đại sư chiếu đến, tôi mới được tha trở về. Đồng ngày ấy có con nhà họ Ngô chết, qua một đêm sống lại, cũng thuật việc mình nghe thấy y như ông Tôn Hàn.

THẬT HIỀN ĐẠI SƯ

(Liên Tông Thập Nhất Tổ)

Thật Hiền đại sư, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, người đời Thanh, con nhà họ Thời ở Thường Thục.

Từ thuở bé ngài không ăn cá thịt. Sau khi xuất gia, tham cứu câu ***NIỆM PHẬT LÀ AI***? Được tỏ ngộ, và nói: "Tôi đã tỉnh giấc mơ!"

Kế tiếp, đại sư đóng cửa thất ba năm ở chùa Chân Tịnh, ngày duyệt ba tạng kinh, đêm chuyên trì Phật hiệu. Mãn thất, ngài đến Mậu Sơn lễ Xá lợi ở tháp A Dục Vương. Nhằm ngày Phật niết bàn, đại sư họp nhiều hàng đạo tục sắm lễ cúng dường, rồi đốt ngón tay trước Phật, phát bốn mươi tám điều đại nguyện. Lúc ấy, cảm Xá lợi phóng ánh sáng rực rỡ. Đại sư làm bài văn "Khuyên phát lòng Bồ đề" để khuyến khích tứ chúng, nhiều người đọc đều rơi lệ. *(Phụ ký nơi đoạn sau)*

Lúc lớn tuổi, ngài về trụ trì chùa Tiên Lâm tại Hàng Châu. Năm Ung Chánh thứ bảy, đại sư lập Liên Xã, làm văn phát thệ giữa đại chúng, lấy trọn đời tinh tấn tu tịnh nghiệp làm kỳ hạn. Ngài chia nhật khóa làm hai mươi phần, mười phần trì danh, chín phần quán tưởng, một phần lễ sám. Có nhà thiền hỏi về chỉ thú niệm Phật, đại sư dùng lời kệ khai thị rằng:

Một câu A Di Đà,
Là việc đầu công án,
Không thương lượng chi khác,
Thẳng ngay liền quyết đoán.

Ví như đống lửa lớn,
Nhảy vào liền cháy tan.
Lại như gươm Thái A,
Xông vào liền đứt đoạn.
Sáu chữ gồm nhiếp thâu,
Tám muôn tư pháp tạng.
Một câu giải quyết xong,
Ngàn bảy trăm công án.
Mặc ai không thích nghe,
Ta tự tâm tâm niệm,
Xin bất tất nhiều lời,
Gắng một lòng không loạn!

Niên hiệu Ung Chánh thứ 11, ngày mùng tám tháng chạp, đại sư bảo chúng rằng: "Tháng tư sang năm ta sẽ đi xa". Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày niệm Phật mười muôn câu. Sang năm, ngày 12 tháng 4, đại sư bảo môn đồ rằng: "Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tây phương tam thánh, chắc là đến lúc vãng sanh!" Nói xong, liền làm kệ giã từ đại chúng. Qua hôm sau, đại sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng. Đến canh năm tắm rửa thay y áo. Bữa ấy tức là ngày 14, gần giờ ngọ, đại sư lại nhắm mắt day về Tây ngồi yên lặng. Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ. Đại sư bỗng mở mắt nói: "Tôi về Cực Lạc không bao lâu sẽ trở lại. Thoát ly sống chết là việc lớn, mỗi người nên cố gắng thanh tịnh niệm Phật!"

Dặn dò xong, chắp tay xướng hồng danh Phật rồi thị tịch. Thọ được 49 tuổi.

❁ ❁ ❁

BÀI VĂN KHUYÊN PHÁT LÒNG BỒ ĐỀ

(Thật Hiền Đại Sư soạn)

Từng nghe, cửa yếu vào đạo, phát tâm làm đầu. Việc gấp tu hành, lập nguyện ở trước. Nguyện lập, tất cả chúng sanh có thể độ. Tâm phát, thì Phật đạo với kham thành. Nếu không phát tâm rộng lớn, lập nguyện vững bền, thì trải kiếp như số vi trần, vẫn còn trong vòng sanh tử. Dù có tu hành siêng khổ, chỉ luống công khó nhọc mà thôi!

Kinh Hoa nghiêm nói: "Nếu quên mất tâm Bồ đề mà tu các pháp lành đó là nghiệp ma". Quên mất mà còn như thế, huống là chưa phát ư? Cho nên, muốn học Như lai thừa, trước phát Bồ đề nguyện. Điều nầy vẫn không thể lần lựa vậy.

Nhưng sự sai biệt của tâm nguyện, tướng trạng có rất nhiều. Nay xin vì đại chúng, mà ước lược tỏ bày. Phát tâm gồm tám tướng là ***tà, chánh, chân, ngụy,*** cùng ***đại, tiểu, thiên, viên.*** Tám tướng ấy như thế nào?

1. Trong đời có người tu, chỉ một bề hành theo sự tướng, không xoay vào tham cứu chân tâm. Hoặc theo việc bên ngoài, ưa thích hư danh, mong cầu lợi dưỡng. Hoặc đắm mê huyễn cảnh, tham dục lạc hiện tại, cầu phước báo đời sau. Phát tâm như thế gọi là ***Tà***.

2. Bậc không cầu lợi dưỡng, cũng chẳng thích hư danh, vui hiện thế không màng, phước vị lai chẳng tưởng. Chỉ vì sự sống chết, mong cầu đạo Bồ đề. Phát tâm như thế gọi là ***Chánh***.

3. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh. Nghe thành Phật lâu xa chẳng khiếp lui, thấy chúng sanh khó độ mà không chán mỏi. Như leo non cao muôn dặm, quyết trèo tận đỉnh. Như lên tháp báu chín cấp, đến ngọn chót cùng. Phát tâm như thế gọi là ***Chân***.

4. Có tội không sám hối, có lỗi chẳng biết trừ. Trong trược mà ngoài thanh, trước siêng nhưng sau trễ. Dù tu pháp lành, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là ***Ngụy*** (dối).

5. Chúng sanh độ hết, bản nguyện mới cùng. Phật đạo tròn nên, thệ nguyện mới mãn. Phát tâm như thế gọi là ***Đại***.

6. Xem ba cõi như tù ngục, nhìn sống chết tợ oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như vậy gọi là ***Tiểu***.

7. Thấy ngoài tâm có chúng sanh, mình phải độ. Hiểu ngoài tâm có Phật đạo, rồi nguyện thành. Công tu tập chẳng sạch quên, sự kiến giải không tiêu mất. Phát tâm như thế gọi là ***Thiên*** (lệch).

8. Biết chúng sanh là tánh mình, nên nguyện độ thoát. Rõ Phật đạo là tánh mình, nên nguyện viên thành. Lìa ngoài nguồn tâm thể, không thấy có pháp chi. Rồi dùng tâm rỗng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng như hư không. Kết cuộc chứng quả vô chứng đắc như hư không, cũng chẳng thấy có tướng "***không***". Phát tâm như thế gọi là ***Viên***.

Tám lối phát tâm trên đã biết rành rẽ. Nên tự xét kỹ, xem mình phát tâm thuộc về cách nào? Nếu thấy là Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên phải lập tức sửa đổi. Như thuộc Chánh, Chân, Viên, Đại, nên bền chắc thêm lên. Như thế mới gọi là chân chánh phát Bồ đề tâm.

Bồ đề tâm nầy là vua trong các pháp lành, phải có nhân duyên mới phát khởi được. Nhân duyên ấy, đại ước có mười thứ:

1. Vì nghĩ đến ơn Phật: - Đức Thích Tôn ta, khi mới phát tâm, vì độ chúng ta, tu Bồ Tát đạo, trải qua vô lượng kiếp chịu đủ sự khổ. Lúc ta tạo nghiệp, Đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta đọa ác đạo, Phật lại càng thương, muốn thay chịu khổ. Nhưng ta nghiệp nặng, không thể cứu vớt. Ta sanh làm người, Phật dùng phương tiện, khiến gieo căn lành, nhiều kiếp theo dõi, lòng không tạm bỏ. Phật mới ứng thế, ta còn trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội chi mà sanh nhằm mạt pháp? Phước gì mà dự tăng luân? Chướng chi mà không thấy kim thân? May gì mà được gặp Thánh tượng?

Rồi tự suy nghĩ: nếu đời trước chẳng trồng căn lành, thì làm sao được nghe Phật pháp? Không nghe chánh pháp, đâu biết mình thường thọ Phật ân? Ân đức nầy, bể thẳm khôn cùng, non cao khó sánh! Nếu không phát tâm bồ đề, tu hạnh Bồ Tát, giữ vững chánh pháp, cứu độ chúng sanh, thì dù e nát thịt tan xương, cũng không đền đáp được! Đây là nhân duyên thứ nhất.

2. Vì nhớ ơn cha mẹ: - Than ôi cha mẹ, sanh ta khó nhọc! Mười tháng mang thai mỏi nặng, ba năm bú sữa mớm cơm. Khi được nên người, chỉ mong ta nối dõi tông đường, tự thừa tiên tổ. Ngờ đâu ta đã xuất gia, lạm xưng Thích tử, không dâng cơm nước, chẳng đỡ tay chân. Cha mẹ còn, ta không thể nuôi dưỡng thân già. Cha mẹ mất, ta chưa thể dắt dìu thần thức. Chừng hồi tưởng lại thì, nước trời đà cách

biệt từ dung, mồ biếc chi hắt hiu thu thảo. Như thế với đời là sự tổn lớn, với đạo lại không ích chi, hai đường đã lỗi, khó tránh tội khiên!

Nghĩ thế rồi, làm sao chuộc lại? Chỉ có trăm kiếp ngàn đời, tu Bồ Tát hạnh, mười phương ba cõi, độ khắp chúng sanh. Được như vậy, chẳng những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời, đều nhờ độ thoát. Chẳng những cha mẹ một người, mà cha mẹ nhiều người cũng được siêu thăng. Đây là nhân duyên thứ hai.

3. Vì nhớ ơn Sư trưởng: - Cha mẹ tuy sanh dục sắc thân, nhưng nếu không có thầy thế gian, thì ta chẳng hiểu biết nghĩa nhân. Không có thầy xuất thế, tất ta chẳng am tường Phật pháp. Không biết lễ nghĩa liêm sỉ, nào khác chi loài cầm thú? Không tường nhân quả Phật pháp, đâu khác gì hàng ngu mông. Nay ta biết chút ít lễ nghĩa, hiểu đôi phần Phật pháp là nhờ đâu? Huống nữa, thân giới phẩm đã nhuận phần đức hạnh, áo cà sa thêm rạng vẻ phước điền, thực ra đều do ân sư trưởng mà được.

Đã biết như thế, nếu ta cầu tiểu quả thì chỉ có thể lợi riêng mình. Nay phải phát đại tâm, mới mong độ các loài hàm thức. Như vậy, thầy thế gian mới dự hưởng phần lợi ích, mà thầy xuất thế cũng thỏa mãn vui lòng. Đây là nhân duyên thứ ba.

4. Vì nhớ ơn thí chủ: - Kẻ xuất gia hôm nay, đồ mặc thức ăn, đều nhờ tín thí, thuốc men giường chiếu, cũng của đàn na. Người nhọc sức cấy cày, vẫn còn kém thiếu. Ta ngồi không thọ hưởng, sao nỡ an lòng? Kẻ dệt may gian khổ, chẳng kể đêm hôm. Ta y phục dư thừa, há không mến tiếc? Người nhà lá vách phên, trọn đời bận rộn. Ta nền cao

đền rộng, thong thả quanh năm. Đem công cực nhọc để cung cấp cho ta sự an nhàn, lòng nào vui được? Lấy tài lợi riêng để giúp cho ta được no đủ, lý có hợp không?

Thế nên tự nghĩ: Phải vận dụng lòng bi trí, tu phước huệ trang nghiêm, để đàn tín được phước duyên, chúng sanh nhờ lợi ích. Bằng chẳng vậy, thì chút hạt cơm tấc vải, đền đáp có phân: thân nô dịch súc sanh, nợ nần phải trả. Đây là duyên thứ tư.

5. Vì nhớ ơn chúng sanh: - Ta cùng chúng sanh, từ vô thỉ đến nay, kiếp kiếp đời đời thay đổi làm quyến thuộc, kia đây đều có nghĩa với nhau. Nay dù cách đời đổi thân, hôn mê không nhớ biết, song cứ lý suy ra, chẳng thể không đền đáp.

Vật loại mang lông đội sừng ngày nay, biết đâu ta là con của nó trong kiếp trước? Loài bướm ong trùng dế hiện tại, biết đâu đó là thân sinh tiền thế của mình? Đến như tiếng rên siết trong thành ngạ qui, giọng kêu la dưới cõi âm ty, ta tuy không thấy chẳng nghe, họ vẫn van cầu cứu vớt. Ngoài kinh ra, nơi đây bày tỏ việc nầy? Không Phật nói, chẳng ai hiểu rành điều ấy! Cho nên Bồ Tát xem ong kiến là cha mẹ quá khứ, nhìn thú cầm là chư Phật vị lai. Thương nẻo khổ lâu dài, hằng lo cứu vớt. Nhớ nghĩa xưa sâu nặng, thường tưởng báo ân. Đây là nhân duyên thứ năm.

6. Vì tưởng khổ sinh tử: - Ta cùng chúng sanh, nhiều kiếp đến nay, hằng trong vòng sanh tử, chưa từng được thoát ly. Khi ở cõi nầy, lúc thế giới khác, khi sanh thiên cảnh, lúc sống nhơn gian, siêu đọa phút giây, xuống lên muôn nẻo. Cửa quỉ sớm đi rồi chiều lại; âm ty nay thoát bỗng mai vào. Lên non đao rừng kiếm, thân thể đứt rời.

Nuốt sắt nóng dầu sôi, ruột gan rã cháy. Khóc than trong lửa, rên siết trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây phút khổ đau bằng thế kỷ! Lúc ấy dù biết tội khổ, nhưng ăn năn sao kịp! Khi ra khỏi vội liền quên mất, vẫn tạo tội như thường! Tâm không hằng như lữ khách ruổi dong. Thân chẳng định dường cửa nhà thay đổi. Cát bụi cõi đại thiên, không tính nổi số thân luân chuyển. Nước đầy trong bốn bể, chẳng nhiều bằng giọt lệ biệt ly! Nếu không lời Phật, việc nầy ai thấy ai nghe? Ví chẳng xem kinh, lý ấy đâu hay đâu biết? Thảng hoặc luyến mê như trước, chỉ y cũ luân hồi. Rồi ra muôn kiếp ngàn sanh, khó hối một lầm trăm lẫn. Giờ tốt vội qua mà chẳng lại, thân người dễ mất nhưng khó tìm. Âm cảnh mịt mờ, xót nỗi biệt ly dài dặc! Tam đồ ác báo, thương cho thống khổ ai thay?

Vậy phải dứt nguồn sanh tử, cạn bể dục si, độ thoát mình người, đồng lên giác ngạn. Muôn đời siêu hoặc đọa, quan hệ ở phút nầy, không thể bê trễ được! Đây là nhân duyên thứ sáu.

7. Vì tôn trọng tánh linh: - Tâm tánh của ta cùng Thích Ca Như Lai không hai không khác. Tại sao đức Thích Tôn đã thành chánh giác sáng suốt tự tại, mà ta vẫn còn là phàm phu điên đảo hôn mê? Lại đức Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông, trí huệ, công đức trang nghiêm. Còn chúng ta thì đầy vô lượng phiền não nghiệp duyên, lụy trần ràng buộc?

Tâm tánh tuy vẫn đồng một, vì mê ngộ nên cách vực trời. Ví như hạt bảo châu vô giá vùi dưới bùn nhơ, người xem dường đất đá. Cho nên phải dùng vô lượng pháp lành, đối trị phiền não, để tánh đức hiển bày. Như bảo châu được rửa sạch lau khô, treo để trên tràng cao, liền phóng quang

rực rỡ. Thế mới không uổng công Phật giáo hóa, chẳng phụ tánh linh mình, xứng đáng bậc trượng phu. Đây là nhân duyên thứ bảy.

8. Vì sám hối nghiệp chướng: - Kinh nói: "Phạm một giới nhỏ, phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ thiên vương". Lỗi nhỏ còn như thế, huống chi tội nặng ư? Chúng ta mỗi ngày, một cử một động thường sai giới luật, lúc ăn lúc uống hằng phạm thi la. Tính kỹ trong một ngày cũng đã nhiều tội, huống chi trọn đời, cho đến vô lượng kiếp về trước! Cứ lấy ngũ giới mà xét, thì mười người đã hết chín phạm, ít phát lộ nhiều dấu che. Năm giới còn như thế, huống là giới Sa di, Tỳ kheo và Bồ Tát ư?

Nay ta phải phát lòng thương mình, thương người, lệ rơi theo tiếng, thân khẩu thiết tha, cùng với chúng sanh, ai cầu sám hối! Chẳng thế thì ngàn đời muôn kiếp, ác báo khó trừ, làm sao thoát khổ. Đây là nhân duyên thứ tám.

9. Vì cầu sanh Tịnh độ: - Ở cõi nầy tu tập, việc tiến đạo khó khăn; về Cực Lạc hành trì, sự thành Phật dễ thuận. Vì dễ thuận, nên một đời liền đắc quả. Bởi khó khăn, nên nhiều kiếp vẫn chưa thành. Cho nên thánh trước hiền sau, người người xu hướng. Ngàn kinh muôn luận, chỗ chỗ chỉ quy. Sự tu hành giữa thời mạt pháp, thật không chi hơn pháp môn nầy. Như kinh nói: "Ít căn lành khó được vãng sanh, nhiều phước đức mới về cõi tịnh". Nhiều phước đức không gì bằng chấp trì danh hiệu. Nhiều căn lành chẳng chi hơn phát ý bồ đề. Tạm trì Phật hiệu, thắng hơn bố thí trăm năm. Một phát đại tâm, vượt quá tu hành nhiều kiếp. Bởi niệm Phật vốn mong thành Phật, đại tâm không phát, thì niệm Phật để làm chi? Còn phát tâm vốn để tu hành, Tịnh

độ chẳng cầu, dù phát cũng dễ thối chuyển. Cho nên gieo hạt giống bồ đề, cày lưỡi cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng tiến. Nương chiếc thuyền đại nguyện, vào biển mầu Tịnh độ, Tây phương quyết định sanh về. Đây là nhân duyên thứ chín.

10. Vì hộ trì chánh pháp: - Đức Thế Tôn ta, từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng ta mà tu đạo bồ đề. Ngài đã làm việc khó làm, nhịn điều khó nhịn, công tròn quả mãn, thành đấng Như Lai. Sau khi thành Phật, duyên giáo hóa đã xong, liền vào Niết bàn. Nay chánh pháp đã qua, tượng pháp đã hết, chỉ còn mạt pháp, có kinh giáo mà không kẻ đắc thành. Thời nay tà chánh chẳng phân, thị phi lẫn lộn, tranh đua nhơn ngã, đeo đuổi lợi danh. Tam bảo chẳng còn thật nghĩa, suy tàn tồi tệ không nỡ thốt lời. Khi nghĩ đến đây, khó cầm giọt lệ!

Ta là Phật tử, không báo được ân, trong không ích cho mình, ngoài không ích cho người, sống không ích dương thế, chết không ích đời sau. Suy nghĩ như vậy, đau lòng xót dạ, vội phát bồ đề, nguyện nguyện độ sanh, tâm tâm cầu Phật, thề hết báo thân, sanh về Cực Lạc. Những mong cầu sau khi chứng quả, trở lại Ta Bà: khiến cho Phật nhật rạng soi, pháp môn rộng mở. Tăng hải đẹp thanh nơi cõi trược, nhân dân tu đức ở phương đông. Kiếp vận nhờ đó mà tiêu trừ, chánh pháp do đây được bền vững. Đây là nhân duyên thứ mười.

Như trên tám cách đã thông, mười duyên đã biết, phát tâm có chỗ, xu hướng có nơi. Trông mong đại chúng, đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu chưa phát thì nay phát, đã phát nên tăng trưởng, đã tăng trưởng khiến tương

tục. Chớ thấy khó mà thối khiếp, chớ thấy dễ mà khinh thường. Chớ dục tốc mà chẳng bền lâu, chớ biếng trễ mà không tiến ích. Cũng đừng vì tối dốt mà một mặt vô tâm, đừng vì trí cạn mà tự hiềm vô phận. Ví như trồng cây, trồng lâu thì rễ cạn lần sâu. Lại như mài dao, mài bền thì lưỡi lụt lần bén. Đâu nên vì rễ cạn mà bỏ khô không vun tưới, dao lụt mà để luống thành phế hư!

Còn nếu cho tu hành là khổ, tất chưa biết biếng trễ lại càng khổ hơn! Tu hành tuy siêng nhọc nhứt thời, nhưng an vui mãi mãi.

Biếng trễ chỉ tạm nhàn một kiếp, song khổ lụy đời đời. Huống chi dùng Tịnh độ làm thuyền bè, đâu lo gì thối chuyển? Lại được Vô sanh làm sức nhẫn, há còn sợ gian nan? Chớ bảo ý niệm vô thường, nguyện suông vô ích. Phải biết tâm chân thì sự thật. Nguyện rộng tất hạnh sâu. Hư không chẳng rộng lớn bằng nguyện tâm, kim cương không cứng bền bằng nguyện lực.

Đại chúng nếu không chê bỏ lời nầy, thì xin nguyện cùng làm quyến thuộc bồ đề, bạn lành Tịnh độ. Nguyện đồng sanh Cực Lạc, đồng thấy Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh Giác.

TẾ TỈNH ĐẠI SƯ

(Liên Tông Thập Nhị Tổ)

Tế Tỉnh đại sư, tự Triệt Ngộ, hiệu Nạp Đường, người đời Thanh, con nhà họ Mã ở huyện Phong Nhuận.

Thuở bé ngài đã thông thuộc kinh sử. Sau khi xuất gia, lại đi tham học các nơi, rộng suốt cả hai tông: Tánh và Tướng. Chỗ tâm đắc nhất của ngài là chỉ thú Thập Thừa Tam Quán của kinh Pháp Hoa. Kế đó, ngài lại tham phỏng với Tuy Như Thuần thiền sư ở Quảng Thông, tỏ ngộ thấu suốt, được truyền tâm ấn. Sau Thuần công về an dưỡng ở chùa Vạn Thọ, đại sư kế nhiệm tại Quảng Thống, sách tiến hàng hậu lai, tông phong rất thạnh.

Bình nhật, đại sư thường bảo: "Ngài Vĩnh Minh nguyên là bậc tông trượng trong thiền môn, mà còn quy tâm về Tịnh độ. Huống nay là thời mạt pháp, chúng ta cùng phải tuân theo". Do đó, ngài chuyên tu tịnh nghiệp, chủ trương Liên tông. Mỗi ngày hạn thời giờ dạy chúng hoặc tiếp khách nội một cây hương. Ngoài ra chỉ chuyên lễ sám niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu, đại sư sang trụ trì chùa Giác Sanh. Kế đó lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng các nơi mến đức nương về ngày càng đông, khiến chỗ ấy trở thành đại tòng lâm. Đại sư vì pháp lợi sanh lòng không chán mỏi, tất cả đều dùng Tịnh độ làm chỗ quy thú. Mỗi khi giảng đến ân cứu khổ ban vui của Như Lai, thường

lệ rơi theo tiếng. Thính chúng ngồi nghe đều cảm động sa nước mắt. Trong hai quyển Ngữ Lục của ngài, lời khuyến hóa lại càng chí thiết. Đại lược như sau:

- "Đầu mối quan hệ trong vòng sống chết của chúng ta, duy có hai thứ: Tâm lực và Nghiệp lực. Tâm lực là tâm niệm có nhiều mối, khi lâm chung đi theo mối nặng nhất. Nghiệp lực ví như người mang nợ, chủ nợ mạnh lôi kéo trước tiên. Nghiệp lực tuy lớn, nhưng tâm lực lại càng lớn hơn. Bởi nghiệp không tự tánh, hoàn toàn nương nơi tâm, nên khi tâm chú trọng thì làm cho nghiệp thêm mạnh. Nếu ta dùng trọng tâm mà tu Tịnh độ, tất tịnh nghiệp mạnh, khi lâm chung quyết định sanh về Tây phương. Ví như cây to tường cao, nghiêng hướng về Tây, ngày kia khi ngã đổ tất cũng hướng về Tây vậy.

Thế nào là trọng tâm? Chúng ta tu Tịnh độ, lòng tin quí ở nơi sâu, chí nguyện quí ở nơi thiết. Do tín nguyện sâu thiết, nên tất cả tà thuyết không thể lay động, tất cả cảnh duyên không thể kéo lôi. Giả sử đang khi ta niệm Phật, bỗng Tổ Đạt Ma hiện ra, bảo phải bỏ Tịnh tu Thiền có thể liền giác ngộ, thì cũng từ tạ không dám tuân lời. Hay dù đức Thích Ca hiện thân, bảo có pháp môn khác hơn Tịnh độ, dạy ta phải bỏ niệm Phật để tu môn kia, ta cũng đảnh lễ mà từ khước. Giữ vững như vậy, mới gọi là lòng tin sâu sắc.

Về phần nguyện, ví như có vòng sắt nóng đỏ xoay vần trên đầu, ta cũng không vì sự khổ ấy mà thối thất chí vãng sanh. Lại như có cảnh dục lạc mầu nhiệm nhất của Chuyển luân vương hiện đến, ta cũng không vì sự vui sướng đó mà quên tâm niệm cầu về Cực Lạc. Gặp những cảnh duyên

nghịch thuận cùng cực như thế, mà vẫn không đổi lòng, mới gọi là chí nguyện tha thiết.

Lòng tin sâu, chí nguyện thiết ấy, gọi là trọng tâm. Dùng tâm nầy mà niệm Phật thì tịnh nghiệp mạnh và lần lần thành thục. Khi nghiệp thanh tịnh Cực Lạc thành thục, tất duyên nhiễm Ta bà phải dứt. Như thế, lúc lâm chung dù có muốn cảnh luân hồi hiện ra, cảnh Tịnh độ cùng đức Di Đà chẳng hiện tiền, cũng không thể được. Nhưng tín nguyện sâu thiết ấy lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, khi lâm chung mới khỏi lạc vào nẻo khác. Như cổ đức lúc sắp mạng chung, chư Thiên ở sáu cõi trời trỗi nhạc cầm tràng phan, kế tiếp đến rước, mà vẫn cố từ, một lòng chờ Phật, đợi khi Phật hiện đến mới chịu đi. Lâm chung là cảnh tứ đại sắp phân tán, chư Thiên đến rước là cảnh tốt đẹp tuyệt vời! Nếu bình thời tâm tín nguyện chưa được mười phần vững chắc, thì khi lâm chung gặp phải cảnh ấy, làm sao tự chủ được!"

Có nhà tu thiền hỏi: "Tất cả các pháp, đều như mộng huyễn. Cõi Ta Bà cố nhiên vẫn huyễn, song cảnh Cực Lạc cũng lại là mộng. Như thế, niệm Phật cầu về Cực Lạc nào có ích chi được?

Đại sư đáp: - Không phải thế đâu! Các bậc Bồ Tát từ đệ Thất địa trở về trước, đều tu hành trong huyễn mộng. Đến như bậc Đẳng Giác vẫn còn ở trong mộng lớn vô minh. Duy có Phật mới là bậc Đại Giác, hoàn toàn thức tỉnh. Đang lúc còn trong mộng, thì cảnh vui cùng khổ vẫn uyển nhiên! Như thế, cam chịu cảnh mộng khổ ở Ta bà, sao bằng về hưởng cảnh mộng vui nơi Cực Lạc? Phương chi, mộng ở Ta Bà là từ mộng vào mộng, lần lượt đi đến chỗ chìm mê.

Mộng ở Cực Lạc là từ mộng ra khỏi mê, lần lượt đến ngôi Đại Giác. Cho nên mộng cảnh tuy vẫn đồng, mà kết quả ở đôi nơi rất khác xa, vì thế phải niệm Phật cầu về Cực Lạc!

Niên hiệu Gia Khánh thứ 15, vào tháng hai, đại sư dự biết ngày lâm chung, chẳng còn bao xa, đi từ giã những người ngoại hộ, dặn rằng: "Duyên hư huyễn chẳng bền lâu, giờ sống thừa nên quí tiếc. Các vị hãy cố gắng niệm Phật, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi cõi Liên bang!" Đến ngày mùng hai tháng chạp, đại sư cảm bịnh nhẹ, đang chí tâm niệm Phật, bỗng thấy có vô số tràng phan từ phương Tây bay đến, liền nhìn môn đồ nói: "Cảnh Tịnh độ đã hiện, ta sắp về Tây phương!" Rồi bảo đại chúng, luân phiên trợ niệm. Sang ngày 17, vào giờ Thân, ngài nói với chúng rằng: "Hôm qua tôi thấy ba vị đại sĩ: Văn Thù, Quán Âm và Thế Chí. Hiện giờ lại được đức Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!" Đại chúng nghe nói, niệm Phật càng chí thiết. Đại sư ngồi thẳng, chắp tay hướng về Tây, bảo: "Xưng một câu hồng danh, thấy một phần tướng hảo!" Dứt lời, liền kiết ấn mà tịch.

Lúc ấy, tất cả chúng đều nghe mùi hương lạ ngào ngạt. Để lộ khám bảy ngày, dung sắc đại sư tươi như sống, tóc bạc biến thành đen. Lúc trà tỳ, được hơn một trăm hạt Xá lợi lóng lánh. Đại sư thọ được bảy mươi, tăng lạp bốn mươi chín.

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

(Liên Tông Thập Tam Tổ)

Ấn Quang đại sư, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm, người khoảng cuối Thanh sang kỷ nguyên Dân Quốc, con nhà họ Triệu ở Hiệp Tây. Thuở bé ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu, bài bác Phật pháp. Sau khi bịnh mấy năm, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

Niên hiệu Quang Chữ thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi mốt tuổi, căn lành thuần thục, ngài xuất gia với Đạo Thuần Hòa thượng tại chùa Liên Hoa Động ở núi Chung Nam. Ít lâu sau, lại được duyên thọ đại giới nơi chùa Song Khê, huyện Hưng An, với luật sư Ấn Hải Định.

Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng, sau tuy lành bịnh nhưng mục lực đã suy kém. Mắt vừa hơi đỏ, thì chỉ nhìn thấy cảnh vật lờ mờ. Lúc thọ giới Cụ túc, vì ngài cẩn thận và viết chữ khéo, nên được cử làm chức Thơ ký. Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết. Lúc trước nhân khi phơi kinh được xem bộ Long Thơ Tịnh Độ, biết rõ công đức Niệm Phật, nên kỳ thọ giới nầy, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, ngài vẫn ngồi niệm Phật. Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật. Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép. Khi giới đàn vừa mãn bịnh đau mắt cũng được lành. Do đây, ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Và nhân

duyên nầy cũng là đầu mối khiến ngài quy hướng Tịnh độ và khuyên người niệm Phật. Từ đó, đại sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam: Từ Phước Tự, Long Tuyền Tự, Viên Quảng Tự và sau cùng đến chùa Pháp Võ ở Phổ Đà Sơn.

Trong thời gian ấy, khi thì tham học, lúc duyệt tam tạng kinh, khi lại nhập thất, nên ngài ngộ sâu đến thượng thừa, lý sự đều vô ngại. Đại sư kiến thức cao siêu, làm việc cẩn thận nên hai phen được Hóa Văn Hòa thượng và Đế Nhàn Pháp sư mời làm đồng bạn đến đế đô thỉnh ba tạng kinh cho Pháp Võ Tự ở Phổ Đà Sơn và Đầu Đà Tự tại Ôn Châu. Cảm mến hạnh đức, Hóa Văn Hòa thượng thỉnh ngài về ở lầu Tàng Kinh tại chùa Pháp Võ để tĩnh tâm tu niệm. Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, đại sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật tam muội.

Nhưng chuông trống tuy đánh bên trong, tiếng thanh vẫn vang ra ngoài. Cao tăng dù muốn ẩn mình, thiên long cũng đưa duyên phổ hóa. Niên hiệu Trung Hoa Dân Quốc năm đầu, cư sĩ Cao Hạt Niên nhân khi hành hương đến chùa Pháp Võ, lúc trở về đem vài bài văn của đại sư đăng lên Phật Học Tòng Báo ở Thượng Hải, dưới đề tên là Thường Tàm. Tuy chưa biết đó là ai, nhưng văn tự Bát nhã đã khiến cho độc giả phát khởi căn lành, nhiều người đua nhau dò hỏi chỗ ở. Lúc ấy, đại sư vừa đúng năm mươi hai tuổi. Mấy năm sau, tung tích cũng bị người tìm biết được; lần lượt kẻ vượt bể lên non cầu lời khai thị, người mượn tin hồng nhạn hỏi lối nam châm. Cư sĩ Từ Huất Như sưu tầm văn tín của ngài in thành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao,

tái bản và tăng đính nhiều lượt, truyền bá cả trong đến ngoài nước.

Ban sơ, khi Từ cư sĩ đem mẹ lên núi cầu xin quy y, đại sư còn bền chí ẩn tu không chịu chấp nhận, bảo sang quy y với Đế Nhàn Pháp sư ở chùa Quán Tông tại Ninh Ba. Đến năm Dân Quốc thứ tám, cư sĩ Châu Mạnh Do đem quyến thuộc lên núi, ba bốn phen đảnh lễ cầu khẩn, xin thâu làm đệ tử tại gia. Đại sư quán xét cơ duyên, lý khó khước từ, bất đắc dĩ phải chấp thuận. Tính đến năm ấy, ngài được 59 tuổi, mới thâu đệ tử quy y lần đầu. Từ đó, hàng thiện tín kẻ viết thư cầu làm đệ tử, người lên non xin được quy y, tất cả đều y giáo phụng hành, ăn chay niệm Phật. Trong một đời giáo hóa, đệ tử tại gia của đại sư từ hạng quyền quí giàu sang, danh nhơn học sĩ đến kẻ thôn giã thường dân, số lên đến gần ba trăm ngàn người. Có nhiều vị niệm Phật tu hành được sanh về Cực Lạc.

Đại sư trì giới tinh nghiêm, giữ mình rất kiệm ước. Đồ phục dụng tốt đẹp, cùng thức ăn ngon quí người đem đến dâng, nếu không từ khước được, cũng chuyển tặng cho những vị xuất gia khác. Còn phẩm vật thông thường, thì đều chuyển giao cho nhà kho của chùa, để đại chúng cùng thọ hưởng. Bao nhiêu số tiền của đàn tín cúng dường riêng cho mình, ngài đều đem in kinh sách, hoặc cứu tế các nạn tai, hay giúp vào những cơ quan từ thiện. Riêng mình chỉ giữ phần cơm thô áo vải đến trọn đời. Đại sư tánh không thích phô trương, có vài Phật tử mến đức tìm tới tận quê nhà, sưu tập sự tích từ khi ngài còn bé qua giai đoạn xuất gia và ra đời hoằng hóa, viết thành tuyệt ký, rồi gởi đến xin hiệu chính, để ấn tống lưu truyền rộng ra. Ngài đều khước từ, gởi nguyên bản trả lại, khuyên xin vì mình mà dẹp bỏ đi.

Hai vị hiển quan: Đào Tại Đông và Hoàng Hàm Chi có viết thư đem đạo hạnh của đại sư trình lên Tổng thống Trung Hoa Dân Quốc. Ngài được Từ Tổng thống phong tặng tấm biển đề "Ngộ Triệt Viên Minh". Sai đoàn đại biểu đem đến tận chùa Phổ Đà, cùng hiến dâng nhiều hương hoa phẩm vật, song riêng ngài vẫn thản nhiên dường không hay biết. Đại sư có ba điểm đặc biệt khác hơn những vị xuất gia đương thời. Một là không lãnh làm trụ trì tự viện lớn, vì cho mình kém đức, e chướng ngại đến sự thanh tu. Hai là không thâu đệ tử xuất gia, vì xét thấy vào thời mạt pháp đã sâu, người xứng đáng với bổn phận xuất gia rất ít, nên không muốn gây nhiều hệ lụy. Ba là không quyên mộ khuyến hóa, bởi thẹn thấy nhiều kẻ vì lợi danh mà làm mất sự thanh khiết của nhà tu.

Về duyên hoằng hóa, đại sư quán xét vào thời mạt vận đạo đức lần suy, nhơn căn hầu hết đều kém yếu. Phần đông chỉ ở trình độ giữ Tam quy, Ngũ giới, niệm Phật ăn chay mà thôi. Như thế cũng gọi là đã có nhiều căn lành rồi. Còn hạng siêu xuất thì thật ra tuyệt ít. Vì thế, đại khái ngài chỉ khuyên giữ trọn luân thường, tin chắc nhân quả, lánh dữ làm lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây phương. Người đáng chiết phục, dù bậc thiền túc cự nho, đạt quan danh sĩ, cũng thẳng thắn chỉ trích. Kẻ đáng nhiếp thọ, tuy hàng sơ học hậu sanh, nông công nô bộc, cũng từ ái dạy khuyên. Cách giáo hóa của ngài, chỉ đem những sự lý thiết thật bình thường để khuyến ích, tuy chính mình hiểu sâu tông giáo, song không chuộng huyền luận cao đàm. Đại sư thường tán trợ vào các hội niệm Phật phóng sanh, khuyên giúp vào các viện Từ ấu, Dưỡng lão. Ngài cũng sáng lập ra Hoằng Hóa Xã, giao cho người coi sóc, mình lãnh phần chỉ

đạo, để ấn tống hoặc phát hành kinh sách và tượng Phật. Trong hơn hai mươi năm, nơi đây đã lưu hành trên một triệu bức tượng Phật, Bồ Tát và hơn năm triệu bộ kinh sách thích ứng với thời cơ.

Về công trình hộ pháp, lúc Âu chiến lần thứ nhứt, chính quyền có nghị định cho dời những kiều dân người Đức vào ở các chùa. Đại sư cố gắng vận động với bậc quyền thế, khiến cho bỏ qua việc đó. Từ năm Dân Quốc 11 đến năm Dân Quốc thứ 25, đã nhiều phen chính phủ theo lời đề nghị của những nhà đương quyền có óc duy vật, lần lượt đăng báo muốn sung tài sản chùa chiền vào công quỹ, chiếm các tự viện làm trường học. Đại sư họp sức cùng chư tăng sĩ và các cư sĩ hộ pháp, lập cách giải cứu, khiến cho đều được nạn khỏi tai qua. Ngoài ra, các tiểu tiết khác, ngài chỉ tùy thời dùng đôi lời nói, hoặc một phong thơ: đều tiêu trừ kiếp nạn.

Về phần linh cảm, năm đại sư bảy mươi tuổi được tăng chúng thỉnh về chùa Báo Quốc. Và cuối mùa hạ, nơi đây sanh ra loài rệp rất nhiều. Từ gối chăn màn nệm, đến cửa sổ án kinh, đâu đâu cũng thấy chúng bò lai vãng. Hàng đệ tử thương ngài tuổi già sợ không kham chịu sự quấy nhiễu, xin vào để tìm cách thâu nhập. Đại sư không chấp thuận, chỉ yên tâm niệm Phật cầu nguyện cho chúng đi, không bao lâu loài rệp đều tuyệt tích. Ngoài thời niệm Phật, ngài thường tụng chú Đại Bi vào tàn hương, gạo, hoặc nước, để cứu những bịnh nặng mà các y sĩ đều bó tay. Mỗi lần như thế đều ứng nghiệm kỳ lạ. Một hôm, nơi lầu Tàng Kinh chùa Báo Quốc, phát hiện ra vô số mối trắng. Ngài hay được liền trì chú Đại Bi trong nước, bảo đem đến vẩy rưới vào chúng. Loài mối đều kéo nhau bỏ đi nơi khác. Cư sĩ Cao Hạt Niên

có lời tự thuật: Sở dĩ ông biết Ấn Quang đại sư là bậc cao tăng, bởi ngài nói những lời rất thông thường, nhưng càng suy ngẫm càng thấy đúng với hiện cảnh và sau đó đều có ứng nghiệm. Kỳ lên núi Phổ Đà lần thứ nhứt, lúc nhà Thanh hãy còn, nhân ở ngụ tại chùa lâu ngày, cư sĩ có hỏi đại sư về cuộc diện mai sau. Ngài ứng khẩu đáp bằng một bài thi:

Tuần hoàn kiếp số rất bi thương!
Thoát khổ đâu hơn Cực Lạc bang?
Gắng niệm Di Đà về bản cảnh
Đừng mê trần lụy lạc tha hương
Bụi hồng nghiệp trước đời hư mộng
Lửa đỏ ngày sau nước họa ương
Khuyên sớm xa nơi nhiều kiếp nạn
Cùng nhau dạo bước đến Liên phương.

Trong bài thi, ngài ám chỉ nạn binh hỏa về sau, và khuyên người niệm Phật vậy.

Năm Dân Quốc thứ 17, đại sư thành lập Tịnh độ đạo tràng tại chùa Linh Nham, soạn ra chương trình quy củ giao cho Chân Đạt Hòa thượng nhiếp chúng trụ trì. Từ đó ngài về ở Tịnh thất tại Tô Châu. Sau thời niệm Phật, đại sư họp cùng cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, tu chỉnh bốn quyển Danh Sơn Chí, nói về linh tích các núi: Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa. Năm 77 tuổi, vì chiến cuộc bức bách, ngài từ Tô Châu dời về Linh Nham, an cư niệm Phật ba năm.

Năm Dân Quốc thứ 29, ngày 24 tháng 10, đại sư dự biết kỳ vãng sánh, cho triệu tập chư tăng và cư sĩ về chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, ngài suy cử Diệu Chơn

Hòa thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo: "Pháp môn Niệm Phật không có chi đặc biệt lạ kỳ. Chỉ cần khẩn thiết chí thành, thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn". Qua ngày mùng 4 tháng 11, đại sư cảm bịnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: "Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn, tôi sắp đi đây. Đại chúng phải tín nguyện niệm Phật cầu về Tây phương!" Nói đoạn, bước lại ghế ngồi kiết già, chắp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch. Lúc ấy, đại sư tăng lạp được sáu mươi, thế thọ tám mươi tuổi.

Rằm tháng hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ đại sư vãng sanh được một trăm ngày. Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ. Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo. Khi Chân Đạt Hòa thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc. Hôm sau Diệu Chơn Hòa thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy Xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc. Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh. Đại chúng lựa chia thành sáu phần:

1. Nha si Xá lợi, gồm : 32 cái răng.

2. Ngũ sắc Xá lợi châu, nhiều hạt tròn sáng.

3. Ngũ sắc tiểu Xá lợi hoa, hình như các đóa hoa nhỏ.

4. Ngũ sắc đại Xá lợi hoa, hình như những đóa hoa lớn.

5. Ngũ sắc huyết xa lợi, do huyết nhục hóa thành.

6. Ngũ sắc Xá lợi khối, gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc.

Tất cả đều để vào lồng kiếng, trân tàng tại bản sơn.

Kế tiếp hàng tăng ni và đệ tử lễ bái thỉnh cầu, vị nào có thành tâm khi bới tro tìm kiếm đều được Xá lợi. Như Quảng Hiệp Pháp sư ở Tân Gia Ba, Pháp Độ thượng nhơn ở Ngũ Đài, cư sĩ Ngô Quốc Anh ở Phi Luật Tân, cư sĩ Nhạc Huệ Võ ở Thượng Hải, mỗi vị đều được Xá lợi màu xanh, màu vàng, huyết sắc hoặc ngũ sắc. Đại sư lúc bình thời, ngôn hạnh chân thật, không biểu thị điều chi kỳ lạ, nên chẳng thể biết ngài chứng đắc đến đâu. Song hàng tăng tục xét qua đạo hạnh, sự hoằng hóa thuở còn sanh tiền, đến việc quy Tây và lưu Xá lợi khi viên tịch, đều nhận định ngài là bậc Thánh nhơn tái lai để tùy cơ độ sanh và hộ trì chánh pháp. Vì thế, nhân ngày kỷ niệm một năm viên tịch, các liên hữu tăng tục đồng suy tôn đại sư làm vị Tổ thứ 13 của Liên tông.

❁ ❁ ❁

LỜI PHỤ

Tịnh độ không có sự truyền thừa như chư Tổ như bên Thiền tông. Sở dĩ có chư Tổ Tịnh độ, là do các vị tăng tục môn Niệm Phật đời sau họp lại chọn những bậc siêu xuất mà suy tôn. Sự siêu xuất ấy biểu lộ trên ba quan điểm:

1. Về phần kiến thức, phải là bậc hiểu sâu cả Tông lẫn Giáo, ngộ đến Thượng thừa.
2. Về phần đạo hạnh, phải giới phẩm tinh nghiêm, tu hành tinh tấn. Khi lâm chung có triệu chứng vãng sanh.

3. Về phần hoằng hóa, phải có công tuyên dương Tịnh độ, hộ trì chánh pháp, khuyến đạo ngàn muôn người niệm Phật.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chỉ ghi có 11 vị Tổ tông Tịnh độ. Về sau nơi đạo tràng Linh Nham, ngài Ấn Quang họp các liên hữu tăng tục, suy tôn Hành Sách đại sư làm vị Tổ thứ 10, đưa Thật Hiền đại sư lên hàng thứ 11, và Tế Tinh đại sư lên hàng thứ 12. Sau khi Ấn Quang đại sư vãng sanh, chư liên hữu xét thấy ngài hạnh đức trang nghiêm có công lớn với Tịnh độ, mới họp lại đồng suy tôn lên làm vị Tổ thứ 13.

Thiền tông tuy có y bát truyền thừa, nhưng mục đích dùng để biểu tín với quần chúng. Sau đời Lục Tổ, chỉ truyền pháp không còn truyền y bát, vì lúc ấy thiền hóa đã thạnh hành. Bên Tịnh độ, chư đại sư cũng thuần vì bi trí lợi sanh, không tự gọi mình là Tổ. Chỉ sau khi các ngài viên tịch, người đời sau mới suy tôn lên. Nhưng thật ra, xét kỹ qua mọi phương diện, các vị đều là bậc thánh nhơn ứng hóa, xứng đáng được tôn là Tổ. Những bậc cao tăng thông thường không thể làm được như vậy.

Trong 13 vị Tổ của Tịnh độ, đã có bảy ngài nguyên là thiền sư được chánh truyền. Các vị ấy là: Thừa Viễn, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Hành Sách, Tinh Am và Triệt Ngộ. Tại sao các ngài đã ngộ thiền mà không hoằng Thiền, trở lại hoằng Tịnh? Trong đây có ba nguyên yếu:

1. ***Về pháp môn:*** - Trực chỉ thiền, chỉ có lợi cho bậc thượng thượng căn, hàng trung, hạ khó bề thể nhập *(Phi thượng thượng căn. Thận vật khinh hứa Tổ ngữ)*. Còn môn Tịnh độ, thì lợi khắp cả ba căn. Hàng thượng thượng căn tu Tịnh độ, có thể hiện đời ngộ được bản tâm, chứng Niệm

Phật tam muội, khi mạng chung sanh về Thượng phẩm. Dù kẻ tối hạ căn nếu chuyên niệm Phật, cũng được đới nghiệp vãng sanh, lên ngôi Bất thối. Khi đã vãng sanh, lễ cận Di Đà, gần gũi thánh chúng thọ mạng vô biên kiếp, lo gì không ngộ chân tâm, chứng thánh quả! Vì sự lời ích rộng rãi chắc chắn như thế, các ngài mới khuyên tu Tịnh độ.

2. ***Về thời tiết***: - Trong thời Chánh pháp, có thật hành phần nhiều đều chứng quả, hoặc đi sâu vào thiền định, để làm cơ bản cho những kiếp tu sau. Qua thời Tượng pháp, sự ngộ đạo còn có ít người huống chi là chứng! Đến thời Mạt pháp, như kinh Đại Tập nói: "Ức ức người tu hành, song khó tìm một người ngộ đạo". Dù được ngộ đạo, nhưng chưa phải chứng, phiền não nghiệp tập hãy còn, khi luân hồi bị phước báo làm mê, mười người đã thối chuyển hết chín. Do đó, từ cuối đời Tượng bước sang Mạt pháp, chư đại thiện tri thức lần lần chuyển hướng dạy người tu Tịnh độ. Vì bấy giờ thiền hóa còn thạnh hành, các ngài phải thị hiện phương tiện, trước triệt ngộ thiền cơ, sau hoằng dương Tịnh độ, mới được người đương thời tín nhiệm tuân hành.

3. ***Về cơ duyên***: - Từ đầu Mạt pháp trở về sau, căn cơ của quần chúng hầu hết là hạng trung hạ. Muốn thật hiện mục đích lợi sanh trong thời đại nầy, chư Bồ Tát phải tùy cơ duyên mà chủ trương Tịnh độ. Các tông khác tuy cũng rất cần chấn hưng, nhưng chỉ thuộc phần thứ yếu, bởi sự lợi ích không được phổ cập. Từ trước chư tôn túc trong các tông khác cũng xét biết điều nầy, nên tuy vẫn hoằng dương bổn môn, mà phần nhiều đều quy hướng Tịnh độ. Như Chân Yết Liễu thiền sư nói: "Những vị dưới tông Tào Động đều mật tu Tịnh độ, bởi Tịnh độ thấy Phật còn dễ hơn Thiền

tông" *(Động hạ nhất tông giai cụ mật tu, dĩ Tịnh độ kiến Phật vưu giản vị ư tông môn)*.

Về như thời cận đại, Đế Nhàn Pháp sư tuy truyền bá tông Thiên Thai, song vẫn niệm Phật. Khi sắp viên tịch, ngài đọc lời kệ khuyến tấn đại chúng:

Tôi nhờ niệm Phật. Thọ dụng chân thật.
Tịnh độ hiện tiền. Chúng gắng tinh chuyên!

Ấn Quang Pháp sư trong bức thư gởi cho Thể An Hòa thượng, có nói: "Trong mấy mươi năm lịch duyệt bắc nam, đi về hàng muôn dặm, tôi kinh nghiệm thấy những vị thông minh hiểu suốt tông giáo, khinh thường Tịnh độ, khi lâm chung phần nhiều mê loạn, đôi khi có trạng thái kêu la. Còn những người chân thật niệm Phật, dù tín nguyện chưa chí thiết, không có thoại tướng lúc lâm chung, nhưng họ chết đều an ổn cả".

Cho nên, từ lúc sanh tiền cho đến khi quá vãng, môn Niệm Phật đích thật là con thuyền cứu khổ nhơn sanh trong thời buổi nầy vậy.

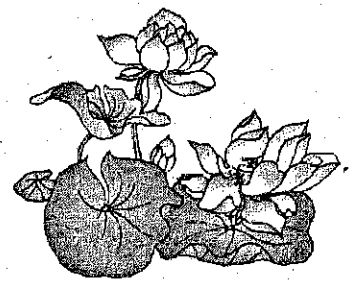

PHẦN BA

TỨ CHÚNG VÃNG SANH

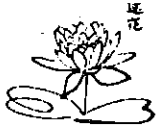

HUỆ VĨNH

Huệ Vĩnh đại sư, người đời Tấn, họ Phan quê ở Hà Nội. Năm mười hai tuổi ngài xuất gia, theo thừa sự Sa môn Trúc Đàm Hiện. Ban sơ, đại sư tu thiền định ở Hằng Sơn. Kế lại cùng với ngài Huệ Viễn y chỉ tu học với Đạo An Pháp sư.

Niên hiệu Thái Nguyên năm đầu, đại sư đến Lô Sơn. Quan Thứ sử Đào Phạm mến hạnh đức, giữ nhà mình đem lên núi xây cất thành ngôi Tây Lâm để cúng dường. Ngài giữ nét thanh đạm từ hòa, mặc áo vải, ăn cơm rau, đoan nghiêm kiệm ước sửa mình, mặt đường tỏ vẻ tươi cười, lời nói không thương tổn đến người cùng vật loại.

Về sau, đại sư để cảnh Tây Lâm cho chúng tu tịnh hạnh ở, riêng mình rời lên đảnh Lô Sơn, dựng một ngôi tĩnh thất lợp tranh, để thiền tư và niệm Phật. Khách lên non viếng thăm, đến trú xứ của ngài, thường nghe mùi hương lạ nhẹ nhàng thanh thoát. Nhân đó, hàng đạo tục thời bấy giờ gọi chỗ ở của đại sư là Hương Cốc. Không bao lâu, có con mãnh hổ tới lưu trụ nơi tĩnh thất của ngài, để hầu hạ và giữ

gìn. Những tục khách vãng cảnh làm huyên náo, và các thú khác đến, đều bị hổ đuổi đi.

Có một độ đại sư nhân Phật sự phải xuống núi, lúc trở về thì đã xế chiều. Khi đến Ô Kiều, gặp vị tướng chủ binh trại ở đó say rượu, cỡi ngựa đón đường không cho đi. Thấy trời sắp tối, ngài cầm tích trượng chỉ con ngựa, ngựa bỗng sợ hãi lồng lên, hất viên tướng té xuống cầu. Đại sư bước tới đỡ dậy an ủi, bảo quân hầu cận đưa về dinh. Nhân đó vị tướng cảm bịnh, khi lành mạnh vội lên non sám hối. Đại sư bảo: "Đó không phải là chủ ý của bần đạo, mà chính là thần Hộ giới xui nên đấy!" Lại một lúc nọ, Trấn nam tướng quân Hà Vô Kỵ, cho bộ tốt mời ngài đến nhiệm sở ở Tầm Dương, ý muốn vấn nạn. Nhưng khi thấy đại sư mang dép cỏ, ôm bát, cầm tích trượng tới nơi, thần thái thanh nhã phiêu diêu, nét mặt đoan nghiêm điềm tĩnh, tướng quân bỗng sanh lòng nể sợ cảm phục, tiếp đãi một cách ân trọng, rồi cho quân sĩ hộ tống đưa về. Hàng đạo tục nghe biết chuyện đó quy hướng ngày thêm đông nhiều.

Bình thời, đại sư siêng năng tinh tu không nài khổ nhọc, chí nguyện mãn báo thân được sanh về Cực Lạc. Niên hiệu Nghĩa Huy năm thứ mười, ngài xuống Tây Lâm, kế liền cảm bịnh nhẹ. Vài hôm sau, đại sư đang nằm, bỗng ngồi dậy vén áo tìm dép muốn bước đi. Đại chúng hỏi, ngài đáp: "Tây phương tam thánh đã đến!" Nói xong đứng chắp tay niệm Phật mà hóa. Thọ được 83 tuổi.

Khắp ngôi Tây Lâm, mùi hương lạ bay ngào ngạt, bảy hôm sau mới lần tan.

HUỆ KIỂN

Đời Tấn, Huệ Kiền pháp sư, họ Hoàng Phủ, người ở Bắc địa. Ngài xuất gia thuở bé, nghiêm giữ giới hạnh, tiết tháo cứng cỏi. Tuổi trung niên, lên Lô Sơn nương với Viễn công hơn mười năm. Thấy đạo đức của Viễn công cũng đủ chấn hưng đạo phong ở vùng ấy, Huệ Kiền phát tâm du hóa các xứ Ngô, Việt để hoằng dương chánh pháp.

Vào đầu niên hiệu Nghĩa Hy, Pháp sư về trụ trì chùa Gia Tường ở Sơn Âm, khuyến hóa hàng tăng tục, tinh khổ hướng dẫn đại chúng tu hành. Như thế, trải qua năm độ nắng mưa, ngài nhiễm bịnh, tự biết mình sắp mãn phần, chí thành niệm cầu với đức Quán Thế Âm, nguyện sanh về An Dưỡng.

Phía Bắc vùng Sơn Âm có một ni tự, trụ trì là sư cô Tịnh Nghiêm, nguyên bậc người đạo đức giới hạnh. Một đêm, sư cô mộng thấy đức Quán Thế Âm từ cửa thành Tây đi đến, tướng đẹp mầu, phóng ánh sáng trong suốt rực rỡ hơn vầng nhật nguyệt. Trước sau tùy tùng các hàng thánh chúng, tràng phan, hoa cái hiển hiện trang nghiêm. Sư cô đảnh lễ thưa hỏi rằng: "Kính bạch đại sĩ! Chẳng hay pháp giá quang lâm về đâu?" Bồ Tát đáp: "Ta đến chùa Gia Tường đón rước Huệ Kiền Pháp sư". Bên nầy, Kiền công cũng trông thấy thánh tướng, tuy đau nhiều, vẫn tinh tấn trì niệm, thần sắc như thường. Lúc ấy, thị giả và đại chúng đều nghe mùi hương lạ. Giây lát, Pháp sư chắp tay viên tịch.

Hàng đạo tục nghe biết việc nầy, đều ngợi khen hâm mộ.

TĂNG TẾ

Tăng Tế pháp sư, người đời Tấn, chưa rõ xuất xứ từ đâu. Sau khi thọ đại giới, ngài lên Lô Sơn gia nhập Bạch Liên Xã, theo Viễn công tu học. Pháp sư ngộ sâu đến chỗ tinh yếu, hạnh giải siêu quần.

Hơn ba mươi tuổi, ngài thường xuống núi, đi khắp các thôn ấp khai giảng, hóa đạo quần chúng niệm Phật tu hành, được người đương thời xem như hàng sư tượng. Viễn Công hằng khen ngợi rằng: "Cùng với ta hoằng dương đại pháp, hẳn là Tăng Tế nầy chăng?"

Về sau, Pháp sư đau nặng, khẩn thiết niệm Phật, tưởng thánh tướng cõi Tây phương. Viễn công đến thăm, trao cho một cây đuốc, dạy rằng: "Ông nên vận tâm tưởng niệm về An Dưỡng!" Tăng Tế vâng lời, cầm đuốc nương nơi ghế, thỉnh chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ, tự mình nhìn đuốc, định tâm chuyên tưởng không tán loạn. Đến canh năm, Pháp sư trao cây đuốc cho đệ tử là Nguyên Bậc, dặn bảo theo chúng tu hành. Kế đó ngài tạm nằm nghỉ, mộng thấy mình cầm đuốc bay lên hư không về Tây phương, được đức A Di Đà tiếp dẫn để trên bàn tay, đưa đi dạo khắp mười phương quốc độ. Tỉnh giấc, Pháp sư mừng bảo chúng: "Tôi chỉ quán niệm có một đêm, liền được Phật tiếp dẫn, hiện tại thân không còn bịnh khổ nữa!"

Đêm sau, ngài đang ngồi bỗng đứng dậy, chăm chú nhìn lên hư không, rồi bảo Nguyên Bậc rằng: "Thánh tướng hiển hiện rất đẹp mầu. Phật đã đến rước, ta đi đây!" Rồi đứng xây mình hướng về Tây, chắp tay mà tịch. Lúc ấy nhằm thời tiết nóng bức, quàn để ba ngày mà thi thể không

biến đổi, mùi hương lạ vẫn bay thanh thoát. Pháp sư thọ được 45 tuổi.

HUỆ CUNG

Đời Tấn, tăng sĩ Huệ Cung, người ở đất Dự Chương, huyện Phong Thành. Mến hạnh đức của Viễn công, ông kết bạn với chư sư: Tăng Quang, Huệ Lan, lên Lô Sơn cùng gia nhập Bạch Liên Xã, nương ở với đại chúng đồng tu học.

Hai vị kia tuy sức học không bằng Huệ Cung, song hạnh tu Tịnh độ lại chuyên thiết chí thành hơn. Huệ Lan thường bảo Cung rằng: "Thầy tuy học rộng nghe nhiều, tài năng biện luận thông suốt, nhưng há không nhớ trong kinh có lời dạy: "Như kẻ điếc tấu âm nhạc cho mọi người thưởng thức, mà chính mình không tự nghe hay sao?" Huệ Cung chỉ mỉm cười, không mấy tin nhận để ý.

Bảy năm sau, Tăng Quang và Huệ Lan kế tiếp nhau vãng sanh, khi lâm chung đều có điềm lạ ứng hiện. Bóng quang âm không dừng nghỉ, lại qua năm độ xuân sang, Huệ Cung bỗng cảm bịnh nặng. Chừng ấy, sư chợt tỉnh ngộ, tự than rằng: "Cuộc luân hồi sáu nẻo, bánh xe sống chết quay mãi không dừng, ta sẽ đi về đâu?" Nói xong rơi lệ như mưa, gắng gượng đến trước bàn Phật sám hối. Đoạn, quyết chí xả thân liều chết, niệm Phật không xen hở. Hơn hai mươi hôm sau, sư bỗng mộng thấy Phật A Di Đà bưng đài vàng đến

rước, tự thân nhẹ bay lên kim đài. Lại thấy Tăng Quang, Huệ Lan ngồi trên đài sen, ở trong ánh quang minh, bảo rằng: "Trưởng lão vãng sanh tất vào ngôi thượng phẩm, chúng tôi khôn xiết an ủi vui mừng! Chỉ hận đã chìm lâu nơi cõi trược, duyên bạn lành tương hội hơi trễ muộn đó thôi!"

Tỉnh giấc, Huệ Cung bạch lại với đại chúng, rồi chắp tay vui vẻ phấn chấn niệm Phật mà tịch. Bấy giờ, vào khoảng niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười một.

LƯU TRÌNH CHI

Cư sĩ Lưu Trình Chi, người đời Tấn, hiệu là Trọng Tư, cư ngụ tại Bành Thành. Ông mồ côi cha từ bé, thờ mẹ rất có hiếu.

Lớn lên, cư sĩ theo học Nho, kiêm thông về thuyết Lão, Trang. Tánh ngay thẳng, không chiều uốn theo thời tục. Ban sơ, ông làm chức Tham quân tại phủ nhà. Hàng công khanh thấy là người có tài cán, trước sau đua nhau tiến cử, nhưng Lưu Trình Chi đều khước từ. Về sau, nghe Huệ Viễn Pháp sư ở chùa Đông Lâm tại Lô Sơn, đang tu môn Niệm Phật tam muội, nhân thân mẫu quá cố, hiếu sự đã xong, cư sĩ lên non xin nương ở. Viễn công hỏi: "Đường quan lộc của ông hãy còn cao xa, tại sao không tiến bước?" Trình Chi đáp: "Nhà Tấn không được bền vững như đá bàn, lòng người lại dễ rã tan như trứng vỡ, tôi chẳng muốn rơi

vào vòng hệ lụy!" Từ trước, ông đã có tánh bất khuất như thế, nên Lưu Dũ, một danh sĩ, từng đặt cho ngoại hiệu là Dị Dân.

Lúc ấy lại có các thanh tín sĩ như: Tông Xác, Châu Tục Chi, Trương Dã, Lôi Thứ Tôn, Trương Thuyên, Tất Vĩnh ... lần lượt đến Lô Sơn. Khi số người câu hội đã khá đông, Viễn công kiến lập Bạch Liên Xã, suất lãnh đại chúng đối trước tượng Tây phương tam thánh, nguyện đồng tu tịnh nghiệp, và giao cho Trình Chi làm văn phát thệ chạm vào bia đá.

Về sau, cư sĩ qua Tây Lâm, cất một am nhỏ bên bờ suối bắc, nghiêm giữ tịnh giới, kiêm hạnh thiền tụng niệm Phật. Được nửa năm, trong định ông thấy ánh sáng của Phật chiếu xuống mặt đất đều thành sắc vàng ròng. Lại qua mười lăm năm, trong khi đang niệm Phật, cư sĩ thấy đức A Di Đà phóng ánh sáng từ tướng bạch ngọc hào soi đến mình, duỗi cánh tay vàng buông xuống như tiếp dẫn và khuyến tấn an ủi. Trình Chi thưa: "Ước chi được Như Lai tay vàng xoa nơi đảnh, áo pháp phủ nơi thân con!" Đức Phật mỉm cười, xoa đầu và kéo áo cà sa phủ trên mình ông. Kế đó không bao lâu cư sĩ lại mộng vào ao thất bảo, thấy nước lạnh dường lóng lánh trong suốt, hoa sen các sắc đua nở rực rỡ. Một vị đầu hiện viên quang, ngực có chữ vạn chỉ nước ao bảo: "Hãy uống đi! Chính là bát công đức thủy đấy!" Trình Chi vâng lời vốc nước uống, cảm thấy vị thơm ngon. Lúc thức tỉnh mùi hương lạ phát ra từ các lỗ chân lông. Cư sĩ thuật lại các điều ấy, và nói với đại chúng rằng: "Duyên Tịnh độ của tôi nay đã đến thời thành thục!" Kế đó sắm lễ, thỉnh chư tăng tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, riêng mình lễ Phật và quì xuống niệm hương khấn nguyện rằng: "Do di

giáo của đức Bổn sư, con mới biết được y chánh cõi Tây phương. Nén hương nầy xin trước cúng dường đức Thích Ca Như Lai, kế đó cúng dường đức A Di Đà Chánh giác, và sau cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Con được sanh Tịnh độ nhờ công đức niệm Phật và trì tụng kinh nầy. Xin nguyện cùng tất cả hữu tình đồng sanh Cực Lạc!"

Khóa tụng hoàn mãn, cư sĩ giã biệt đại chúng, lên giường nằm nghiêng về Tây, chắp tay yên lặng mà hóa, thọ được 59 tuổi. Lúc ấy nhằm năm thứ sáu niên hiệu Nghĩa Hy.

TRƯƠNG KHÁNG

Trương Kháng, người thời Thạch Tấn, chưa được rõ xuất xứ. Vào triều đại bấy giờ, ông làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

Tuy thân nơi hoạn lộ, song chí ở Liên trì, ông tụng chú Đại Bi mười muôn biến nguyện sanh về Cực Lạc. Khóa tụng vừa đủ số, cư sĩ vương bịnh, chỉ chuyên trì Phật hiệu. Một hôm, ông bỗng gọi gia nhơn bảo: "Cảnh Tây phương Tịnh độ rất gần, chỉ ở bên phía tây mái nhà nầy. Ta thấy Phật A Di Đà ngồi trên hoa sen, còn thằng Ông Nhi ở trên đất Kim sa nơi ao thất bảo, đang chơi đùa và lễ Phật". Nói xong, xướng Phật hiệu liên tiếp, giây lát ngưng niệm yên lặng mà vãng sanh.

Ông Nhi là cháu nội của Trương Kháng, tuổi còn bé; đã niệm Phật và mãn phần trước đó ít lâu.

KHUYẾT CÔNG TẮC

Khuyết Công Tắc, người ở nước Triệu. Đời Võ Đế nhà Tấn, ông cư ngụ tại Lạc Dương, tánh tình phóng khoáng điềm đạm, mỗi ngày thường tụng kinh Chánh Pháp Hoa.

Sau khi ông mãn phần, một thân hữu đến chùa Bạch Mã, lập trai hội để truy tiến cầu siêu cho. Đêm lại, khi chư tăng tụng kinh xong, bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói. Tất cả đều ngước lên xem, thấy một vị hình tướng sáng đẹp, trông xuống bảo: "Tôi là Khuyết Công Tắc, hiện đã sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới. Nay cùng với chư Thượng thiện nhơn đến đây nghe kinh!"

Có ông Vệ Sĩ Độ ở Cấp Quận, lúc trước theo học với Khuyết Công Tắc. Mẹ ông vẫn thường đến chùa cúng dường chư tăng. Khi đó bà cũng phụ việc trai cúng trong pháp hội cầu siêu. Hôm sau, vừa sắp đến giờ ngọ, bà bỗng thấy một cái bát từ hư không sa xuống trước mặt. Bà cùng ông Vệ Sĩ Độ nhìn kỹ, thì đó là cái bát mà ông Khuyết Công Tắc vẫn thường dùng lúc sanh tiền. Trong bát đựng đầy hương phạm, mùi thơm bay khắp trai đường. Mỗi người thử ăn một muỗng, kết quả đến bảy ngày sau đều không thấy đói, các lỗ chân lông bay ra hơi thơm. Danh sĩ Chi Đạo Lâm nghe biết việc ấy, làm bài tán khen ngợi rằng:

Cao cả thay Khuyết Công!
Lặng sáng mà hiển linh.
Chánh niệm thần về miền Lạc cảnh.
Giác mê tích ứng tại Đông kinh.
Trong mây dường rõ tiếng,
Nét ngọc khó quên hình!
Nhiệm mầu khen nói khôn cùng tận!
Phật thánh ai rằng chuyện mộng mình?

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Sang hèn niệm Phật chẳng hoài công
Đều được thần thông tướng tốt đồng.
Rải diệu sắc hoa làm Phật sự
Khắp vì trần cõi nối hương phong.
Quang minh soi đến thân điềm lạc
Âm nhạc nghe rồi ngộ khổ không.
Tựa ngọc lan can xem bảo thọ
Không ngằn cõi Phật hiện bên trong.

❁

Kinh hành nhẹ gót đất kỳ trân
Cỏ lạ hoa tươi mỗi bước xuân.
Thanh Tịnh đã không ba ác đạo
Trang nghiêm thường có các thiên nhân.
Trống treo quán nhật khi chiều xuống
Cảnh Phật tùy tâm thấy hiện lần.

Vô thỉ kiếp mê chừ mới tỉnh
Quê xưa nào cách điểm tiêm trần!
Ao báu lầu đài khắp chốn thanh
Mây lành ánh thoại diệt rồi sanh.
Đã không tửu sắc lìa phiền não
Dù có thiên ma chẳng đấu tranh.
Khát uống cam tuyền loan phụng múa
Nhàn nghe nhạc thọ đức tâm thành.
Những mong gởi chất hoa sen ngọc
Dạo đất lưu ly lắng tiếng oanh.

❁

Bọt bóng bền chi chút huyễn thân!
Sao còn buông thả niệm tham sân?
Đường tu thẳng tắt mau tìm đến
Lối mộng mờ mê gắng thoát lần.
Giữ giới dường như băng tuyết sạch
Gìn tâm cho được thánh hiền gần.
Nẻo về Tây cảnh không xa lắm!
Một niệm quay đầu thấy tánh chân.

TĂNG DUỆ

Tăng Duệ pháp sư, người vào thời Nam Bắc Triều, ở Ngụy quận thôn Trường Lạc. Từ thuở bé, ngài đã mến hạnh xuất gia, nhưng đến mười tám tuổi mới đạt chí nguyện. Sau khi xuống tóc, ngài

nương theo Tăng Hiền đại sư làm đệ tử. Ngoài hai mươi tuổi, Pháp sư rộng thông kinh sử, đi du lịch các danh đô, tùy xứ diễn thuyết giáo pháp.

Pháp sư thông ngộ tuyệt thế, những bậc thầy dạy như Tăng Lãng thượng nhơn khi giảng kinh Phóng Quang Bát Nhã, phải nhiều phen đối đáp khó khăn trước lời hỏi của ngài. Lúc giảng diễn giữa đại hội, Pháp sư trả lời thông suốt, biện luận tuôn tuôn như suối trào qua những lời vấn nạn, khiến thính chúng đều khuynh phục. Diêu Hưng vua nhà Tần, hỏi quan Tư Đồ là Diêu Tung rằng: "Duệ Công nhơn phẩm như thế nào?" Đáp: "Đó là cây tòng bá cao lớn nơi vùng Nghiệp, Vệ!" Tần chúa cho triệu thỉnh đến, các hàng công khanh đều tập họp, ý muốn xem tài khí của ngài ra sao. Pháp sư ngôn luận cao nhã uyên thâm, khiến vua Tần nhìn Diêu Tung và các triều thần bảo: "Đây là bậc tiêu lãnh trong bốn biển, nào phải chỉ riêng cây tòng bá ở vùng Nghiệp, Vệ đâu!"

Sau ngài theo La Thập thượng nhơn đến Quan Trung. Thượng nhơn trao cho ba quyển kinh Thiền Pháp Yếu Giải. Pháp sư xem rồi, y theo đó ngày đêm tu tập, tinh luyện Ngũ môn, khéo vào Lục tĩnh. Những kinh của Thượng nhơn phiên dịch, Tăng Duệ cùng các bậc danh đức khác đều có tham dự vào ban khảo chính. Trong ba ngàn môn đồ của ngài La Thập, Tăng Duệ, Tăng Triệu, Đạo Sinh, Đạo Dung, vì hạnh giải siêu tuyệt, nên được người đương thời tôn là Tứ Thánh. Kế đó, Pháp sư lại tới Lô Sơn nương theo Viễn công tu tịnh nghiệp.

Về sau, ngài đến kinh đô, trụ nơi chùa Ô Y, giảng thuyết các kinh, thính chúng đều tinh phục. Pháp sư nghiêm giữ giới hạnh, khéo nhiếp oai nghi, hoằng dương chánh

pháp chuyên tinh niệm Phật, nguyện đem các công đức hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Khi nằm ngồi, ngài đều không dám xây lưng về phương Tây.

Vào năm Nguyên Gia thứ mười sáu, một hôm không đau bịnh chi, ngài bỗng cho họp tăng chúng, ngỏ lời từ biệt. Kế đó đi tắm gội, rồi đắp y lên đại điện đốt hương lễ Phật. Đoạn trở xuống ngồi ngay ngắn nơi thiền tọa, day mặt về Tây chắp tay mà hóa.

Hôm ấy, cả chùa đều thấy khói thơm năm sắc từ phòng ngài bay ra. Pháp sư thọ được 67 tuổi.

HUỆ SÙNG

Huệ Sùng đại sư, người ở Lương Châu, thời Ngụy Võ Đế. Ngài là bậc đạo hạnh uyên thâm, được quan Thượng thơ Ngụy triều là Hàng Vạn Đức tôn làm môn sư. Đại sư cùng danh tăng Thích Huyền Cao mà hàng tăng tục lúc ấy mến đức xưng tụng là Thế Cao đồng được người đương thời tôn trọng kính ngưỡng.

Sau Ngụy Võ Đế nghe lời sàm tấu của quan Tư đồ Thôi Hạo và đạo sĩ Khấu Khiêm Chi, hạ lịnh hủy diệt Phật pháp. Thái tử Hoảng vì thông tin trước cho chư tăng hay để trốn tránh dấu cất kinh điển và pháp khí, nên bị đắc tội. Việc ấy liên lụy đến ngài Huyền Cao và Huệ Sùng, nên cả hai đều bị gia hình.

Bấy giờ, có tăng sĩ Pháp Đạt vốn hâm mộ đức hạnh của ngài Huyền Cao, nghe được tin ấy tuyệt thực thương khóc mấy ngày. Đang lúc bi ai, bỗng thấy Huyền Công từ hư không bay đến. Pháp Đạt đảnh lễ, nhân hỏi ngài cùng Huệ Sùng đại sư hiện sanh về nơi nào? Huyền Cao đáp: "Ta nguyện sanh ở nơi cõi trược để cứu độ chúng sanh, hiện đã chuyển thế. Còn Sùng công thường cầu về Cực Lạc, nay ý nguyện cũng đạt thành". Nói xong liền ẩn mất.

ĐÀM GIÁM

Thích Đàm Giám, họ Triệu, người thời Nam Bắc Triều, ở Ký Châu. Ông xuất gia thuở bé, thờ ngài Trúc Đạo Tổ làm thầy. Tánh thanh đạm, Pháp sư ăn cơm rau, mặc áo vải, giữ luật hạnh rất tinh khổ. Sau lại du phương đi khắp nơi hoằng pháp độ người. Khi tới Kinh Châu, ngài dừng bước tịnh tu ở ngôi Tân Tự tại Giang Lăng. Bấy giờ xuân thu đã hơn sáu mươi tuổi.

Bình sanh, nếu có làm chút điều lành, Pháp sư đều hồi hướng cầu về Tây phương, nguyện được thấy Phật. Một hôm, trong khi thiền định, ngài thấy Phật A D Đà thân tướng rất cao đẹp trang nghiêm, cầm hoa sen rưới nước nơi đầu và mặt, dùng Phạm âm trong thanh vi diệu bảo: "Ta rưới pháp thủy gội rửa trần cấu, làm cho tâm ngươi thanh tịnh, khiến cả ba nghiệp đều được nghiêm sạch!" Nói đoạn, lại lấy một cành hoa sen trong bình báu trao cho.

Sau khi xuất định, pháp sự tỏ bày sự sống chết vô thường cùng đại chúng, và dặn dò hậu sự. Đêm đã khuya, chư tăng đều lui về liêu phòng, ngài đi chậm rãi nơi hành lang niệm Phật đến canh năm, tiếng càng lúc càng khẩn thiết. Đến sáng, đệ tử y thường lệ vào phòng thăm hỏi, thấy Pháp sư ngồi ngay thẳng bất động, lại gần xem thì đã viên tịch. Lúc ấy, ngài hưởng thọ được 70 tuổi.

Thời bấy giờ, lại có Thích Đạo Hải ở Giang Lăng, Thích Huệ Khảm ở Bắc Châu, Thích Đàm Hoằng ở Hoài Nam, Thích Huệ Cung ở Đông Châu, Thích Đạo Quang ở Đông Viên, Thích Đạo Quang ở Hoằng Nông, cùng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc, khi lâm chung đều có điềm lành. Sự vãng sanh của chư đại đức kể trên, gây rất nhiều tín tâm cho hàng đạo tục.

ĐẠO TRÂN

Thích Đạo Trân, chưa được rõ xuất xứ. Vào đầu đời nhà Lương, Pháp sư tu ở Lô Sơn, tập quán tưởng đức A Di Đà, nhưng chí vãng sanh còn chưa nhất quyết.

Một đêm, ngài mộng thấy có nhiều người ngồi thuyền lướt nhẹ trong biển cả, hỏi đi đâu, đáp rằng: Về cõi Cực Lạc. Đạo Trân ngỏ ý muốn xin theo, một vị trong thuyền bảo: "Ông chưa làm nhà tắm cho chư tăng và tụng kinh A Di Đà, tịnh nghiệp chưa thành, làm sao đi được?" Tỉnh giấc, Pháp sư lo công đức làm nhà tắm cho chư tăng, và tụng kinh A Di Đà trải nhiều năm không gián đoạn. Về sau, đang ngồi quán tưởng trong phòng, ngài bỗng thấy có vị tăng bưng đài bạc đến nói: "Khi báo thân mãn, Pháp sư sẽ ngồi đài nầy. Xét theo công hạnh, ngài đáng ngồi đài vàng. Nhưng vì khi mới phát nguyện, tâm ngài còn do dự, nên chỉ được ngần ấy mà thôi!" Lúc xuất quán, Đạo Trân có niềm vui, song không nói lộ ra, chỉ ghi việc ấy vào nhựt ký cất kê trong hòm kinh.

Sau ngài mãn phần vào lúc giữa đêm. Người trong làng thấy như có vài ngàn cây đuốc thắp sáng từ lưng chừng núi trở lên. Họ nghĩ: chắc có lẽ là vị vương hầu nào đó lên non lễ Phật. Sáng ra hỏi lại, mới biết là điềm lạ lúc Đạo Trân Pháp sư viên tịch. Hàng đệ tử nhân mở hòm kinh, tìm thấy nhựt ký, mới biết đó là thoại ứng về sự vãng sanh.

ĐÀM LOAN

Đời Bắc Ngụy, Đàm Loan pháp sư người ở Nhạn Môn, tỉnh Sơn Tây. Thuở niên thiếu, nhân du lãm cảnh Ngũ Đài Sơn, thấy thần tích linh dị, ngài phát tâm xuất gia.

Về sau, trong khi đọc kinh Đại Tập, thấy văn nghĩa sâu mầu, Pháp sư nguyện chú giải ra cho mọi người đều thông hiểu. Nhưng sự nghiệp ấy mới được nửa chừng, ngài bỗng phát bịnh nặng, thay thầy đổi thuốc nhiều phen. Sau khi đã

ĐẠO DŨ

Thích Đạo Dũ, chưa rõ xuất xứ, thường ở chùa Khai Giác, chuyên niệm Phật. Sư có tạo tượng đức A Di Đà bằng gỗ chiên đàn, cao độ ba tấc mộc. Mỗi khi trì niệm, hằng để tượng Phật trên đầu.

Một hôm, trong khi tĩnh định, thần thức đến Cực Lạc, sư thấy một hiền giả mới sanh về đó đi nhiễu quanh hoa sen đẹp ba vòng, cánh sen liền nở ra. Hiền giả bước vào ngồi giữa đài hoa. Sư cũng y theo, đến một đóa sen nhiễu ba vòng, nhưng hoa không nở. Sư dùng tay kéo cánh hoa, song tất cả bỗng đều héo rũ. Vừa lúc ấy, Phật A Di Đà hiện thân bảo: "Nghiệp chướng của ngươi hãy còn, phải trở về thành tâm sám hối mới có thể vãng sanh được! Tại sao ngươi tạo tượng ta quá nhỏ như thế!" Đạo Dũ thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Tâm lớn Phật lớn, tâm nhỏ Phật nhỏ". Nói xong, liền thấy thân đức A Di Đà to lớn đầy khắp hư không. Phật bảo: "Ngươi hãy về tắm gội, khi sao mai mọc ta sẽ đến rước". Xuất định, Đạo Dũ tắm gội sạch sẽ, thành tâm lễ Phật sám hối thật lâu. Xong, thuật lại mọi việc khuyên đại chúng tinh tu và ngỏ lời từ biệt. Đến thời, sư ngồi niệm Phật giữa tiếng niệm Phật của chư tăng. Tất cả đồng thấy Phật đến rước, quang minh chiếu rực rỡ, trong tịnh thất sáng như ban ngày. Khi ánh sáng tắt, đại chúng lại xem thì sư đã viên tịch.

Lúc ấy nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ tám.

TRÍ KHẢI

Trí Khải đại sư, họ Trần, tự Đức An, quê ở Vĩnh Xuyên thuộc Kinh Châu, tỉnh Hồ Bắc. Đại sư ứng thế vào khoảng các đời Lương, Trần, Tùy. Bà mẹ mộng thấy mây thơm năm sắc hiện ra đoanh vây nơi thân rồi vào bụng, mà cảm mang thai ngài. Đêm đại sư đản sanh, trong nhà hương thơm bát ngát, thần quang chiếu sáng rực rỡ.

Ngài sanh ra đã bẩm tướng lạ: mày thanh tú, mắt dài sáng, mỗi tròng mắt có hai con ngươi nằm ngang. Nơi hai tay, mỗi cùi chỏ đều có bốn cục xương gu. Khi nằm tất nghiêng bên hữu, chắp hai tay. Lúc ngồi thì thường kiết già day mặt về Tây. Vừa hơi lớn, thấy tượng Phật liền lạy; gặp người xuất gia, tỏ dáng cung kính.

Năm lên bảy ngài theo mẹ vào chùa Quả Nguyện. Nghe một vị tăng tụng phẩm Phổ Môn, liền đọc lại thuộc lòng, như đã có học tập từ trước. Lúc mười bảy tuổi, đang khi lễ Phật rồi quì xuống thệ nguyện xuất gia, ngài bỗng như vào mộng, thấy cảnh giới biển rộng mênh mông, nước ngâm trong vắt. Gần mé biển có một tòa non cao chớn chở, mây phủ lưng chừng, mặt trời chiếu sáng. Khi ấy ngài thấy mình đứng dưới núi, trên đảnh có vị tăng cúi xuống đưa cánh tay dài kéo lên, dẫn vào một ngôi già lam, bảo: " Về sau, ông sẽ trụ nơi đây để hoằng hóa".

Năm mười tám tuổi, ngài nương theo Pháp Chữ thượng nhơn ở Quả Nguyện Tự tại Sương Châu xuất gia. Kế đó, lại đến chùa núi Đại Hiền học tập Luật tạng, tụng kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Pháp Hoa, và tu Phổ Hiền Quán. Vào đầu niên hiệu Thiên Gia, nghe danh đức của Huệ Tư thiền

sư ở núi Đại Tô tại Quảng Châu, đến tham bái. Huệ Tư vừa nhìn thấy ngài liền bảo: "Ta với ông xưa kia đồng nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở Linh Sơn đại hội, túc duyên theo đuổi, nay lại gặp nhau!" Nhân đó thiền sư khai thị về Tứ an lạc hạnh, và dạy cách kiến nhập Phổ Hiền đạo tràng. Đại sư lãnh giáo, nương tại đây nhập quán tu Pháp Hoa tam muội. Vừa được hai thất, khi tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương câu: "Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai ...", thân tâm chợt rỗng không, lặng lẽ vào định. Trong định, ngài thấy hội Linh Sơn vẫn còn hiển hiện đông đảo chưa tan, liền thấu suốt ý chỉ Pháp Hoa và các pháp tướng, túc thông thầm phát. Đại sư đem sở chứng bạch với ngài Huệ Tư. Thiền sư than thở ngợi khen bảo: "Chỉ riêng ông mới chứng, duy có ta mới biết! Định cảnh ấy thuộc về tiền phương tiện và Pháp Hoa tam muội. Chỗ phát túc thông thuộc Sơ Triền Đà Ra Ni môn. Từ đây về sau, dù cho ngàn muôn văn tự pháp sự, cũng không thể làm cạn nguồn biện luận của ông được!"

Niên hiệu Đại Kiến năm đầu đời Trần, ngài đến chùa Ngỏa Quan ở Kim Lăng khai giảng Pháp Hoa. Vua sắc chỉ đình triều một ngày, bảo quần thần tề tựu lại chùa nghe giảng đề kinh. Năm Đại Kiến thứ bảy, đại sư đến núi Thiên Thai ở miền duyên hải để tránh duyên an dưỡng. Đi tới ngọn núi phía nam, ngài trông thấy cảnh bỗng bồi hồi xúc động. Nơi đây có vị thần tăng hiệu là Định Quang đã cư ngụ từ ba mươi năm trước. Khi gặp nhau, thần tăng bảo: "Ông còn nhớ điềm ta đưa lên núi chăng? Ở sơn lãnh phía bắc có một nơi ngân địa, hãy lên đó kiến lập già lam độ chúng". Đại sư y lời đến xem thấy cảnh đúng như điềm ứng trước, liền xây dựng chùa, trồng cây thông, dẫn nước suối,

khiến cho ngôi tự viện càng thêm u nhã. Từ đó ngài giảng diễn các kinh giáo đại thừa, như Pháp Hoa, Kim Quang Minh, luận Ma Ha Chỉ Quán, rộng mở về thiền pháp, hàng tăng tục nương về ngày càng thêm đông. Về phần chư thần quy hướng, như cha con Quan thánh và Võ An Vương đều hiển linh cầu thọ giới, xin làm đệ tử hộ pháp.

Không bao lâu, đại sư lại nhận lời thỉnh của vua nhà Trần, trở về Kim Lăng giảng kinh Pháp Hoa Văn Cú tại chùa Quang Trạch. Nhà Trần mất, ngài vào Lô Sơn, kế lại châu du các miền Kinh, Dương hoằng pháp. Năm Khai Hoàng thứ mười bốn đời Tùy, lại trở về núi Thiên Thai.

Công nghiệp lợi sanh của đại sư rất nhiều, nơi đây chỉ thuật phần đại khái. Trước sau, ngài tạo 36 ngôi chùa lớn, tổ chức cho biên chép 15 pho đại tạng kinh, độ hơn 14.000 vị xuất gia, trong đó có 32 bậc cao đồ đắc pháp, tạo 800.000 tượng Phật, Bồ Tát bằng vàng, đồng, cây chiên đàn, hoặc những thứ gỗ khác, khai 63 ao phóng sanh ở các vùng Hộ, Khê, Lương dài khoảng ba trăm dặm, soạn thuật các tập như Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Ma Ha Chỉ Quán, Kim Quang Minh Văn Cú, Quán Kinh Sớ cùng nhiều kinh luận khác, mở những đàn truyền giới và các khóa diễn giảng khuyến hóa ngư dân miền duyên hải bỏ nghề chài lưới, cùng viết biểu tâu với vua nhà Trần xin xuống chỉ cấm việc sát sanh quanh vùng bờ biển núi Thiên Thai. Tóm lại, trong hai đời Trần và Tùy, ngài là bậc đại pháp vương hộ trì chánh giáo. Thái tử Tấn Vương Quảng *(Dạng đế)*, từng thỉnh ngài đến hoàng cung cầu xin thọ giới Bồ Tát và tôn hiệu là Trí Giả đại sư. Sau ngài lại về quê cũ ở Kinh Châu, kiến thiết chùa Ngọc Tuyền, giảng dạy kinh pháp để báo ân người hương lữ.

Về ý nghĩa pháp môn Tịnh độ, trong Thập Nghi Luận, đại sư đã khai thị yếu lược như sau:

- "Muốn quyết định được sanh về Cực Lạc, phải có đủ hai hạnh: Yếm ly, Hân nguyện, nghĩa là chán bỏ và vui cầu.

- Yếm ly là thế nào? Nên xét nghĩ: hàng phàm phu chúng ta từ kiếp vô thỉ đến nay, vì đắm say tự ràng buộc theo năm điều dục lạc là: Sắc đẹp, tiền của, danh vị, ăn uống và ngủ nghỉ, mà bị luân hồi trong sáu đường, chịu đủ không ngằn sự khổ não. Nếu chẳng khởi tâm chán bỏ, thì biết chừng nào mới được thoát ly? Phải quán xét tâm giả tạm nầy, bề ngoài chỉ một lớp da mỏng manh che phủ, bên trong chứa đầy các thứ tanh hôi như: ruột, gan, óc, phổi, xương, thịt, máu, mủ, đàm, dãi, nước tiểu, phẩn uế. Cửu khiếu lại thường tiết ra các thứ không sạch, các lỗ chân lông hằng ra mồ hôi bợn nhơ. Kinh Niết Bàn nói: "Thân nầy như vòng thành nhơ uế, loài quỉ La Sát ngu si hằng tham trước nương ở trong đó. Người có trí ai lại đắm luyến huyễn thân?" Lại trong kinh bảo: "Thân nầy không bền lâu, là chỗ nhóm họp của các thứ khổ, các thứ nhơ nhớp; là nơi sanh khởi các thứ ung nhọt ghẻ lác, các bịnh trong và ngoài. Thân nầy do phiền não dâm dục gây ra, là nghiệp chủng không sạch: Do tinh cha huyết mẹ hòa hợp, là mầm giống không sạch. Ở trong thai mẹ chật hẹp tối tăm nhơ nhớp, là chỗ trụ không sạch. Khi còn trong thai dùng chất máu huyết để sống, là sự ăn uống không sạch. Do sản môn sanh ra, là chỗ sanh không sạch. Từ bé đến già bề ngoài bao lớp da mỏng, bên trong đầy thứ tanh

nhơ, lại đủ các sự suy yếu bịnh khổ, là cả thân không sạch. Lúc chết rồi lại sình thối nát rã, vòi tửa lúc nhúc, là kết cuộc không sạch. Thường quán sát bảy điều không sạch như thế, tất sẽ sanh niệm chán lìa. Dù chưa thể liền dứt được nghiệp vợ chồng, thì phiền não ái dục cũng lần lần nhẹ bớt. Lại phát nguyện mong sớm bỏ thân nhơ nhớp khổ não, cầu sanh Cực Lạc, được thân bằng chất báu ngọc kim cương đủ 32 tướng tốt, lần lần tiến chứng vào thân pháp tánh sáng suốt lặng trong.

- Còn Hân nguyện là thế nào? Nên nghĩ, nay ta cầu sanh Tịnh độ, trước là để được sống trong cảnh lầu các, cây hoa, ao hồ, âm nhạc, chim lạ, đủ vô lượng thứ báu, vô lượng sự trang nghiêm vui đẹp ở Liên bang. Sau đó, tiến tu để độ mình, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh trong vòng mê khổ. Nay ta nghiệp chướng nặng đầy, đạo lực yếu kém, nếu không biết tự lượng, mê ở cõi đời nhơ ác, cảnh duyên phiền não mạnh, tất sẽ bị sóng nghiệp cuốn lôi chìm đắm, sự độ mình không rồi, nói chi độ chúng? Như thế biết chừng nào mới thoát ly khỏi kiếp sa đọa luân hồi? Nếu được về Cực Lạc, tất ở cõi nghiêm sạch trang nghiêm, sống lâu vô lượng kiếp, gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đủ các thuận duyên tiến tu, không còn lo thối chuyển. Khi đã chứng quả vô sanh, phân vô lượng thân vào các cõi trược, độ vô biên loài hàm thức, nào có muộn gì? Cho nên phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, tức là phát tâm bồ đề, tức là phát tâm cầu Phật quả, tức là phát tâm độ chúng sanh, tức là phát tâm nhiếp hóa chúng sanh về cõi Phật vậy".

Năm Khai Hoàng thứ bảy đời Tùy, khi hóa duyên đã mãn, sắp nhập diệt, đại sư tập họp chúng bảo tụng các kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ, rồi khen ngợi rằng: "Lành thay Diệu Pháp Liên Hoa kinh, cha mẹ của pháp môn, bản tích rộng lớn, nhiệm mầu khó lường! Lành thay Vô Lượng Thọ kinh, bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, ao sen cây báu, dễ vãng sanh mà ít kẻ nguyện cầu! Người tạo ngũ nghịch thập ác tướng địa ngục hiện, một niệm cải hối còn được sanh về, huống là bậc giữ giới chuyên tu, tất công phu không luống uổng vậy!" Hàng đệ tử là Trí Lãng Pháp sư thưa thỉnh rằng: "Xin mở lượng từ bi, giải tỏ niềm nghi hoặc. Chưa rõ tôn đức chứng đến ngôi vị nào và khi mạng chung sẽ sanh về đâu?" Đại sư đáp: "Nếu ta không lãnh chúng, tất chứng vị Thanh tịnh lục căn. Vì tổn mình lợi người, nên chỉ đến ngôi Ngũ phẩm. Hiện thời các hàng thầy bạn theo hầu Phật và đức Quán Âm, Thế Chí đến rước ta vãng sanh!" Nói xong, hướng về Tây chắp tay xưng niệm A Di Đà Phật, Bát Nhã, Quán Âm rồi lặng lẽ như vào tam muội mà tịch.

Lúc ấy, nhằm ngày 24 tháng 11, đại sư thọ được 67 tuổi. Khi sắp đưa linh quan về ngọn Phật Lũng để nhập tháp, mưa to xối xả không dứt. Các đệ tử cầu nguyện, mưa liền tạnh ráo, bầu trời trở nên trong sáng, gió thông vi vút tợ kêu thương, nước suối tràn reo như bi cảm. Lúc đưa linh quan đến tháp, trời mưa hương hoa lạ rơi lác đác, mọi người cầu nguyện đều được cảm ứng. Đại khái như Thích Huệ Diên ở chùa Thiên Hương, tả kinh Pháp Hoa cầu đại sư xác nhận đã sanh về cõi nào? Đêm lại, nằm mộng thấy ngài theo đức Quán Âm từ phương Tây đi đến bảo: "Ta về cõi Cực Lạc ở Hoa Tạng thế giới, ông đã dứt hết lòng nghi

chưa?" Đại sư là Sơ tổ tông Thiên Thai, lịch đại truyền thừa, đến nay môn phong hãy còn thạnh.

TRÍ THÔNG

Trí Thông pháp sư, họ Trình, quê ở tỉnh Hà Đông. Từ thuở bé ngài đã mộ đạo, thường cầu xin xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ, cuối cùng đều vui lòng chấp thuận, bảo hãy đợi hơi khôn lớn, qua mười tuổi sẽ cho xuống tóc.

Sau khi chí nguyện đạt thành, Pháp sư kính thuận thờ thầy không nài khổ nhọc, nghiêm giữ giới hạnh. Ngày đêm, lúc nào rỗi rảnh lại siêng năng niệm Phật tụng kinh. Sau ngài đến học kinh luật với Diên Pháp sư và Tuấn Luật sư. Học nghiệp đã thành, về chuyên tu Tịnh độ tại chùa. Ngoài ra còn kiêm tạo các phước lành như truyền giới, thuyết pháp, lập nhà Dưỡng lão, viện Cô nhi, thật hành cả tài thí lẫn pháp thí.

Năm Đại Nghiệp thứ bảy đời Tùy, vào tháng mười, Pháp sư nhiễm bịnh; dạy thị giả trợ niệm hồng danh A Di Đà Phật, một lòng hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Được vài hôm, ngài bỗng chợt ngồi dậy, mở mắt nhìn chăm chú về Tây giây lâu, rồi bảo: "Cảnh mầu đẹp không thể nghĩ bàn!" Vị tăng thị giả là Đảnh Cái hỏi, Pháp sư đáp: "Ta thấy lọng hoa, tràng báu cùng điện tháp rất trang nghiêm!" Đến tối bỗng hỏi: "Làm gì mà đốt đèn đuốc quá sáng chói như thế?" Rồi liền bảo tắt đèn. Giây lâu lại bảo: "Ồ lạ! Sao ánh

sáng càng thêm rực rỡ?" Đảnh Cái thưa: "Đó tất là tướng tịnh nghiệp của thầy hiển lộ, không có chi lạ!" Trí Thông nghe nói, chắp tay niệm Phật đến sáng, rồi bảo: "Xin giã từ đại chúng, tôi sanh về Tịnh độ". Nói xong liền viên tịch.

Lúc bấy giờ bỗng nhiên đất núi đều rung động, cửa song rách nứt. Vị tăng tại bản tự Đạo Huệ đang nằm mơ màng, mộng thấy nơi đảnh non sau chùa hiện lên lầu đài điện các, từ từ nhẹ nương hư không bay thẳng về Tây.

PHÁP TRÍ

Đời Tùy, Thích Pháp Trí, chưa rõ xuất xứ, xuống tóc ly gia hồi còn thơ ấu. Lớn lên sư thường đến các hội giảng diễn lưu ý ghi nhớ các lời thuyết pháp.

Lúc tuổi già, sư nghe nói: tu hành thẳng tắt không chi hơn niệm Phật, liền đến thưa với một vị cao đức rằng: "Tôi thấy luật dạy: phạm giới điều nhỏ phải bị đọa địa ngục trải qua một trung kiếp, thì có thể tin. Nhưng kinh nói: Chí thành niệm một câu A Di Đà Phật, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử, lại chưa thể tin nhận!" Vị ấy bảo: "Đó đều là lời Phật dạy, tại sao ông lại sanh niệm tà kiến, tin điều nầy mà phủ nhận điều kia?" Sư nghe nói như chợt tỉnh ngộ, đến Đâu Suất Đài ở chùa Quốc Thanh, ngày đêm chuyên cần niệm Phật.

Một hôm đang khi trì niệm, sư bỗng thấy hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân. Lại ngày khác, cảm ánh sáng

từ bình báu nơi thiên quan của đức Đại Thế Chí soi chiếu đến thân. Khi sắp mãn phần, Pháp Trí đi từ giã các hàng đạo tục và bảo: "Tôi sắp về cõi Phật, các vị có chi để tiễn đưa chăng?" Theo lời ấn định, chúng hẹn sau ba ngày sẽ đến chùa thết tiệc tiễn hành. Đến kỳ, sau bữa ngọ trai, trong đại chúng có nhiều vị ở nghỉ lại phòng của sư để chờ xem.

Nửa đêm ấy, Pháp Trí đang ngồi niệm Phật nơi giường, chúng bỗng thấy ánh sáng kim sắc từ phương Tây chiếu đến, soi rộng xa ước vài trăm dặm. Lại xem, thì sư đã viên tịch. Lúc bấy giờ người trong các thuyền ở trên sông vùng gần đó, đều lầm tưởng rằng trời đã sáng. Nhưng giây lát trời bỗng tối lại, chờ đợi thật lâu mới thấy rạng đông. Hỏi ra, trong chùa bảo đó là điềm lành khi sư vãng sanh về Cực Lạc.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Người ngự sen lành, ao bảo trân
Long lanh nước bạc chiếu kim thân.
Tâm nhuần pháp diệu tiêu trần cấu
Chí độ hàng mê thoát khổ luân.
Hoa Tạng bể mầu chơi dạo khắp
Niết Bàn nhân đẹp đủ mười phân
Ta Bà biết mấy quang âm đổi?
Cực Lạc thường hằng một kiếp xuân!

❁

Cõi tịnh mong về bất tử hương
Ráng mây chiều tối ngắm tàn dương.
Hoa quỳnh cây bích tươi muôn vẻ
Điện ngọc lầu châu đẹp khác thường.
Sen báu long lanh theo nhạc gió
Nước ngân thấp thoáng bóng oan ương.
Lắng nghe bỗng ngộ vô sanh khúc
Tên họ ghi lên Tuyển Phật trường.

❁

Đôi phen mộng đến cảnh Liên bang
Lối cũ quê xưa hiện rõ ràng.
Phơ phất phướng châu muôn nguyệt sáng
Lửng lơ lọng báu ức mây vàng.
Chim lành tắm gội ao kim thủy
Hoa lạ đua tươi vẻ ngọc lan.
Đang giấc chợt như ai gọi thức
Lò hương khói thoảng trống canh tàn!

❁

Đài dao đầy gió, nước đầy ao
Muôn đóa sen lành tốt đẹp sao!
Khổng tước thanh hòa kêu nhã điệu
Thân tâm lặng lẽ thoát trần lao.
Ca sa đâu dụng đường kim tuyến
Anh lạc sáng tuôn ánh ngọc hào.
Lễ Phật vô vàn thân tướng hảo
Đạo mầu ngộ pháp tổng trì cao.

PHÁP HỶ VÀ THỌ HỒNG

Đời Tùy, Thích Pháp Hỷ, chưa rõ xuất xứ, chỉ thấy thường đi khắp nơi tham phỏng các bậc tri thức. Sự tu học của sư có thể gọi là tinh cần không chán mỏi.

Năm sáu mươi tuổi, sư mới được duyên lành gặp ngài Trí Giả ở núi Đại Tô, một phen nghe pháp âm liền được thâm ngộ. Từ đó Pháp Hỷ song tu thiền huệ và niệm Phật. Một thời kỳ, sư đang thật hành môn Phương đẳng tam muội, trong định bỗng thấy có con chim trĩ đến kể oan khúc đòi nợ mạng. Vừa lúc đó, thần Hộ pháp hiện thân quở chim trĩ rằng: "Pháp sư sắp sanh về Tịnh độ, trong tương lai khi chứng đạo sẽ tế độ cho. Ngươi hãy lui đi, không nên khuấy rối!"

Khi gần mãn phần, sư đau bịnh, phát nguyện đem công đức tu một đời, hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Rồi xả bỏ tất cả, chí tâm niệm Phật. Lúc lâm chung, sư thấy đức Phật, hai vị Bồ Tát và chư thánh chúng đến rước, liền ngồi ngay ngắn mà thoát hóa.

Cùng thời gian ấy, có sư Thọ Hồng, người ở Phần Dương, hằng chuyên niệm Phật cầu sanh Tây phương. Khi lâm chung sư thấy các thiên đồng ở cung trời Đâu Suất đem phướn lọng, tấu âm nhạc xuống rước. Thọ Hồng từ khước nói: "Tôi cầu về Cực Lạc, không muốn sanh lên cõi trời!" Đoạn liền nhờ chúng cao tiếng niệm Phật. Giây phút, sư lại bảo: "Đức A Di Đà từ phương Tây đã đến!" Nói xong, liền chắp tay mà viên tịch.

HAI SA DI

Đời Tùy, tại Văn Châu, có hai Sa Di chưa rõ người ở đâu, đồng tâm nguyện tu môn Niệm Phật. Trải qua năm độ tháng mưa, vị lớn tuổi hơn trong cơn bịnh chết ngất, thần thức đến Tịnh độ, thấy Phật đảnh lễ và thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Có em Sa Di nhỏ tuổi cùng tu với con, không biết sẽ được vãng sanh chăng?" Phật bảo: "Do y khuyến khích, ngươi mới phát tâm. Nay ngươi hãy tạm trở về, gắng tu hành tinh tấn, ba năm sau cả hai sẽ đồng đến đây".

Đúng kỳ hạn, hai Sa Di thấy Phật và thánh chúng từ Tây phương đến rước. Lúc ấy cõi đất rung động, hoa trời rơi xuống phơ phất lượn bay. Chúng xem lại, cả hai đồng chắp tay ngồi thoát hóa.

ĐẠO KIỆT

Đạo Kiệt pháp sư, họ Dương, người An ấp tỉnh Hà Đông, thuở còn bé đã có tâm xuất thế. Đời Tùy, năm Khai Hoàng thứ mười một, ngài nương theo Quýnh đại sư xuống tóc, thọ giới Cụ túc. Kế lại đến Thanh Châu, nghe Hà Ký luận sư giảng về Thành Thật Luận.

Khi thầy thế độ mãn phần, ngài lại châu du sang nước Tề, sưu tầm về Luận học. Pháp sư hằng mở các khóa diễn giảng, được số đông đại chúng nương theo tín phục. Thời gian lâu sau, ngài bỗng suy nghĩ rằng: "Từ trước đến nay ta chỉ chuyên theo ngôn từ lý thuyết, nên đường chân tâm còn hãy mịt mờ, Muốn phát khởi trí huệ vô sanh, tất cần phải do nơi thiền định". Nghĩ đoạn, bèn đình việc diễn giảng, sang Ma Cốc nương theo Chân Huệ đại sư học tham thiền. Lâu ngày, Pháp sư ngộ sâu vào lý duyên khởi, được ngài Chân Huệ tán thán khen là bậc lợi căn.

Đạo Kiệt tánh người thiểu dục ít nói, lạnh nhạt lợi danh, sự ăn mặc rất là thanh đạm. Những cảnh vui hoặc khổ xô đến, Pháp sư vẫn điềm nhiên. Về sau, ngài làm tòa chủ chùa Thê Nham. Niên hiệu Trinh Quán năm đầu đời Đường vào ngày 28 tháng bảy, Pháp sư viên tịch tại bản sơn, thọ 55 tuổi.

Đương thời có cư sĩ Phần Xước ở Tang Tuyền, trước kia nguyên là vị tăng, nhân vua nhà Châu phế hủy Phật giáo, phải về tục. Tuy làm kẻ bạch y, cư sĩ vẫn thường tham dự các pháp hội, được Đạo Kiệt Pháp sư rất quí trọng. Sau khi cư sĩ từ trần, một hôm hai cô con gái đồng nằm mơ thấy cha từ hư không bay đến bảo: "Ta đã vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Nay biết Đạo Kiệt Pháp sư sắp mãn phần, nên đến đón rước về Liên bang". Nói xong, đi thẳng qua hướng chùa Thê Nham.

Hôm ấy, Đạo Kiệt vì đau bịnh nên đình giảng. Khi lâm chung, ngài thấy thánh chúng và cư sĩ Phần Xước đứng giữa hư không tiếp dẫn. Cả chùa đều nghe mùi hương lạ và tiếng thiên nhạc rền rang.

QUÁN ĐẢNH

Quán Đảnh đại sư, họ Ngô, người đất Chương An, huyện Lâm Hải. Ngài sanh ra vừa được ba tháng, đã có thể xưng danh hiệu Tam bảo. Khi lên bảy tuổi, vào chùa Nhiếp Tịnh xuất gia. Niên hiệu Trí Đức năm đầu đời Trần, ngài đến yết kiến Tổ Trí Giả ở chùa Tu Thiền, nghiên tập Quán pháp được mong ấn khả. Nhân đó ngài theo làm thị giả, những pháp của Tổ nói, đều có thể lãnh ngộ.

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Tổ Trí Giả viên tịch, Quán Đảnh đại sư thay thế truyền dương giáo pháp Thiên Thai, siêng tu định huệ. Mỗi khi ngài ngồi tụng kinh, thường có thiên hoa phơ phất rơi xuống gần bên mình. Một độ nọ, đại sư đang giảng kinh Niết Bàn tại chùa Nhiếp Tịnh, bỗng có một toán cướp tràn tới hò hét sắp hành hung. Vừa khi ấy nơi cửa chùa hiện lên thần binh cao lớn hơn một trượng, cờ xí kiếm kích rạng ngời. Bọn cướp kinh hãi, tan rã bỏ chạy.

Niên hiệu Trinh Quán thứ sáu đời Đường, ngày mùng bảy tháng tám, đại sư viên tịch tại chùa Quốc Thanh. Khi ngài mới nhiễm bịnh, nơi tịnh thất thoảng bay mùi hương lạ. Lúc lâm chung, đại sư dạy đệ tử rằng: "Hãy đốt nhiều danh hương, ta sắp đi đây!" Nói xong, bỗng đứng lên chắp tay như cung kính ai, ba lần xưng Nam mô A Di Đà Phật nhan sắc tươi vui. Kế đó về chỗ nằm mà tịch. Khi đã vãng sanh, nơi đảnh của đại sư còn nóng suốt ngày, thọ 72 tuổi.

ĐẠO NGANG

Đời Đường, Đạo Ngang Pháp sư quê ở Ngụy quận. Ngài sanh ra, phong thần thanh sáng, huệ giải như đã sẵn tu tập từ kiếp trước. Lớn lên nương theo Linh Dũ thượng nhơn xuất gia, nghiên tầm giáo điển, tu tập chuyên cần.

Một hôm, ngài đang giảng Hoa Nghiêm Địa Luận tại chùa núi Hàng Lăng, vào lúc hoàng hôn, trời bỗng âm u sụp tối, không kịp thắp đèn đuốc. Pháp sư đưa cao bàn tay lên, liền phát ra dị quang chiếu sáng rực cả giảng đường. Đại chúng thấy thế đều kinh lạ. Người bảo: "Ánh sáng ấy vẫn hằng ở nơi tay tôi và khắp chỗ, đâu có chi là ly kỳ!" Bình thời, Pháp sư rộng kết duyên bạn sen cùng nguyện sanh về An Dưỡng. Về sau, ngài ngụ tại Báo Ứng Tự, dự biết ngày vãng sanh, cho báo tin cùng các hàng thân trí, dặn khoảng đầu tháng tám đến chùa để giã biệt.

Đến kỳ hạn, đại chúng tề tựu, thấy Pháp sư vẫn như thường, không đau bịnh chi cả. Trong lúc mọi người còn phân vân, ngài an nhiên đắp y lên tòa cao, khuyến dẫn chúng thọ giới Bồ Tát, lời và ý đều khẩn thiết, thính giả vừa kính sợ vừa cảm động. Gần đến giờ ngọ trai, bỗng có tiếng thiên nhạc du dương thanh điệu nổi rền rang giữa hư không. Pháp sư ngước mắt nhìn lên rồi bảo chúng: "Chư thiên cung trời Đâu Suất vân tập đông đảo đến đón rước tôi. Nhưng thiên đạo vẫn còn trong nẻo luân hồi, không phải là điều riêng ưa thích. Tôi hằng cầu Tịnh độ, sao tâm nguyện chưa thấy đạt thành?" Nói xong, âm nhạc và thiên chúng từ từ ẩn mất lên cao, trong giây phút đều lặng lẽ. Vừa lúc ấy, hương hoa cùng kỹ nhạc từ phương Tây đầy dẫy như mây, bay đến

xoay vần trên đầu ngài, cả chúng đều nghe thấy. Pháp sư bảo: "Linh thoại ở Liên bang đã ứng hiện đón rước, đại chúng ở lại yên ổn, tôi đi đây!"

Nói xong, chiếc thủ lô từ nơi tay rơi xuống, Pháp sư ngồi vãng sanh ngay nơi bản tọa. Lúc ấy nhằm năm Trinh Quán thứ bảy, ngài thọ được 69 tuổi.

ĐẠO XƯỚC

Đạo Xước thiền sư, người đời Đường, họVệ, quê ở Văn Thủy tại Tinh Châu. Thuở bé ngài đã có tánh cung kính khiêm nhường, hàng hương lý đều mến chuộng. Ngài xuất gia hồi mười bốn tuổi, sau khi học giáo điển, lại theo Tảng thiền sư tập tham thiền.

Về sau, ngài trụ trì chùa Huyền Trung tại Thạch Bích thuộc miền Văn Thủy. Chùa nầy do Đàm Loan Pháp sư kiến lập từ trước. Đạo Xước mến hạnh tu Tịnh độ của Loan Pháp sư, hằng lặng lòng quán tưởng, khi ngồi thường hướng về phương Tây, sáu thời lễ kinh không thiếu sót. Ngài định khóa mỗi bữa niệm Phật bảy muôn câu. Có một vị tăng, trong định thần thức dạo đến cảnh trang nghiêm ở Tây phương, thấy Đạo Xước tay lần tràng hạt sắc sáng đỏ, số hạt chuỗi rất nhiều, cao như non thất bảo. Ngoài ra, còn các điềm thoại ứng khác của ngài không thể thuật hết. Thiền sư thường vì đại chúng giảng kinh Vô Lượng Thọ và Thập Lục Quán đến vài trăm lượt. Sau khi giảng xong,

thính chúng mỗi vị đều lần chuỗi niệm Phật, tiếng vang như sóng biển dâng trào. Có lúc chúng lại tản mát xung quanh niệm Phật, âm hưởng vang động núi rừng.

Bình thời ngài khuyến khích đại chúng tu tịnh nghiệp, ý vị sâu sắc, lời lẽ như suối tuôn. Thính chúng đều cảm động, nhiếp niệm quên duyên, một lòng niệm Phật. Đôi khi có kẻ tà kiến lên non muốn kích bác, nhưng khi thấy oai dung của ngài, đều lặng lẽ ra về. Thiền sư có trứ tác hai quyển An Lạc Tập, bao gồm những điểm thiết yếu của các ngài: Long Thọ, Thiên Thân, Huệ Viễn, Đàm Loan, được người đương thời trân trọng.

Năm Trinh Quán thứ hai, vào ngày mùng tám tháng tư ngài biết thọ số không còn bao lâu, cáo tri trước cho khắp hàng đạo tục xa gần. Hôm ấy, đại chúng đến chùa chật nức cả trong ngoài. Sau thời khuyến dụ, đại chúng đều thấy Đàm Loan Pháp sư ngồi trên thuyền thất bảo giữa hư không, bảo Đạo Xước rằng: "Điện các ở cõi Tịnh độ của ông đã hiện thành, chỉ còn dư báo tại Ta Bà chưa dứt đó thôi!" Chúng lại thấy Hóa Phật trụ giữa hư không, thiên hoa từ trên lác đác rơi xuống. Các hàng thiện tín lấy vạt áo hứng được, thấy cánh hoa trơn đẹp đáng yêu, nhiều mầu sắc lạ. Có kẻ thử cắm trên đất, đến bảy ngày vẫn chưa héo. Đại chúng đều vui mừng ngưỡng mộ, than thở khen là điềm rất ly kỳ. Từ ngày ấy trở đi, báo thân của thiền sư thêm khỏe mạnh, dung sắc càng tươi tắn. Ít lâu sau, ngài vãng sanh, thọ hơn tám mươi tuổi.

Bấy giờ có Thích Đạo Phủ cùng ngài Đạo Xước đồng chí hướng, mỗi khi gặp nhau đều lấy sự vãng sanh Tịnh độ làm ước hẹn. Sau khi thiền sư viên tịch ba hôm, Đạo Phủ nghe tin, than thở bảo: "Ta thường hẹn sẽ vãng sanh trước

ông, nay kết cuộc lại đi sau. Nhưng cũng chẳng ngại chi, chỉ cần gia công thêm một chút, tất sẽ theo kịp!" Nói xong tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật lễ nguyện trì niệm một lúc lâu. Kế đó lui ra, ngồi kiết già nơi thiền tọa chắp tay mà hóa.

TĂNG HUYỀN

Đời Đường, Tăng Huyền pháp sư, người ở Tinh Châu rộng thông giáo điển, hạnh giải tương ưng. Đến chín mươi sáu tuổi, ngài theo Đạo Xước thiền sư giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, lại được xem hai quyển An Lạc Tập, mới phát tâm niệm Phật. Có kẻ bảo là tu hành trễ muộn, mạng sống còn chẳng bao lâu, tịnh nghiệp khó thành thục, e không được vãng sanh. Pháp sư đáp: "Kinh nói: Khi lâm chung hồi tâm niệm mười niệm cũng được vãng sanh về Tịnh độ. Tôi còn rộng ngày giờ hơn thế, lo gì không được vãng sanh?"

Vì e thọ số sắp mãn, mỗi ngày đêm Pháp sư lễ Phật một ngàn lạy, niệm Phật chín muôn câu. Trải qua năm năm như thế, một lòng hành trì không biếng trễ. Một hôm ngài cảm bịnh nhẹ, gọi đệ tử bảo rằng: "Tây phương tam thánh đã đến, thân tướng trang nghiêm, quang minh rực rỡ. Đức A Di Đà Thế Tôn trao cho ta áo Cà sa thơm đẹp. Hóa Phật hiện đầy khắp cả hư không. Các ông hãy cố gắng tinh tu, ta đi đây!" Nói xong ngồi chắp tay mà hóa. Mùi hương lạ thanh thoảng bảy ngày vẫn chưa tan.

Bấy giờ có, hai vị Pháp sư là Khải Phương, Viên Quả mục kích việc ấy, phát tâm về chùa Ngộ Chân ở huyện Lam Điền, kiết kỳ chuyên niệm Phật. Cả hai cùng bẻ một cành dương đem để trong tay tượng đức Quán Thế Âm, khấn rằng: "Nếu chúng con đồng được vãng sanh, xin nguyện cho cành cây nầy trong bảy ngày không héo". Qua bảy hôm, cành dương đã không rũ héo mà còn thêm xanh tươi. Hai vị đều vui mừng từ đó ngày đêm quán niệm không biếng trễ. Trải qua năm tháng như thế, một hôm trong khi tịnh quán, cả hai đồng thấy mình đến ao báu ở Tây phương. Vô số hoa sen đẹp lạ đủ màu sắc đua tươi, phóng ánh sáng vi diệu. Giây phút Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đồng đến an tọa trên hai hoa sen báu lớn. Kế đó đức A Di Đà Thế Tôn từ hướng Tây bay đến, ngồi trên đóa sen cực to ở giữa hai vị Bồ Tát. Ánh sáng của hoa đẹp và Tam thánh dung hòa, nhiệm mầu rực rỡ. Khải Phương, Viên Quả đảnh lễ thưa rằng: "Kính bạch! Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề y theo kinh niệm Phật, có được sanh về đây chăng?" Phật bảo: "Tùy theo nhân hạnh cao thấp, đều quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc. Điều ấy các người chớ nên nghi ngờ!" Cả hai lại nghe Phật Thích Ca Mâu Ni cùng Văn Thù Bồ Tát đang khen ngợi kinh Pháp Hoa. Phía trước lại hiện ba đạo thềm báu đỏ về liên trì, trên ấy có nhiều vị đang đi đến. Một con đường toàn là hàng bạch y ngoài đời. Một con đường xen lẫn người tăng kẻ tục. Một con đường chỉ có chư tăng ni. Các vị ấy đều nói: "Chúng tôi là những người niệm Phật mới sanh về đây!"

Sau khi xuất định, Khải Phương, Viên Quả thuật lại rành rẽ cảnh giới ấy cho đại chúng biết. Không bao lâu, hai vị Pháp sư đều được vãng sanh.

DUY NGẠN

Duy Ngạn Pháp sư, người Tinh Châu, bình sanh thường tu Phương Đẳng sám pháp và niệm Phật, hồi hướng cầu về Tịnh độ. Khi có hơi đau yếu, lại càng tinh tấn không xen hở.

Một ngày nọ, Pháp sư thấy hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân giữa hư không. Ngài rập đầu đảnh lễ, sa nước mắt thưa: "Duyên may nhục nhãn được thấy thánh dung. Chỉ buồn cho người đời sau, không do đâu mà được biết kim tướng. Cầu xin Bồ Tát từ bi gia hộ, cho ý nguyện con muốn hội họa tôn tượng được đạt thành!" Hôm sau, Pháp sư cho mời họa công đến, tả rõ sắc tướng hai vị Bồ Tát, song không ai vẽ được. Vừa đâu có hai người tự bảo mình từ Tây kinh đến, muốn qua non Ngũ Đài, nay gặp duyên, xin vẽ tượng hai vị Bồ Tát. Họa xong, thánh tướng tươi đẹp trang nghiêm, giống y như ngài Duy Ngạn đã thấy. Nhưng hai người ấy bỗng đi đâu mất.

Biết đó là hai vị Bồ Tát hóa thân gia hộ, và duyên Tịnh độ của mình cũng đã thành thục, Pháp sư cho họp hàng đệ tử lại bảo rằng: "Nay ta vãng sanh về Cực Lạc, có ai muốn cùng đi theo chăng?" Một đồng tử cúi lạy thưa: "Con xin đi theo sư phụ!" Ngài Duy Ngạn bảo nó trở về giã từ cha mẹ. Đồng tử vâng lời. Cả nhà thấy đứa bé nói như thế đều không tin, trách cho là lời bông đùa. Đồng tử không biện minh, lặng lẽ trở lại chùa tắm gội thay y phục, vào đạo tràng ngồi niệm Phật mà hóa. Pháp sư hay tin, đến vỗ vai nó và bảo: "Lành thay! Bé con đi trước ta ư?" Rồi xuống giảng đường lấy bút làm bài tán, đề nơi tượng hai vị Bồ Tát. Tán rằng:

Quán Âm xa đón từ Tây Cảnh
Thế Chí dìu đưa bước vãng sanh
Hóa Phật lòa Kim đỉnh
Thiên quan hiện bảo bình!
Cõi Phật mười phương đồng thưởng ngoạn
Đài sen chín phẩm tiếp hàm linh
Tay vàng thương xót đỡ
Dìu dắt đến Liên kinh!

Đề xong, từ biệt các đệ tử, vào đạo tràng lễ Phật, bảo chúng xướng hồng danh trợ niệm. Pháp sư ngồi kiết già niệm theo, giây phút chắp tay nhắm mắt mà hóa. Hưởng thọ được tám mươi tuổi.

Lúc ấy nhằm ngày mùng bảy tháng giêng, vào niên hiệu Thùy Cũng năm đầu đời Đường.

HOÀI NGỌC

Hoài Ngọc Pháp sư, họ Cao, người đời Đường, quê ở Đơn Khâu. Ngài giữ giới luật rất tinh nghiêm, mặc áo vải thô, ngài chỉ dùng một bữa ngọ, thường ngồi không nằm. Tuy suốt thông giáo lý, tiết hạnh thanh cao, song Pháp sư vẫn thường sám hối, mỗi ngày niệm Phật năm muôn câu, bình sanh tụng kinh A Di Đà được ba mươi vạn quyển.

Vào ngày mùng chín tháng sáu niên hiệu Thiên Bảo năm đầu, ngài nghe thấy tiếng thanh nhạc thanh thao, giữa

hư không vô số tràng phan bảo cái trang nghiêm rực rỡ. Thánh chúng cõi Tây phương hiện thân nhiều như hằng sa. Trong ấy một vị bưng đài bạc đến trước đón rước. Pháp sư nói: "Hoài Ngọc một đời niệm Phật thề chiếm đài vàng, nay sao lại chẳng được như thế?" Thánh chúng cùng âm thanh sắc tượng liền ẩn mất. Từ đó ngài càng gia công tinh tấn.

Một hôm, Pháp sư nghe giữa hư không có tiếng gọi bảo: "Trên đầu đã hiện viên quang, xin khi trì niệm ngồi ngay kiết ấn để chờ Phật đến tiếp dẫn!" Trải ba ngày sau, quang minh lạ hiện ra càng lúc càng tăng, sáng rực cả thất. Ngài bảo chúng: "Nếu nghe mùi hương thanh diệu tất báo duyên ta sắp mãn". Liền nói kệ rằng:

Sạch trong sáng đẹp không trần cấu
Đài sen phẩm thượng là sanh mẫu
Luân chuyển tu hành trải mười kiếp
Sống ở Diêm Phù nhàm các khổ
Một đời tinh tấn vượt mười kiếp
Ta Bà nhẹ thoát về liên độ.

Pháp sư nói kệ vừa xong, chư tăng nghe mùi hương lạ bát ngát. Tất cả nhìn lên, thấy thánh chúng hiện thân đầy khắp hư không. Đức A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí thân sắc tử kim, ngồi tòa kim cương đến tiếp dẫn. Vô số tràng phan bảo cái lại hiện tiếng tiêu cầm mầu nhiệm trỗi lên. Một vị thánh bưng đài vàng bay xuống đón rước. Pháp sư mỉm cười, từ giã đại chúng, chắp tay niệm Phật mà qua đời.

Nghe việc nầy, quan Thái thú bản quận là Đoàn Hoài Nhiên, làm bài kệ khen ngợi rằng:

Thầy ta một niệm lên Sơ Địa
Nhạc đón hai phen, phướn vạn tầng!

Trước thất hòe xưa sà nhánh biếc
Đài vàng máng nặng khiến nên chăng?

HUỆ NHỰT

Huệ Nhựt đại sư, họ Tân, người ở Đông Lai. Ngài đắc độ vào thuở vua Trung Tôn đời Đường. Buổi thiếu thời, rất mến hạnh sang Tây Vức thỉnh kinh của Nghĩa Tịnh tam tạng.

Sau đó, đại sư theo thương khách nương thuyền vượt biển sang Ấn Độ. Trải qua ba năm ngài đến xứ Thiên Trúc, đi khắp nơi lễ thánh tích của Phật, và tìm thỉnh các bản kinh chữ Phạn. Cuộc hành trình ghi đậm nhiều kinh lịch gian khổ, khiến đại sư rất nhàm chán cõi Ta Bà. Do đó ngài tham phỏng khắp các vị Tam tạng Pháp sư ở Thiên Trúc, xem cõi nước nào thuần vui không khổ, và pháp hạnh nào mau được thấy Phật. Các vị ấy đều khuyên nên tu Tịnh độ, cầu về Cực Lạc. Đại sư đảnh lễ, nguyện xin tin nhận thật hành.

Cuộc du hành đưa ngài dần đến xứ Kiền Đà Ca thuộc miền Bắc Ấn Độ. Phía đông bắc thành vua nước ấy có tòa núi to, trên núi có đền thờ Bồ Tát Quán Thế Âm. Tương truyền, nếu kẻ nào đến được trước tượng đảnh lễ cầu thỉnh, Bồ Tát sẽ hiện thân dạy bảo cho những điều cần thiết. Đại sư đến nơi đảnh lễ bảy ngày, rồi tuyệt thực niệm thánh hiệu đại sĩ, liều chết cầu được ứng nghiệm. Tới đêm thứ bảy, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân sắc tử kim cao hơn một

trượng ngồi trên đài sen báu giữa hư không, duỗi cánh tay xuống xoa đầu ngài rồi bảo: "Ngươi muốn hoằng pháp, lợi mình lợi người, cần phát tâm niệm thánh hiệu đức A Di Đà, nguyện về thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Khi đến cõi ấy sẽ thấy Phật và ta, được sự lợi ích lớn. Ngươi nên ý thức pháp môn Tịnh độ rất mầu nhiệm, vượt hơn tất cả hạnh tu!" Nói xong, liền ẩn mất.

Lúc bấy giờ do tuyệt thực lâu, đại sư đã khổn bại. Nhưng sau khi nghe Bồ Tát dạy bảo, tinh thần ngài bỗng phấn chấn, sức khỏe lần phục hồi. Từ đó lòng đã kiên quyết, nguyện nhứt tâm hành trì không thối chuyển.

Sau khi ấy, ngài vượt ngọn Thông Lãnh, trở về Trung Quốc. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy đời Đường, mới về tới Trường An. Cuộc hành trình trước sau kể có mười tám năm, trải qua hơn bảy mươi nước. Lúc vào kim điện triều kiến, dâng lên tượng Phật và các bản kinh, đại sư được vua tứ hiệu là Từ Mẫn tam tạng. Từ đó ngài tinh tấn niệm Phật, hoằng truyền về môn nầy, trứ tác quyển Vãng Sanh Tịnh Độ Tập lưu hành nơi đời.

Đến năm Thiên Bảo thứ bảy, đại sư viên tịch. Trước giờ lâm chung, ngài thấy hoa sen lớn hiện ra trước mặt, sáng chói rực rỡ như vầng mặt trời.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Nhật lặn lòng mơ hướng Lạc bang
Đường về quê thẳng tợ giây đàn!
Giữa trời nhạc đón nhiều thanh điệu
Trên nước sen chào mỗi sắc quang.
Cây bích cành dao trời báu lạ
Áo châu cơm ngọc cảnh vui nhàn.
Năm mươi niên trải nhiều luân lạc
Tiếp dẫn cha trao đại bảo tàng.

❁

Mỗi đóa sen hàm một thánh thai
Công thành nở đẹp cánh hoa tươi.
Nơi thân anh lạc tùy tâm hiện
Đầy bát hương tô ứng niệm bày
Kim điện chói ngời mờ nhật nguyệt
Ngọc lâu sáng sạch tuyệt trần ai.
Pháp vương chỉ rõ đường chân đế
Ánh giác đài tâm tỏa rộng khơi.
Châu thành điện các, ngọc viên lâm
Ngồi đứng kinh hành đất bảo kim.
Xá lợi vang hòa tuyên diệu kệ
Tần dà thảnh thót trỗi tiên âm.
Soi lòng tỏ ngộ vô sanh lý
Luyện tánh tròn linh bất động tâm
Chạm mắt nơi nơi đều Tịnh độ
Xưa nay trong sáng dứt suy tầm!

❁

Cõi lành, câu Phật kết nhân duyên
Hai sáu thời gian giữ hiện tiền!
Mỗi xuống hoàng hôn thêm hướng niệm
Xa theo trời lặn đến Tây thiên.
Phật đà tay báu xin xoa đảnh
Đại sĩ thân vàng nguyện hóa duyên.
Chẳng mượn bào thai thành chất huyễn
Quê xưa đã sẵn ngọc trì liên.

TỀ HÀNG

Tề Hàng pháp sư, tự Đẳng Chí, họ Trầm, người ở Hồ Châu. Ngài xuất gia tại chùa Vĩnh Định, vào niên hiệu Thiên Bảo thứ tám đời Đường.

Pháp sư tánh tình trầm lặng sâu kín, thân tâm không quan thiệp đến việc đời, tông tích lánh xa trường danh lợi. Ngài thường ở riêng một tịnh thất, ngoài việc trì niệm, chuyên sớ giải các pho về Tướng tông. Đối với kinh Pháp Hoa lại liễu ngộ rất tinh tường, ít người sánh kịp. Quanh năm một thân một bóng, chỉ lo việc sớ kinh tu niệm, trong thất hằng lặng lẽ dường như không người.

Sau ngài ra thất, chủ trì các giới đàn ở Tô Châu, Hồ Châu. Đến năm Đại Lịch thứ mười, lại dự vào đạo tràng niệm Phật ở Lưu Thủy. Đang khi khóa tụng, trong khoảnh khắc tĩnh tâm, Pháp sư thấy rõ cảnh tướng trang nghiêm ở Tịnh độ. Liền làm bài ca rằng:

Lưu Thủy nước động chừ, sóng gợn lăn tăn
Hoa sen vô số chừ, sáng đẹp muôn vầng!
Một niệm trong lặng chừ, tức tâm Tịnh độ
Quang đài về Tây chừ, ấy ai lương bằng?

Không bao lâu Pháp sư vương bịnh, gọi đệ tử bảo: "Nhiều chim đẹp lạ từ hư không bay xuống, liệng quanh trước ta, các ông có thấy chăng?" Đệ tử hỏi: "Hòa thượng sắp xả thọ, tại sao lại mang bịnh?" Ngài đáp: "Thân huyễn phải suy tàn, dù bậc thánh cũng không khỏi!" Rồi xây mình ngồi chắp tay trước thánh tượng niệm Phật mà tịch. Thọ được 68 tuổi.

TỰ GIÁC

Đời Đường, Thích Tự Giác, người Bắc Lăng, xuất gia tại chùa Khai Nguyên lúc còn trẻ. Niên hiệu Trí Đức thứ hai, sư sang chùa Thiền Pháp ở huyện Linh Thọ, học tập kinh luật luận. Trải chín năm cần khổ, hạnh giải đều đến chỗ tinh vi.

Niên hiệu Đại Lịch năm đầu, Tự Giác qua huyện Bình Sơn, ngụ tại Trùng Lâm Viện ẩn tu niệm Phật. Từ đó, mỗi ngày sư chỉ dùng một bữa ngọ, cơm rau áo vải, sự ăn mặc rất là thanh đạm. Gặp năm trời hạn lâu, quan Tiết độ sứ ở Hằng Dương là Trương công nghe tiết hạnh sư, tự thân vào núi thỉnh cầu đảo võ. Tự Giác thành tâm tụng niệm, khẩn cáo với chư vị long thần. Nhiều cơn mưa to liền tiếp tục rơi

xuống. Trương công cùng dân chúng đều cảm đức mến trọng.

Ban sơ Tự Giác muốn đúc tượng Đại Bi Quán Âm, và xây dựng chùa. Sau cơ hội đảo võ, của đàn tín đến nhiều, sư mới thật hành bản nguyện, tạo tượng Bồ Tát cao 49 thước, phạm tướng rất nghiêm đẹp. Đến cuối năm ấy, ngôi chùa cũng lạc thành. Mọi việc an bài, Tự Giác lên bảo điện quỳ phát nguyện, xin nhờ Phật lực được sớm sanh về Tịnh độ. Đến canh ba, sư thấy kim quang chiếu đến rực rỡ, Tây phương tam thánh hiện trong ánh sáng, đức A Di Đà Thế Tôn đưa tay vàng xoa đầu Tự Giác và bảo: "Giữ chí chớ đổi, lợi sanh trước tiên, hoa sen ao báu, sẽ hợp tâm nguyện!"

Đêm rằm tháng hai năm Trinh Nguyên thứ mười một, sư thấy thần nhơn hiện nửa mình trong mây, cúi xuống gọi bảo: "Hạn kỳ Tây quy đã đến, nên sớm chuẩn bị!" Tự Giác chắp tay đưa lên tỏ dấu tạ ơn. Đến ngày 14 tháng sáu, sư từ biệt chúng, lên chánh điện ngồi trước tượng Quán Âm, niệm Phật mà qua đời.

Tượng Đại Bi Bồ Tát của sư tạo, mọi người cầu nguyện đều được ứng nghiệm. Đầu niên hiệu Hiển Đức đời nhà Châu, Võ Đế sắc lịnh hủy phá tất cả tượng đồng trong dân gian. Khi thợ phá đến tôn tượng nầy, tất cả đều bị uống tử. Đến đời nhà Tống, Thái Tổ sắc lịnh đúc lại tượng ấy tại ngôi chùa cũ.

TRI TUYỀN

Tri Tuyền pháp sư, tự Hậu Giác, họ Trần, người ở My Châu, huyện Hồng Nhã. Năm lên bảy tuổi vào tiết xuân thấy cây hoa trước nhà đang tươi nở, nội tổ bảo vịnh một bài thi, ngài liền khẩu chiếm rằng:

Hoa nở đầy cây hồng
Hoa rụng muôn cành không.
Chỉ còn lưu một đóa
Ngày mai theo gió đông!

Nội tổ nghe xong chẳng vui bảo: "Ta hy vọng lớn lên sẽ đoạt khôi nguyên, nối giòng khoa hoạn, nào ngờ ý hướng mi lại vào chốn không môn!" Lại một hôm, ngài theo mẹ đến chùa Ninh Di nghe giảng kinh Niết Bàn, liền thông suốt dường như đã học tập sẵn từ kiếp trước. Đêm ấy, nằm mơ thấy Phật đưa cánh tay sắc vàng xoa nơi đảnh đầu. Năm mười một tuổi ngài xuất gia. Thầy dạy cho kinh luật luận, đều thông đạt đến chỗ mầu nhiệm. Năm mười ba tuổi đã lên pháp tòa giảng kinh, hàng tín chúng xuất gia đều tín phục.

Triều Tuyên Tôn đời Đường, Pháp sư được sắc chỉ vời đến kinh đô. Sau cuộc hỏi đạo, vua cả đẹp, ban cho áo Tử ca sa. Ngài tâu xin trùng tu các ngôi chùa hư phế trong thiên hạ, được chuẩn tấu. Kế đó Pháp sư trở về non cũ tu hành.

Lúc ở kinh sư, trọ nơi ngôi chùa nọ, ngài có quen với một vị tăng. Vị ấy mang bịnh cùi, đại chúng đều xa lánh, riêng Pháp sư vẫn thân hậu không tỏ vẻ chán, lại thường săn sóc hỏi han. Lúc chia tay, vị tăng cảm mến hạnh, căn dặn rằng: "Ngày sau ông gặp nạn, nên tìm tôi nơi Cửu Lũng

Sơn, tại Bành Châu, đất Tây Thục. Chỗ tôi trú là ngôi chùa ở gần hai bên cội thông cao lớn!"

Triều Hy Tôn, Pháp sư lại được triệu đến kinh đô, trụ trì chùa An Quốc. Vua mến trọng đạo đức, phong cho ngài hiệu là Ngộ Đạt quốc sư. Đến triều Ý Tôn, ân sủng lại càng hậu, vua thân lâm pháp tịch nghe giảng kinh, ban cho ngài tòa trầm hương để ngồi. Từ đó, nơi đầu gối của Pháp sư bỗng sanh ra ghẻ mặt người, đủ cả mày, mắt, mũi, miệng, răng. Đem vật thực đưa cho, ghẻ há miệng mà ăn, giống như người không khác. Các danh y đều bó tay, không chữa trị được. Đang lúc đau đớn, Pháp sư bỗng nhớ lời vị tăng khi trước, liền rời chùa đi tìm. Đến Cửu Lũng Sơn, sắc trời đã tối ngài còn đang bàng hoàng nhìn xung quanh, bỗng thấy hai cội thông cao to ẩn xa xa trong vùng mây khói, liền rảo bước đến. Tới nơi, gặp ngôi già lam rất lớn, lầu cao điện rộng, màu kim sắc bích ánh sáng giao xen, vị tăng khi xưa đứng đón chờ nơi cổng. Sau khi mừng rỡ hỏi chào, vào chùa uống trà tiếp chuyện, Pháp sư đem cảnh bịnh khổ tỏ bày. Vị tăng bảo: "Không ngại chi, bên chùa có dòng suối, sáng ngày ra đó rửa, tất sẽ được lành!" Rạng mai, vị tăng sai đồng tử dẫn Pháp sư ra suối. Khi ngài sắp vốc nước để rửa, bỗng nghe ghẻ mặt người nói: "Hãy khoan! Ngài là bậc thức đạt sâu xa, từng đọc các sách thời Tây Hán, có nhớ chuyện Viên Án và Triều Thố chăng?" Pháp sư đáp: "Đã có đọc qua". Ghẻ nhơn diện nói tiếp: "Ngài từng biết Viên Án tâu xin chém ngang lưng Triều Thố nơi cửa chợ đông, sự oan ức ấy là thế nào rồi chứ! Ngài là thân sau của Viên Án, còn Triều Thố là tiền kiếp của tôi. Từ đó đến nay, tôi mãi theo ngài để chờ dịp báo thù. Nhưng trải qua mười kiếp, ngài đều làm cao tăng, giới hạnh tinh nghiêm, nên tôi

không báo oán được. Kiếp nầy ngài thọ ân sủng của vua quá hậu, móng khởi niệm lợi danh, đối với đức hạnh có tổn, nên tôi mới được dịp làm hại. Nay nhờ bậc thánh tăng là Ca Nặc Ca Tôn giả dùng nước tam muội rửa sạch tiền khiên, nên tôi cùng ngài từ đây về sau không còn oan trái nữa!"

Pháp sư nghe qua kinh động, hồn bất phụ thể, vội vốc nước lên rửa, cảm thấy đau nhức tận xương tủy, liền ngã xuống chết giấc. Giây lâu rồi tỉnh, nhìn lại ghẻ nhơn diện đã biến mất, chỗ đầu gối lành lặn như xưa. Trông khắp xung quanh, ngôi chùa, hai gốc thông, cả dòng suối đều ẩn dạng. Ngài ngẫm nghĩ biết vị tăng đó là A la hán Ca Nặc Ca, cảnh trí ấy do sức thần thông của Tôn giả hóa hiện. Pháp sư cảm ân cứu độ, lập ngôi am tại đây để lưu niệm, về sau lần lần thành cảnh chùa to. Đến đời nhà Tống được vua sắc phong là Chí Đức Thiền Tự. Nhắc đến sự việc nầy, hậu nhơn có thi bình luận rằng:

Đầu non Cửu Lũng tìm tri thức,
Dưới cội song tùng gặp Nặc Ca
Lành dữ đến đầu, khôn lẩn tránh,
Khuyên ai đừng kết, giải oan gia!

Sau khi ấy, Ngộ Đạt quốc sư hồi kinh. Xót vì nợ tiền khiên đeo đẳng, Pháp sư soạn ra bộ Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, để hằng ngày tự sám hối. Ngài nghĩ lo sợ mình đã mười kiếp làm cao tăng, tham thiền lễ tụng, mà không giải được túc nghiệp, liền phát tâm niệm Phật hồi hướng cầu sanh về Cực Lạc. Pháp sư tánh thiểu dục, biết vừa đủ, quá ngọ không ăn, sáu thời hành đạo. Vì thế nên hằng cảm được điềm lành. Một hôm, ngài nghe giữa hư không có tiếng bảo: "Quyết định được sanh về Cực Lạc!" Hỏi ai nói, đáp là Phật. Lại một hôm trong cơn định, ngài thấy có vị Bồ Tát

tướng đẹp trang nghiêm giáng xuống giữa sân, dặn dò khen ngợi và thuyết pháp rất mầu. Phủ dụ xong, đại sĩ liền ẩn mất.

Lúc lâm chung, Pháp sư di chúc dạy đem bỏ tử thi bố thí cho loài chim cá, và nói: "Từ lâu ta đã ước hẹn ngày về Tây phương Tịnh độ, nay đã đến thời". Nói xong, nằm nghiêng bên phải, day mặt về Tây mà tịch. Thọ được 73 tuổi.

HÙNG TUẤN

Sư Hùng Tuấn, họ Châu, người Thành Đô, giảng thuyết hay, nhưng không giới hạnh. Sau ông hoàn tục theo quân ngũ, rồi cạo tóc trở lại làm tăng. Xét bổn phận mình, sư cũng biết hổ thẹn ăn năn, nên thường niệm Phật.

Trong niên hiệu Đại Lịch đời Đường, Hùng Tuấn đau bịnh chết ngất, thần hồn xuống âm phủ. Diêm chúa quở trách, sai quỉ áp giải vào địa ngục. Sư kêu to lên rằng: "Trong Quán kinh nói: kẻ tạo tội ngũ nghịch, khi sắp chết niệm Phật mười niệm cũng được vãng sanh. Tôi tuy tạo tội, song không phạm ngũ nghịch, cứ theo công quả niệm Phật, đáng được sanh về Tịnh độ. Nếu chẳng thế, thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ!" Nói xong chắp tay niệm Phật, bỗng thấy bảo đài ánh sáng hiện giữa hư không, Diêm chúa liền tha cho về để tiếp tục tu niệm.

Sau khi sống lại, Hùng Tuấn liền vào Tây Sơn chuyên tâm trì niệm. Được bốn năm, một hôm sư từ biệt đại chúng, ngồi chắp tay niệm Phật mà vãng sanh.

DUY CUNG

Đời Đường, sư Duy Cung người ở Kinh Châu, giới hạnh kém, thường uống rượu đánh bạc. Lúc rảnh rỗi cũng tụng niệm, hồi hướng cầu về An Dưỡng. Trong chùa có sư Linh Quy thường a dua bắt trước theo. Hàng lân lý thấy thế, đặt lời hát rằng: "Duy Cung tạo nghiệp dữ. Linh Quy là bạn lữ. Địa ngục muôn từng vào. Đừng trách chi quỉ sứ!"

Duy Cung nghe được, nói: "Mỗ tuy tạo tội, song nương nhờ Phật lực mười niệm vãng sanh, há lại đọa ác đạo ư?" Một hôm sư đau bịnh, Linh Quy có việc ra khỏi chùa, thấy hai thiếu niên, một vị tay cầm nhạc khí. Hỏi từ đâu đến, đáp rằng: "Chúng ta từ Tây phương tới đón rước Cung thượng nhơn!" Vị kia lấy trong áo ra một hoa sen, cánh hoa khép mở buông tỏa ánh sáng lạ. Cả hai hướng về chùa rảo bước.

Linh Quy đứng bồi hồi suy nghĩ, rồi vội vã trở lại chùa. Vừa đến cửa đã nghe tin Duy Cung mãn phần. Nhân đó sư cảm ngộ sám hối, chí thiết tu hành, sau thành một bậc danh đức.

CHÍ THÔNG

Thích Chí Thông, họ Trương, người đời Thạch Tấn, quê ở Phụng Dương. Sau khi xuất gia, sư vân du miền Lạc Hạ, gặp Tam tạng Phạ Nhựt Ra, liền đảnh lễ thừa sự theo học giáo Pháp Du Già.

Thời Văn Mục Vương, Chí Thông lại đông du sang miền Ngô Việt, vào núi Thiên Thai viếng đạo tràng của ngài Trí Giả. Xem truyện Tịnh Độ Linh Thoại, sư phát nguyện niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc. Từ đó lập hạnh ngồi không xây lưng về hướng Tây, không day về phương Tây khạc nhổ. Một hôm Chí Thông lên gộp đá Chiêu Thủ Nham ở phía núi gần chùa, tụng 48 đại nguyện của Phật, nguyện mau sanh về Tịnh độ, rồi gieo mình xuống. Nhưng thân hình lại rơi nhằm các cành cây có giây leo giăng quấn mềm mại, nên không bị tổn. Sư lại trèo lên chỗ cũ, thề rằng: "Nguyện rộng lớn đã phát, kiếp sống thừa đáng nhàm! Cúi mong thánh chúng đồng đến tiếp dẫn!" Nói xong, lại gieo mình rơi xuống nhằm cỏ dầy rậm, thân hơi xây xát, bị bất tỉnh. Giây lâu hồi sinh, vừa lúc chúng tăng tìm đến, dìu đỡ về chùa.

Khi sức khỏe bình thường, Chí Thông nghĩ mình tịnh duyên chưa thành thục, nếu liều thân e trái với lý nhân quả, nên sang Việt Châu, vào núi Pháp Hoa, chuyên tâm niệm Phật. Về sau, lúc đang tịnh tu, sư thấy chim bạch hạc, khổng tước giăng thành hàng bay đến. Kế lại thấy hoa sen to đẹp sáng chói rực rỡ, khép nở trước mặt. Sư họp chúng thuật lại điềm ấy và bảo: "Bạch hạc, khổng tước là cảnh Cực Lạc, hoa sen ánh sáng là duyên thọ sanh. Nay tịnh nghiệp của tôi đã thành, nên tướng Tịnh độ ứng hiện. Xin

giã biệt đại chúng, nguyện đồng nên tinh tấn tu hành". Nói xong, lên đại điện hành lễ niệm Phật, ngồi chắp tay mà hóa.

Khi trà tỳ có mây lành năm sắc đoanh vây trên ngọn lửa. Thiêu hóa xong, chúng kiểm điểm thấy Xá lợi rất nhiều.

NGỘ ÂN

Ngộ Ân pháp sư, tự Tu Kỷ, họ Lộ, quê ở Thường Thục. Năm lên mười ba tuổi, ngài nghe tụng kinh A Di Đà, lòng bỗng cảm ngộ, liền vào chùa Hưng Phước cầu xin xuất gia.

Niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường, Pháp sư qua chùa Huệ Tụ ở Côn Sơn học Nam Sơn luật, và nghe giảng các kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, luận Chỉ Quán. Do đó, huệ giải của ngài lần lần đến chỗ tinh vi. Pháp sư nghiêm trì giới luật, ngày chỉ dùng một bữa ngọ, không lìa y bát, chẳng giữ hóa vật tiền tài. Khi nằm thì nghiêng về bên mặt, ngồi tất đoan chỉnh kiết già. Mỗi kỳ Bố tát, thường ngậm ngùi rơi lệ, khuyên dạy chúng pháp Viên đốn nhứt thừa và Tây phương tịnh nghiệp. Ngài sở đắc về kinh Pháp Hoa, nên mở khóa giảng diễn bộ ấy hơn hai mươi lượt.

Niên hiệu Ưng Hy thứ ba đời Tống, vào đêm rằm tháng tám Pháp sư thấy một đạo bạch quang từ dưới giếng bay lên cao. Ngài liền họp môn nhơn lại bảo: "Bạch quang bay lên hướng về Tây, là điềm báo thân ta sắp mãn!" Rồi tịnh khẩu tuyệt thực, một lòng niệm Phật. Mấy hôm sau, mộng thấy

một vị sa môn bưng kim lư hương thơm bay tỏa, đi nhiễu quanh thất ba vòng và nói: "Ta là Quán Đảnh đã sanh về Tịnh độ, nay vì mến trọng hạnh tu của ông, nên đến đây đón rước!" Tỉnh giấc, Pháp sư gọi các đệ tử tới, chúng còn nghe mùi hương lạ bay thoảng. Đến ngày hai mươi lăm, Pháp sư họp chúng giảng cặn kẽ về lý Nhứt tâm tam quán. Giảng xong, ngồi nghiêm chỉnh day mặt về Tây mà hóa. Thọ được 75 tuổi.

Lúc ấy đại chúng đồng nghe tiếng quản huyền thanh tao dìu dặt nổi lên giữa hư không. Giây lâu nhã nhạc mới lần lần ẩn mất về phương Tây. Khi trà tỳ, được Xá lợi vô số. Văn Bị Pháp sư, đệ tử của ngài, lãnh hội hết huyền lý nơi thầy, tọa vong niệm Phật ba mươi năm. Niên hiệu Ung Hy thứ hai, trước khi thầy tịch một năm, sư cảm bịnh nhẹ tướng Tịnh độ hiện ra trước mắt, ngồi nghiêm chỉnh mà vãng sanh.

TRI LỄ

Tri Lễ đại sư, tự Ước Ngôn, người đời Tống, con nhà họ Kim ở Minh Châu. Cha mẹ lễ Phật cầu tự, mộng thấy thần tăng bồng một đứa bé trao cho và bảo: "Đây là Phật tử La Hầu La. Nên trân trọng!" Không bao lâu, đại sư đản sanh.

Năm lên bảy tuổi, ngài mất mẹ, thương khóc mãi, rồi thưa với cha cầu xin xuất gia. Từ đó, ngài đắc độ với Hồng

Tuyển thượng nhơn tại chùa Hưng Quốc ở Thái Bình. Được vài năm, đến chùa Bảo Vân nương theo Nghĩa Thông Pháp sư học về Thiên Thai giáo quán, một phen nghe qua, tỏ suốt ý nghĩa viên đốn. Trong niên hiệu Thuần Hóa, Thông Pháp sư quy tịch, ngài được thỉnh làm tọa chủ chùa Càn Phù. Kế đó lại đến viện Bảo Ân, hoằng dương về giáo quán, học chúng các nơi nghe danh hội về đông đảo.

Vùng Minh Châu bị hạn lâu, đại sư cùng ngài Từ Vân họp nhau tu Quang Minh sám pháp, hẹn nếu ba ngày không mưa, sẽ tự đốt một cánh tay. Đúng kỳ hạn, quả nhiên mưa to tiếp tục đổ xuống. Trong ba năm, từ niên hiệu Đại Trung đến Tường Phù, ngài trùng kiến điện Bảo Ân. Khi lạc thành, được vua ban cho hiệu: Sắc Tứ Diên Khánh Tự. Năm Tường Phù thứ sáu, đại sư lập hội Niệm Phật Thí Giới, thân làm sớ văn để khuyên rằng:

"Vẫn nghe: Một niệm dung thông, muôn pháp không ngại, nhân gây có khác, quả cảm thành sai. Cho nên, thuận tánh tu hành, thì hiện mười phương Tịnh độ. Theo tình tạo nghiệp, tất trôi sáu nẻo luân hồi! Xét nghĩ cảnh duyên ở Ta Bà, phần giải thoát rất kém ít khó khăn, số đọa lạc lại dễ dàng đông đảo. Nên kinh nói: "Được thân người như đất ở móng tay, đọa đường ác như đất miền đại địa!" Tu đến ba thừa hạnh đủ, mới lìa bốn loại thọ sanh. Bởi trần cảnh mạnh thô, não phiền lừng lẫy, tự lực giải thoát, phỏng được bao người? Nếu sanh về Cực Lạc, thì cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, thẳng đường thành Phật, chẳng đọa tam đồ. Kinh nói: "Danh từ ác đạo còn không, huống chi có thật!" Lại bảo: "Chúng hữu tình sanh về nơi đây, đều là bậc A bệ bạt trí". Cho nên, muốn về An Dưỡng, phải niệm Di Đà, tu hạnh tinh tấn từ bi, tất được Phật nguyện nhiếp thọ.

Đến khi xả báo thân, quyết sanh về Cực Lạc, đúng như lời kinh dạy, chẳng dám tự đặt bày.

Nay kết muôn người, để làm một xã, lòng lòng khẩn niệm, buổi buổi hạn kỳ. Mỗi tiết trọng xuân, họp về một chỗ, đồng nghe Phật pháp, đồng tu cúng dường, hiệp muôn lòng làm một chí, thành tịnh nghiệp thệ vãng sanh. Huống nữa mạng người trong kiếp trược, như ngọn đuốc giữa phong sương, một hơi thở chẳng vào, ba nẻo đường hiện trước. Đâu nên tự buông lung, không nghĩ điều nghiệp báo. Phải gắng theo lời Phật, chớ thuận với tình đời. Duyên trần nguyện dứt kể từ nay, hiệu Phật chuyên trì đừng thối chuyển".

Từ đó, mỗi năm vào ngày rằm tháng hai, chúng liên hữu đều câu hội lại chùa đồng tu tịnh nghiệp. Đại sư từng họp mười vị tăng, cùng tu Pháp Hoa sám pháp ba năm, hẹn ngày hoàn mãn, sẽ tự thiêu để cúng dường kinh và cầu sanh Tịnh độ. Đến kỳ bị chúng cực lực ngăn trở, nên chí nguyện không thành. Sau ngài lại họp mười vị tăng, đồng tu Đại Bi sám ba năm, đốt ba ngón tay cúng dường Phật. Niên hiệu Thiên Hy thứ tư, Phò mã Lý Tuân Học dâng sớ tâu trình về cao hạnh của ngài, vua sắc phong cho hiệu là Pháp Trí đại sư, dạy nên trụ thế để hoằng dương chánh giác. Đại sư nghĩ chư Tổ đời trước, khi xiển dương Tịnh độ, phần nhiều nói về sự tướng, ít chỉ dạy quán môn, nên duy tạm ứng thời cơ, chưa tỏ cùng tột lý viên đốn. Nhân đó, ngài soạn ra bộ Diệu Tông Sao gồm vài muôn lời, giải nói cùng cực lý u ẩn nhiệm mầu của Quán kinh, theo tông chỉ Thiên Thai giáo quán.

Đến năm Thiên Thánh, đại sư dựng ngôi Nhật Quán Âm, thường đến đó quán tưởng để cầu sanh Tây phương.

Về sau, khi khóa giảng kinh Duy Ma Cật hoàn mãn, ngài quyết biệt đại chúng, giao giảng tòa lại cho hàng cao đệ là Tổ Thiều, làm thi tạ duyên hẹn kỳ quy tịch. Năm sau, vào đầu niên hiệu Đạo Nguyên, ngày mùng tám tháng mười, đại sư nhiễm bịnh, khước từ thuốc thang, họp chúng lại nói lược về pháp yếu. Kế đó ngài dạy thỉnh tượng Tây phương tam thánh đến đảnh lễ, rồi đốt hương quỳ chúc nguyện với Đại Bồ Tát rằng: "Con xét thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, ngàn trước không từ đâu đến, muôn sau cũng chẳng về đâu, cùng mười phương chư Phật, đồng trụ nơi thật tế. Nguyện xin cùng Phật và Đại Thế Chí Bồ Tát, chứng minh một nén hương của con, trước khi con về Cực Lạc!" Đến chiều tối, đại sư sửa oai nghi ngồi nghiêm hướng về Tây. Chúng hỏi: "Tôn đức sẽ sanh nơi nào?" Đáp: "Thường tịch quang tịnh độ!" Rồi im lặng thoát hóa, thọ 69 tuổi. Lúc ấy nhiều người thấy ngôi sao to rơi xuống đỉnh Linh Thứu Phong, ánh hồng quang rực rỡ.

HUỆ TÀI

Đời Tống, Huệ Tài Pháp sư, họ Vương, quê ở Lạc Thanh, huyện Vĩnh Gia. Ngài đắc độ vào đầu năm Tường Phù. Mới mười ba tuổi, vì hạnh giải kiên ưu, được chư tôn túc cho thọ đại giới. Xong, lại đến tham học với ngài Tứ Minh.

Tuy thông tuệ, nhưng Pháp sư còn thẹn mình căn độn chưa đi đến chỗ triệt ngộ, nên thường trì chú Đại bi. Một

đêm, ngài mộng thấy vị Phạm tăng cao vài trượng, cởi áo ca sa đắp lên mình. Tỉnh dậy, bỗng khoát nhiên tỏ ngộ, những học vấn từ trước đều suốt thông đến chỗ diệu huyền. Sáng ra, ngài lên tòa diễn giảng, tùy hỏi tùy đáp, lời nói viên dung tuôn tràn như suối chảy. Về sau, Pháp sư đến yết kiến Từ Vân sám chủ, được mong ấn khả, sớm hôm siêng cần phục dịch, hết mực chí thành. Đầu năm Trị Bình, ngài trụ trì ngôi Pháp Huệ Bảo Các, được vua tứ hiệu là Quảng Từ. Không bao lâu, lại lui về ẩn tu dưới tháp Lôi Phong.

Để tỏ sức kiên thành, Pháp sư thường đứng một chân tụng 108 biến chú Đại bi, lấy đó làm nhựt khóa. Ngài lại từng đứng co chân một ngày đêm niệm thánh hiệu A Di Đà. Đêm nọ, Pháp sư nằm mơ thấy mình đến cảnh lầu các châu báu, nghe có tiếng bảo: "Ông sẽ được sanh về trung phẩm ở Tịnh độ!"

Mùa xuân, niên hiệu Nguyên Phong năm đầu, ngài truyền Bồ Tát giới cho hàng đạo tục gồm một ngàn người tại cảnh tịnh viện tháp Lôi Phong. Đang đi làm phép yết ma truyền giới, nơi đảnh tượng đức Quán Thế Âm bỗng phóng quang minh rực rỡ, lấn áp lu mờ cả ánh sáng đèn nến và mặt trời. Thủ Nhất thiền sư ở chùa Tịnh Từ nghe chuyện ấy, có làm bài Giới quang ký.

Niên hiệu Nguyên Phong thứ sáu, vào ngày 21 tháng năm, Pháp sư đắp y lên tòa ngồi, viết bài kệ khen Phật xong, gọi chúng bảo: "Tôi quyết định được sanh về Tịnh độ!" Rồi ngồi yên mà hóa, thọ 86 tuổi.

TÔNG TRÁCH

Tông Trách thiền sư, người ở Tương Dương, mồ côi cha thuở còn bé. Mẹ là Trần thị, bồng về nương ở nhà người cậu nuôi cho đến khôn lớn. Lúc thiếu thời ngài học Nho, rộng thông các sách thế tục. Khi đến 29 tuổi, lễ Trường Lô Tú thiền sư cầu xin xuất gia. Sau thời gian học tập kinh luật, ngài tham thiền chưa bao lâu đã đến cảnh giới đại triệt đại ngộ.

Trong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, thiền sư được thầy truyền y bát, giao cho trụ trì chùa Trường Lô. Nghĩ đến công sanh dưỡng, ngài lập ngôi tịnh thất ở phía đông phương trượng, rước mẹ về phụng dưỡng. Kế đó, thiền sư họp chúng làm lễ xuống tóc xuất gia cho thân mẫu, khuyên bà chuyên tâm niệm Phật. Bảy năm sau, một đêm ngài nằm mơ thấy thân mẫu sắc tướng tươi đẹp trong sáng như ngọc. Sáng ra, khi thiền sư sang thăm viếng, bà mẹ bảo: "Hôm nay, tôi được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc!" Rồi trong trạng thái không bịnh, bà ngồi niệm Phật mà vãng sanh.

Từ đó, bước đạo đã vững, ân sâu đã đền, nghĩ đến sự độ sanh, thiền sư tuân theo quy củ ở Lô Sơn, chiêu tập số đông tăng tục, lập ra Liên Hoa Thắng Hội. Theo pháp nghi tu hành, các liên hữu trước tiên quán tưởng, kế đó trì danh, và sau hồi hướng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Ngài có làm bài văn khuyến đạo như sau:

"Mãng nghe: Lấy tâm có niệm mà niệm Phật, lấy sự có sanh để cầu sanh, là chỗ sơ thất của người chấp Thường. Cho không niệm Phật là vô niệm, cho không cầu sanh là vô sanh, là điều lầm lạc của hàng Tà kiến. Niệm Di Đà mà

không niệm, sanh Cực Lạc mà không sanh, đó mới là đệ nhất nghĩa môn.

Thế nên, chỗ lý thật tế, tất không vương nhiễm một mảy trần. Dù niệm Phật cầu sanh, trên không thấy thật có Phật Di Đà để niệm, dưới không chấp thật có cảnh Tịnh độ để sanh. Bởi Phật tướng và tịnh cảnh đều là chân không như huyễn. Nhưng trong hành môn Phật sự, quyết chẳng thể bỏ một pháp. Cho nên nhiếp các căn để trì danh, chính là yếu thuật về nguồn, là Niệm Phật tam muội, là mở đường vãng sanh lên ngôi Bất thối vậy. Biết được lý nầy, tuy trọn ngày niệm Phật, vẫn không trái với ý nghĩa vô niệm. Tuy hớn hở cầu sanh, mà thích hợp với tông chỉ vô sanh. Rõ được nghĩa đây, thì phàm cùng thánh đều ở ngôi vị của mình, mà đạo cảm ứng giao thông. Đông và Tây chẳng qua lại nhau, mà thức thần về định cảnh.

Kinh dạy: "Nếu kẻ nào nghe nói A Di Đà Phật, niệm giữ danh hiệu, cho đến ... người ấy khi lâm chung lòng không điên đảo, liền được sanh về quốc độ Cực Lạc của Phật A Di Đà". Xét nghĩ: Đức Thích Ca với Di Đà, tuy chia ra hai môn Chiết phục và Nhiếp thọ hiện ở hai cảnh Uế độ cùng Tịnh bang, đâu phải bản ý hai ngài cho cảnh Cực Lạc báu mầu là đáng ưa, cảnh Ta Bà nhơ ác là đáng chán! Ấy cũng bởi, kẻ mới phát tâm vào đạo, sức an nhẫn chưa thuần, nên phải quyền mở cảnh đẹp vui, để làm duyên tăng tiến đó thôi!

Tại sao thế? Ở Ta Bà quốc độ, đức Thích Ca đã nhập diệt, Phật Di Lặc chưa giáng sanh. Miền Cực Lạc liên bang, đấng A Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp. Ở Ta Bà quốc độ, đức Quán Âm, Thế Chí, luống khát ngưỡng danh lành. Miền Cực Lạc liên bang, hai vị Bồ Tát trên, đều là bạn

tốt. Ở Ta Bà quốc độ, các ma khuấy động, làm não loạn người tu. Miền Cực Lạc liên bang, trong ánh đại quang minh, quyết không ma sự. Ở Ta Bà quốc độ, tiếng tà khiến loạn, sắc đẹp mê tâm. Miền Cực Lạc liên bang, chim nước rừng cây đều tuyên pháp diệu. Chánh báo và Y báo nơi ấy đều đẹp mầu thanh tịnh, không có người nữ, toàn chất kỳ trân. Thế thì duyên tu hành dễ thuận, không chi hơn cõi Tây phương! Tiếc cho những kẻ cạn hẹp đức tin, lầm lạc sanh tâm nghi báng! Xin lấy theo thường tình sau đây để nghị luận:

Người mộ đạo ở phương nầy, ai chẳng thích cảnh chùa am yên tĩnh, chán nơi nhà tục rộn phiền? Cho nên khi thấy có kẻ nào bỏ tục xuất gia, thì ân cần khen ngợi! Nhưng nỗi khổ ở Ta Bà, đâu chỉ những sự rộn phiền của nhà tục; niềm vui miền Cực Lạc, há duy riêng cảnh thanh tĩnh ở chùa am? Biết xuất gia là tốt, mà không nguyện vãng sanh, đó là điều lầm thứ nhứt. Ở cõi nầy, người học đạo muốn dặm nhọc siêng, đi xa tìm bậc tri thức, để cầu tỏ ngộ huyền tâm, giải quyết sự sống chết. Nơi miền kia, đức A Di Đà Thế Tôn nghiệp sắc tâm thù thắng, sức bi nguyện rộng sâu, một phen diễn nói viên âm, người nghe đều tỏ ngộ. Chẳng nài xa nhọc tham phỏng bậc tri thức, mà không muốn cầu vãng sanh để thấy Phật, đó điều lầm thứ hai. Ở cõi nầy, người học đạo đều ưa chung ở cảnh tòng lâm pháp quyến đông nhiều, những chùa chiền ít chúng thì không muốn nương tựa. Nơi miền kia bậc Nhứt sanh bổ xứ rất đông đảo, các hàng Thượng thiện nhơn đều hội về một nơi. Muốn gần gũi tòng lâm, mà không mến hải chúng thanh tịnh, đó là điều lầm thứ ba. Ở cõi nầy, tuổi thượng thọ không quá một trăm, xét lại khi thơ ấu dại khờ, lúc suy già yếu, sự hôn mê ngủ

nghi, đã chiếm hơn phân nửa. Vả lại, bậc Bồ Tát còn mê khi cách ấm, hàng Thanh văn còn muội lúc ra thai, tất bóng nghìn vàng mười phần mất chín, mà chưa lên ngôi Bất thối, thật đáng kinh lòng! Nơi miền kia, chúng sanh tuổi thọ vô biên, một phen gởi chất thai sen, đã thoát ly sự sanh già bịnh chết, thẳng lên ngôi Bất thối, liên tục tu hành cho đến khi chứng quả đại bồ đề. Cam nỗi chìm giữa Ta Bà mạng sống ngắn ngủi, mê mờ không cầu miền Cực Lạc vui đẹp trường xuân, đó là điều lầm thứ tư. Nơi cõi nầy, hành giả nếu là bậc Bồ Tát đã lên ngôi Bất thối, chứng quả Vô sanh, không động dục trong cảnh dục, chẳng nhiễm trần giữa mùi trần, mới có thể khởi lòng từ vô duyên, vận đức bi đồng thể, qua lại chốn trần lao, hòa lẫn cùng ngũ trược. Nếu như với sức hiểu nông huệ cạn, hoặc tu hành có đôi chút tương ưng, đã cho mình thoát khỏi lầm mê, không còn thối chuyển, vội chê bai Tịnh độ, đắm luyến Ta Bà. Những kẻ ấy, đến khi nhắm mắt, lại trở về không, y cũ luân hồi, ngang vai hàng súc thú, gần gũi chốn tam đồ. Không biết tự lượng mình, dám sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, đó là điều lầm thứ năm.

Cho nên kinh nói: "Phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia!" Những kẻ không tin lời thành thật của sáu phương chư Phật, chẳng nguyện cầu sanh về Liên bang, há chẳng mê lầm ư? Nếu như tin lời Phật mà cầu về Tịnh độ, thì sống kiếp trược không còn nhận đắm, giây trần giới chẳng thể buộc ràng, từ bỏ tám khổ ở nhơn gian, dứt hẳn năm suy nơi thiên thượng, danh từ ác đạo hãy không nghe, cảnh đọa tam đồ đâu có vướng! Khi về cõi ấy, quy y một thể Tam Bảo, phụng sự mười phương Như Lai, Phật quang chiếu thân, tiêu trừ muôn hoặc. Chừng đó, nếm mùi vui pháp vị, chứng

trọn đủ lục thông, hiện ba mươi hai ứng thân đi vào lục đạo, nhập hằng hà sa tam muội độ khắp mê căn. Rồi tự tại rưới nước định cõi tam thiên, dẫn chúng sanh nơi hỏa trạch, sự mình người thảy đều viên mãn. Thế thì cầu Tịnh độ là yếu môn giải thoát, niệm Di Đà là đường tắt tu hành. Cho nên kinh giáo liễu nghĩa thượng thừa, thảy đều chỉ về Tịnh độ. Các bậc hiền sau thánh trước, mình người đồng nguyện vãng sanh. Phàm muốn độ người, phải chăng trước nên tự độ đó ư?

Than ôi! Người không lo xa, tất có buồn gần! Một khi mất thân người, muôn kiếp sau hối hận! Tha thiết mong đại chúng đều phát tâm niệm Phật từ ngàn cho đến muôn câu, rồi hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc. Xin đồng kết bạn pháp minh nơi kim địa, về thẳng hội chốn liên trì, nương tựa cùng tu, mãn bồ đề nguyện. Từ đây, dong thuyền theo nước thuận, lại thêm sức chèo buồm. Thế mười vạn ức đường xa, tất đến nơi chẳng nhọc vậy!"

Một đêm, Tông Trách nằm mơ thấy có vị khăn đen áo trắng, phong mạo thanh đẹp, tuổi độ ba mươi, đến vòng tay thưa rằng: "Tôi muốn vào Liên Hoa Thắng Hội, xin ngài ghi tên cho!" Thiền sư liền lấy sổ bộ ra, rồi hỏi: "Hiền giả tên họ chi?" Đáp: "Tôi là Phổ Huệ". Khi thấy ghi xong, lại nói: "Gia huynh cũng cầu xin thụ danh". Hỏi: "Xin cho biết tên họ của lịnh huynh?" Đáp: "Anh tôi là Phổ Hiền". Nói đoạn liền ẩn. Sau thiền sư đem điềm mộng ấy thuật lại, các bậc tôn túc bảo: "Trong phẩm Ly Thế Gian kinh Hoa Nghiêm có hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ, giúp Phật tuyên dương chánh pháp. Nay ông lập Liên Hoa Thắng Hội để lợi lạc quần sanh, nên thầm cảm hai vị đại sĩ đến xin ghi tên, để tỏ lòng tán trợ đó!" Nghe nói, ngài để tên hai vị Bồ

Tát vào hàng hội thủ. Từ đó xa gần đều cảm hóa hưởng ứng. Về sau, khi lâm chung, thiền sư đã niệm Phật vãng sanh với nhiều điềm lành.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Sức người tu nguyện đủ công năng
Ngồi được đài sen phẩm thượng tăng.
Một niệm phàm tâm sanh tánh Phật
Sát ba thủy quán hóa thành băng.
Cây châu ngay lối đường vàng thẳng
Giây báu làm ranh đất ngọc giăng.
Mấy thiên hoa đầy giỏ quí
Mười phương cảnh Phật mặc phi đằng!

❁

Thương chúng Ta Bà dạ héo hon
Bồ đề nguyện lớn thuở nao tròn?
Khéo lời cõi tịnh tùy tâm tịnh
Khôn dứt tình con chút nghiệp con!
Câu Phật niệm thường lòng vắng lặng
Tràng châu lần mãi chướng tiêu mòn.
Mây mù tan sạch trời trong sáng
Trước mắt chân thường lộ nước non.

❁

Một cõi trang nghiêm, một Bảo vương
Không chiều không sớm, nổi tường quang.
Ni câu cây bích, cành say quả

Ưu bát hoa quỳnh, nhụy tỏa hương.
Thể chói ánh ngời phi nhật nguyệt
Chất tươi xuân đẹp tuyệt băng sương.
Dạo chơi cõi Phật khi về đến
Tay áo hơi thơm hãy vấn vương.

❁

Tây trì hội pháp lễ kim tiên
Theo gió hương đưa ngự bảo liên.
Mái tóc biếc xanh, người tự tại
Vóc thân vàng ánh, tướng phiêu nhiên.
Lưới châu lớp lớp che lầu ngọc
Phan báu từng từng tiếp cõi thiên.
Cây nước lâu đài đều hiện bóng
Cảnh tươi kỳ diệu khắp muôn miền.

KHẢ CỬU

Đời Tống, Thích Khả Cửu, bình thời thường ở Minh Châu, chưa được rõ quê quán. Sư hằng tụng kinh Pháp Hoa nguyện sanh Tịnh độ, nên được người đương thời gọi là Cửu Pháp Hoa.

Năm Nguyên Hựu thứ tám, sư tám mươi mốt tuổi, một hôm ngồi thoát hóa. Ba ngày sau, bỗng mở mắt ra bảo người xung quanh rằng: "Tôi dạo chơi Tịnh độ, thấy các thắng cảnh đúng y như lời kinh nói. Người ở phương nầy tu tịnh nghiệp, nơi đài sen tại bảo trì cõi Cực Lạc đều có nêu tên. Tôi thấy ba hành giả có nêu tên nơi kim đài. Một vị là

Huân Công ở Quảng Giáo Viện tại Thành Đô. Một vị là Tôn Thập nhị lang ở Minh Châu. Và kế đó là Khả Cửu. Có một vị ở Minh Châu là Từ đạo cô được ghi tên nơi ngân đài". Nói xong, liền nhắm mắt vãng sanh.

Năm năm sau Từ đạo cô mãn phần, ngày lâm chung hương lạ đầy nhà. Mười hai năm sau Tôn Thập nhị lang vãng sanh, nhạc trời trỗi giữa hư không. Lời Khả Cửu nói đều ứng nghiệm.

TÔNG BẢN

Tông Bản đại sư, tự Vô Triết, họ Quản, người ở Thường Châu, huyện Vô Tích. Sau khi xuất gia ngài tham phỏng Thiên Y Hoài thiền sư, môn Niệm Phật tam muội được đại ngộ. Kế đó, lại về làm tọa chủ chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu.

Một năm, trời đại hạn, đến cuối thu nước hồ và giếng trong vùng đều khô cạn. Chư Tăng trú tại chùa có hơn ngàn vị, sắp lâm cảnh khốn đốn. Đại sư lên chánh điện chí thành tụng niệm, cầu đảo với chư vị long thần. Hôm sau nơi mé tây chùa, một vòi nước ngọt phun lên. Theo dòng suối tràn, có con lươn vảy vàng lội quanh, khiến nước xoáy đất nơi đó sụp thành một cái giếng sâu. Chúng tăng trong chùa và người phụ cận nhờ đó mới có đủ nước dùng.

Họ Trương ở gần chùa có cô con gái mới chết, bên trái còn quàn bên chái nhà. Bà mẹ nằm mộng thấy con gái mình hóa thành rắn. Thức giấc bà thấy dưới quan tài có con rắn đang nằm, liền cầm giỏ đến giở nắp ra và vái rằng: "Nếu mi

quả thật là con gái ta, hãy chun vào giỏ nầy". Dứt lời, rắn chậm chậm bò vào giỏ. Bà đem nó lại chùa thuật duyên cớ, xin trời cứu độ. Tông Bản liền thuyết pháp và niệm Phật chú nguyện. Con rắn bỗng biến mất. Bà về đến nhà thấy trên linh cữu cô gái có con ve đèn bay quanh, liền khấn: "Nếu mi là con ta đã chuyển kiếp, hãy bay vào giỏ". Nói xong, con ve liền y như lời. Bà xách giỏ đem đến chùa Tịnh Từ lần nữa. Đại sư cũng thuyết pháp và chú nguyện cho. Xong, con ve lại ẩn mất. Đêm ấy bà nằm mơ thấy con gái đến tạ ân và khóc nói: "Con đã thoát hai kiếp làm bàng sanh!" Bà mẹ nhân đó hỏi: "Việc quả báo luân hồi có thật chăng, và làm thế nào mới được khỏi?" Cô gái thưa: "Sự chuyển sanh trong bốn loài sáu nẻo, cứ mãi xoay vần như cái trục quay trên giếng nước, không một ai thoát ly. Chỉ có tu pháp xuất thế của Như Lai, là tham thiền hoặc niệm Phật, mới được giải thoát. Muốn biết rõ việc ấy, xin mẹ hãy đến hỏi vị pháp chủ chùa Tịnh Từ!" Sự hiển hóa của ngài đại khái có nhiều việc ứng nghiệm như thế.

Về sau, danh đức đồn xa, đại sư được vua triệu tới Đông kinh, cho trụ trì chùa Huệ Lâm. Nhiều phen ứng đối hợp với thánh tâm, ngài được vua phong thưởng ca sa, pháp khí, và ban cho hiệu là Viên Chiếu thiền sư. Bình thời, bên ngoài đại sư nối truyền tông phong, bên trong lại mật tu Tịnh độ. Bấy giờ có Lôi Phong Tài Pháp sư nhập định, thần thức dạo chơi ở Cực Lạc, thấy một cung điện rất đẹp, nghe có tiếng nói: "Đây là ngôi bảo điện của Viên Chiếu Bản thiền sư". Lại một hôm, ngài Hy Công trụ trì ngôi Tư Phước lan nhã đến chùa Huệ Lâm chơi, xin yết kiến đảnh lễ nơi chân Viên Chiếu Bản thiền sư, dâng cúng vàng rồi ra về. Có người hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi nhập định đến

cảnh giới Tây phương, thấy có đóa kim liên to đẹp ánh sáng rực rỡ. Một vị Bồ Tát bảo đó là đài của Viên Chiếu Bản thiền sư ở chùa Huệ Lâm. Xung quanh hoa đài ấy, có rất nhiều hoa sen khác nhỏ hơn đoanh vây. Bồ Tát bảo đó là hoa đài của những người được thiền sư hóa độ khuyên niệm Phật, cũng sẽ vãng sanh về đây. Trong các hoa sen ấy có mấy đóa rũ héo, tôi lại hỏi, được cho biết đó là những người niệm Phật nửa chừng thối lui biếng trễ".

Lúc lớn tuổi, đại sư về ẩn chùa Linh Nham tại Tô Châu. Trong niên hiệu Ngươn Phù, trước khi sắp tịch, đại sư tắm gội thay y phục sạch, rồi nằm nghiêng bên mặt, hướng về Tây. Hàng đệ tử vây quanh, xin viết kệ lưu niệm. Đại sư chăm chú nhìn rồi bảo: "Các si tử! Bình thường ta còn lười viết kệ, nay lại làm kệ gì? Bình thường ta tự tại muốn nằm thì nằm, nay cần chi phải ngồi kiết già trước khi thị tịch?" Nói đoạn, bảo đem giấy bút ghi phú chúc việc mai sau, giao cho môn đồ là Thủ Vinh. Xong, buông bút nhắm mắt mà vãng sanh, trạng như người nằm yên say ngủ.

HỮU NGHIÊM

Đời Tống, Hữu Nghiêm Pháp sư họ Hồ, người ở Thai Châu, huyện Lâm Hải. Năm lên sáu, ngài theo đại sư Linh Thứu Tùng xuất gia. Mười bốn tuổi, thọ giới cụ túc, rồi sang Đông Sơn học với Thần Chiếu đại sư, khế ngộ ý chỉ Nhứt tâm tam quán, tu môn Pháp Hoa tam muội. Không bao lâu, lại được thỉnh làm tòa chủ chùa Xích Thành.

Trong niên hiệu Thiệu Thánh, Pháp sư về ẩn nơi ngọn Đông Phong, chỗ ngụ kề bên gốc cây Tra to lớn, nhân tự hiệu là Tra Am. Ngài giữ giới luật rất kỹ, bên mình chỉ ba y một bát, không cất chứa món chi. Ngoài thời tu Pháp Hoa tam muội, ngài lại chuyên niệm Phật, thường cảm được nhiều điềm lành. Những sách soạn thuật của Pháp sư, phần nhiều đều khuyến dụ về sự vãng sanh.

Có kẻ nói: "Muốn sanh cõi trời Dục giới, phải tu nhân Thập thiện. Muốn sanh lên Sắc giới, phải tu nhân Thiền định. Muốn sanh về Tịnh độ, tất phải tu môn Vô sanh diệu quán mới có thể thành công. Hàng học Phật thời nay đều mê ý kinh, bảo sanh lên cõi trời khó, sanh về Tịnh độ dễ, thì làm sao tin được?"

Ngài đáp: "Pháp không khó dễ, khó dễ bởi người. Khó là do có lòng nghi, thì dù trong gang tấc cũng cách xa muôn dặm. Dễ bởi nhờ tín niệm, tuy muôn dặm chỉ trong khoảng tấc gang. Nói tu Vô sanh diệu quán được vãng sanh, đó chỉ là một môn thuộc Thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Nhưng không thể mở một môn mà ngăn đóng nhiều môn. Trong An Lạc Tập có nói: "Được sanh về Tịnh độ có hai tâm: Một là tâm Hữu tướng, nghĩa là mến trước cảnh tướng trang nghiêm ở Cực Lạc, mà niệm Phật cầu sanh. Hai là tâm Vô tướng, nghĩa là tu định huệ khế hợp với lý quán".

Xét kỹ người đời nay, phần nhiều thuộc hạng trung, hạ căn, mê sâu chướng nặng. Nếu đòi hỏi phải tương ưng với lý quán, chắc ít kẻ được vãng sanh. Đức Thế Tôn dủ tâm đại từ bi tiếp độ loài hữu tình, nên mở nhiều môn phương tiện. Trong ấy có: Định thiện – Tán thiện – Phật lực – Pháp lực – Tu phước hồi hướng – Cầu cứu khi lâm chung. Những

loại như thế nhiều đến muôn ngàn, chỉ nương một duyên, quyết được vãng sanh Cực Lạc.

☯ Định thiện là thế nào? Như người dùng định tâm tu mười sáu phép quán. Hoặc tu môn nhứt tâm tam quán, Thủ Lăng Nghiêm định, rồi cầu vãng sanh.

☯ Tán thiện là thế nào? Như trong kinh Vô Lượng Thọ nói dùng mười niệm Phật, cũng được về Cực Lạc.

☯ Phật lực là thế nào? Đức A Di Đà có nguyện lực đại bi, nhiếp thủ những chúng sanh niệm Phật. Chúng sanh y theo lời kinh dạy tu hành, nương nơi sức nguyện của Phật liền được vãng sanh. Ví như kẻ yếu kém nương theo Kim Luân Vương, trong một ngày đêm có thể đi khắp bốn châu thiên hạ. Đó không phải là sức mình, mà chính nhờ thế lực của Chuyển Luân Vương.

☯ Pháp lực là thế nào? Như Phật bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ Tát niệm Tỳ Lô Quán Đảnh Quang Minh Chân ngôn, gia trì trong đất vàng hoặc cát, rồi đem rải trên mộ hoặc thây người chết. Vong giả dù có đọa nẻo Súc sanh, Ngạ quỉ, Địa ngục, cũng được nương nhờ chú lực vãng sanh Cực Lạc.

☯ Tu phước hồi hướng là thế nào? Như các hành giả thọ trì trai giới, từ bi hiếu thuận, bố thí làm lành, niệm chú hoặc tụng kinh đại thừa, rồi đem các phước lành để hồi hướng, cũng được sanh về Tịnh độ.

☯ Cầu cứu khi lâm chung là thế nào? Người tạo tội nặng, lúc sắp chết tướng hỏa xa của địa ngục hiện. Kẻ ấy quá sợ hãi, đem hết lòng chí thành niệm Phật cầu cứu. Do công năng phước trí nguyện lực của Phật, lửa dữ hóa thành gió mát, đương nhơn được đức A Di Đà tiếp dẫn về Cực Lạc.

Như Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, một phen xưng hiệu Phật, đều được sanh Tịnh độ đó vậy.

Cho nên kinh nói: "Những bậc tiểu hạnh Bồ Tát và người tu công đức nhỏ, nhiều không thể tính kể, đều được vãng sanh". Phật bảo về Cực Lạc dễ, trái lại ông nói sanh Tây phương khó. Trong hai phương diện ấy, lấy chánh lý mà luận, cần thuận theo kinh giáo nói dễ vãng sanh, để mở cửa giải thoát cho mọi người. Chớ nên chấp mê nói khó sanh về, mà lấp đường bồ đề của nhơn loại".

Vào tháng tư niên hiệu Kiến Trung, một hôm ngài thấy thiên thần hạ giáng nơi không trung gọi bảo: "Tịnh nghiệp của Pháp sư đã thành tựu!" Kế tiếp, ngài lại mộng thấy hoa sen to đẹp nơi bảo trì, nhạc trời vi nhiễu. Sáng ra, Pháp sư là thi "Tự tiễn hành", hội đại chúng lại khai thị về pháp yếu. Bảy hôm sau, ngài ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

TÔNG ĐẢN

Đời Tống, Tông Đản pháp sư, họ Thân, người ở Lộ Châu, huyện Lê Thành, xuất gia năm mười sáu tuổi. Sau khi thọ giới Cụ túc, ngài đi tham học các bậc danh sư, rộng thông về tam tạng giáo nghĩa.

Từ đó về sau, trong năm mươi năm, Pháp sư đi giảng kinh khắp nơi, tiếng tăm lừng lẫy. Lúc tuổi già, lại chuyên giảng các kinh Tịnh độ khuyên người niệm Phật cầu sanh An Dưỡng. Thính chúng hội về đông như mây, tất cả đều tu tịnh nghiệp. Sau ngài về Trấn Thanh Đài ở Đường Châu,

sớm hôm tinh tấn quán tưởng trì danh, cầu sanh Cực Lạc. Niên hiệu Chánh Hòa thứ tư, vào tiết mạnh hạ, ngày hai mươi bảy, Pháp sư nằm mơ thấy Phật A Di Đà hiện thân bảo: "Ngươi thuyết pháp thêm sáu ngày nữa, sẽ được sanh về Tịnh độ!" Thức giấc Pháp sư đem điềm ấy thuật lại cho chúng biết. Hôm sau, ngài thăng tòa giảng diễn liên tiếp. Tới cuối đêm mùng bốn tháng năm, Pháp sư biết thời khắc đã đến, đánh chuông nhóm chúng dạy rằng: "Nhân duyên tan hợp, vẫn tự có thời, Tịnh độ duyên mầu, chẳng nên luống uổng! Xin đại chúng đồng chắp tay niệm Phật, đưa tôi về Tây phương". Liền nói kệ rằng:

Bảy mươi sáu tuổi hưởng duyên lành
Tứ đại phân ly một niệm thanh.
Tịnh độ cõi mầu về lễ Phật
Thoát tam giới khổ, chứng Vô sanh!

Thuyết xong, an nhiên ngồi thoát hóa giữa tiếng niệm Phật. Lúc ấy mây trắng hiện ra che khắp mặt đất, tiếng sấm liên tiếp nổ vang cả trong ngoài. Mây lành từ phương tây kéo đến bao phủ tịnh thất, ba ngày sau mới tan.

LỜI BÌNH:

Phật pháp ý nghĩa bao la rộng rãi như mây. Lời pháp có công năng thức tỉnh mê tình, như tiếng sấm to làm cho mọi người cảnh giác. Cho nên tiếng pháp cũng gọi là Vân lôi âm. Người trước có câu: "Vang chuông dạ nguyệt nơi thiền viện. Dậy tiếng vân lôi chốn mộng thành!" Ngài Tông Đản nhiều năm thuyết pháp với tâm nguyện giác ngộ quần sanh. Do nhân lành ấy nên khi lâm chung cảm quả mây hiện sấm nổ, được sanh về Tây phương. Điềm nầy chứng tỏ thuyết: "Các pháp do tâm tạo" trong đạo Phật.

NGUYÊN CHIẾU

Nguyên Chiếu luật sư, tự Trạm Nhiên, họ Đường, quê ở Dư Hàng. Ban sơ, ngài nương theo Huệ Giám luật sư chuyên học về tạng Tỳ Ni. Kế đó lại y chỉ với Thần Ngộ Khiêm Pháp sư học về Thiên thai giáo quán, nghiên cứu kinh Pháp Hoa. Trong khi thọ giới Bồ Tát với Quảng Từ Tài pháp sư, giới quang chiếu phát rực rỡ. Do đó, ngài mới nghiên cứu về Nam Sơn luật tông, thường mang bát cầm tích trượng đi khất thực nơi chợ.

Về sau, Luật sư chủ trì chùa Linh Chi ba mươi năm, truyền giới độ tăng đến sáu mươi hội. Ngài hằng chuyên cần tu tịnh nghiệp, thường nói: "Khi sống hoằng hóa Luật tông, lúc chết sanh về Cực Lạc!"

Bình sanh sở đắc của ngài chỉ có hai pháp môn: Luật và Tịnh. Luật sư có soạn ra quyển Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi, tự làm lời tựa rằng:

"Nguyên Chiếu tôi từ khi xuất gia, đã mến ưa Luật học. Nhưng vì bản tánh thấp kém, nên hạnh kiểm hãy còn sơ. Sau gặp Thần Ngộ Pháp sư ở Thiên Thai dậy dỗ dắt dìu, mới lần trừ tánh cũ. Từ đó sâu tìm Tổ giáo, rộng xét Phật thừa. Rồi phát thệ lớn, nguyện thường sanh giữa đời ác năm trược ở Ta Bà, làm bậc đại đạo sư, dẫn độ chúng hữu tình, khiến đều vào Phật đạo. Lại xem Cao Tăng Truyện, thấy ngài Huệ Bố Pháp sư nói: "Cõi Tây phương tuy nghiêm tịnh, nhưng không phải là sở nguyện của tôi. Giả sử hưởng vui trong hoa sen mười hai kiếp, đâu bằng cứu chúng sanh tội khổ ở tam đồ!" Do đó lại càng giữ chặt kiếp chấp mê lầm của mình. Trải qua nhiều năm, đối với pháp môn Niệm

Phật không sanh lòng quy hướng. Khi thấy những người tu Tịnh độ, lại sanh tâm khinh rẻ chê bai. [1]

Sau Nguyên Chiếu tôi đau nặng, sắc lực kém gầy, thức thần mê muội, vận dụng hết công năng tu hành lúc bình thời, vẫn không thể tự chủ được. Nghĩ lại nếu lúc ấy yểu mạng, chắc không biết sẽ lạc về đâu? Đến khi bịnh lành, tỉnh ngộ lỗi trước, cảm buồn hối hận, thương khóc trách mình. Tự nghĩ chí nguyện tuy rộng lớn, nhưng đạo lực hãy chưa kham! Tìm xem quyển Thập Nghi Luận của tổ Thiên Thai, thấy nói: "Bậc Bồ Tát mới phát tâm chưa chứng Vô sanh nhẫn, phải thường không xa rời Phật". Tổ lại dẫn Trí Độ Luận nói: "Hạng phàm phu còn đủ nghiệp ràng buộc, mà muốn phát tâm đại bi, nguyện sanh trong đời ác để cứu khổ cho chúng sanh, là chuyện xa vời vô lý! Ví như trẻ thơ không được vội lìa cha mẹ, lại như chim non yếu chỉ có thể chuyền cành!" Từ đó, tôi bỏ hết sở kiến thuở bình thời, nghiên cứu giáo môn Tịnh độ. Hơn hai mươi năm, duyệt xem sách cổ kim, xét tỏ tường giáo lý, các mối nghi tiêu tán, lòng tin hiểu tăng sâu. Lại thấy Tổ Thiện Đạo dẫn giải hai môn tu Chuyên và Tạp như sau: "Nếu chuyên tu thì trăm người vãng sanh đủ trăm. Còn tạp tu trong trăm người chỉ vãng sanh được ba bốn! Tại sao thế? Vì tâm hạnh bị chia chẻ rối loạn, nên niệm lực khó thành!" Bởi thế nên tôi quyết ý chuyên trì bốn chữ hồng danh, giữ không thay đổi. Cảm thương mình kiếp trần mãi luân lạc, nay mới biết nẻo về! Lại đem sở tu khuyên hàng đồng đạo, nguyện tán dương Tịnh độ cùng kiếp vị lai! Đường về đại bồ đề tuy nhiều môn

[1] *Theo Cao Tăng Truyện, Huệ Bố Pháp sư là bậc Bồ Tát thị hiện chứng đệ tam quả A La Hàm. Vì thế ngài có lời nói ấy.*

phương tiện, nhưng phải có đức tin mới được vào. Như Đại Thế Chí Bồ Tát dùng tâm niệm Phật vào tam ma địa, chứng ngộ viên thông. Xét kỹ lại mình, về trước đã tạo vô lượng tội, nay lại không tin Tịnh độ, hủy báng người, nhân nghiệp đã gây, quả khổ khó tránh! Nên đem lòng thẹn sợ, đối trước đài sen, năm vóc đầu thành, một lòng sám hối. Lại phát bi thệ, sưu tập cổ văn, lập ra nghi quỹ. Xin nguyện: "Khắp nhiếp chúng sanh tu Tịnh độ, đồng sanh An Dưỡng chứng Bồ đề!"

Mùa thu năm Chánh Hòa thứ sáu, một hôm Luật sư bảo đệ tử cao tiếng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Ngài ngồi ngay thẳng nghiêm cẩn lặng nghe. Sau thời tụng niệm, chúng xem lại thì luật sư đã nhắm mắt viên tịch. Lúc ấy chư tăng và ngư dân ở Tây Hồ đều nghe hương lành thanh thoảng, nhạc trời dìu dặt giữa hư không.

NHƯỢC NGU

Nhược Ngu pháp sư, họ Mã quê ở Hải Diêm. Ngài học kinh giáo với Biện Tài Tịnh Pháp sư, rồi về tu tại vùng Long Tinh.

Sau Pháp sư đến Tiên Đàm, một giải hồ rộng lớn cảnh trí tươi đẹp, cất tịnh viện để tiếp đãi tăng chúng. Nơi viện có lập tòa lầu to rộng gọi là Vô Lượng Thọ Phật Các, cho hàng tăng tục hội về niệm Phật. Chúng thường trú ở đó

được vài trăm vị. Trong vòng ba mươi năm, các liên hữu dự hội niệm Phật, khi lâm chung phần nhiều đều cảm điềm lành. Có kẻ đem đạo hạnh của Pháp sư tấu trình, ngài được vua tứ cho hiệu là Pháp Giám đạo sư.

Đương thời có Tắc Chương thiền sư, kết bạn với ngài đồng tu tịnh hạnh. Sau khi thiền sư quy tịch, ngài mộng thấy thần nhơn bảo: "Bạn đồng học với Pháp sư là Thích Tắc Chương, chứng được Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tam Muội, đã về Tịnh độ, đang mong chờ ngài vãng sanh!" Tỉnh giấc, Pháp sư tắm gội thay y phục, dạy chúng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, tự ngồi kiết già đoan chỉnh lặng nghe. Chúng tụng xong, ngài bảo: "Cảnh Tịnh độ hiện rõ trước mặt, ta sắp vãng sanh". Rồi cầm bút viết kệ lưu lại mà hóa. Kệ rằng:

Vẫn tự không nhà để trở về
Bên trời mây tỏ lối hương quê!
Hồ tây ánh lặng vần ngân xế
Nầy lúc Tiên Đàm tỉnh giấc mê!
Hoa mầu lưới báu dệt hư không
Thất bảo ao sen sáng đẹp hồng!
Đạp được Tây quy đường lối ổn
Niềm nghi tiêu tán sạch nơi lòng!

Bấy giờ nhằm tháng chín niên hiệu Tĩnh Khang năm đầu đời Tống, Pháp sư thọ 72 tuổi. Lúc làm lễ trà tỳ, được Xá lợi vài trăm hạt.

TỀ NGỌC

Đời Tống, Tề Ngọc pháp sư, họ Mạc, người ở Tề Xuyên. Ngài xuất gia thuở còn bé, tánh cường ký, mỗi ngày có thể ghi nhớ vài ngàn lời. Trước tiên, Pháp sư tham học với ngài Thần Trí ở chùa Tường Phù. Kế đó nương theo ngài Từ Biện, lãnh thọ ý chỉ Nhứt tâm tam quán. Sau về chủ trì chùa Bảo Tạng ở Thiều Khê.

Pháp sư tu hành tinh tấn, lập ra Tịnh Nghiệp Xã, mỗi năm sang tiết đông chí, hàng tăng tục hội về niệm Phật nhiều như mây. Sau vì muốn chánh pháp được phổ cập, ngài lại ứng duyên mời thỉnh, đến Hoành Sơn xây dựng già lam, tạo tượng Tây phương tam thánh cao một trượng sáu, khuyến suất hàng đạo tục tu hành. Mỗi đêm trước thời tịnh khóa, Pháp sư khai thị vắn tắt cho đại chúng thêm tinh tấn. Trong ấy có những lời chí thiết như sau:

"Khi chúng ta chưa biết niệm Phật tu hành, đã lầm tạo vô lượng nghiệp ác. Phạm một lỗi nhỏ, như tội Đột kiết la *(Ác tác, Ác thuyết)*, còn thọ khổ nơi địa ngục chín trăm ngàn năm, huống chi là các tội nặng trong Ngũ thiên, Thất tụ ư? Duy chí tâm niệm Phật, thì trong mỗi niệm mới có thể diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Thế thì biết niệm Phật có công năng thoát ly địa ngục tam đồ, thành tựu các sự trang nghiêm ở cõi nhơn thiên và Tịnh độ. Lại nghĩ: cha mẹ sanh dưỡng ta công lao rất khó nhọc, nay cho ta xuất gia, chỉ mong chờ ta độ thoát. Nay ta không cố gắng tu hành, đem công đức hồi hướng để báo ân nặng, mà trở lại phá giới biếng trễ, thì sao còn được gọi là đạo làm con và đạo làm người!"

Đại chúng nghe lời dạy thiết tha ấy đều cảm động, chí thành sám hối. Có kẻ gieo mình đảnh lễ sám niệm đến khan cả tiếng, đầu trán bị tổn thương. Năm Tuyên Hóa thứ sáu, Pháp sư lại được mời về chủ trì Thượng Trúc Thiền Viện. Ngài thường tỏ ra tinh tấn, mỗi nửa đêm đầu đội thánh tượng, miệng cao tiếng niệm Phật. Có một vị tăng phạm thanh quy, Pháp sư quở rằng: "Đã răn dạy nhiều lần, mà ông thật là ngờ nghệch không biết chi cả chẳng khác gì loài súc sanh!" Kế đó liền phản tỉnh tự hối rằng: "Kẻ kia tuy lỗi lầm, nhưng dù sao cũng là một vị tăng, ta nói như thế thành ra điếm nhục ngôi Tam bảo!" Từ đó, ngài đối trước Tam bảo sám hối về tội ấy đến ba năm.

Mùa thu niên hiệu Kiến Diêm năm đầu, Pháp sư gọi Thủ tọa Tu Huệ bảo: "Trước giường tôi hiện ra tháp Đa Bảo rất trang nghiêm, nhưng chẳng phải là sở nguyện bình sanh. Tôi chỉ mong được Phật A Di Đà tiếp dẫn. Xin vì tôi họp đại chúng lại niệm Phật!" Vị Thủ tọa đánh chuông, chư tăng hội đến hơn trăm người đồng thanh tụng niệm. Giây lát, Pháp sư bỗng ngước lên hư không cung kính nói: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!" Rồi ngồi đoan chỉnh chắp tay mà hóa.

LỜI BÌNH:

Người xưa nghe lời lành thì chắp tay cung kính, hoặc cúi mình đảnh lễ. Khi được ân cần dạy bảo, lại gieo mình lễ niệm đến khan cả tiếng, đầu trán bị tổn thương. Người học đạo đời nay, phần nhiều đầy ngã mạn tự cao, lúc phạm lỗi không biết ăn năn sám hối. Khi được răn nhắc cảnh tỉnh, lại thản nhiên lơ là, đôi khi còn tỏ vẻ bất mãn giận hờn, thốt lời chống đối. Cũng đồng hàng đệ tử Phật, nhơn tâm xưa và nay sao mà khác xa nhau như vậy!

UẨN TỀ

Thích Uẩn Tề tự Thanh Biện, họ Châu, người ở Tiền Đường. Lúc thiếu thời, trong khoa kinh thí, sư đắc độ, và sau đó được truyền môn Thiên Thai giáo quán nơi ngài Hội Hiền ở chùa Pháp Minh.

Sư từng bị chứng lao dịch, trăm thứ thuốc trị không lành. Bịnh khổ quá lắm, cuối cùng xả bỏ tất cả, hôm sớm chỉ chuyên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Một đêm, sư mộng thấy có người nữ đến mổ hông, đổi trái tim, rồi dùng tay xoa khắp nơi chỗ bị thương. Tỉnh dậy có cảm giác an ổn, vài hôm sau bịnh lành hẳn. Từ đó sức thông tuệ bộc phát, những kinh sách xem về trước thảy đều ghi nhớ và thông hiểu, hạ bút thành văn, lời nói thanh nhã và có điển cứ.

Sau sư lần lượt chủ trì các ngôi già lam ở Tô Châu, Hàng Châu. Lúc tuổi già lại về ẩn tu nơi chùa Thượng Phương ở Thường Thục. Niên hiệu Kiến Diêm thứ tư, vào tháng giêng, sư họp chúng tụng kinh A Di Đà, sang đến đoạn niệm Phật, ngồi yên chắp tay mà hóa. Sau khi trà tỳ, chúng kiếm điếm được Xá lợi, đem xây tháp thờ tại chùa.

Đồng thời, có sư Đạo Ngôn cùng chuyên tu tịnh nghiệp. Trước khi lâm chung vài ngày, sư thấy hai vị thần hiện thân bảo: "Đã sắp đến lúc mạng chung, sao ông còn lơ là không buộc tâm nơi câu niệm Phật?" Nghe nói, sư tập họp các liên hữu tăng và tục niệm Phật luôn đêm ngày. Đến đêm thứ ba, vì đại chúng sám hối, rồi lên tòa thuyết pháp. Tới sáng, ngồi ngay nơi tòa niệm Phật mà vãng sanh.

TƯ TỀ

Tư Tề đại sư, họ Dụ, quê ở Tiền Đường. Trên bước hành đạo, ngài thọ học kinh Pháp Hoa với đức Tạng Anh pháp sư. Kế đó tinh tấn tu tịnh nghiệp, mỗi ngày khóa tụng Quán kinh, rồi ngồi yên lặng lòng quán tưởng, kế tiếp niệm hồng danh Phật A Di Đà.

Niên hiệu Đại Quán năm đầu đời Tống, đại sư lập ngôi tinh xá ở cửa bắc ải Phủ Trị. Mượn nhân duyên đó, ngài tiếp đãi tăng chúng các nơi, tạo phước nghiệp, trai tăng đến ba trăm vạn người. Về sau nơi ấy được mở rộng, đổi thành cảnh chùa thập phương. Đầu niên hiệu Tuyên Hòa, gặp cơn binh lửa tràn lan, đại sư tự đến chỗ giặc, nguyện đem thân mình thế mạng sống cho dân chúng trong thành. Tướng giặc kinh sợ và cảm động, dời binh đi nơi khác.

Đại sư có hoa tay vẽ rất khéo, nên được nhiều người nhờ họa tượng Phật. Mỗi lần sắp vẽ, trước tiên ngài vào ngồi yên trong thất niệm Phật, rồi quán tưởng thánh tướng rất lâu, sau mới hạ bút. Một hôm khi họa xong tượng A Di Đà cao một trượng sáu, ánh sáng từ nơi tượng Phật chiếu ra rực rỡ. Đại chúng trong chùa nghe biết đều đến chiêm lễ. Lễ xong, trong giây phút quang minh mới tắt. Do đó người đương thời xưng ngài biệt hiệu là Dụ Di Đà.

Có vị tăng hỏi: "Đã là bậc danh đức, tại sao đại sư lại không tham thiền?" Ngài đáp bằng một bài kệ:

Bình sanh niệm Phật, quán mi hào
Chẳng học tham thiền, đã có sao?
Chỉ được năm hồ trăng gió mát
Thái bình khỏi đụng đến gươm đao!

Mùa đông năm Thiệu Hưng thứ bảy, đại sư ngồi nghiêm chỉnh, yên lặng quán tưởng Phật luôn suốt bảy ngày. Đến bữa cuối, bỗng đứng lên đốt hương cúng dường Phật, rồi trở lại tòa ngồi kiết già mà hóa. Trải qua bảy ngày, nơi đảnh còn nóng, hương lạ không tan.

TỬ NGƯƠN

Tử Ngươn đại sư, con nhà họ Mâu, quê ở Bình Giang, huyện Côn Sơn. Mẹ là Sài thị nằm mơ thấy một đức Phật vào nhà, hôm sau sanh ra ngài, nhân đặt tên là Phật Lai. Lớn lên, ngài đến chùa Diên Tường xuất gia, tu tập về môn Chỉ Quán. Một hôm, trong định nghe tiếng quạ kêu, ngài bỗng nhiên đại ngộ.

Từ đó, đại sư quy tâm về miền An Dưỡng, tự hiệu là Vạn Sự Hưu, trong cảnh thuận nghịch ghét thương, chưa từng động niệm. Mến phong thái Bạch Liên Xã của Viễn công ở Lô Sơn, ngài khắp khuyên người quy y Tam bảo, thọ trì Ngũ giới, niệm Phật năm câu để chứng minh năm giới và kết tịnh duyên. Đó là ý của đại sư muốn cho mọi người tịnh Ngũ căn, đắc Ngũ lực, thoát khỏi cảnh đời Ngũ trược về nơi Tịnh độ vậy. Ngài rút tuyển những yếu ngôn trong đại tạng, biên soạn thành quyển Thần Triêu Sám Nghi, thay thế chúng sanh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sanh Cực Lạc. Sau đại sư đến ven hồ Điện Sơn, lập ra Bạch Liên Sám Đường, suất lãnh hàng tăng tục đồng tu tịnh

nghiệp. Trong khi ấy, lại soạn thuật quyển Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ, để khai thị phần nhãn mục của Liên tông. Ngài có làm bài kệ để khuyên người phát tịnh nguyện như sau:

Muôn pháp từ tâm sanh
Muôn pháp từ tâm diệt.
Đức Phật Đại Sa môn
Xưa đã từng tuyên thuyết.
Trì giới không Tín, Nguyện
Chẳng được sanh Tịnh độ
Duy được phước Nhơn, Thiên
Phước hết luân hồi khổ.
Xem kinh không mắt huệ
Chẳng rõ Phật thâm ý
Đời sau được thông minh
Tâm loạn khó thoát ly.
Sao bằng niệm Phật tốt
Khỏi danh lợi bôn ba
Đi ngồi hằng tịnh niệm
Chính là A Di Đà.
Nếu giữ giới tu phước
Hồi hướng lại càng tốt
Như thế sanh Tây phương
Ngàn người chẳng sót một.
Thuyết giáo có Thích Ca
Nhiếp thọ, đức A Di
Chư Phật đều hộ niệm
Chư Thiên khéo hộ trì.
Niệm Phật được gần Phật
Công đức chẳng chi hơn

Sẽ ngồi nơi đạo tràng
Chuyển bánh xe pháp lớn!
Ví như gái nhà nghèo
Thai nghén vua Chuyển Luân
Chư Thiên thường mến hộ
Gái nghèo chẳng biết mừng.
Trong bụng có con quý
Ngự trị khắp quần lê
Nay người niệm Phật đây
Ý cũng đồng như thế!
Nhớ Phật, thường niệm Phật
Không lâu sẽ thành Phật
Phật hộ niệm giữ gìn
Phải nên tự biết mình.
Đừng mơ ước đời sau
Được sang giàu tốt số
Bởi niệm Phật phước to
Sẽ sanh về Tịnh độ!
Ví như nhà kẻ nghèo
Dưới đất có kho báu
Tạng thần hằng giữ gìn
Chẳng cho mất trân bảo.
Người nghèo không tự biết
Nhà mình có báu châu
Đi khắp nơi làm mướn
Lo cơm áo khổ cầu!
Niệm Phật cũng như thế
Đầy đủ tạng Như Lai
Mà mong cầu việc nhỏ
Đó là ý niệm sai.

Lại như nhà người bịnh
Có trữ sẵn thuốc tiên
Bịnh nhơn không biết thuốc
Làm sao được lành yên?
Ngày đêm nằm trở trăn
Đau nhức hằng khóc kể
Niệm Phật nguyện sai lầm
Ý cũng đồng như thế!
Phải biết tâm niệm Phật
Hay diệt tham sân si
Hay làm kho báu lớn
Hay làm đại lương y.
Hay thành Pháp vương tử
Hay thành đấng Như Lai
Che chở và tế độ
Cứu khổ khắp muôn loài.
Đừng nghĩ mình phàm phu
Không được sanh Tịnh độ
Chỉ giữ giới trì trai
Sau làm người đắc ngộ.
Lần lượt gắng tiến tu
Mới được sanh về Tây
Thấy nhiều kẻ tu hành
Thường nói như thế ấy.
Chẳng hợp thệ nguyện Phật
Không hợp ý trong kinh
Tà kiến che mê tâm
Luân hồi tự khổ mình!
Đời nầy không vãng sanh
Một lầm, trăm ngàn lầm

Nên người niệm Phật phải
Tin Di Đà nguyện tâm!
Lời Phật hằng chân thật
Không một điểm dối hư
Phải tinh tấn phát nguyện
Đừng tưởng nghĩ tà tư.
Niệm Phật, cầu vãng sanh
Như gió giúp sức lửa
Chẳng khó nhọc nên công
Chư Phật đều ấn hứa.
Gặp báu lại chịu nghèo
Gặp cơm cam đói khổ
Quê thay kẻ mê lầm!
Làm sao được tế độ?
Nay viết kệ phụng khuyến
Xin lần lượt truyền thay
Vì mọi người lưu thông
Làm Sứ giả Như Lai.
Đó mới là con Phật
Mới thật báo ân Phật
Đồng tu tín nguyện hạnh
Về Cực Lạc trường xuân!

Năm Càn Đạo thứ hai, đại sư phụng chiếu tới điện Diên Thọ giảng thuyết về pháp môn Tịnh độ, được vua tứ hiệu là Từ Chiếu Tông Chủ. Đến ngày 23 tháng ba, ngài bảo các môn đồ rằng: "Hóa duyên đã mãn, ta sắp về Tây!" Rồi chắp tay từ biệt đại chúng, lặng lẽ mà thị tịch. Tới ngày 27, sau khi làm lễ trà tỳ, được Xá lợi vô số. Đại sư có tập Di Đà Tiết Yếu lưu hành nơi đời.

LỜI BÌNH:

Tử Ngươn đại sư là bậc Cổ Phật nương bi nguyện tái lai để độ sanh, thị hiện xuất gia tham thiền được đại triệt đại ngộ. Nhưng một đời ngài chỉ thuyết hóa bình thường giản dị, khuyên người giữ giới niệm Phật cầu sanh Tây phương. Như thế đủ chứng tỏ lời cổ đức dạy: "Pháp môn Tịnh độ cao siêu mầu nhiệm, duy Phật với Phật mới rõ biết cùng tận. Pháp môn nầy khế hợp với bản hoài độ khắp chúng sanh của chư Phật".

ĐẠO NHÂN

Đạo Nhân pháp sư, tự Thảo Am, họ Tiết, người ở Minh Châu. Năm mười bảy tuổi, ngài đã thọ giới cụ túc, rồi theo học với Minh Trí Lập đại sư. Học nghiệp thành rồi, khi thì ngài vào thiền thất tĩnh tu, lúc lại ra diễn giảng, như thế lần lượt du hóa trải qua khắp các nơi.

Pháp sư xem quyển Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao của Pháp Trí tôn giả, tỏ ngộ đến chỗ sâu sắc, nên xa hướng về chùa Tứ Minh, đảnh lễ tôn giả kính làm bậc thầy. Sau đó, ngài lần lượt trải qua làm tòa chủ các chùa: Vĩnh Minh, Bảo Vân, Quảng Thọ, Trị Bình, đến lúc lớn tuổi lại về trụ trì chùa Diên Khánh. Mỗi nơi, ngài đều hoằng dương chánh pháp, hàng tăng tục quy hướng về rất đông.

Ngày mười bảy tháng tư, năm Càn Đạo thứ ba đời Tống, trước khi viên tịch, Pháp sư họp đồ chúng lại từ biệt, rồi bảo: "Cảnh giới Hoa Nghiêm rỗng suốt sáng lặng, rất thích hợp với lòng ta. Nay bần tăng sắp về cõi Cực Lạc trong Liên Hoa Tạng thế giới!" Liền dạy chúng đồng thanh tụng bài tán A Di Đà của mình đả làm như sau:

Quốc độ không ngần khắp hải không
Hải không toàn là liên hoa cung.
Hoa cung đầy khắp trong không hải
Không hải riêng hiệu Di Đà dung!
A Di Đà Phật chẳng sanh diệt
Khó vớt khôn tìm vầng thủy nguyệt!
Tuyệt phi lìa cú, thân chân như
Như thế cảm thông, như thế thuyết!
Ta cùng Di Đà vẫn không hai
Vọng giác vừa sanh bỗng thành sai.
Từ nay quét sạch trần không, hữu
Thiên tánh cha con gặp mặt mày!
Ba phước thề tu, sáu niệm cần
Giữ gìn tam nghiệp sạch trong ngần.
Một câu thánh hiệu không rời chán
Nguyện thấy Di Đà chứng pháp thân!

Đọc bài tán xong, dẫn chúng niệm Phật độ vài trăm câu, rồi tiếp tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ. Khi tụng đến chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, Pháp sư liền nhiếp niệm mà tọa hóa. Trải qua ba ngày, đảnh và chân đều còn nóng.

HỮU BẰNG

Hữu Bằng đại sư, tự Mục Am, người ở Kim Hoa, học nhiều nhớ giỏi. Ngài y chỉ với Pháp sư Xa Khê Khanh, sớm hôm tham phỏng, không bao lâu đã lãnh thọ được hết chân truyền.

Kế đó, đại sư đến Tiên Đàm giảng về môn Chỉ Quán. Vừa lúc ấy Thiên Y Trì Pháp sư khất thực tới nơi, vào chùa nghe, kinh dị nói: "Chỗ tỏ ngộ thật rộng rãi sâu sắc, hôm nay ta mới được nghe thấy lần đầu!" Rồi cung kính đảnh lễ mà đi.

Cô Vợ người họ Tiết gần đó mất sớm, thường hiện hình trong nhà. Gia quyến làm trai hội thỉnh một ngàn vị tăng đến cúng dường, và xin tụng kinh Kim Cang Bát Nhã để siêu độ. Trai cúng xong, lại cầu đại sư giảng lược về ý kinh. Tối hôm ấy, vong nhơn dựa vào người nhà nói: "Xin cúi lạy cảm tạ song thân và quyến thuộc. Con nhờ công đức một quyển kinh, nay đã được siêu thoát!" Cha chồng hỏi: "Cả ngàn vị tăng đồng tụng, sao con lại nói chỉ có một quyển kinh? Và ai đã tụng quyển ấy?" Vong linh cô dâu thưa: "Đó là quyển kinh của Hữu Bằng đại sư!"

Sau đó, đại sư về trụ trì chùa Năng Nhân, lúc tuổi già lại làm tọa chủ chùa Diên Khánh. Đi đến đâu, sự thuyết hóa cũng hưng thịnh. Ngày mùng ba tháng chạp năm Càn Đạo thứ tư đời Tống, đại sư trải tọa cụ ngồi ở hiên Thanh Ngọc, bảo đồ chúng tụng Quán kinh. Đến chương Chân Pháp Thân quán, dạy chúng niệm Phật, rồi lưu kệ mà vãng sanh.

PHÁP NHÂN

Pháp Nhân thiền sư, tự Khóa Tâm, họ Cố, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ngài học với Pháp sư Thảo Am Nhân, lãnh thọ hết yếu chỉ, nên được người đương thời xưng tặng là Tiểu Am Nhân.

Sau thiền sư chủ trì chùa Quảng Thọ ba mươi năm, tuy ngộ Thiền tông, nhưng lại hướng về Tịnh độ. Ngoài thời tu, ngài thường giảng diễn kinh pháp, trọn đời chưa từng bước chân đến cửa nhà quyền quý. Của đàn tín cúng dường, nếu không khước từ được, thiền sư chỉ nhận một ít phần. Ngôi tịnh thất cư trú quá đơn sơ, có kẻ khuyên cất sửa lại, ngài nói: "Thân nầy hãy còn vô thường bận tâm chi nhiều đến ngoại vật!"

Vào tháng tám năm Thiệu Hy thứ tư đời Tống, thiền sư nhiễm bịnh, trong định thấy cảnh Tịnh độ và hai vị Bồ Tát. Xuất định, ngài gọi môn đồ nói: "Đạo tràng Pháp Hoa hiện ra rất trang nghiêm, cùng với chỗ ta thấy lúc bình thời khác nhau xa lắm! Các con cố gắng, thầy sắp đi đây!" Liền dạy họp chúng lại tụng Quán kinh, niệm Phật. Một vị tăng xin lưu kệ, thiền sư cầm bút viết lẹ rằng:

Ta cùng Di Đà vẫn không hai
Hai cùng không hai đều lìa ngay.
Như thế ta thấy Vô Lượng Quang
Đạo cảm ứng giao khó nghĩ bàn!

Viết xong buông bút, ngồi ngay thẳng kiết ấn mà vãng sanh.

Đồng thời, có Hiển Siêu thượng nhơn, người ở Bác Châu, thọ chú pháp Uế Tích Kim Cang với Kim Tổng Trì Tam Tạng. Thượng nhơn thường dùng chân ngôn ấy cứu

bịnh giải oan, được của cúng dường đến năm vạn xâu tiền, đều đem dâng vào kho thường trụ chùa Vĩnh Thọ. Tất cả công đức trì chú độ người, ngài hồi hướng cầu sanh Tịnh độ.

Sau thượng nhơn cảm bịnh nhẹ, thấy hoa sen đầy khắp hư không, âm nhạc nổi lên vi diệu, Phật và Bồ Tát hiện thân đến rước. Hàng đệ tử tăng tục gieo mình đảnh lễ khóc thương cầu xin lưu thọ để cứu khổ chúng sanh. Các cảnh tướng Tịnh độ lần lần ẩn mất. Ngài lại sống thêm mười ăm năm nữa, dùng chân ngôn cứu người. Một hôm, thượng nhơn bỗng nghe nhạc trời hương lạ ngước nhìn lên, Phật và thánh chúng đều hiển hiện giữa hư không, thánh cảnh lại hiện ra thù thắng hơn trước. Ngài liền từ giã đại chúng, ngồi kiết già xây mặt về Tây mà hóa.

ƯU ĐÀM

Ưu Đàm đại sư, họ Tưởng, quê ở Đơn Dương, gia thế hằng thờ Phật. Mười lăm tuổi, ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Về sau, được mời chủ trì chùa Diệu Quả tại Đơn Dương.

Niên hiệu Chi Đại năm đầu đời nhà Nguyên, vua xuống chiếu bãi bỏ Liên Tông. Đại sư cả sợ nói: "Ta phụng thừa môn nầy gần ba mươi năm. Nay nỡ nào để pháp mầu của Như Lai bị mai một nơi đời ta ư!" Liền quỳ trước bàn Phật phát thệ, nguyện phục hưng môn Niệm Phật. Rồi ngài

đem hết tâm tư soạn thuật ra mười quyển Liên Tông Bảo Giám. Trong ấy có những đoạn cảnh sách rất thiết yếu như sau:

* Phàm người niệm Phật, điểm chánh yếu là giải quyết vấn đề sống chết, chẳng phải lơ láo qua ngày! Nên nghĩ đến cơn vô thường mau chóng, thời khắc chẳng chờ người, hằng chăm chú lo cho thành tựu một việc ấy mới được. Nếu nửa lui nửa tới, tợ tín tợ nghi, kết cuộc không chắc thật, thì từ nay trở đi, phải quyết phát lòng đại dõng mãnh, đại tinh tấn! Khi đi đứng nằm ngồi, chỉ nắm giữ một câu A Di Đà Phật, như tựa vào tòa núi Tu Di, đẩy xô không lay chuyển. Chỉ chuyên tâm nhứt ý mà niệm, gác qua việc thông hiểu hay chẳng thông hiểu, thấy tánh hay không thấy tánh. Cách hành trì đều tùy theo sức khỏe căn cơ, hoặc tham cứu mà niệm, quán tưởng mà niệm, mến nhớ mà niệm, hoặc dùng pháp thập niệm, lễ niệm, mặc niệm, kim cang niệm, đê thanh niệm, cao thanh niệm. Mỗi niệm hằng giữ cho hiện tiền, quên cả quá khứ vị lai, thường nhớ thường niệm, sớm cũng niệm, tối cũng niệm, gấp cũng niệm, hưỡn cũng niệm, mọi oai nghi động tác đều niệm. Trong mỗi ngày mỗi giờ, buộc niệm không xen hở, câu Phật chẳng rời tâm, nhặt nhặt nhiệm nhiệm, như gà ấp trứng giữ cho hơi ấm nối tiếp nhau, đó gọi là: "tịnh niệm tương kế". Nếu gia thêm trí huệ chiếu soi, thì biết tịnh độ tức tâm, tâm tức tịnh độ. Đây là công phu tu tiến của bậc thượng trí vậy. Chủ trì được, giữ chắc được, ổn định được như thế, thì dù gặp cảnh thuận, nghịch, khổ, vui đưa tới, vẫn chỉ chuyên một câu A Di Đà Phật, không một niệm thay đổi, không một niệm biếng lui, không còn xen tạp tưởng. Niệm như thế đến trọn đời, giữ không đổi

chí nguyện, chỉ quyết tâm cầu sanh về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Nếu quả dụng công được như thế, thì vô minh nghiệp chướng nhiều kiếp tự nhiên tiêu tan, tập khí trần lao tự nhiên trừ sạch, thân thấy đức A Di Đà, vẫn không rời bảo niệm. Chừng đó công thành hạnh mãn, nguyện cùng hạnh nương giúp nhau, đến khi mạng chung, quyết định sanh về thượng phẩm.

* Người niệm Phật, khi trần nhơ chưa sạch, niệm xấu ác khởi lên, phải tự cảnh giác dứt trừ ngay. Những niệm: tham tiếc, bỏn sẻn, giận hờn, si ái, ganh ghét, khi dối, hơn thua, tự cao, dua my, tà kiến, khinh mạn năng sở, tư tưởng quá khứ, tư tưởng hiện tại, tư tưởng vị lai, tất cả mọi tâm ô nhiễm không lành nổi lên, phải gấp cao tiếng xưng hiệu Phật, nhiếp về chánh niệm. Chớ để tâm xấu ác hư vọng nối nhau, phải quét sạch liền, vĩnh viễn không cho sanh khởi. Những tâm: tin sâu, chí thành, phát nguyện, hồi hướng, từ bi, khiêm hạ, bình đẳng, phương tiện, nhẫn nhục, giữ giới, hỷ xả, thiền định, tinh tấn, giác ngộ, tất cả tâm lành, cần phải giữ gìn. Lại nên lìa sự nhiễm dục, dứt hạnh thô ác, chớ nuôi gia súc, những nghiệp săn bắn chài lưới, cho đến các nghề có can phạm đến sanh mạng, đều không được làm. Phải biết chư thượng thiện nhơn ở Cực Lạc, đều do bỏ duyên ác, tu nghiệp lành, mới được sanh về đó, và được không thối chuyển đạo bồ đề. Cho nên người niệm Phật phải học theo Phật, lấy sự bỏ ác tu thiện làm nhiệm vụ.

* Người niệm Phật muốn sanh về Tịnh độ, phải tưởng nghĩ tất cả sự vật ở thế gian đều vô thường, thành tất có hoại, sống tất có chết. Nếu không nghe Phật pháp, thì bỏ thân nầy thọ thân khác, luân chuyển trong tứ sanh, xuống

lên nơi lục đạo, chẳng biết chừng nào mới giải thoát. Ta nay có duyên được nghe chánh pháp, được tu tịnh nghiệp, thì phải tinh cần niệm Phật. Đến khi xả thân nầy, mới được sanh về Cực Lạc, gởi chất thai sen, hưởng các điều vui thoát hẳn sống hết luân hồi, không thối chuyển nơi quả Phật. Đây là việc tốt đẹp, và điều tối cần yếu thuở bình sanh của bậc đại trượng phu vậy. Lúc vừa có bịnh, phải rũ sạch thân tâm, một lòng niệm Phật cầu sanh, không được ngờ vực nghĩ vơ vẩn. Nên ngồi ngay thẳng hướng về phương Tây, chuyên tưởng Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, cùng vô số Hóa Phật hiện ở trước, một lòng xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, câu tiếng nối nhau chẳng dứt. Với tất cả việc thế gian, không nên nghĩ tới, chẳng được tham luyến. Nếu bỗng nhiên khởi nghĩ, phải mau xưng niệm Phật, thì trong mỗi niệm sẽ trừ diệt tội chướng, tăng trưởng phước huệ. Giữ nhứt tâm như thế, tất được vãng sanh. Nếu số mạng chưa dứt, bịnh tự an lành. Dè dặt chớ nên khởi niệm lưu luyến thế gian, căn mạng còn sẽ tự còn, đến số chết mặc cho chết, chỉ chuyên việc vãng sanh, cần gì lo ngại! Hiểu được lẽ nầy, thì sự xả thân cũng như bỏ áo cũ rách, thay áo tốt đẹp, bỏ thân phàm lên cõi Phật, há chẳng đáng cao quý ư?

* Việc chân chánh tu hành có tín sâu nguyện thiết, là tối yếu phải được sanh về Cực Lạc. Nên chuyên lòng nhứt ý, giữ một câu niệm Phật. Chỉ một niệm nầy là bổn sư của ta. Chỉ một niệm nầy là Hóa Phật đến tiếp dẫn. Chỉ một niệm nầy là viên mãnh tướng phá địa ngục. Chỉ một niệm nầy là gươm báu chém các yêu tà. Chỉ một niệm nầy là ánh sáng soi phá cảnh tối tăm. Chỉ một niệm nầy là

thuyền lớn vượt ra khỏi biển khổ. Chỉ một niệm nầy là phương thuốc quý mầu chữa trị bịnh luân hồi sanh tử. Chỉ một niệm nầy là đường tắt thoát ly ba cõi sáu đường. Chỉ một niệm nầy là bản tánh Di Đà. Chỉ một niệm nầy là duy tâm Tịnh độ. Điều cần yếu là phải ghi khắc một câu A Di Đà Phật nơi lòng, chớ cho lạc mất, mỗi niệm thường hiện tiền, mỗi niệm chẳng rời tâm. Không việc cũng niệm như thế, có việc cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bịnh khổ cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế! Một niệm rõ ràng không mê mờ như thế, lại cần chi tìm người hỏi đường trở về quê cũ ư!

Sách soạn thành, đem cầu chứng khắp các phương cao đức, không ai có thể thay đổi một chữ. Đại sư lại đem sách ấy dâng lên Nhân Tôn Hoàng đế, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh độ. Vua chuẩn y, dạy ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu là Hổ Khê tôn giả. Đến năm đầu niên hiệu Thuận Hóa đại sư an tường ngồi niệm Phật mà vãng sanh.

HOẰNG TẾ

Hoằng Tế đại sư, họ Dao, tự Đồng Chu, người ở Dư Diêu. Lúc thơ ấu, ngài đã để chóp vào ở chùa Bảo Tích trong thôn ấp. Năm mười sáu tuổi, mới hoàn toàn xuống tóc, thọ giới Sa di. Tuổi đúng hai mươi, lại được thọ Cụ túc giới.

Đại sư giữ luật rất nghiêm cẩn, nương theo Pháp sư Bản Sơn Toàn học tập Thiên Thai giáo quán. Không bao lâu, sự tu học đã đến mức thông suốt tinh vi. Ngài thường hành trì các sám pháp như: Tịnh Độ, Pháp Hoa, Kim Quang Minh. Một hôm trong định, đại sư thấy Tứ Minh tôn giả trao cho cây Tê giác như ý, từ đó biện tài lưu loát như suối tuôn trào.

Đời nhà Nguyên, nhằm Thái Định ngươn niên, ngài được mời trụ trì chùa Viên Giác ở huyện Vạn Thọ. Năm sau, tại huyện Diêm Quan gần đó giông bão dữ dội, đê biển sắp bị sóng đánh vỡ, dân chúng quanh vùng đều nơm nớp e sợ. Thừa tướng Thoát Hoan cũng lo lắng, cho quan địa phương thân mời đại sư đến chỗ đê biển, lập Thủy lục đại trai đàn để cầu nguyện. Ngài tới nơi, nhập Từ tâm tam muội, lấy cát biển tụng chú Đại Bi, rải dọc theo bờ đê. Gót chân đến đâu, đê điều nơi đó đều được ổn cố, sóng gió cũng dịu lần rồi dứt hẳn. Mọi người đều khen tặng là thần kỳ! Sau đại sư lần lượt chủ trì các ngôi đại già lam: Tập Khánh, Hiển Từ, Vinh Thông. Lúc lớn tuổi lại trở về chùa Bảo Tích ở quê nhà, chuyên tu Niệm Phật tam muội.

Niên hiệu Chí Chánh thứ mười sáu, ngày mùng ba tháng mười, đại sư cảm bịnh nhẹ, cho vời các đệ tử đến, khai thị về ý nghĩa Duy tâm tịnh độ. Trong chúng có kẻ chưa thông hiểu, ngài cao giọng nghiêm trách nói: "Bờ sanh tử rất nguy hiểm, khó nỗi ở yên, sao còn chưa tỉnh ngộ?". Nói xong, liền chắp tay niệm Phật mà hóa.

THIÊN NHƯ

Thiên Như đại sư, họ Đàm, tự Duy Tắc, người ở Vĩnh Tân. Sau khi xuất gia, ngài đi tham học các nơi, cuối cùng lãnh thọ tâm ấn và nối dõi pháp tịch cho Trung Phong Minh Bản thiền sư.

Niên hiệu Chí Chánh năm đầu đời nhà Nguyên, thiền sư chủ trì chùa Sư Tử Lâm nơi thành Tô Châu. Các bậc tể quan trưởng giả trong thời ấy, phần nhiều đều đến học đạo với ngài. Vua thường xuống chiếu vời hỏi, ngài đều lấy duyên có bịnh cáo từ. Thiền sư đã mật khế thiền cơ, lại nối dõi theo tổ Thiên Thai và Vĩnh Minh, kiêm hoằng dương giáo pháp Tịnh độ. Ngài có viết ra quyển Tịnh Độ Hoặc Vấn, phá tan các điều nghi, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây phương. Nay xin được trích ra những đoạn răn nhắc có phần thiết yếu như sau:

Hỏi: - Phương tu viên quán, niệm duy tâm, dường như là hành môn của bậc thượng căn. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là dụng công của bậc đại trí. Trên đường tu, nếu căn cơ cùng giáo pháp không hợp, e cho công hạnh khó thành. Nay tôi xét lại căn tánh mình, chỉ nên chuyên trì danh hiệu, thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Chẳng hay tôn ý như thế nào?

Đáp: - Tốt lắm! Ông biết tự lượng đó! Lời ông nói hợp với thuyết Chuyên tu vô gián của Tổ Thiện Đạo. Vô gián tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà, không lễ tạp. Miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, không xưng tạp. Ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, không tưởng tạp.

Có người trì danh lại kiêm quán tưởng, hoặc chuyên trì danh hay chuyên quán tưởng. Trong hai điều trên, muốn dễ thấy Phật, phần nhiều pháp trì danh là hơn. Cách xưng danh, cần phải buộc tâm đừng cho tán loạn, mỗi niệm nối nhau duyên theo hiệu Phật, từng câu từng chữ rõ ràng. Lại xưng danh hiệu Phật, chớ quản ít nhiều, duy một tâm một ý, chí thành niệm niệm nối nhau. Như thế, mỗi câu mới diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Nếu chẳng vậy, trong mỗi câu sức diệt tội sanh phước rất ít, và nghiệp chướng khó mau tiêu trừ.

Hỏi: - Người xuất gia còn phải lo cất chùa độ chúng, làm nhiều Phật sự. Như thế làm sao nhứt tâm để niệm Phật?

Đáp: - Trừ bậc Bồ Tát nương theo bi nguyện tái lai để hoằng hóa, còn hạng phàm phu tăng, điều chánh yếu là phải gắng tu hành lo giải quyết vấn đề luân hồi sanh tử. Ngoài ra các việc khác đều thuộc phần thứ yếu. Nếu chẳng thế, ngày kia việc khổ luân hồi đến, độ mình chưa được còn nói độ ai? Vả lại, việc đời như mộng, dâu bể đổi thay. Biết bao chùa cảnh triều vua trước, mà đến nay còn thấy nữa đâu? Dù cho tạo lắm chùa chiền, rộng làm Phật sự, chỉ e phải kết thân với bậc sang giàu thế lực, rồi khởi lòng đắm lợi tranh danh, chạy theo quyền vị. Những tưởng mình đã nhiều việc tốt, song đâu biết đó là trái với gốc đạo, phạm đến điều răn dạy của Tổ sư. Cổ đức bảo: "Công nghiệp hữu vi, sanh nhiều tội lỗi, thiên đường chưa tạo, địa ngục trước thành, khó liệu tử sanh, đều thành gốc khổ. Dưới lớp ca sa, thân người dễ mất, trong vòng thiết tỏa, phải chịu lửa gươm!" Tổ sư đã đinh ninh dạy bảo như thế, dù kẻ lòng gang dạ sắt, nếu biết xét nghĩ, nghe rồi cũng phải rơi lệ. Cho nên, nếu

chẳng lấy sự giải thoát làm chánh yếu, ngày sau hối hận cũng không kịp!

Hỏi: - Kinh nói: "Một đời tạo ác, khi lâm chung dùng mười niệm xưng danh hiệu Phật, cũng được đới nghiệp vãng sanh". Thế thì bây giờ, tôi cứ buông thả theo duyên đời, đợi lúc sắp chết sẽ niệm Phật, có được không?

Đáp: - Lầm thay! Khổ thay! Lời nầy đã làm hại chính mình, lại gây hại cho hành tăng tục, nam nữ trong đời nữa! Kinh văn nói vẫn không sai, nhưng trong ấy còn có mật ý sâu xa mà duy bậc trí huệ mới hiểu thấu suốt. Phải biết kẻ phàm phu nghịch ác khi lâm chung niệm Phật được, là do kiếp trước đã có căn lành, nên khiến cho gặp bậc thiện tri thức chỉ bảo, mới được sự may mắn trong muôn một ấy thôi. Luận Quần Nghi nói: "Có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được: 1- Khó gặp bạn lành, nên không người khuyên niệm. 2- Đau bịnh, nghiệp chướng làm khổ thân tâm, nên không an ổn rỗi rảnh để niệm Phật. 3- Trúng phong cứng họng, nói không ra tiếng. 4- Cuồng loạn mất sự sáng suốt. 5- Thình lình gặp tai nạn nước, lửa. 6- Bỗng bị ác thú vồ ăn thịt. 7- Bị bạn ác phá hoại lòng tin. 8- Hôn mê mà chết. 9- Thoạt chết giữa quân trận. 10- Từ nơi chỗ cao té xuống. Những việc trên đây trong đời thường có, bất luận tăng hay tục. Đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, bỗng nhiên xảy ra, không kịp trốn tránh. Nếu chẳng may gặp một trong mười việc trên đây, thì lúc thiếu duyên lành hay bất cập đó, làm sao mà niệm Phật? Chừng đó dù cho có đức Phật sống cũng không cứu nổi, phải tùy nghiệp chịu khổ đọa trong cảnh bát nạn tam đồ. Bấy giờ muốn nghe danh niệm Phật, cũng không dễ gì được!

Nếu không bị những ác duyên trên, thọ bịnh sơ sài mà qua đời, e cho khi lâm chung thân tứ đại ly tán, chịu sự đau đớn vô hạn, dường như con cua rớt vào lửa, hay con đồi mồi sống bị đắp nước sôi gỡ vảy. Trong lúc thống khổ bức bách, bối rối kinh hoàng ấy, đâu có rỗi rảnh để niệm Phật? Ví như không bị đau bịnh mà mãn phần, lại e duyên đời chưa dứt, niệm tục khó quên, tham sống sợ chết, tâm tình rối loạn không yên. Thêm vào đó, việc nhà chưa phân minh, chuyện sau chưa sắp đặt, vợ con khóc than kêu gọi, trăm mối lo sợ đau buồn, như thế làm sao niệm Phật được? Lại ví như trước khi chưa chết, chẳng may vướng chút bịnh khổ nơi thân, đã rên rỉ đau đớn, chạy thuốc tìm thầy, lo việc khẩn cầu cúng tế, tạp niệm rối ren, làm sao niệm Phật được? Giả sử trước khi chưa đau bịnh mãn phần, thì bị sự khổ suy già lụm cụm, nhiều nỗi ảo não buồn lo, e cho an bài những việc trên cái thân suy lão còn chưa xong, vị tất an lòng để niệm Phật? Lại giả sử trước khi chưa già, còn đang trẻ trung khỏe mạnh, hoặc như tâm cao vọng chưa tiêu dứt, việc thế tục còn buộc ràng, rong ruổi đông tây, suy vầy tính khác, nghiệp thức mênh mang, cũng không niệm Phật được! Cho giả sử kẻ được an nhàn mạnh khỏe, có chí tu hành, nếu không nhìn thấu cảnh đời là huyễn mộng, thân tuy được yên, nhưng tâm còn bấn loạn. Trong cảnh nhìn chưa thấu, nắm chưa chắc, đạp chưa vững, không thể buông bỏ muôn duyên ấy, khi gặp việc đến chẳng thể tự chủ, theo cảnh mà đảo điên, cũng không thể niệm Phật được!

Ông thử xét lại, đừng nói chi lúc sắp chết hay già bịnh, ngay trong khi còn trẻ trung khỏe mạnh, được no ấm nhàn nhã có chí tu hành, nếu chưa sáng suốt dứt khoát, bị một việc đeo đẳng nơi lòng, còn không niệm Phật được thay,

huống chi là đợi đến lâm chung? Lại còn bảo cứ buông thả theo duyên đời, ông thật là người mê nói việc si, chỗ dụng tâm còn rất lạc lầm nông nổi!

Cho nên ông phải xét nghĩ kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nháng thân đá, như chớp giựt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bịnh, gác qua thế sự, rũ sạch thân tâm, được một ngày quang âm lo một ngày niệm Phật, được một khắc rỗi rảnh, tu một khắc công phu. Như thế đến lúc lâm chung mọi việc an bài, trời Tây cũng sẵn mở lối đường quang đãng! Bằng chẳng thế đến khi duyên nghiệp đối đầu, chừng ấy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

Hỏi: - Lời ngu giả đã tu thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể với lại kịp! Nghe qua mấy điều đại sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng! Hiềm vì nỗi lòng người tuy dễ tinh tấn song cũng dễ thối lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì dõng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại, lại giải đãi ngã theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi, còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên cớ thích đáng, trong sự thối tâm biếng trễ của người tu?

Đáp: - Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư thiên, đại lực thần tướng, và hằng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.
2. Thường được hai mươi lăm vị đại Bồ Tát như đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo ủng hộ bên mình.

3. Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm. Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.
4. Tất cả ác qui như Dạ xoa, La sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.
5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạnh tử.
6. Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhơn giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục.
7. Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành, hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.
8. Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.
9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.
10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các thánh chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

Mười điều lợi ích như trên, chính do kim khẩu của Như Lai nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy, thì đó chính là pháp khẩn yếu trong môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

Đại sư ngoài việc hoằng pháp lợi sanh, còn tự tu hành rất tinh tấn. Ngài nhập diệt vào năm Hồng Võ ngươn niên đời nhà Minh. Khi tịch điềm lành hiện ra rất nhiều, thọ được 71 tuổi.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Cõi thanh đạo quả dễ tròn nên
Tập quán hèn thô tự đổi liền.
Cá lội bể khơi lìa lưới rập
Nhạn bay trời rộng thoát cung tên.
Luân hồi đã dứt đường sanh tử
Phiền não còn đâu niệm đảo điên?
Một điểm không tâm là Cực Lạc
Nhiễm mê khó dự bảo trì liên.
Vô biên cảnh đẹp vịnh khôn cùng
Tầm mắt du quan chẳng chán trông!
Hạt thóc chứa bao trời đất rộng
Mười phương thu lại chót đầu lông.
Trong đền châu ngọc giăng cùng khắp
Ngoài các lan can bọc giáp vòng.
Chậm bước còn đang nghe nhạc lạ
Từ đâu loan phụng liệng hư không?

❁

Lâu đài bảo thọ ngắm mênh mang
Niệm Phật thiền tư giữa cảnh nhàn!
Cây báu sắc xen đâu chỉ một
Chim linh điệu xướng có muôn ngàn.
Tô đà thơm diệu đầy ngân trản
Cam lộ ngọt thanh khắp ngọc bàn.
Chẳng giống Tuyết sơn nhiều tuyết lạ
Kẻ vô phước biến vị tân toan

❁

Ba cõi đã hay chẳng ổn lành
Quyết tìm Cực Lạc chứng Vô sanh.

Ví không niệm Phật công phu chắc
Đâu được đài sen nguyện lực thành?
Ngút tỏa lầu cao lồng diệu sắc
Gió đùa cây biếc nổi cầm thanh!
Từ nay chân giả không lầm lạc
Mắt cá, trân châu nhận rõ lành.

HUỆ MỘC

Tỳ kheo ni Huệ Mộc, người đời Lưu Tống, họ Phó, năm mười một tuổi đã xuống tóc xuất gia. Sau thời gian tu học trải qua các ni tự, Sư cô về thường trụ nơi một ngôi chùa ở thôn Trúc Vực tại Lương Quận. Mỗi ngày, theo thường khóa, cô thọ trì kinh Đại Bát Nhã và niệm Phật, hằng cảm được nhiều điềm lành.

Một hôm, Sư cô mộng đến Tây phương, thấy ao báu mênh mang rộng lớn, các sắc hoa sen đua nhau tươi nở. Trên đài hoa, những người hóa sanh ngồi kiết già, thân tướng tốt đẹp đoan nghiêm. Sau khi thức giấc, Sư cô phát tâm cầu thọ giới Bồ Tát. Lúc vào đàn giới, trong phút chốc, cô bỗng thấy trời đất đều thành sắc hoàng kim chói sáng rực rỡ. Ngày nọ, Sư cô cùng đại chúng lễ Phật Vô Lượng Thọ, rồi cúi mọp xuống đất không ngước lên. Thấy lâu, một vị Tỳ kheo ni sẽ đưa chân di động có ý cảnh giác. Sau thời lễ chúng hỏi duyên cớ, Sư cô đáp: "Đang lúc tôi cúi xuống, bỗng thấy mình đến cõi Cực Lạc, đức A Di Đà vì nói kinh

Tiểu Phẩm Bát Nhã, tôi đã nghe được bốn quyển. Thình lình bị cảnh giác, thắng tướng tan mất, thật rất lấy làm tiếc!"

Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười bốn, Huệ Mộc vẫn còn, lúc ấy đã được sáu mươi chín tuổi. Không rõ chung cuộc như thế nào, nhưng chắc chắn Sư cô sẽ được vãng sanh.

CHÂN TỊNH

Tỳ kheo ni Chân Tịnh, người đời Đường, thường ở chùa Tích Thiện tại Trường An. Càng lớn tuổi, Sư bà càng giữ giới hạnh tinh nghiêm, hằng mặc nạp y hoại sắc đi khất thực. Về phần tu hành, Sư bà niệm Phật rất tinh tấn, tụng kinh Kim Cang được mười vạn quyển.

Trước khi lâm chung, Sư bà gọi hàng đệ tử bảo: "Trong vòng năm tháng nay, ta đã mười phen thấy Phật, hai lượt thấy đồng tử chơi đùa trên hoa sen báu. Hiện tại ta được vãng sanh ở ngôi Thượng phẩm!" Nói xong ngồi kiết già mà hóa, ánh tường quang rực rỡ khắp chùa.

CHÂU CẨM

Tỳ kheo ni Châu Cẩm, tự Thái Tố, họ Thang, người ở Hàng Châu. Lúc còn tại tục, cô được gả về bên chồng là Trầm giáo thọ, tức sau nầy là Liên Trì đại sư vậy.

Khi Trầm giáo thọ xuất gia, cô mới mười chín tuổi. Có người thấy niên canh hãy còn quá trẻ, khuyên cô ngăn cản đừng cho chồng xuất gia tu hành. Cô đáp: "Không nghe y thường nói: "Sống chết luân hồi là việc lớn" hay sao? Nếu tôi ngăn trở là đưa y vào đường lầm lạc, việc ấy không nên làm!"

Về sau đến năm bốn mươi bảy tuổi, Châu Cẩm cũng xuất gia. Sau khi thọ đại giới, cô giữ hạnh luật trang nghiêm, siêng tu tịnh nghiệp. Năm Vạn Lịch thứ 42 đời Minh, Châu Cẩm cảm bịnh. Trước giờ lâm chung, Sư bà bỗng gọi thị giả bảo: "Kinh nói: Khi sắp chết chí tâm xưng hồng danh mười niệm, sẽ được vãng sanh. Hãy mau đỡ ta dậy!" Sau khi đã ngồi kiết già đoan chỉnh, liền chắp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa. Lúc ấy Sư bà đang trụ tại am Hiếu Nghĩa, thọ được 67 tuổi.

QUẢNG GIÁC

Tỳ kheo ni Quảng Giác, họ Cũng, quê ở quận Sùng Minh tại Tô Châu. Năm mười hai tuổi, căn lành sớm phát, cô đã trường trai, tụng kinh trì chú và lễ Phật rất tinh cần. Vừa tới tuổi cập kê, nhiều nơi dạm hỏi, nhưng cô thề quyết không lập gia đình. Đến hai mươi tám tuổi, cô sang Hàng Châu nương theo thầy là Ni sư Thái Tố ở am Hiếu Nghĩa, xuống tóc xuất gia tu hành.

Từ đó, cô giữ giới hạnh trang nghiêm, siêng năng tu tập. Tuy thể chất vẫn yếu, nhưng Sư cô chí tâm khắc khổ chuyên tu chẳng nài mỏi nhọc. Mấy năm sau cô lâm bịnh, liền khước từ thuốc thang, một lòng niệm Phật chờ chết. Bịnh càng nặng chỉ còn hơi thở mong manh, Sư cô vẫn động môi trì niệm mãi không thôi. Được vài hôm sau, Quảng Giác bỗng gắng gượng ngồi dậy, xây mặt về Tây, gọi người đem tượng tiếp dẫn để phía trước, rồi chắp tay chú tâm nhìn quán niệm. Kế đó, lại bảo đem nước đến, rửa tay lau mặt, thay áo sạch, đối trước Phật cầm chuỗi nhắm mắt như vào thiền định. Chúng đồng bạn sợ té ngã, lấy gối để kềm hai bên, rồi vây quanh niệm Phật, Sư cô mở mắt ra, khoát tay bảo: "Không cần phải kềm gối, tôi tự có chủ trương, chẳng dám làm phiền nhọc đến đại chúng!" Rồi ngồi niệm Phật nho nhỏ suốt hai ngày đêm, đến hơi thở mòn lần, lặng lẽ mà thoát hóa.

Lúc ấy nhằm ngày mùng bảy tháng hai, năm Vạn Lịch thứ 39, Sư cô được 33 tuổi.

THÀNH TỊNH

Tỳ kheo ni Thành Tịnh, tự Thật Tu, người đời Minh, quê ở Đông Cương tại Quảng Châu.

Từ thuở bé, cô đã phát tâm giữ gìn trai giới. Khi xuất gia thọ Cụ túc xong, sư cô thường tụng chú Đại Bi và niệm Phật không lúc nào biếng trễ. Sau lại cùng hàng Phật tử tu công đức tạo tượng Thiên thủ thiên nhãn Đại bi Quán Thế Âm bằng gỗ chiên đàn. Tượng hoàn thành, vài năm sau Sư cô cảm bịnh nhẹ, dự biết giờ lâm chung, bảo đồ chúng rằng: "Đức Thiên thủ thiên nhãn Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiện thân đến tiếp dẫn, Thầy sắp đi đây!"

Nói xong chắp tay niệm Phật, nhắm mắt mà vãng sanh.

TRIỀU ÂM

Tỳ kheo ni Triều Âm, họ Kim, người đời Thanh, quê ở Tô Châu huyện Thường Thục. Khi còn tại gia, cô được cha mẹ gả về họ nhà Cũng. Mấy năm sau, chồng mãn phần, cô sương cư giữ tiết hạnh, kế lại cùng với con trai là Đoan Ngô đồng phát tâm xuất gia. Đoan Ngô vừa xuống tóc làm tăng, Triều Âm cũng đến thành Tô Châu, lễ Sư bà Chân Như cầu làm thầy thế độ.

Sau khi thọ đại giới, Sư cô về quê sửa nhà cũ thành ngôi tịnh am, chuyên tâm tu hành. Ngày đêm sáu thời,

người trong xóm hằng nghe tiếng cô gõ mõ niệm Phật lồng lộng. Lúc tuổi già, một hôm Triều Âm cảm bịnh nhẹ, bảo thị giả nấu nước tắm gội xong, đắp y ngồi lâm râm trì niệm trước bàn Phật. Tới trưa bỗng nói: "Giờ vãng sanh đã đến!" Liền xếp tay kiết định ấn, ngồi ngay mà hóa. Thọ được 73 tuổi.

LỜI BÌNH:

Chư ni thuở xưa tu tịnh nghiệp vãng sanh được truyền văn, chỉ nghe biết độ vài ba mươi vị. Chẳng rõ do sự ghi chép có thiếu sót thất lạc, hay bởi phần nhiều nổi chìm theo dòng tục, mà không tự phấn chấn trên bước tu hành chăng? Nhưng đại khái người nào tín nguyện chắc trì niệm bền, khi lâm chung đều có thoại ứng và được vãng sanh tất cả. Nơi đây chỉ ghi chép một ít vị, để làm khuôn mẫu chơn chánh cho người tu Tịnh độ về sau.

DƯƠNG KIỆT

Cư sĩ Dương Kiệt, tự Thứ Công, người đời Tống, ở huyện Vô vi, nên tự hiệu là Vô Vi Tử. Trong niên hiệu Nguyên Phong, ông làm quan Thái thường, ban sơ mến thích Thiền tông, hằng đến pháp hội của Thiên Y Hoài thiền sư, tham cứu về cơ ngữ của Bàng cư sĩ. Đến khi phụng chiếu đi tế ở đỉnh Thái Sơn, thấy vầng hồng mọc lên như chiếc mâm tròn rực rỡ, bỗng nhiên đại ngộ.

Cuối năm Hy Ninh, ông cư tang mẹ ở quê nhà, nhân lúc rảnh duyệt tạng kinh, liền quy hướng về Tịnh độ. Cư sĩ vẽ tượng Phật A Di Đà cao một trượng sáu, hằng đem theo mình để quán niệm. Thuở bình sanh có những trứ thuật, phần nhiều đều chỉ đạo về Cực Lạc. Ông từng viết lời tựa trong quyển Tịnh Độ Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai như sau:

"Ái tâm chẳng nhiễm nặng, thì không sanh ở Ta Bà. Niệm Phật chẳng chuyên nhứt tất không sanh về Cực Lạc. Ta Bà là cõi ác nhơ, Cực Lạc là miền đẹp sạch. Mạng sống ở Ta Bà có hạn, thọ số ở Cực Lạc không cùng! Nơi Ta Bà đủ các sự khổ, ít có niềm vui. Miền Cực Lạc phiền khổ chẳng còn, an vui vô lượng. Ở Ta Bà theo nghiệp luân hồi, không biết lúc nào được thoát ly. Cõi Cực Lạc một khi được sanh, tất không thối chuyển, lần lượt chứng đến quả đại giác. Nếu muốn hóa độ mười phương, tùy ý tự tại, không còn bị nghiệp buộc ràng. Xét qua hai cõi, các sự: ác nhơ, đẹp sạch, phiền khổ, an vui, mạng sống ngắn ngủi, thọ số dài lâu, mãi luân hồi, mau chứng ngộ, đều trái khác nhau, như thế mà chúng sanh mê mờ không biết, há chẳng thương xót lắm ru?

Đức Di Đà là bậc nhiếp thọ tiếp dẫn ở Cực Lạc. Phật Thích Ca là vị chỉ đạo Tịnh độ ở Ta Bà. Cho nên các giáo điển đại thừa của ngài, phần nhiều đều hết lời cặc kẽ khuyên bảo vãng sanh. Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí theo phụ trợ đức A Di Đà, cùng nương thuyền đại nguyện vào biển luân hồi, chẳng trụ bờ bên nầy bên kia cùng giữa dòng, mà làm việc tế độ. Cho nên kinh A Di Đà nói: "Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn nào, nghe nói Phật A Di Đà, niệm giữ danh hiệu, hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày, một lòng

không loạn. Kẻ đó đến lúc mạng chung, được Phật A Di Đà cùng các thánh chúng hiện ra ở trước. Người ấy khi mạng chung lòng không điên đảo liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà!" Kinh Vô Lượng Thọ cũng bảo: "Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu ta, trồng các cội đức, hết lòng hồi hướng muốn sanh về nước ta, nếu chẳng được vãng sanh, ta thề không thành Chánh giác!" Cho nên khi xưa ở viện Vô Thường tại Kỳ Hoàn tinh xá, Phật dạy người bịnh nằm day mặt hướng phương Tây, tưởng sanh về Tịnh độ. Tại sao thế? Bởi đức A Di Đà phóng ánh sáng soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ sót. Vì thánh phàm đồng một tâm thể, nên cơ cảm hợp nhau, có niệm tất có ứng. Cho nên chúng sanh trong tâm chư Phật, nếu biết quay về, mỗi niệm đều là Tịnh độ. Chư Phật trong tâm chúng sanh, ánh linh soi khắp, mỗi chỗ đều là từ bi.

Lấy đâu mà xét: người trí tuệ dễ vãng sanh, vì dứt trừ nghi hoặc. Người thiền định dễ vãng sanh, vì lòng không tán loạn. Người trì giới dễ vãng sanh, vì xa các nhiễm ô. Người bố thí dễ vãng sanh, vì xả bỏ của trần. Người nhẫn nhục dễ vãng sanh, vì không cưu mang oán hận. Người tinh tấn dễ vãng sanh, vì mau thành tựu tịnh niệm. Người không tạo thiện không tạo ác cũng dễ vãng sanh, vì một lòng quy hướng thuần nhứt. Người làm các điều ác, nghiệp báo đã hiện, cũng dễ vãng sanh, nếu biết thẹn sợ mà niệm Phật. Trái lại, kẻ tuy tạo các công đức lành, nếu không có lòng tín nguyện hồi hướng, tất không được vãng sanh vậy!

Ôi! Hiệu Di Đà rất dễ niệm, cõi Tịnh độ rất dễ sanh! Chúng sanh không muốn niệm, không cầu sanh, Phật dù xót thương cũng chẳng biết làm sao được? Vả chăng: tạo ác

nghiệp đọa đường khổ, niệm Di Đà sanh cõi vui, hai điều ấy là lời Phật dạy. Chúng sanh chỉ lo sợ đọa địa ngục, mà nghi ngờ sự vãng sanh, há cũng chẳng mê lầm ư?

Trong năm Nguyên Hựu, ông làm quan Đề hình tại Lưỡng Triết, rồi mãn phần ở đó. Khi lâm chung, nói kệ rằng:

Sống vẫn không chi luyến
Thác cũng không chi xả
Giữa khoảng thái hư không
Mặc chi hồ giả dã!
Đem lầm đến sai khác
Cõi Tây phương Cực Lạc!

Trước đó, quan Hữu tư tham quân là Vương Trọng Hồi, người lân lý với Thứ Công, vẫn từng theo ông thọ học pháp môn Niệm Phật, có hỏi rằng: "Làm thế nào để được không gián đoạn?" Ông đáp: "Sau khi đã tin chắc chẳng còn nghi, tức là không gián đoạn!" Trọng Hồi nghe nói lãnh ngộ, vui mừng khấp khởi, từ tạ ra về. Năm sau, Thứ Công làm quan ở Đơn Dương, một đêm mơ thấy Trọng Hồi đến thưa rằng: "Trước kia nhờ ngài chỉ dạy về Tịnh độ, nay tôi đã được vãng sanh, nên đến đây tạ ân!" Nói xong đảnh lễ rồi lui. Mấy hôm sau, ông được thơ cáo phó của con Vương Trọng Hồi. Trong ấy, kể rõ cha mình dự biết ngày vãng sanh, có đi khắp nhà thân hữu từ biệt. Khi Thứ Công đã mãn phần, có Kinh Dương phu nhơn nằm mộng dạo chơi đến cõi Tây phương, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm ngồi trên hoa sen, đội mão ngọc, đeo anh lạc, tà áo phất phơ theo gió nhẹ. Bà hỏi là ai, được cho biết là Vô Vi Tử Dương Kiệt.

CHUNG LY CẨN

Cư sĩ Chung Ly Cẩn, người đời Tống, quê ở Cối Kê. Bà mẹ là Nhậm phu nhơn tinh tu Tịnh độ, khi lâm chung khuyến tấn ông gắng niệm Phật. Chung Ly Cẩn từ đó cảm ngộ tu hành, nguyện mỗi ngày kiêm làm hai mươi điều thiện.

Sau ông làm quan ở Triết Tây, hằng cùng ngài Tuân Thức ở chùa Từ Vân luận về chỉ yếu vãng sanh, sự tu hành lại càng tinh tấn. Nhậm phu nhơn có lưu lại tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, mà thường đội trên đầu để hành đạo, cư sĩ cũng tiếp tục noi theo gương của mẹ. Một hôm khi ông đang chiêm lễ, nơi giữa đôi mày của tượng Phật bỗng buông tuôn ra mấy hột Xá lợi.

Không bao lâu, ông được thuyên chuyển làm Tri phủ ở Khai Phong. Đêm nọ, vào lúc canh ba, cư sĩ bỗng thức dậy gọi người nhà bảo rằng: "Mẹ ta về báo mộng, bảo giờ vãng sanh đã đến". Đoạn, ông dạy nấu nước tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già niệm Phật mà qua đời. Trước đó một ngày, cả nhà đều mộng thấy Chung Ly Cẩn ngồi trên hoa sen xanh, nhạc trời vi nhiễu, nương nơi hư không mà bay về Tây.

Sau khi cư sĩ mãn phần, con ông là Cảnh Dung làm quan đến chức Triều thỉnh đại phu, cũng thường tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, tu Niệm Phật tam muội. Không bao lâu, Cảnh Dung từ quan, về cất am tranh ở nơi vườn đông tu niệm. Ông từng nói kệ rằng:

Biết được Di Đà, A Di Đà, A Di Đà!
Không biết Di Đà, làm sao mà, làm sao mà?
Không biết Di Đà, Di Đà ngoài phương Tây xa

Biết được Di Đà, Di Đà chỉ tại nhà ta!

Một đêm, Cảnh Dung thỉnh vị tăng là Diệu Ứng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Ông ngồi nghe xong, khi cây hương vừa tàn, thì hai tay kiết ấn mà hóa.

Cháu nội của Chung Ly Cẩn là Tôn Tùng, ngụ ở Tô Châu, cùng Bảo Tích đại sư kiết liên xã niệm Phật. Sau Tôn Tùng cũng không bịnh, ngồi kiết già hướng về Tây chắp tay niệm Phật mà vãng sanh.

MÃ VU

Cư sĩ Mã Vu, tự Trọng Ngọc, người đời Tống, quê ở Lư Châu, huyện Hiệp Phì. Cha ông là Trung túc công Mã Lượng, khi còn làm quan ở Hàng Châu, từng được Từ Vân sám chủ truyền dạy cho pháp môn Tịnh độ. Nhân đó cả nhà đều thờ Phật.

Trong năm Nguyên Phong, Mã Vu gặp vị tăng là Quảng Sơ trao cho quyển Thiên Thai Nghi Luận, xem xong mừng bảo: "Nay ta tìm được lối về rồi!" Từ đó hơn hai mươi năm, ông tu theo pháp Thập niệm hồi hướng. Sau lại được duyên tới lui thân cận cùng cư sĩ Vương Cổ, sự niệm Phật càng tinh tấn. Ông lần lượt làm quan trải qua mấy nơi: Truy Châu, Tân Định, hằng dùng đức từ huệ trị dân. Mỗi ngày cư sĩ đều tụng kinh chú và niệm Phật, lấy làm thường khóa. Ngoài ra hằng tu phóng sanh bố thí dùng để trợ hạnh.

Bấy giờ, Kinh Dương phu nhơn, mộng đến cảnh liên trì, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm, hỏi biết là Dương Kiệt; một vị nữa mặc triều phục ngồi trên hoa sen, hỏi ra là Mã Vu. Lúc ấy Dương Kiệt đã vãng sanh, Mã Vu hãy còn khỏe mạnh. Trong niên hiệu Sùng Ninh năm đầu, cư sĩ cảm bịnh nhẹ, tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật mà hóa. Khi đó, người nhà đều thấy có vầng khói mây như chiếc lọng xanh, bay thẳng lên hư không mà đi. Đêm kế, toàn gia hơn mười người đồng nằm mơ thấy Mã Vu về nói: "Ta đã được sanh ngôi thượng phẩm ở Tịnh độ!"

Mùa thu năm ấy, có đứa tớ gái trong nhà cũng nằm bịnh niệm Phật mà vãng sanh. Con của cư sĩ là Mã Vĩnh Dật tu theo môn Thập lục quán và Thập niệm pháp hơn ba mươi năm. Sau Vĩnh Dật thọ bịnh, thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát đến tiếp dẫn, ngồi ngay thẳng kiết ấn mà qua đời. Lúc ấy, hương thơm ngào ngạt đầy nhà. Khi tẩn liệm xong, trên linh cữu mọc lên hoa lạ năm sắc rực rỡ.

VƯƠNG CỔ

Cư sĩ Vương Cổ, tự Mẫn Trọng, người đời Tống, ở Đông Đô, nguyên là tằng tôn của quan Tướng quốc Vương Văn Đáng. Gia tộc bảy đời đã giữ giới bất sát, đến phiên cư sĩ lại phát tâm phóng sanh một trăm muôn vật mạng.

Khi ông làm quan ở Giang Tây, từng cùng các bậc lão sư như: Hối Đường, Dương Kỳ nghiên tập về Thiền tông.

Cư sĩ có trứ tác quyển Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, hoằng dương môn Niệm Phật. Lúc rỗi rảnh, tràng chuỗi chẳng rời tay, đi đứng nằm ngồi hằng tu tịnh quán không xen nghỉ. Ông có viết bài tựa quyển Tịnh Độ Bảo Châu Tập như sau:

"Chúng sanh tâm tịnh, thì cõi Phật tịnh, Pháp tánh vô sanh mà vẫn hằng sanh. Nay có đức Thế Tôn, hiện ở cõi Cực Lạc. Phật đó đang thuyết pháp, hiệu là A Di Đà. Nơi quốc độ ấy, duyên thắng màu đẹp, kiếp thọ lâu dài. Vị hóa chủ kia, bi nguyện rộng sâu, tiếp dẫn quần loại. Đức Phật ánh sáng vô biên, nhiếp thọ mười phương hàm thức. Cảnh trí nhiệm mầu đẹp sạch, trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn! Lưới châu giăng sáng giữa hư không, cây báu bày hàng trên mặt đất. Nước ao hàm tám đức, sen ngọc phóng muôn màu. Sáu thời nghe thiên nhạc thanh thao, ức cõi đem diệu hoa rải cúng. Chư Phật sáu phương đồng khen ngợi, chúng sanh mười cõi niệm nguyện nương về. Hàm thức trong tâm vô lượng, niệm niệm vãng sanh. Di Đà nơi tâm chúng sanh, hằng hằng nhiếp hóa. Chất gởi hoa sen, không lìa dương xứ. Thần chơi cõi tịnh, chẳng ngoại tự tâm. Như gương hàm muôn tượng, mà không có đến đi. Tợ trăng ấn ngàn sông, đâu phải là lên xuống! Pháp độ cơ viên đốn, đều là bậc Bổ xứ nhứt sanh. Cửa mở nẻo quyền thừa, bày sắp lớp Liên hoa cửu phẩm. Niệm Vô Lượng Quang trong bản tánh, xưa nay không niệm. Sanh An Dưỡng quốc của duy tâm, vốn thật chẳng sanh. Thoát vòng mê khổ, mười niệm siêu đến cảnh liên trì. Về cõi chân như, ba thừa kết chứng ngôi diệu giác. Đá to nhờ chuyên chở mà khỏi bị đắm chìm. Thuyền nhẹ thuận nước buồm, tất không điều trở ngại. Lúc

mê mờ, đường tuy gần mà xa. Khi tỏ ngộ, nẻo không xa chẳng cách.

Thương ôi! Những kẻ học ít chướng nhiều, nghi sâu huệ cạn, hoặc bài bác niệm Phật cho là môn quyền tiểu, hoặc mê mờ Tịnh độ chẳng rõ có hay không? Họ đâu biết rằng: chê niệm Phật là chê Tổ Vĩnh Minh, Trí Giả; bác Tịnh độ là bác đại sĩ Long Thọ, Mã Minh! Những người ấy, không tin mình sẽ được thọ ký bổ đề, không chịu trở lại quê hương xưa bản giác. Thế rồi thân chim lồng cá chậu, vẫn mê mải nhởn nhơ; kiếp đuốc gió bóng câu, lầm tưởng mơ bền bỉ. Báo thân khi mãn, còn đâu là cuộc vui trần. Luân chuyển không cùng, uổng chịu vào nơi khổ thú! Đâu nghĩ đến: đấng Giác hoàng khuyên dạy, giọng kim khẩu hết lời. Mà để được: bạn thánh hiền trong sát na, đủ tướng hảo trong khoảnh khắc. Trước thọ lạc xa lìa ngũ trược, sau bi tăng cứu vớt tam đồ. Việc nầy mà thờ ơ, thật là đáng thương xót!"

Triều vua Huy Tôn, ông làm quan Hộ bộ thị lang, bị vu cáo mất chức, kế đó niệm Phật mà thoát hóa. Một vị tăng thần thức dạo chơi Tịnh độ, thấy có Vương Cổ cùng Cát Phiền đồng ngồi nơi hoa sen. Cát Phiền người ở Trừng Giang, làm quan đến chức Triều tán đại phu. Khi tại công thự hoặc tư gia, ông đều để một gian tịnh thất riêng thờ Phật. Một hôm đang lúc lễ tụng, Xá lợi từ hư không rơi xuống. Sau ông không bịnh, ngồi ngay thẳng day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời.

HỒ YẾN

Cư sĩ Hồ Yến, tự Đại Phu, quê ở Tiền Đường. Đời Tống, ông làm quan Tuyên nghĩa lang. Lúc lớn tuổi trí sĩ thường cùng Thanh Chiếu Luật sư tới lui tham luận về đạo lý.

Một hôm ông cảm bịnh, sai con mời ngài Thanh Chiếu đến. Khi Luật sư tới thăm, có nhắc nhở rằng: "Bình sanh Đại Phu đã cùng Huệ Hạnh nầy thân cận nhau, há chẳng rõ một việc lớn sau rốt đó ư?" Hồ Yến nói: "Có phải là tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh chăng?" Thanh Chiếu bảo: "Trong tất cả thời, cư sĩ đã được không một niệm nhiễm ô chưa?" Ông đáp: "Chưa được!" Luật sư nói: "Như thế thì đâu có thể luận đến việc tâm thanh tịnh cõi Phật thanh tịnh!" Hồ Yến hỏi: "Kinh nói: Xưng một câu A Di Đà Phật, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử, là thế nào?" Thanh Chiếu đáp: "Đức A Di Đà có thệ nguyện sâu, oai đức lớn, phước huệ ánh sáng và thần lực đều không thể nghĩ bàn! Do đó nên khi xưng danh hiệu ngài, tội chướng tự tiêu. Như vầng nhựt rạng chiếu giữa trời, tuyết sương đâu còn nữa!"

Hồ Yến nghe nói cảm ngộ lớn, một lòng chí thiết xưng danh hiệu Phật. Lại sai con thỉnh chư tăng đến trợ niệm. Độ một tháng qua, cuối cùng Thanh Chiếu luật sư lại tới thăm. Cư sĩ bảo: "Ngài đến sao muộn thế? Đã phiền hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí giáng lâm từ lâu rồi!" Luật sư nghe nói, liền cùng chư tăng xưng danh hiệu Phật trợ niệm. Được một lúc, cư sĩ an nhiên mà qua đời.

NGÔ BỈNH TÍN

Cư sĩ Ngô Bỉnh Tín, tự Tử Tài, người đời Tống, quê ở Minh Châu. Trong năm Thiệu Hưng, ông làm quan tại triều, đối nghịch với Thừa tướng Tần Cối, bị biếm truất, bèn từ chức về cất ngôi tĩnh am ở phía nam đô thành để tu dưỡng.

Từ đó, cư sĩ gác bỏ mọi việc, hôm sớm khi thì lễ Phật tụng kinh, lúc lại ngồi yên tĩnh niệm. Ông sắm sẵn một chiếc quan tài, ban đêm sau thời khóa tụng, lại vào đó nằm, để nhớ rằng mình là người sắp chết mà chí tâm tu niệm. Cư sĩ có đặt lời ca, cắt phật sự cho một đồng tử y theo đó mà gọi mình thức giấc. Mỗi tinh sương cứ đến canh năm, đồng tử tới gõ vào quan tài, ca lên rằng:

Ông Ngô Bỉnh Tín
Tỉnh mộng về ngay!
Ba cõi không yên chẳng nên ở
Tây phương Cực Lạc có liên đài!
Ông Ngô Bỉnh Tín
Tỉnh mộng về ngay!

Nghe gọi, cư sĩ liền thức dậy tụng niệm. Khi Tần Cối chết, vua xuống chỉ triệu ông làm quan Lễ bộ thị lang, kế đó cải nhiệm sang trấn Thường Châu. Đến năm thứ 26 đương triều, lại bị triệu về kinh. Khi xe đến nhà trạm tại Túc Sơn, cả đoàn tạm dừng nghỉ. Giây phút, gia nhơn và kẻ tùy tùng bỗng nghe tiếng nhã nhạc du dương trên trời. Ông nhìn quanh bảo: "Ta vốn ở cõi thanh tịnh, vì sai một niệm lạc đến nơi nầy. Đài vàng đã chờ đón giữa hư không, ta sắp đi đây!" Nói xong, chắp tay niệm Phật mà hóa.

LỤC NGOẠN

Cư sĩ Lục Ngoạn, tự Tử Ngươn, người ở Cối Kê, huyện Sơn Âm. Ông từng làm quan tại triều tới chức Thái phủ tự thừa, sau do lời sàm tấu của kẻ ganh ghét, đắc tội bị thuyên chuyển trấn nhậm bên ngoài.

Lúc lớn tuổi, Lục Ngoạn xin trí sĩ, về cất nhà bên dòng suối Hoành Khê tại Minh Châu, thường tụng kinh Pháp Hoa. Mỗi sáng sớm, ông thức dậy bảo nấu nước tắm gội sạch sẽ, rồi thay y phục, đốt hương lễ Phật, trước tiên đọc bài kệ rằng:

Sáng sớm rửa tay sắp chuyển kinh
Chẳng cầu phước lợi, khỏi tai tinh
Duyên đời đáng dứt thì cho dứt
Nhà lửa phù sinh tạm múa hình!

Kế đó, giở kinh ra tụng, tiếng không hưỡn không gấp, liên tiếp như tràng chuỗi, mỗi ngày xong một bộ. Như thế giữ bền đến ba mươi năm. Khi được tám chục tuổi, mỗi ngày tụng tăng lên ba bộ kinh Pháp Hoa, lại kiêm niệm Phật, quyết chí cầu về Tây phương. Đến tám mươi lăm tuổi, một hôm ông tắm gội thay y phục, ngồi niệm Phật mà hóa. Lúc ấy từ mũi miệng đều bay ra hương sen thơm bát ngát, trọn ngày mới dứt. Bấy giờ nhằm niên hiệu Thiệu Hy thứ năm đời Tống.

TIẾNG GỌI VÔ THƯỜNG

XUÂN KHÚC

Mưa xuân phới nhẹ, khí xuân hòa
Liễu biếc đào hồng sắc thắm khoe
Bướm tím bay vơ vẩn
Ong vàng gọi nhắn nhe!
Cách mái hoàng oanh hót
Bên rừng du khách mơ!
Xuân có lúc tàn, người sẽ cỗi
Sớm chầy rồi tới chớ thờ ơ!

❁

HẠ KHÚC

Tiết hạ hồ tây sen nở hoa
Nở theo hỏa lựu sáng bên nhà!
Gió sớm hây hây thổi
Mưa chiều đậm đậm sa!
Sáng tối mau như thoáng
Trẻ thơ mấy lúc già
Cảnh vật, thân người thay đổi mãi
Bến thuyền giải thoát kíp sang qua.

❁

THU KHÚC

Thu đến trời quanh cảnh sắc thanh
Mây nhàn lơ lửng dãy non xanh.
Bóng nhạn về quê cũ
Hơi quyên gọi cuối cành
Rừng lau ngời bạc trắng
Khóm cúc nụ vàng anh.
Tiết muộn khuyên người trong cảnh muộn
Quay đầu tỉnh mộng thoát mê thành!

❁

ĐÔNG KHÚC

Gió đông vi vút, khí đông hàn
Muôn dặm rừng cây lá rũ tàn.
Nước non màu lặng lặng
Sương tuyết trắng mang mang
Dắn dõi chim nha gọi
Lạnh lùng ông lão than!
Thời tiết chuyển xoay người cũng thế
Sanh, già, bịnh, chết sớm lo toan!

TRẦN TOẢN

Cư sĩ Trần Toản, tự Đình Lỏa, người ở Giang Nam, xứ Thường Thục. Ông đỗ tiến sĩ vào năm Gia Tĩnh thứ ba mươi lăm đời Minh, làm quan Hình khoa cấp sự trung. Sau đó thẳng lời can gián, bị bãi chức.

Về nhà, ông một lòng tu tịnh nghiệp, sớm hôm siêng cần tụng niệm. Ngày nọ, có vị thiền khách đến thăm, quở rằng: "Ông không nghe đức Lục Tổ Huệ Năng luận về lý bình đẳng của Duy tâm tịnh độ ư? Tại sao lại còn chán cảnh nhơ cầu cảnh sạch như thế?" Cư sĩ đáp: "Lý Duy tâm tịnh độ tuy thốt lời từ Lục Tổ, nhưng không phải ngài nói ra trước tiên. Khi xưa đức Thích Tôn cũng đã từng bảo: - Tâm nầy làm Phật, thì tâm nầy chính là Phật. Lục Tổ sợ người đời đem tâm không thanh tịnh mà cầu Tịnh độ, nên mới nói

lời ấy, chớ chẳng phải quốc độ không có cõi nhơ và sạch đâu! Vả lại chỗ đáng ưa thích của cõi Cực Lạc, chẳng phải chỉ có mưa hoa lầu ngọc, sen nở ao quỳnh, chim nói pháp âm, lưới châu reo nhạc, mà còn bạn cùng thánh hiền ngao du học đạo. Trên được Phật, Bồ Tát phóng quang gia bị, thọ số trải vô lượng kiếp, mau chứng vô sanh pháp nhẫn, sớm thành tựu đạo bồ đề. Rồi khởi lòng bi nguyện hiện thân trong vô biên cõi nước, độ vô số chúng sanh. Đó mới thật là điều đáng vui ưa vậy! Ngài dùng môn thiền của ngài ưa cõi nhơ, tôi lại dùng môn thiền của tôi thích cõi sạch. Về thiền thì không phân biệt ngài với tôi, về ưa thì không thật có nhơ cùng sạch. Cho nên ngài không có lý chi để chê trách tôi được!"

Đầu năm Long Khách, ông được triệu giữ chức Lại khoa. Trong niên hiệu Vạn Lịch, thăng đến chức Hình bộ thị lang. Tháng bảy năm thứ mười sáu niên hiệu ấy, ông cảm bịnh. Theo lệ các quan Cố sự đại thần ở kinh sư từ tam phẩm trở lên, vào mùa nắng mỗi ngày vua có ân tứ cho một khối băng to để thanh lương. Khi đem khối băng để trước giường ông, người nhà cùng kẻ hầu cận đều thấy trong ấy nổi lên tháp báu bảy từng, cửa ngọc linh lung, xung quanh có câu lơn bao bọc. Giây phút băng lần tiêu, bóng tháp lần nhỏ. Khi băng tan tháp mất, xem lại thì cư sĩ đã qua đời.

Chuyện lạ nầy được người ở kinh đô truyền tụng một thời.

NGU THUẦN HY

Cư sĩ Ngu Thuần Hy, tự Trưởng Nhu, người ở Tiền Đường, lúc mới sanh ra nằm ngửa tinh táo không nhắm mắt. Khi lên ba tuổi, miệng niệm Phật chẳng ngớt, thường thấy hoa sen cây báu hiện ở trong nhà. Thuần Hy đem cảnh giới ấy thuật lại, thì bà nội bảo: "Đó là tướng đẹp lành ở Tây phương!" Rồi nhân đó bà dạy cho tập định. Từ đấy ông thường ngồi kiết già ngay thẳng, sụp đôi mi mắt. Em là Thuần Trinh, tự Tăng Nhu, cũng có căn lành Phật pháp, lúc tuổi trẻ cùng ông rất tương đắc. Khi thọ tang mẹ, cả hai đồng tu pháp Thiên Thai Chỉ Quán.

Lớn lên, Thuần Hy làm thầy dạy trẻ trong làng, thường chỉ bảo học trò tập môn Tỷ quán. Việc nầy làm cho người chủ nhà trọ bất mãn, nhưng ông chẳng mấy để tâm. Kế đó đỗ kỳ thi hương, rồi dời đến Tỷ Sơn dạy học. Ông từng cùng bạn đồng xã tụng Lương Hoàng Sám, cảm mây lành đoanh trong nhà, ánh sáng lạ chiếu vào thất, cam lộ rơi phơi phới ướt vách, trời mưa xuống lúa vàng nếp đen cùng hương Trầm thủy. Lúc ấy đang tiết đông mà trăm hoa đều đua nở xung quanh. Thuần Hy cảm điềm linh dị, tu tập định lực càng bền chắc, nên có thể dự biết trước mọi việc. Vân Thê đại sư nghe được chuyện ấy, răn nhắc rằng: "Đó chỉ là cảnh giới lành tạm hiện, nếu tự cho là chứng đắc, tất sẽ lạc vào lưới ma?"

Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, vì tang cha, về cất lều bên mộ thủ hiếu ba năm. Nhân dịp rảnh, lại đến thọ quy giới cùng ngài Vân Thê. Lúc ở nhà mộ gần núi, mỗi ngày ông đều cơm canh thí cho loài nai thỏ, có

hổ báo đến liền thét quở đuổi đi. Khi mãn tang, cư sĩ tựu chức, làm quan Phương ty chủ sự. Không bao lâu, lại xin cáo thối, lên non Thiên Mục ngồi trước tử quan của Cao Phong Diệu thiền sư thuở xưa, ngày đêm tham thiền. Đến ngày thứ hai mươi mốt, trong người mệt mỏi vừa muốn tạm nằm nghỉ, chợt như mơ thấy Cao Phong Diệu thiền sư chém đứt cánh tay trái, bỗng rỗng rang đại ngộ. Ông đem cảnh giới ấy cầu chứng với ngài Vân Thê . Đại sư bảo: "Phàm người mới thức tỉnh, nếu không chỗi dậy chải gỡ bịt khăn, mà còn nằm yên trong chăn gối, tất trở lại mơ màng. Kẻ mới ngộ đạo cũng thế, nếu chẳng gắng tự trang nghiêm, mà còn gần nơi uế trược, tất sẽ mê trở lại. Măng non dễ bị bẻ gãy, hoa sen gần lửa dễ bị héo. Ông phải tự lo liệu, chớ vì được một điểm ánh sáng nhỏ, mà làm trở ngại sự tiến tu của mình!" Nhân đó, đại sư khuyên cư sĩ nên niệm Phật hồi hướng về Tịnh độ, để nối tiếp nhân lành đời trước. Thuần Hy lễ tạ, nguyện trọn đời tuân hành.

Có kẻ đến chơi, bảo mình không tin sự niệm Phật. Cư sĩ nói: "Giác ngộ mình, giác ngộ người, hạnh giác ngộ đầy đủ, gọi là Phật. Niệm Phật chính là niệm giác ngộ vậy. Mỗi niệm không thường giác ngộ, mà để thường mê, như thế có nên chăng? Chim đỗ nơi gò nổng cây cao, người ở trong xóm làng đất nước. Không đậu nơi đất lành, mà ở nơi chẳng lành, như thế có nên chăng? Sự niệm Phật và cầu về Cực Lạc, chính là đi đến chỗ giác ngộ cùng sanh nơi đất lành để bảo đảm sự giác ngộ đó vậy!" Kẻ ấy như chợt tỉnh, bái tạ ân cần hỏi về cách thức niệm Phật. Cư sĩ đáp: "Trong mỗi câu hồng danh phải đề tỉnh chánh niệm, cứ giữ tiếp tục như thế mà thôi. Bởi trăm ngàn phương tiện, cũng chỉ ở một chữ "giác". Nếu cứ giữ mỗi niệm A Di Đà, tức Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, thì làm sao chẳng vào được tri kiến của Phật? Người học đạo chính vì cầu thoát ly sự sống chết luân hồi. Nếu mỗi niệm cứ giữ như thế, thì làm sao không thoát ly được?"

Không bao lâu, ông lại được triệu giữ chức Chủ khách ty viên ngoại lang. Kế đó cải tiến lên chức Tư huân. Nhưng được một lúc cư sĩ cũng lại xin về, cùng em là Thuần Trinh ẩn dật dưỡng tánh tình, ngao du sơn thủy. Bấy giờ ngài Vân Thê đang giảng kinh Viên Giác ở Nam Bình. Đại sư xướng lập Phóng Sanh Xã, quyên tiền đào Vạn Công Trì. Hàng tăng tục vài muôn người đều nương về hiệp trợ, tiếng tụng kinh niệm Phật vang dội núi rừng. Anh em Thuần Hy có công lớn trong việc xướng suất số đông hàng danh nho thanh sĩ, tham dự pháp hội ấy. Kết cuộc công thành, đào được ba đầm Phóng Sanh có bờ đê ngăn giữ và cất được nhiều nhà gác, để thả các loài chim cá.

Xong mọi việc, Thuần Hy vào ẩn trong núi Nam Bình. Thuần Trinh cũng ẩn tu nơi non Linh Thứu. Hai anh em quyết dùng khoảng đời dư thừa, chuyên niệm Phật để thành tựu sự vãng sanh, không còn xuất hiện nữa.

THÁI THỪA TRỰC

Cư sĩ Thái Thừa Trực, tự Hòe Đình, người ở Nhu huyện, tỉnh Hồ Quảng. Ông tánh tình cô tịch, hằng lợt lạt với lợi danh. Khi tuổi hơn hai mươi, đã biết trường trai thờ Phật. Cư sĩ thường tụng kinh Tam

Thiên Phật Danh, mỗi ngày ghi nhớ ba danh hiệu, đến ba năm đã thuộc lòng tất cả, trọn đời không quên.

Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, được bổ làm Thái thú tại Thiệu Hưng. Tuy ở chức quan, nhưng mỗi ngày cư sĩ vẫn tụng vài quyển Kim Cang Bát Nhã. Trong tịnh thất không cất chứa để vật chi quí, chỉ có lò hương bàn kinh mà thôi. Ông từng trùng tu chùa Cổ Lăng Nghiêm, cấm dân gian sát sanh tế thần. Lúc rảnh rỗi, thường đến hỏi Phật pháp nơi ngài Vân Thê, và chuyên tu Niệm Phật tam muội. Sau lần được thăng đến chức Thái thường tự khanh, rồi dâng sớ xin về hưu dưỡng.

Lúc lớn tuổi, cư sĩ cất ngôi thảo am, để làm cơ sở cho hội Niệm Phật, dẫn dắt hàng nông công ở thôn quê đồng hồi hướng về Tịnh độ. Ông có làm bài kệ từ tạ kẻ thăm viếng như sau:

Lữ khách nhớ quê An Dưỡng
Hủ nho ngự bến sông Tương.
Chẳng quản nay mai đắc thất
Chỉ chờ tin tức Tây phương.
Thất nhỏ tùy duyên tạm ở
Canh rau đạm bạc quen thường.
Trâu ngựa mặc ai chê gọi
Nơi lòng tuyệt niệm ghét thương!

Mấy năm suy yếu sắp mãn phần, ông tự hiệu là Bất Cửu đạo nhơn. Đến lúc vương bịnh, cư sĩ bảo người nhà võng mình tới chùa, thỉnh chư tăng làm lễ xuống tóc. Khi về tới ngọa thất, ông thấy thánh chúng bưng đài bạc đến tiếp dẫn, liền chắp tay liên tiếp xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, rồi qua đời. Cư sĩ có soạn mấy quyển Tịnh Độ Thi và Nhân Quả Tập, được lưu hành ở đời.

VIÊN HOẰNG ĐẠO

Viên Hoằng Đạo, tự Trung Lang, hiệu Thạch Đầu cư sĩ, người ở huyện Công An, tỉnh Hồ Bắc. Anh là Tông Đạo, tự Bá Tu, hiệu Hương Quang cư sĩ. Em là Trung Đạo, tự Tiểu Tu, hiệu Thượng Sanh cư sĩ. Ba anh em đồng một mẹ, lúc thiếu thời đều nổi tiếng văn tài, lớn lên cùng ưa thích Thiền tông. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, ba anh em trước sau lần lượt đều đỗ Tiến sĩ. Bá Tu làm quan đến chức Hữu giá từ, Tiểu Tu làm quan đến chức Lễ bộ lang trung. Sau hai anh em đều xin về quê hưu dưỡng, sớm hôm siêng cần lễ tụng.

Riêng phần Trung Lang, tức Hoằng Đạo, sau khi thi đỗ, được bổ làm Tri huyện ở Ngô Giang. Ông xử việc án tụng rất sáng, lẹ quyết đoán. Khi rảnh việc công, lại ưa ngạo du sơn thủy. Sau được thăng lên chức Lễ bộ chủ sự, chẳng bao lâu cáo bịnh xin về nghỉ. Cư sĩ có lập ra một khu vườn ở thành nam, trồng cả muôn cây liễu xanh tốt. Khi gió thổi qua, đứng trên lầu cao, thấy ngọn liễu uốn dợn như ngàn đợt sóng, tiếng chim oanh cùng các phi cầm đua nhau kêu hót bên trong. Ông gọi cảnh trí nầy là Liễu lăng đấu oanh, thường cùng các văn nhơn thiền khách du lãm trong đó, khi thì uống rượu ngâm thi, lúc lại luận bàn đạo lý. Ban sơ, cư sĩ học thiền với Lý Trác Ngô, tín giải thông suốt, biện tài không ngại. Sau tự nghiệm xét, thấy dù huyền luận dọc ngang, cũng chỉ là lời nói xuông, không có chi lợi ích thiết thật, mới hồi hướng về Tịnh độ, sớm hôm sám hối lễ niệm, kiêm giữ gìn giới cấm. Bá Tu và Tiểu Tu cũng đồng phát tâm niệm Phật. Cư sĩ tuyển trong các kinh giáo, viết ra bộ Tây Phương Hiệp Luận. Trong ấy bàn tánh tướng đến

chỗ viên dung, đi sâu vào pháp môn Bất Nhị. Xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

"... Trong năm thứ Hành môn, thứ nhứt là Tín tâm hạnh. Kinh nói: "Niềm tin là bước đầu vào đạo, là mẹ các công đức". Thế nên đức tin là chánh nhân của tất cả hạnh. Cho đến khi tròn mãn quả bồ đề, cũng chỉ hoàn thành tín căn ấy mà thôi. Như mụt măng non khi thành cây tre cao vút, trước sau cũng chỉ là một gốc. Các Bồ Tát mới phát tâm, không vị nào chẳng nương nơi sức tin mà được thành tựu. Trong Liên tông, lòng tin lại là cội gốc. Vậy phải tin như thế nào?

- Một là tin Căn bản trí và Bất động trí của Phật A Di Đà cùng mình không khác. Như khoảng thái hư, mặt trời rọi thì sáng, mây kéo che thì râm tối, nhưng hư không vẫn không có tánh sáng tối. Lại nên hiểu mặt trời cùng mây chẳng ngoài thể của hư không.
- Hai là tin Phật A Di Đà tu tập các hạnh trong vô số kiếp, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn, ta cũng có thể làm được. Tại sao thế? Bởi từ trước trong vô số kiếp, khi ta bị chìm đắm ở ba ác đạo, chịu vô lượng sự khổ về thân tâm, khi thì mang lông đội sừng, lúc lại đọa nơi vạc dầu giường lửa. Những sự khổ vô ích như thế, ta đã từng trải qua và nhẫn chịu được; huống chi là muôn hạnh độ mình độ chúng sanh của Bồ Tát, ta há chẳng thể làm ư?
- Ba là tin Phật A Di Đà có vô lượng trí huệ, thần thông, thành tựu vô lượng nguyện lực cùng mọi việc, ta cũng sẽ được ... Bởi trong tự tánh phương tiện của Như Lai, có đủ những việc không thể nghĩ bàn như thế. Lại bởi ta cùng Như Lai đồng một thể tự tánh thanh tịnh vậy.
- Bốn là tin Phật A Di Đà không đi không lại, ta cũng không đi không lại, cõi Cực Lạc và Ta Bà chẳng cách một đầu lông, muốn thấy liền thấy. Tại sao thế? Vì hai cõi đồng ở trong một thể chân tâm không phân biệt kia đây. Lại vì tất cả chư Phật đều lấy pháp tánh làm thân và độ vậy.
- Năm là tin Phật A Di Đà tu hành trải qua vô lượng vô biên kiếp cho đến khi thành đạo, vẫn không lìa một sát na, ta cũng không lìa một sát na mà địa vị ngang hàng với chư Phật. Tại sao thế? Bởi thời gian là huyễn hóa không thật, nhiếp về nghiệp hư vọng phân biệt. Trong biển pháp giới, tìm cái thật của nghiệp không thể được. Tin hiểu như thế là sơ tâm bước vào đạo, là tín hạnh Tịnh độ của tất cả chư Phật.

*... Thứ ba là Lục độ hạnh. Khởi Tín Luận nói: "Bồ Tát hiểu sâu sự tu hiện tại của mình vốn lìa tướng. Vì biết thể của chân tâm lìa tham lam bỏn sẻn, nên tùy thuận tu hành Bố thí ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không ô nhiễm, lìa sự lỗi lầm của năm điều dục lạc, nêntùy thuận tu hành Trì giới ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không khổ, lìa phiền não giận hờn, nên tùy thuận hành Nhẫn nhục ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không có tướng thân tâm, lìa sự biếng trễ, nên tùy thuận tu hành Tinh tấn ba la mật. Vì biết thể của chân tâm yên tĩnh, không tán loạn, nên tùy thuận tu hành Thiền định ba la mật. Vì biết thể của chân tâm sáng suốt, lìa vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát nhã ba la mật". – Người tu Tịnh độ trong một

câu niệm Phật, có đủ cả sáu môn như thế. Niệm niệm xả lìa, tức là Bố thí. Niệm niệm thanh tịnh, tức là Trì giới. Niệm niệm vắng lặng không phân biệt kia đây, người và cảnh, tức là Nhẫn nhục. Niệm niệm nối tiếp không gián đoạn, tức là Tinh tấn. Niệm niệm quy nhứt, tức là Thiền định. Niệm niệm trong sáng, tức là Bát nhã. Sáu hành môn nầy đều từ câu niệm Phật mà lưu xuất, chánh và trợ không hai, sự cùng lý chẳng khác. Cho nên hạnh niệm Phật gồm tất cả hạnh, vì đó là Nhứt tâm pháp môn, vì ngoài tâm không có các hạnh vậy. Nếu bỏ các hạnh, tức là bỏ tâm, bỏ sự tức chẳng thành lý ..."

Không bao lâu, Hoằng Đạo được triệu giữ lại chức cũ, lần lần thăng tiến đến ngôi Huân ty lang trung. Ít lúc sau lại cáo bịnh xin nghỉ. Về nhà chẳng mấy ngày, liền vào thành Kinh Châu ở trọ trong chùa tăng tu niệm, rồi không bịnh mà qua đời.

* Trung Đạo tức Tiểu Tu, sau khi về hưu, sớm hôm tinh cần niệm Phật. Một đêm, nhằm ngày rằm tháng mười năm Giáp Dần, vào niên hiệu Vạn Lịch thứ 42, khi khóa tụng xong, ông tĩnh tọa, cảm biết hình thần thanh sáng. Bỗng chợt có trạng thái như vào định, thần thức vượt lên khỏi nhà, nương mây bay đi. Hai bên có hai đồng tử phò trợ, bảo: "Hãy theo chúng tôi!" Rồi đưa đi về phương Tây lẹ như chim bay. Trông chung quanh, ánh trăng vẫn sáng tỏ, gương nga lồ lộ giữa trời. Nhìn xuống dưới thấy núi, đầm, ruộng, nương, thành ấp, làng xóm, nhỏ như đống đất, chén nước, chòm ong, tổ kiến. Khi sa thấp xuống một chút, nghe mùi tanh hôi bốc lên, liền gắng sức vượt thẳng lên cao mới cảm thấy thanh nhẹ. Lần lần bay nhanh như chớp, trải qua

không bao lâu, hai đồng tử bỗng hô lên bảo: "Dừng lại!" Rồi cùng đáp xuống đất.

Tiểu Tu nhìn quanh, thấy đường ngay như giây giăng, mặt đất bằng phẳng sáng chói trơn nhuần, chẳng phải chất cát đá. Dọc theo bên đường có đầm ao bề ngang rộng hơn mười trượng, thêm ao bằng bảo thạch có lằn như như viên chạm. Trong ao hoa sen năm sắc đua nhau tươi nở, thơm đẹp khác thường. Dài theo bờ ao có hàng cây sáng chói, các thứ chim lạ hòa nhau kêu thanh. Cách khoảng lại có cầu bằng vàng ngang qua ao làm ranh giới. Câu lơn liên tiếp làm mé thành cầu. Sau hàng cây bên bờ kia, có lầu các xinh lạ khó sánh ví. Người trong lầu có tướng mạo đều thanh sáng, tươi đẹp như thiên tiên, nhìn Tiểu Tu mà mỉm cười. Hai đồng tử đi mau, cư sĩ đuổi theo không kịp, vội kêu lên rằng: "Xin tạm đứng trên cầu đợi tôi một chút!" Hai đồng tử y lời, ông mới bước theo kịp, cùng dựa lan can báu của cầu tạm dừng nghỉ. Tiểu Tu vòng tay hỏi: "Xin được hân hạnh cho biết hai vị là ai? Đây là nơi nào?" Một đồng tử đáp: "Chúng tôi là thị giả của Linh Hòa tiên sanh, ngài muốn cùng ông gặp gỡ nói đôi chuyện, nên bảo đến đón tiếp". Cư sĩ lại hỏi: "Tiên sanh là bậc người thế nào?" Đáp: "Ngài chính là Lịnh huynh, Viên Hoằng Đạo tự Trung Lang đấy. Sau khi gặp mặt ông sẽ tự biết, hiện thời chúng ta phải kíp đi đến nơi!" Nói xong cùng qua cầu theo đường tới một khu có hơn ngàn cội cây to, lá chất phỉ thúy, hoa cánh hoàng kim. Sau vùng cây có ao to rộng, qua cầu ao có cửa bằng bạch ngọc, một đồng tử đẩy cửa tiến vào trước. Đồng tử kia dẫn Tiểu Tu đi qua hơn hai mươi lớp lầu các, kim sắc chói rực rỡ, hoa linh cỏ lạ phơ phất bên thềm. Khi tới dưới tòa lầu nọ, có một vị thần thái tợ Trung Lang, mặt sáng như

ngọc, áo tợ ráng mây, cao hơn trượng, bước đến đón rước, mừng rỡ bảo: "Em đã tới đó ư?" Rồi dắt tay lên lầu, trên đó có bốn năm vị tướng trạng như thiên nhơn, ngồi xung quanh. Trung Lang nói: "Đây là cảnh biên địa ở Tây phương. Những hành giả niệm Phật, tín giải chưa thành, giới châu chưa trọn, phần nhiều sanh về chốn nầy. Nơi đây cũng gọi là Giải Mạn Quốc *(xứ của người tu còn bê trễ)*. Phương trên có lâu đài của Hóa Phật, trước lầu có ao to rộng hơn trăm do tuần, trong ao có sen báu. Chúng sanh mười phương sanh về gởi chất nơi hoa sen ấy, đúng kỳ hoa nở, chia nhau đi ở các lầu đài, cùng các bạn tu tịnh có duyên tụ hội nhau. Do không có mỵ sắc dâm thanh, nên thắng giải dễ thành, chẳng bao lâu tu tiến lên sanh vào chánh quốc ở Cực Lạc!" Tiểu Tu thầm nghĩ: "Cảnh đẹp như thế, mà hãy còn là biên địa ư?" Nhân đó hỏi: "Anh sanh về chỗ nào?" Trung Lang đáp: "Anh tịnh nguyện tuy tha thiết, song tình nhiễm chưa dứt trừ, ban sơ sanh về nơi đây ít lâu, nay thì đã được Tịnh độ. Nhưng do thừa gấp giới hườn, nên chỉ thuộc hàng địa cư, không được cùng bậc đại sĩ ở lầu các giữa hư không, còn phải tiến tu thêm nữa. Rất may lúc còn tại Ta Bà, nhờ trí huệ mãnh lợi, anh từng soạn bộ Tây Phương Hiệp Luận, khen ngợi công đức độ sanh không thể nghĩ bàn của Như Lai nên cảm báo được bay đi tự tại, dạo chơi các quốc độ. Chư Phật nói pháp, đều được đến nghe, đây thật là điều thù thắng!"

Nói xong, nắm tay Tiểu Tu bay lên hư không, phút chốc vượt ngàn muôn dặm, rồi đáp xuống một chỗ. Nơi đây không ngày đêm nhật nguyệt, ánh sáng rực rỡ chẳng bị ngăn che. Đất lưu ly trong ngoài chói suốt, trụ giây hoàng kim thất bảo giao xen ngăn chia ranh giới. Cây đều là thứ

Chiên đàn, Cát tường, hàng hàng đối nhau, gốc gốc trồng nhau, vài muôn ngàn lớp. Mỗi mỗi lá mọc ra các hoa đẹp mầu, màu sắc dị bảo. Bên dưới cây là ao báu, vô lượng đợt sóng gợn, tự nhiên phát ra tiếng pháp mầu. Đáy ao lót thuần bằng cát kim cương. Trong ao sen báu muôn mầu phóng ánh sáng dị sắc. Dọc theo hàng cây bờ ao, lầu các nguy nga quanh lộn ẩn hiện, hiên thềm nhô ra, cột đỡ mái cong, cửa lớn cửa song giao chiếu, câu lơn báu đoanh vây bao bọc, thảy đều đầy đủ. Xung quanh lầu các có treo vô lượng nhạc khí, tự khua động diễn các pháp âm. Những điều ghi chép trong kinh A Di Đà và Vô Lượng Thọ, so với đây mười phần chưa được một. Ngước nhìn lên, nhiều lầu các lơ lửng giữa hư không, đẹp huyền ảo giữa những vầng mây ráng. Trung Lang bảo: "Chỗ em thấy là quang cảnh của hàng địa cư chúng sanh ở Tịnh độ. Qua khỏi chốn nầy là nơi ở của chư pháp thân đại sĩ, cảnh trí còn đẹp mầu ngàn muôn phần gấp bội hơn đây. Thần thông của các vị ấy cũng ngàn muôn phần bội hơn. Anh nhờ huệ lực có thể đến dạo chơi, mà không được ở. Khỏi nơi đó là chỗ cư trú của bậc Thập địa cùng Đẳng giác Bồ Tát, anh không thể đi đến và hiểu biết được. Xa hơn nữa, là cảnh giới của đấng Diệu giác, duy Phật cùng Phật mới có thể thấy biết!"

Nói xong, lại cùng bay đến một chỗ, điện các chói sáng khác thường, chẳng biết làm bằng chất gì. Cảm thấy hoàng kim bạch ngọc sánh với thứ báu nầy, dường như là sắc đất. Nơi đây không thành quách, chỉ có lan can bao bọc. Hai người cùng ngồi dưới lầu trò chuyện, Trung Lang nói: "Anh không ngờ cảnh lại đẹp vui cùng cực như vầy! Giả sử khi ở Ta Bà, anh giữ giới luật thêm tinh nghiêm, thì sự thọ lạc chẳng phải như thế mà thôi đâu! Đại để trước nhất, thừa

giới đều gấp, sanh phẩm rất cao. Thứ nữa, là giới gấp, sanh phẩm rất ồn. *(Thừa gấp: tâm giải ngộ sâu sắc. Giới gấp: sự giữ giới tinh nghiêm).* Nếu có thừa mà không giới, phần nhiều bị sức nghiệp lôi kéo, sanh vào hàng Bát bộ qui thần. Những bạn đồng tu lâm vào cảnh nầy, anh đã trông thấy rất nhiều. Về phần em, khí phần Bát nhã tuy sâu song sức giới định rất kém. Nếu giải ngộ lý mầu mà không sanh giới định, cũng thuộc loại cuồng huệ mà thôi! Khi trở về Ta Bà, em phải nhân lúc còn mạnh khỏe mà thật ngộ thật tu, giữ tịnh nguyện cho tha thiết, siêng làm phương tiện giúp người, thương xót tất cả, chẳng bao lâu sẽ có lúc cùng hội ngộ. Nếu lơ là để lạc vào đường khác, thì thật là đáng kinh đáng sợ! Như chưa thể giữ giới hoàn toàn, hãy tuân hành theo pháp Lục trai của ngài Long Thọ cũng được. Trong các giới, sát giới rất quan yếu. Xin gởi lời nhắn nhủ bạn đồng tu: Chưa có ai mỗi ngày tay cầm dao giết, miệng tham vị ngon, mà được sanh về cõi Cực Lạc! Dù cho có tài thuyết pháp như mưa sa mây cuốn, đối với sự tinh tu nếu không thật hành, cũng là vô ích! Anh cùng em từ thuở Phật Không Vương đã nhiều đời làm huynh đệ, cho đến khi luân hồi sáu cõi cũng đều như thế! Nay may mắn anh đã được về chỗ tốt, sợ em bị lạc vào ác đạo, nên phải dùng sức thần thông phương tiện, đem đến đây khuyên bảo. Bây giờ báo nghiệp giữa hai cõi tịnh và uế khác nhau, em không thể ở lâu được!

Tiểu Tu vội hỏi về chỗ sanh của Bá Tu cùng các đồng bạn đã mãn phần. Trung Lang đáp: "Nơi sanh của anh Tông Đạo và các vị đều tốt, về sau em sẽ tự rõ!" Nói xong, liền vượt lên hư không mà bay đi. Tiểu Tu đứng lên bước chậm rãi theo bờ ao ngoạn cảnh, bỗng như trượt té xuống nước,

kinh hãi giật mình tỉnh lại. Lúc ấy cả thân xuất hạn, nhìn lại ngọn đèn tàn còn trên giá, ánh trăng sáng vẫn chiếu song, thời khắc đã sang canh tư. Liền vội lấy giấy bút ghi chép thiên "Tịnh Quốc Du Ký" nầy.

Trước kia, Tông Đạo có con trai tên Viên Đăng mới mười ba tuổi, bị bịnh uất hơi sắp mãn phần. Đứa bé nói với Hoằng Đạo rằng: "Cháu sắp chết, chú làm sao cứu cháu?" Trung Lang bảo: "Cháu chỉ chuyên niệm Phật, tất sẽ được sanh về cõi Cực Lạc. Nơi đây là cảnh ngũ trược không đủ để luyến tiếc!" Đứa bé liền chắp tay liên tiếp niệm Nam mô A Di Đà Phật, hàng quyến thuộc cũng đồng thanh trợ niệm. Giây phút nó cười nói: "Cháu thấy một hoa sen sắc hơi đỏ". Niệm thêm giây lát, lại bảo: "Hoa đã lần lần lớn, sắc tươi sáng, đẹp không thể tả!" Trong khoảnh khắc, lại nói: "Đức Phật đã đến, tướng tốt quang minh, thân cao lớn chật cả nhà!" Giây phút, nó thở hơi gấp. Tông Đạo bảo: "Để người nhà trợ niệm, con chỉ xưng một chữ "Phật" sau chót cũng được". Viên Đăng xưng Phật vài tiếng, chắp tay mà qua đời.

KIM QUANG TIỀN

Cư sĩ Kim Quang Tiền, người đời Thanh, gốc Mãn Châu, xuất thân trong hàng quản ngũ. Ông ưa làm điều thiện, hằng răn cấm các binh sĩ:

1. Không được chém giết bừa bãi.
2. Không được hiếp dâm phụ nữ.

3. Không được cướp một món đồ vật của ai.
4. Không được đốt nhà của dân chúng. Nếu phạm pháp, sẽ theo quân luật nghiêm trị.

Vợ ông là Cũng thị, biết chữ nghĩa, thường thích tụng kinh.

Năm Thuận Trị thứ mười đi bình định tỉnh Phước Kiến, đường ngang qua Hàng Châu, cư sĩ nghe biết Cụ Đức Hòa thượng đang thuyết pháp tại chùa Linh Ẩn. Hai vợ chồng liền đến tham bái, được Hòa thượng khai thị về pháp môn Tịnh độ. Từ đó cả hai đồng tinh tấn niệm Phật và đều có chỗ tâm đắc. Mùa hạ năm Thuận Trị thứ mười hai, sau khi từ miền Bắc trở về tạm ngụ bên sông Tiền Đường, Kim Quang Tiền bỗng nhiễm bịnh. Cũng thị định sai người tìm rước lương y, ông ngăn lại bảo: "Thuở trước ta cùng phu nhơn đã đi tham phỏng ở Linh Ẩn. Nay nhân đây chỉ muốn chuyển thân về cõi an lành, cần chi dùng thuốc!" Cũng thị cả cười nói: "Chẳng dè tướng công cũng được đến địa vị ấy, thật là hân hạnh!" Liền sai sắm hai chiếc quan tài, rồi bảo: "Thiếp cũng sẽ đi, nhưng xin chậm lại để lo liệu hậu sự cho tướng công mà thôi!" Quang Tiền nghe nói, liền chắp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Cũng thị sai gia nhơn đem lễ vật đến Linh Ẩn, cầu xin thắp hương đèn cúng Phật, cùng trai tăng tu sám để truy tiến cho hai vợ chồng. Đến bảy hôm lễ xong, phu nhơn tuyệt ẩm thực, ngày đêm chẳng nằm, chỉ một lòng niệm Phật. Lại trải qua bảy hôm nữa, vào lúc xế, phu nhơn tựa quan tài nhắm mắt dưỡng thần, giây phút tỉnh lại bảo: "Thời khắc đã đến!" Liền ngồi ngay niệm Phật mà hóa.

LỜI BÌNH:

- Soạn giả cố ý sắp hàng quan liêu được vãng sanh ở trước, vì so thường dân, bậc quan quyền vào đạo rất khó. Phần đông, người đời gấp về công danh, lấy sự học hành đỗ đạt làm trước. Và kẻ đã bước vào cửa quyền quý, đa số lại cho sự thanh tu là khổ. Nếu chẳng phải những người kiếp xưa đã trồng sẵn căn lành, giữ chắc tâm nguyện giải thoát, thì mấy ai trước mùi chung đỉnh mà biết quay đầu? Như các vị trên đây, ở cảnh trần lao, hướng về tịnh quốc, há chẳng đáng gọi là hiện thân tể quan mà thuyết pháp đó ư! Xét lại các vị: Liễu Tử Hậu, Bạch Lạc Thiên, Tô Đông Pha, Triệu Tử Ngang, tuy cũng quy y tu niệm, song khi lâm chung, chẳng thấy điềm lành. Ấy cũng bởi: trí năng lạc theo nhiều môn, căn bịnh sanh nơi niệm ái. Tập quán của tài tử văn nhơn từ xưa vẫn thế, khi vô thường chợt đến, khó nỗi cầu may! Bậc quân tử đời sau, cần nên biết răn dè vậy!

TỈNH GIẤC MỘNG ĐỜI

I. *DẪN NHẬP*

Non xanh lặng lẽ tợ ngùi than!
Kiếp tạm phù du, chớp điện quang.
Người theo nhau mất, non còn đó
Kết cuộc Nam Kha giấc mộng vàng!

II. MỘNG NAM KHA

Nam Kha mộng
Mộng Nam Kha!
Nam Kha mộng tưởng biết bao là!
Quyến thuộc của tiền đều bỏ lại
Tay không theo nghiệp đến Diêm La!
Từ đây tỉnh
Chớ dần dà!
Niệm Phật về Tây biển ái qua.

III. MỘNG XUÂN TIÊU

Xuân tiêu mộng
Mộng Xuân tiêu!
Xuân tiêu mơ mộng tối mai chiều!
Ngày trước tuổi thơ dong ngựa trúc
Hôm nay mái tóc điểm sương tiêu.
Từ đây tỉnh
Chớ mê nhiều!
Một kiếp thăng trầm chỉ bấy nhiêu!

IV. MỘNG DƯƠNG ĐÀI

Dương đài mộng
Mộng Dương đài!
Mộng trần ai nghĩ thoát trần ai?
Kẻ chết kinh hoàng theo tội nghiệp
Người thân mờ mệt luống bi ai!
Từ đây tỉnh
Gác sầu hoài.
Gặp nhau ...âu chỉ mộng Dương đài!

V. MỘNG TRANG CHU

Trang Chu mộng
Mộng Trang Chu!
Trang Chu mộng hóa bướm ngao du!
Đậu tưởng Trang Chu thành cái bướm
Ai hay cái bướm thật Trang Chu!
Từ đây tỉnh
Chớ mê cầu!
Mưa qua nắng lại Hạ rồi Thu.

VI. MỘNG HOÀNG LƯƠNG

Hoàng lương mộng
Mộng Hoàng lương!
Một giấc Hoàng lương mộng đẹp dường!
Áo tím đai vàng mờ bóng cũ
Mồ xanh cỏ ấy bạc mầu sương!
Từ đây tỉnh
Chớ lo lường!
Phú quý công danh cũng mộng trường!

VII. MỘNG VU SƠN

Vu sơn mộng
Mộng Vu sơn!
Vu sơn mơ mộng nặng thương hờn!
Vợ yêu con quý rồi ly biệt
Phách lạc hồn mê cách cõi dương!
Từ đây tỉnh
Gắng tìm đường.
Niệm Phật về Tây thoát khổ ương!

TÔN TRUNG

Cư sĩ Tôn Trung, người đời Tống, ở Minh Châu, sớm mộ hạnh Tây phương, thường ăn chay giữ giới. Ông cất nhà ở phía đông phủ thành, bên trong có đào hai cái ao, trồng hoa sen trắng. Giữa hai ao dựng một ngôi Tĩnh các, mỗi tháng họp nhiều người lại, tổ chức thành hội Niệm Phật.

Một hôm, cư sĩ thấy Phật thân hiện giữa hư không, gọi hai con cùng chạy ra, đồng chắp tay chí thành lễ bái. Giây lâu, thánh tướng mới ẩn. Nhân đó, người đời sau gọi chỗ đó là xóm Phật Trụ. Năm Nguyên Hựu thứ tám đời Tống, Thích Khả Cửu đã sanh về Tây phương, trải ba ngày trở về báo rằng: "Tôi thấy có đài vàng ghi tên Tôn Trung!" Nói xong lại thoát hóa. Không bao lâu, cư sĩ mang bịnh, thỉnh hàng tăng tục một trăm người làm hội Niệm Phật. Trong lúc chúng đang tụng niệm, cư sĩ bỗng ngước nhìn lên hư không, chắp tay tỏ dáng kính thành. Rồi hai tay kiết hai ấn, an vui mà thoát hóa. Bấy giờ người trong thành đều nghe tiếng nhạc trời, ngửi thấy mùi hương lạ. Lần lần thiên nhạc thanh thao ẩn mất về Tây.

Hai người con Tôn Trung đều kế nghiệp cha, chuyên cần tu niệm. Sau cả hai cũng ngồi hướng về Tây, chắp tay niệm Phật mà mãn phần.

VƯƠNG ĐIỀN

Cư sĩ Vương Điền, tự Vô Công, người đời Tống, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ông rất thông tuệ, sức học uẩn súc, nhưng thi Tiến sĩ hai lần đều không đỗ. Từ đó, tâm danh lợi như trò tàn, ăn chay mặc áo vải, nơi nào có giảng kinh đều đến tham học. Lúc lớn tuổi, cư sĩ chuyên tu Niệm Phật tam muội, có trứ tác quyển Tịnh Độ Tự Tính Lục, tự làm lời tựa rằng:

" ... Chỗ nhiệm mầu đặc biệt về pháp môn Tịnh độ, mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy, có thể dùng một lời để tổng quát là: "Đưa chúng sanh từ địa vị phàm phu, vượt tắt lên ngôi Bất thối chuyển!" Tại sao thế? Ở cõi nầy tu hành, khi chứng bậc Sơ tín của Viên giáo, hoặc ngôi Sơ quả của Tiểu thừa, thì tà kiến và tam độc mới vĩnh viễn không sanh khởi. Đó là cảnh giới Đoạn hoặc phát ngộ *(Nghiệp mê lầm tiêu dứt, phát sanh sự tỉnh sáng)*, thẳng vào dòng thánh, dù chuyển kiếp cũng không mê lạc chỗ sở chứng. Địa vị nầy siêu khỏi bốn ác thú *(Địa ngục, Ngạ quỉ, Súc sanh, Tu la)*, chẳng mất thân Trời, Người. Còn tất cả hàng phàm phu, dù là bậc Sơ tâm Bồ Tát tu đến địa vị Phục hoặc phát ngộ *(Nghiệp mê lầm chìm lắng xuống Tàng thức, phát sanh sự tỉnh sáng)*, một phen trải qua cảnh biến chuyển phi thường của sự sống chết, liền quên mất chỗ sở chứng sở tu. Cho nên hạng người nầy, gặp cảnh duyên có thể bị thối chuyển và đọa lạc tam đồ.

Riêng cõi Phàm thánh đồng cư tịnh độ ở cõi Cực Lạc, tuy cũng đủ giai tầng của tam giới, song chỉ có hàng Nhơn, Thiên. Thế nên tất cả loài hàm thức sanh về đó, đều từ hẳn bốn thú, thoát khỏi luân hồi. Lại thêm trợ duyên đầy đủ, thọ

số vô cùng, nên dù là kẻ độn căn, một kiếp tu hành, đều thành thánh quả. Thế thì làm sao lại có sự thối chuyển được? Bản ý khuyên khen của chư Phật, chẳng qua cũng chỉ như thế. Nếu bậc thượng căn phát tâm chuyên niệm Phật, đó là tịnh nghiệp tối thượng, sẽ dự vào phẩm cao. Như hàng tối dốt quê mùa, nếu biết chí thành niệm Phật phát nguyện, thì không ai chẳng được vãng sanh cả.

Than ôi! Xét nghĩ qua môn Tịnh độ, thì biết Phật không bỏ xót một chúng sanh nào! Những hạng giữ cái không si mê, bắt chước hạnh vô ngại, rồi tự cao tự đại muốn ngăn dứt sự niệm Phật của kẻ khác, há chẳng đáng thương xót lắm ư?

Vào đầu đêm ngày Đinh Mão, tháng tư, năm Thiệu Hưng thứ mười sáu, hương lạ bỗng lan đầy nhà. Cư sĩ nhìn hàng học pháp là sa môn Tư Tề, bảo rằng: "Đây là tịnh nghiệp của lão phu chiêu cảm vậy!" Nói xong, tắm gội thay y phục, ngồi ngay hướng về Tây chắp tay mà vãng sanh. Khi làm lễ thiêu hóa, được Xá lợi bằng hột lúa một trăm lẻ tám viên.

VƯƠNG NHỰT HƯU

Cư sĩ Vương Nhựt Hưu, tự Hư Trung, người ở Lư Châu. Triều vua Cao Tôn đời Tống, ông thi đỗ Quốc học tiến sĩ, nhưng khước từ quan chức, về ở ẩn nơi quê nhà dạy học trò. Kế đó lại xếp bỏ việc giáo huấn, ăn chay trường, mặc áo vải, chuyên tu tịnh

nghiệp. Mỗi ngày cư sĩ khóa lễ Phật một ngàn lạy rồi niệm hồng danh. Ông có trứ tác tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, được lưu hành rộng nơi đời. Trong ấy lời lẽ giản dị, bao gồm nhiều thí dụ, khuyến hóa từ bậc vương công, quan liêu, sĩ tử, cho đến hàng thứ dân, đồ tể, nô tỳ, xướng kỷ, đều quy y niệm Phật. Cách lập luận của cư sĩ rất rõ ràng, tâm ý rất thành khẩn, khiến cho nhiều người cảm hóa tuân hành.

Năm Quý Tỵ trong niên hiệu Càn Đạo, ông Lý Ngạn Bậc ở Lư Lăng đau bịnh nguy ngập, mộng thấy một vị tự xưng là Long Thơ cư sĩ, bảo rằng: "Khi thức dậy ngươi nên dùng cháo trắng, sẽ được an lành. Ngươi còn nhớ một thiện hữu là Khuyết Trọng Nhã đã khuyên về lối tu thẳng tắt chăng?" Ngạn Bậc thưa: "Vãn bối đã tuân hành theo, mỗi ngày đều có niệm Phật!" Sau khi thức giấc, ông bảo nấu cháo trắng ăn, quả nhiên bịnh thuyên giảm. Ngạn Bậc liền dạy các con đến tìm Vương Nhựt Hưu để thọ huấn. Không bao lâu, các con trở về thưa: "Long Thơ cư sĩ đã vãng sanh về Phật quốc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ đi từ biệt khắp các thân hữu, khuyên họ tinh tấn tu hành, bảo mình sắp đi xa, không còn gặp nhau nữa. Tới ngày ông cho họp các môn sanh cũ lại giáo huấn, rồi khóa tụng như lệ thường. Đến canh ba, cư sĩ bỗng to tiếng niệm Phật vài câu, bảo: "Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi!" Rồi đứng ngay thẳng mà hóa ..." Lý Ngạn Bậc thấy bức chơn dung của Vương Nhựt Hưu do các con mượn đem về, giống tạc người mình đã gặp trong giấc mộng, sanh lòng cảm kích, liền rước thợ khắc hình tượng Long Thơ cư sĩ, lại đem việc ấy truyền bá xa gần. Từ đó hàng thiện tín ở vùng Lư Lăng đều phát tâm niệm Phật.

Trong năm Hàm Hựu, có ông Lữ Nguyên Ích khắc lại bản Long Thơ Tịnh Độ Văn. Khi khắc đến thiên Chúc Nguyện, nơi bản bỗng nổi lên ba viên ngọc Xá lợi. Chú của ông là Lý Sư Thuyết có ghi chép việc ấy ở đầu thiên nầy.

DIÊM BAN VINH

Cư sĩ Diêm Ban Vinh, người đời Tống, ở Trì Châu, huyện Thanh Dương. Đến tuổi trung niên, ông có duyên lành gặp một vị tăng khuyên trì chú vãng sanh và niệm Phật. Từ đó cư sĩ phát tâm quy y, ăn chay trường, mỗi ngày hướng về Tây phương tụng chú 1080 biến. Ông lại khuyên con cái trong nhà, đều đồng thanh trì chú niệm Phật theo. Trải hơn hai mươi năm, mỗi ngày đều khóa tụng y như thế.

Niên hiệu Thiệu Hy năm đầu, vào ngày mùng một tháng giêng, sau khi xem kinh Đại Bát Niết Bàn vừa xong, cư sĩ than rằng: "Kiếp người như huyễn mộng, ta còn luyến tiếc làm chi?" Do đó niệm giải thoát càng thêm tha thiết! Đến ngày mùng một tháng ba năm ấy, người trong nhà nghe mùi hương lạ lan tỏa bát ngát trọn ngày không tan. Các con của cư sĩ đều mộng thấy đức A Di Đà phóng ánh sáng lớn, soi khắp nhà cửa thành sắc hoàng kim. Năm hôm sau vào lúc khuya, Ban Vinh thức dậy trì niệm theo thường lệ. Khóa tụng xong, ông nhìn người nhà bảo: "Ngày hôm nay ta sẽ đi. Nên dè dặt đừng khuấy động làm mất chánh niệm của ta!" Nói xong, ngồi kiết già day mặt về Tây nhắm

mắt thầm trì tụng. Đến quá ngọ, bỗng đứng lên nói: "Ta đi đây!" Rồi thong thả tiến vài bước, hai tay kiết ấn, mỉm cười mà qua đời.

DƯƠNG GIA VỸ

Cư sĩ Dương Gia Vỹ, tự Bang Hoa, quê ở Kiết An, huyện Thái Hòa, là hàng Chư sanh trong niên hiệu Vạn Lịch đời nhà Minh.

Thuở bé ông hiếu học, xem rất nhiều kinh sách, kế đó, lưu tâm nghiên cứu về nội điển nhà Phật. Năm mười ba tuổi, cư sĩ giữ giới Bất sát rất nghiêm, không dám làm tổn thương đến loài ruồi muỗi rận rệp. Đến hơn hai mươi tuổi, vào trường Quốc tử giám ở Nam Kinh. Không bao lâu, cư sĩ mang bịnh, mộng thấy xuống cảnh Địa ngục, tham lễ Địa Tạng Bồ tát ở điện Minh Dương. Sau điềm ấy, ông mua vật mạng phóng sanh, thỉnh chư tăng tụng kinh siêu độ phần âm, riêng mình thì chuyên trì danh hiệu Phật.

Được ít năm, một hôm cư sĩ bảo người nhà rằng: "Tôi sắp về Tây phương. Trước mắt tôi, hoa sen xanh to lớn hiện ra, phóng quang rực rỡ. Đó há không phải là thắng tướng ở Tịnh độ ư?" Từ giờ phút đó, ông niệm Phật không dứt. Đến tối bảo kẻ phục dịch tắt hết đèn đuốc, nói: "Tôi thường ở trong ánh đại quang minh, chẳng cần ánh sáng thế gian". Người xung quanh hỏi: "Có thấy tướng trạng chi chăng?" Cư sĩ đáp: "Cảnh hoa sen bốn sắc nơi bảo trì rõ ràng trước mặt!" Lại hỏi: "Có được thấy Phật không?" Đáp: "Đức A

Di Đà hiện thân cao ngàn trượng, tướng tốt rực rỡ trang nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân cao bằng Phật. Chỉ không thấy đức Đại Thế Chí mà thôi!" Nói xong bỗng lộ vẻ vui mừng, đứng lên đốt hương, bảo: "Công đức kinh A Di Đà bất khả thuyết bất khả thuyết! Tôi đã được sanh về Thượng phẩm!" Rồi chắp tay yên lặng mà hóa.

CỐ NGUYÊN

Cố Nguyên, tự Thanh Phủ, hiệu Bảo Tràng cư sĩ, quê ở Ứng Thiên, là hàng Chư sanh trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh. Thuở thiếu thời tánh ông hào sảng, văn thi hay, hội họa khéo, chữ viết cứng đẹp, được nhiều người cậy nhờ mến chuộng. Nhưng đến năm bốn mươi tuổi, ông bỏ hết tập nghệ cũ, dứt hẳn rượu thịt, tạo một gian lầu nhỏ, thường ở trên đó tinh tu về thiền quán. Bên mình chỉ có một tiểu đồng để sai khiến, hàng phụ nữ và người nhà ít khi được thấy mặt ông.

Mỗi đêm cứ vào canh năm, cư sĩ đánh mõ lớn tiếng niệm Phật. Ở trong xóm có anh đồ tể, mỗi khi nghe tiếng mõ thì thức dậy giết heo. Một hôm anh say rượu dậy trễ, giận hờn trách vợ. Người vợ bảo: "Ông không nghe tiếng đánh mõ niệm Phật của vị tu hành kia sao? Tự mình không biết tội, còn giận trách tôi là thế nào?" Anh đồ tể ngạc nhiên như sực tỉnh, từ đó dẹp bỏ con dao sát sanh, lo làm lành niệm Phật. Nhiều bạn đồng nghiệp của anh cũng noi theo gương đó mà đổi nghề. Cố Nguyên vẫn quen thân với

Vân Cốc thiền sư ở chùa Thê Hà, cùng nhau kết bạn sen cầu sanh về Cực Lạc. Một ngày nọ, Hám Sơn Đức Thanh đại sư đến Thê Hà chơi, thấy một vị mặc áo tràng đi ngang qua, tướng nhàn nhã như chim hạc, đôi mắt nhìn thẳng không chớp động, dường như quên hẳn mọi việc thế trần. Người ấy vào điện Phật, lễ tháp Xá lợi, rồi đứng yên chắp tay chiêm ngưỡng. Giây phút nơi đảnh tháp bỗng hiện ánh sáng năm sắc rực rỡ trong suốt. Hám Sơn đại sư lấy làm lạ, đem hỏi ngài Vân Cốc, Thiền sư nói: "Đó là Bảo Tràng cư sĩ. Ông ta đang vào pháp Tây phương quán đấy!"

Sau Cố Nguyên cảm bịnh nhẹ, thỉnh vài vị tăng đến cùng niệm Phật. Sau thời khóa, nội nhân của ông chạy lên nói: "Hiện thời mùi hương sen thơm đầy cả nhà!" Chúng đều kinh lạ mừng rỡ. Cư sĩ vẫn điềm nhiên bảo: "Hơn nửa tháng nay tôi đã ngồi trên đài liên hoa, thấy chơn thân của đức A Di Đà khắp hư không, thế giới đều thành kim sắc. Phật tươi cười nhìn xuống và lấy áo ca sa phủ trên đầu tôi. Như thế quyết định tôi sẽ được sanh về Cực Lạc!" Mấy người con sa nước mắt thưa: "Cha về Tây phương là điều vạn hạnh, còn bọn chúng con sẽ ra thế nào?" Cư sĩ mỉm cười bảo: "Các con nghĩ rằng ta chết thật ư? Há chẳng thấy mặt trời chìm xuống phương tây rồi mọc trở lại phương đông, như thế đâu phải là lặn mất?"

Rồi cho biết trước ngày giờ vãng sanh. Đến thời, cư sĩ tắm gội thay y phục, ngồi kiết già mà thoát hóa. Mùi hương sen sực nức cả trong ngoài, ba ngày mới tan hết.

TRƯƠNG THỦ ƯỚC

Cư sĩ Trương Thủ Ước, người đời Minh, ở huyện Tú Thủy, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo mà ưa bố thí, hằng dùng trăm ngàn phương tiện khuyên gọi các vị đạo tâm rộng làm việc lợi ích.

Lúc lớn tuổi, ông tạ tuyệt duyên đời, bữa cháo bữa rau, mỗi ngày thường chuyên niệm Phật. Cư sĩ thường phỏng theo ngài Hàn Sơn, làm ba trăm bài thi, khuyến tấn mọi người quy hướng về Tịnh độ. Xin lược trích mấy bài như sau:

Cao cả nguyện Di Đà
Rộng mầu môn Niệm Phật.
Muôn kiếp khổ luân hồi
Đời nay mới tường tất.
Nên sanh tưởng khó gặp
Dè chớ mê lạc mất.
Niệm niệm cầu vãng sanh
Tâm tâm quý chuyên nhất.

❁

Hôm qua đến nhà Phật
Niệm niệm lòng sâu thiết!
Ngày nay ở nhà lửa
Tâm phiền rối bận việc
Nếu chẳng vững đạo căn
Khó khỏi chìm mê kiếp
Cho nên bậc hiền xưa
Ở non tu tịnh nghiệp.

❁

Cõi tạm gởi huyễn thân
Tùy duyên mọi việc tất.
Không vương nửa điểm trần
Chỉ niệm một câu Phật
Tánh mềm dịu tợ bông
Nguyện cứng bền như sắt.
Nếu theo việc vẩn vơ
Đáy nước tìm trăng thật.

❁

Thượng phẩm thấy Phật sớm
Hạ phẩm thấy Phật chầy.
Sớm chầy tuy sai khác
Duyên trần đã thoát ly.
Tham thiền ngại chấp tướng
Niệm Phật quý dứt nghi.
Xác thật có Tịnh độ
Xác thật có Liên trì!
Bảy chục xưa nay ít
Trước mắt chẳng nhiều ngày!
Phải mau cầu giải thoát
Tìm gởi chất liên thai.
Ngang trái cho ngang trái
Vạy ngay mặc vạy ngay.
Đâu rảnh đối kẻ xấu
Phân biệt phải cùng sai.

Vợ Thủ Ước là Đào thị, từ khi về nhà chồng, mỗi ngày cũng tụng kinh niệm Phật. Khi ông đến non Phổ Đà lễ Quán Âm đại sĩ, Đào thị bảo hai con rằng: "Mẹ bình nhựt tu trì đã tỏ ngộ tông chỉ "Tâm nầy làm Phật, tâm nầy tức Phật". Ngày nay, Ta Bà duyên mãn, mẹ sắp về cảnh Tịnh độ an vui!" Nói xong, ngồi niệm Phật mà hóa. Hôm sau Thủ Ước

về đến nhà thì việc tẩn liệm đã xong. Bỗng trên nắp hòm của Đào thị mọc lên năm cánh sen màu xanh. Mọi người đều khen ngợi kinh lạ.

Về sau, Thủ Ước cũng được thoại ứng khi lâm chung.

HOÀNG THỪA HUỆ

Cư sĩ Hoàng Thừa Huệ, tự Ngươn Phù, quê ở Tiền Đường tại Hàng Châu. Ông tánh tình khẳng khái, thờ mẹ có hiếu, lại ưa hạnh bố thí. Hàng lân lý kẻ rét không áo, liền cởi áo mình trao cho. Gặp người nghèo đói, trút hết tiền trong túi giúp đỡ. Em vợ là Văn Khải Sơ lấy làm lạ về tiết hạnh thanh khổ của anh rể mình, hướng dẫn đến chùa Vân Thê. Thừa Huệ dùng lễ đệ tử ra mắt, được Liên Trì đại sư quy y cho, và đặt pháp danh là Tịnh Minh.

Sau cư sĩ mang bịnh thổ huyết trải ba năm không lành. Lúc đau nặng, Văn Khải Sơ đến thăm, khuyên niệm Phật. Đang lúc quá thống khổ, ông chưa tỉnh ngộ. Khải Sơ lớn tiếng bảo: "Lúc anh nhắm mắt rồi, cái chết đau đớn hiện tại ở nơi đâu?" Thừa Huệ kinh sợ hỏi: "Vậy phải làm thế nào?" Khải Sơ đáp: "Không chi hơn niệm Phật!" Hỏi: "Em bảo niệm đức A Di Đà ở Tây phương hay Phật A Di Đà tự tánh?" Đáp: "Anh cho hai phương diện ấy là khác nhau ư?" Cư sĩ chợt như tỉnh ngộ, điểm đầu. Khải Sơ thỉnh Huệ Văn Pháp sư đến, trần thiết tượng Phật, xin vì anh nói nhân

duyên Tịnh độ. Thừa Huệ nghe xong vui vẻ, nhờ Pháp sư xuống tóc và truyền giới Sa di cho mình. Đoạn ông dứt trừ tất cả sự tiếp xúc, chuyên niệm Phật. Kế lại thầm tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong bảy ngày. Khóa tụng vừa xong, người trong nhà đều nghe mùi hương sen bát ngát. Ông mỉm cười nói kệ rằng:

Một vật không đem đến
Một vật chẳng đem đi.
Trên đảnh non cao vầng nguyệt sáng
Là chân diện mục tánh A Di!

Kế lại bảo người nhà sắm đồ chay cúng Phật, và thỉnh chư tăng đến tụng kinh. Khi chúng tăng tụng kinh niệm Phật rồi đọc đến bài văn phát nguyện, câu: "Đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn, duỗi tay dắt dìu ..." Thừa Huệ bỗng vui vẻ ngồi dậy nghiêm chỉnh, chăm chú nhìn tượng Phật mà qua đời.

VĂN KHẢI SƠ

Cư sĩ Văn Khải Sơ, tự Tử Dư, pháp danh Đại Thành, người đời Minh, cùng Hoàng Thừa Huệ đồng hương lý. Thuở bé ông hay đau yếu, chí muốn thoát sự sống chết luân hồi, đến chùa Vân Thê thọ pháp môn Niệm Phật.

Khi Liên Trì đại sư thị tịch, ngài Hám Sơn tới điếu, Khải Sơ làm lễ bạch rằng: "Con nguyện xin xuống tóc làm

đệ tử xuất gia". Hám Sơn đại sư bảo: "Thân tứ đại không thể bó buộc Phật tánh, râu tóc há làm chướng ngại được ư? Huống chi ngươi còn lão thân tại nhà, việc ấy chưa thể được". Khải Sơ nghe nói mới thôi. Không bao lâu cư sĩ lâm bịnh, bảo người rằng: "Tôi sẽ thẳng về Tây phương, bịnh không đáng ngại!" Khi bịnh quá nặng, thần chí hôn mê không thể tự chủ, ông cả sợ, vội bảo người nhà thỉnh chư tăng đến trợ niệm. Trải qua một ngày, vẫn hôn loạn như cũ. Khải Sơ quả quyết bảo: "Cội gốc sanh tử, không phải người khác nhổ cho ta được!" Liền bảo nấu nước, gượng trở dậy tắm gội thay y phục, đối trước Phật đốt liều hương nơi cánh tay, khóc cầu sám hối. Cư sĩ chí thành sám lễ như thế suốt đêm, như quên mỏi mệt.

Nhờ công đức sám hối ấy, đến sáng thần chí an định, cảnh Tịnh độ hiện tiền. Cư sĩ nhờ chư tăng xuống tóc, rồi đắp y ca sa, từ biệt mọi người, niệm Phật mà qua đời. Đức Thanh đại sư nghe chuyện ấy, than thở khen ngợi rằng: "Dõng mãnh thay Văn Sinh, có thể gọi là bậc liệt trượng phu vậy!"

CHÂU LỘ

Cư sĩ Châu Lộ, tự Bạch Dân, vốn hàng Chư sanh ở Ngô Giang. Ông là bậc danh tài, không may cha mẹ mất sớm, liền bỏ khoa cử theo học thuật Trường sanh. Sau có duyên tham phỏng với Liên Trì đại sư, hiểu được Phật pháp, lại chuyển sang niệm Phật

cầu về Tịnh độ. Khi đại sư viên tịch, cư sĩ nhân đến chùa Vân Thê lễ tháp của ngài, liền làm bài kệ rằng:

Thuở trước viếng đại sư
Hỏi tham thiền, niệm Phật
Phải chăng dung thông được?
Ngài liền ứng khẩu đáp:
Nếu Thiền, Tịnh là hai
Làm sao nói dung thông?
Lành thay một lời ấy
Khiến người lòng vui đẹp!
Thường đem thuật với người
Các nơi đều truyền thuyết
Người niệm Phật không cùng
Ý nầy cũng không tận
Hội Linh Sơn chưa tan
Lưỡi Liên Trì thường sống
Cung kính là kệ nầy
Dâng cúng Vô phùng tháp.

Kế đó cư sĩ cùng bậc quyền danh là Vương Tại đi du ngoạn ở Kinh Sơn. Nơi đây ông dựng một tiểu hiên tạm cư ngụ để duyệt kinh Đại Bát Nhã. Sau về ở dưới ngọn Liên Hoa Phong tại Tô Châu, cùng vài vị sơn tăng tu môn Niệm Phật tam muội, tự hiệu là Tây Không cư sĩ. Lúc tám mươi tuổi, ông dự biết trước ngày vãng sanh, viết kệ từ thế, rồi tắm gội thay y phục mà qua đời.

NGÔ MINH HỒNG

Cư sĩ Ngô Minh Hồng, tự Thúc Bảo, người đời Minh, quê ở Thái Thương. Ông gia thế dư dả, ưa bố thí, nhưng không thông hiểu Phật pháp.

Đến hơn sáu mươi tuổi, một hôm ông bỗng tắm gội, đi từ biệt mọi người, rồi thỉnh Ấn Sơ pháp sư ở chùa Long Phước đến truyền thọ Tam quy Ngũ giới cho mình. Sau khi thọ quy giới xong, ông ngồi xuống chắp tay hô lớn ba lần: "Mau thoát ly!" Rồi nhắm mắt mà qua đời. Khi người nhà còn đang vây quanh, cùng hàng xóm hay tin chạy tới thăm, cư sĩ bỗng mở mắt ra bảo: "Tôi vừa phát nguyện thoát ly trần thế, dõng mãnh thầm niệm A Di Đà Phật, thì cảnh Liên Hoa thế giới đã hiện ra trước mắt. Tự xét mình bình sanh không có tu hành chi, nay chỉ niệm Phật mấy câu, tại sao lại được quả báo thắng diệu như thế? Vậy nên xin các vị cố gắng tu hành!" Nói xong, bảo người nhà đem một chậu nước lại, soi mặt nhìn chăm chú vào trong.

Giây phút, bỗng như tỉnh ngộ, bảo: "Đời nay là Ngô Thúc Bảo, kiếp trước là Từ Hòa thượng! Lành thay! Vui thay!" Rồi chắp tay niệm Phật mà mãn phần. Lúc ấy mùi hương lạ phát ra đầy nhà.

HOÀNG PHỦ SĨ PHƯƠNG

Hoàng Phủ Sĩ Phương, tự Tử Nghi, người ở Tiền Đường, gia thế chuyên nghề y sĩ. Lúc trẻ tuổi Sĩ Phương đọc quyển Long Thơ Tịnh Độ Văn, giật mình tỉnh ngộ, quy hướng về Phật pháp. Từ đó ông cùng Tư Tề đại sư làm bạn phương ngoại, đồng tu tịnh nghiệp. Bình thời cư sĩ viết về Tịnh độ rất nhiều, nay xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

"... Môn Tịnh độ rất cao siêu mầu nhiệm, cũng rất giản dị dễ thật hành. Nếu kẻ nào phát tâm trì danh, cầu sanh về Cực Lạc, thì không luận sang hèn, trí ngu, nam nữ, trẻ già, đều được toại nguyện. Nhưng tiếc vì hàng phàm phu phần đông mê tối, căn trí thấp kém, nên sanh nhiều niệm do dự nghi nan. Đại khái như nghi: mình từ kiếp trước đến đời nầy, tạo nhiều nghiệp bất thiện, công phu niệm Phật chẳng bao nhiêu, mà cảnh Tịnh độ lại quá mầu đẹp, e không đủ phước để vãng sanh. Họ không biết tánh của tội chướng từ vô thỉ kiếp đến nay vốn hư giả. Nếu chuyên trì danh hiệu Phật, tất sẽ mau tiêu trừ những tội nặng trong nhiều kiếp sống chết. Ví như mây đen dù dầy đặc, song gió lớn thổi liền tan. Và như gian nhà tuy tối, nhưng đèn đốt lên liền sáng. Mây đen với cảnh tối tăm vốn hư giả, nếu biết dùng gió mát và ánh sáng của tâm thanh tịnh mà niệm Phật, tất cảnh mây đen cùng tối tăm ấy sẽ tiêu trừ. Lại ví như tảng đá dù to, được thuyền chở có thể sang đến bờ bên kia. Và tội lỗi dù nặng, quyền lực của hoàng ân có thể tha bổng. Sức tu hành của mình và sức nguyện của Phật đều rộng lớn khó nghĩ bàn, đại để cũng như thế.

... Kẻ học Phật nông cạn, thường đọa lạc vào cái "không" thiên lệch, chấp theo lý mà bỏ sự. Học cho rằng cõi Tịnh độ là quyền thuyết, tâm thanh tịnh tức là Tịnh độ. Họ chưa hiểu các kinh Đại thừa đều nói ở mười phương có hằng sa vô biên cõi Phật. Tâm cùng các cõi chẳng phải một, chẳng phải khác, các cõi do tâm sanh, một tâm đủ các cõi. Cảnh diệu hữu mười phương tức là chân không, chân không là diệu hữu. Cõi Cực Lạc do công đức của tịnh tâm tạo thành, cõi Ta Bà do nghiệp trược ác của uế tâm hiển lộ. Cảnh Cực Lạc phương Tây cũng hiện hữu như cảnh Ta Bà phương đông, đều ở trong thể rộng lớn của chân tâm, và cũng đều là hư danh, giả huyễn. Nghiệp ái luyến nặng thì đọa ở Ta Bà, tâm niệm Phật chuyên tất sanh về Cực Lạc. Tâm có nhơ sạch, thì tùy theo chỗ ứng hợp của nó mà sanh về. Như vầng trăng soi khắp các dòng nước, nước trong thì trăng tỏ, nước đục tất trăng mờ. Trăng ví như tâm bản lai, nước ví như các thế giới. Một tâm bao hàm muôn cõi, đừng nghĩ là có hay không, hư hoặc thật, bởi vì sự cùng lý xưa nay vốn viên dung không ngại ...

Cư sĩ có làm mười hai bài theo điệu khúc để khuyến tấn người niệm Phật, gọi là Thập nhị thời tụng. Các bài ấy như sau:

Sáng sớm giờ Dần
Thường thời khóa tụng phải chuyên cần
Một khắc công phu môn Thập niệm
Hay siêu sanh tử thoát trầm luân.
Pháp ít có
Diệu khôn phân!
Vãng sanh toàn bởi Tín làm nhân
Nếu như tin nhận không nghi hoặc

Là kẻ duyên sen đã có phần!

❁

Nhựt hiện giờ Mão
Sương sớm dễ tan, người dễ lão.
Thử đem tính lại bạn quen thân
Mồ xanh nhiều kẻ chôn phương thảo
Sớm tu hành
Mong đảm bảo!
Tất bóng trân châu giờ quí báu!
Khi nhàn chẳng chịu niệm Di Đà
Sao khỏi lâm chung nhiều áo não!

❁

Nhựt lên giờ Thìn
Ở đời lựa xóm tựa người lành.
Chớ hướng Trời, Người cầu phước báo
Phước tan sáu nẻo lạc loài thân!
Sanh Đao Lợi
Làm Chuyển Luân
Tạm thời khoái lạc phải đâu chân?
Khắp khuyên niệm Phật về Tây cảnh
Vĩnh viễn tiêu dao thoát tục trần!

❁

Bóng cao giờ Tỵ
Nấu cơm khói khắp nhà quyền quý.
Mình ăn khỏi đói chính mình no
Mình tự tu trì khỏi sanh tử.
Đạo cảm thông
Mầu vô tỷ!

Con mẹ nhớ nhau rồi toại chí
Đem hết thân tâm thấy Nguyện vương.
Mười vạn tấc gang trong ý nghĩ.

❁

Đứng bóng giờ Ngọ
Phật nhựt khắp nơi đều sáng tỏ.
Đường ngay bằng thẳng ít người đi
Cứ lối quanh co tìm chịu khổ!
Không nói Thiền
Chẳng sánh Tổ.
Niệm Phật mỗi câu hằng tự chủ
Thân hình tuy chửa thoát Ta Bà
Thức thần đã ở Liên hoa độ.

❁

Chênh bóng giờ Mùi
Thân nhơ, cảnh ác có chi vui?
Nổi chìm lên xuống đà bao kiếp
Trong đục khôn phân chịu lấp vùi!
Phải mạnh tiến
Chớ nhác lui!
Vô thường chợt đến cũng tay xuôi
Lông mày chữ "Chết" treo ngang mãi
Niệm Phật chừng ni mới biết mùi?

❁

Xế bóng giờ Thân
Thương nỗi kiếp sinh mãi chuyển vần!
Thân nầy chẳng tính đời nay độ
Còn đợi khi nào mới độ thân?

Tu kịp lúc
Chớ hẹn lần
Lâu dài ác đạo dễ trầm luân!
Ngàn Phật tuy thương khôn cứu vớt
Trần sa kiếp đọa khổ muôn phần.

❁

Nhựt lặn giờ Dậu
Tàn dương sắp tắt màn đêm rủ
Tử sanh việc lớn biết chăng ai?
Kẻ ngu tầm mắt nhìn gần gũi.
Luyến tiền tài
Thích trà rượu
Dong ruổi đông tây đâu biết đủ?
Bôn ba chẳng rảnh niệm Di Đà
Già chết kề bên đành thúc thủ!

❁

Hoàng hôn giờ Tuất
Dĩa đèn le lói soi u thất
Lên giường từ biệt dép cùng giày
Hồn mộng mê mờ tối như mực
Gẫm thân người
Thương dễ mất!
Muốn thoát luân hồi mau niệm Phật
Vô biên tội chướng một thời tiêu
Phật huệ sáng như ngàn mặt nhựt.

❁

Cảnh yên giờ Hợi
Danh lợi sang giàu đâu vẫn mãi?

Giấc đẹp hoàng lương chửa tỉnh mơ
Ngàn năm ước tính dường si dại?
Chút dần dà
Thành trễ nải!
Hơi thở chẳng vào nhiều kiếp hối!
Luống phụ Tây phương đấng Nguyện vương
Tay vàng chờ đón ân sơn hải!

❁

Nửa đêm giờ Tý
Đôi cõi sạch dơ còn mộng mị
Lò khổ Ta Bà chẳng luyện nung
Đâu tắt lửa lòng chán sanh tử?
Biết chán lìa
Phải dừng nghỉ.
Cảnh đẹp Liên bang vui khó ví!
Não phiền trước mắt bởi từ đâu?
Nẻo sáng trời Tây mau liệu lý.

❁

Gà gáy giờ Sửu
Đã quyết về Tây nên khéo hiểu.
Cảnh khổ là duyên giúp tiến tu
Miệng niệm tâm nghe rành Phật hiệu
Gác dở hay
Quên đủ thiếu!
An lòng biết đủ tùy duyên liệu
Hoa sen đâu mọc ở gò cao
Trong bùn sắc ngọc hương thanh nhiễu!

Cư sĩ niệm Phật rất tinh tấn. Về sau ẩn tu, không biết sự lâm chung như thế nào?

TRẦM BÍNH

Cư sĩ Trầm Bính, tự Kính Phù, người đời Thanh, quê ở Trường Châu. Năm mười năm tuổi, ông mang bịnh suyễn. Qua ba mươi tuổi bịnh thêm nặng, nhân phát tâm xuất trần, niệm Phật tha thiết. Đến tuổi năm mươi, bịnh càng tăng, từ tháng giêng đến tháng năm, chỉ còn một hơi thở thoi thóp. Thấy mình nghiệp nặng cái chết kề bên, ông bèn phát thệ trường trai.

Đồng bạn là Dương Quảng Văn đến thăm, dìu đỡ dậy, đọc kinh Kim Cang cho ông tụng theo. Quảng Văn ở lại ba ngày, Trầm Bính tăng lên mỗi bữa tụng được ba quyển. Như thế được nửa tháng, bịnh an lành. Từ đó về sau, mỗi ngày ông tụng ba quyển Kim Cang, kế tiếp niệm Phật. Lần lần thâm nhập, mỗi đêm ông thường ngồi tụng niệm đến sáng. Do đó bịnh suyễn dứt trừ, nhưng lưng còn hơi khom. Tu hành như thế được năm độ nắng mưa, đêm nọ trong khi đang ngồi, ông tự phát thệ: "Nếu chẳng thành chánh giác, nguyện không dừng nghỉ trên bước đường tu!" Phát thệ vừa xong, nơi xương sống bỗng phát lên một tiếng cụp, thân hình ngay thẳng như người thường. Kế đó, Trầm Bính đến thọ Ngũ giới nơi ngài Lữ Đình Tế Hội. Cư sĩ thường nói: "Muôn pháp ở thế gian sanh diệt không dừng, duy có một câu A Di Đà Phật là chỗ nghỉ ngơi rất yên ổn. Công phu niệm Phật của tôi, trong khi bịnh lại càng đắc lực. Mặc cho cơn đau đớn vày vò, tôi cố gắng quên tất cả, chỉ còn giữ một câu niệm rành rẽ rõ ràng, không từng lạc mất!"

Vào đầu tháng mười một năm Càn Long thứ 46, cư sĩ cảm bịnh nhẹ vài hôm. Đến ngày rằm, sớm mai ông thức dậy súc miệng rửa mặt xong, bịnh suyễn lại tái phát. Cư sĩ

mặc áo tràng, ngồi kiết già day mặt về Tây, lâm râm niệm Phật. Bà vợ thấy đau bịnh, tỏ vẻ lo lắng đứng một bên, ông khoát tay ra dấu bảo đi. Niệm được một lúc rồi lặng yên người nhà coi lại thì cư sĩ đã mãn phần. Trong tờ di chúc để lại, ông dặn nên tấn liệm vào bảo khám và làm lễ trà tỳ như chư tăng. Vợ ông cũng trường trai niệm Phật, sau việc hậu sự của chồng, liền xuất gia làm ni.

VIÊN LIỆT TINH

Viên Liệt Tinh, người ở Côn Sơn, thường ngụ nơi vùng Tây Khê tại Hàng Châu, nhân tự hiệu là Tây Khê cư sĩ. Thuở thành đồng, ông học tập về nghiệp khoa cử, một hôm nghe bà ngoại tụng kinh Kim Cang đến đoạn "vô tứ tướng", liền có chỗ khế nhập.

Sau cư sĩ gặp Duyệt Sơn thiền sư, mỗi ngày tham cứu về đường lối hướng thượng. Vừa đâu Bạch Tung lão nhơn từ Tuyết Phong đến Côn Sơn, Liệt Tinh đôi ba phen tham khẩu, ngộ suốt tánh bản lai, liền được truyền tâm ấn. Từ đó đạo phong của cư sĩ mỗi ngày một thạnh, tùy cơ tiếp dẫn, huệ biện không ngại, vừa đề xướng Nhứt thừa, lại kiêm hoằng Tịnh độ. Bấy giờ ông thấy các đồng bọn, thích mến khô thiền, ưa tu tiên thuật, phần nhiều không tin Tịnh độ, nên viết lời hiểu dụ rằng:

"Pháp môn Tịnh độ tròn thông rộng lớn, từ trước đến nay tôi đã thầm tu mật chứng, nhưng không dám vội đem

nói với người. Đó là vì thời tiết chưa đến, nói ra e vô ích, chớ không phải cố ý dấu kín chỗ tu.

Bởi môn Niệm Phật là pháp tạng rất sâu của chư Phật, hàng Thanh văn, Bích Chi Phật thuộc Nhị thừa còn có những kẻ không tin. Đó là do các vị ấy đã trụ cảnh Niết Bàn thanh tịnh, đã chứng thần thông diệu dụng, nhưng chỉ thấy biết trong phạm vi một cõi đại thiên, nên không rõ biển đại trang nghiêm của Tịnh độ hiện thành ở khắp mười phương. Cho nên chư Phật đã quở các vị cố chấp theo cảnh giới Nhị thừa là tà, là đọa vào hầm hố vô vi, là say men rượu tam muội! Rất đáng than thở cho người tu thiền đời nay, còn chưa đến được cảnh giới Niết Bàn thanh tịnh của Nhị thừa, mà vội bụng trống lòng cao, chưa đắc cho rằng đắc, chưa chứng cho là chứng. Trong lúc họ ngồi yên tĩnh đến chỗ sáu căn chưa động, lộ bày một chút quang cảnh, liền vội cho rằng mình đã tỏ ngộ. Rồi từ đó nghênh nghênh ngang ngang, chê bai Tịnh độ, thật đáng thương xót!

Giả sử các vị ấy quả thật đại triệt đại ngộ, đã rờ được chót mũi của bà mẹ bản lai, thử hỏi có đứng ngoài được bốn cảnh Tịnh độ từ cõi Phàm thánh đồng cư đến cõi Thường tịch quang tịnh độ chăng? Nếu họ lập luận: "Dù biết được bốn cõi ấy, cũng gác bỏ qua một bên!" Nói như thế, chư vị ấy há không nhớ lời của bậc tôn túc là Mật Vân thiền sư đã bảo: " Các ông muốn gác bỏ qua một bên, quả thật là điều: đối trước người si lại càng không thể tỏ ra việc mộng!" Cổ đức nói: "Kẻ tham thiền đời nay lấy sự thấu suốt pháp thân làm điều tất yếu, mà không biết thấu suốt rồi lại phải làm thế nào? Giả sử sau khi thấu suốt, còn thấy có một bóng dáng chi, cũng là cái bịnh!" Đại khái người tham thiền đời nay đều không thoát khỏi cảnh ma chướng sở tri nhỏ nhiệm,

trở lại bác các hành giả Tịnh độ là ngu dốt, chẳng cũng lầm lạc lắm ư!

Vả chăng khắp cõi hư không có mười pháp giới, mà Tịnh độ của chư Phật là pháp giới bậc nhứt, nên chín giới kia đều nương về. Tu Tịnh độ ở cõi người rất dễ, còn các cõi Địa ngục, Ngạ quỉ do nỗi khổ bức bách, hoặc không biết danh hiệu Phật, nên khó thật hành. Chư Phật thương xót hằng dùng sức oai thần phóng ánh sáng thanh tịnh đến cứu độ, nhưng các chúng sanh ấy bị sức nghiệp che lấp, nên không nhìn thấy. Phải chờ đến khi nghiệp hết tâm khai, nghe biết và niệm được một câu Phật, thì cảnh Địa ngục, Ngạ quỉ mới biến thành cảnh thanh lương được. Còn loài Bàng sanh thì si mê tăm tối, hàng Tu la lại sân hận lẫy lừng, cũng khó trông thấy từ quang. Riêng hàng chư thiên do thọ hưởng sự dục lạc rất thắng diệu, nên cũng khó tu môn Niệm Phật.

Nhưng xét kỹ lại, chẳng chịu tu môn Tịnh độ, không chỉ hơn hàng thiên tiên. Các vị ấy chẳng phải không biết Tịnh độ là đẹp mầu, nhưng họ đã được thần thông diệu dụng, biến hóa bay đi, cùng tự tại ẩn hiện ra vào cảnh có hoặc không. Họ có thể phóng ra các thứ ánh sáng, huyễn hiện các hiện tượng chư Phật, Bồ Tát cùng các cảnh vật trang nghiêm. Do đó hàng thiên tiên cho rằng sự vui ở Tịnh độ chẳng qua cũng chỉ như thế nên không chịu hướng về. Họ đâu biết rằng mình bị đọa vào huyễn thức các cảnh giới giả hiện đều do tinh khí thần hòa hợp biến thành! Đức Phật đã bảo: hàng thiên tiên không tu theo chánh giác, chưa phải là vô vi, khi quả báo hết phải tùy nghiệp đọa vào các nẻo! Cảnh thiên châu vốn tự hiện thành, chẳng phải luyện mà được. Nếu tu luyện mà thành tức là có sanh, tất sẽ không

chánh khỏi sự biến diệt. Nguyên tinh, nguyên khí chẳng ngoài nguyên thần, mà nguyên thần chính là tên riêng của nghiệp thức. Bậc đại trượng phu phải trở về tánh bản lai, dứt trừ thần thức, chém dứt mạng căn, tại sao lại tu luyện thành một thứ nguyên thần không ngoài vòng nghiệp thức? Có kẻ tuy luyện thành, đến nửa chừng năng lực suy kém, có khi chưa tới kiếp hỏa mà đã hoại trước. Dù có thể cùng cố nguyên thần được bền lâu, nhưng lúc đại tai của kiếp lửa đến cũng bị tiêu tán. Bởi kiếp hỏa chẳng những phá thể hữu hình, mà cũng đốt cháy luôn thể vô hình. Đừng tự an ủi rằng: đạo ta như hư không, chẳng thể tiêu hoại! Phải biết hư không cũng là nghiệp thức huyễn hiện, bậc chứng được đạo nhãn vô thượng mới soi thấu. Chư thiên tiên dù có thể hóa hiện các thứ thắng cảnh, nhưng kết cuộc chẳng được mười phần sáng suốt, và mười phần chánh đại. Đâu bằng chư Phật, Bồ Tát và tất cả chánh báo y báo ở Tịnh độ đồng ở trong cảnh quang minh rực rỡ thấu suốt còn hơn trăm ngàn mặt trời? Những bậc tu theo Phật giáo khi đắc quả, thấy thời gian không gian đều như huyễn, nên có thể hiện cõi bảo vương nơi một đầu lông, ngồi chuyển pháp luân ở trong điểm bụi. Cảnh giới ấy chẳng phải hàng thiên tiên có thể sánh được trong muôn một. Cho nên người tin sâu môn Tịnh độ mà chuyên tu, tức đã vượt hơn hàng thiên tiên trăm ngàn ức lần. Nếu chưa thể dứt trừ quan niệm học tiên, chính là chưa phân biệt rõ sự chân giả lớn nhỏ giữa Phật và Tiên vậy.

Pháp môn Tịnh độ là chỗ quy hướng của tất cả thánh hiền. Khi được sanh về Cực Lạc, tu phước huệ đầy đủ, rồi trở lại Ta Bà, gặp tiên độ tiên, gặp người độ người, gặp ma qui độ ma qui, cho đến gặp duyên ân oán đều có thể tế độ.

Đó mới thật là năng sự của bậc đại trượng phu! Nếu các vị tin chắc môn Tịnh độ mà quyết chí thật hành, thì hoa sen nơi ao báu ở Cực Lạc sẽ tươi nở ghi tên. Ngay trong hiện tại khi niệm Phật được thanh tịnh, thì tất cả cảnh đẹp, tiếng pháp, hương mầu, vị diệu, ánh sáng, lý chân, đều tràn ngập cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của các vị. Chừng ấy ngay chính bản thân của chư vị đã thành một đấng Cổ Phật rồi đấy?"

Vào tháng hai, niên hiệu Khang Hy thứ 59 đời Thanh, cư sĩ niệm Phật rồi an lành vãng sanh ở am Bảo Thọ, hưởng được sáu mươi hai tuổi. Hàng môn nhơn kết hợp những di ngôn làm thành quyển Tây Khê Cư Sĩ Tập.

VƯƠNG CUNG

Cư sĩ Vương Cung, tự Lễ Ngôn, người đời Thanh, quê ở Thái Thương. Ông tánh điềm đạm ít thị dục, có văn tài, nhưng phóng khoáng không thích nghiệp khoa cử. Cư sĩ cất nhà ở Nam viên thuộc về khu biệt dã của Văn Túc Công. Nơi đó trúc biếc thanh u, gộp đá chồng chất, hoa nở suối reo, cảnh trí sum nghiêm mát mẻ. Ông thường cùng các bạn tụ hội tại đây, uống rượu ngâm thi, lấy làm tự đắc.

Đến hơn năm mươi tuổi, ông bỏ việc ngâm vịnh, trường trai tu tịnh nghiệp, tự hiệu là Phá Hữu cư sĩ. Một đêm, ông mộng thấy dạo chơi cõi Cực Lạc, thức dậy làm thi để lưu ký rằng:

Lòng tin đã chắc khỏi thương lương
Mộng đến Liên bang cảnh lạ thường!
Đây các thiện nhơn bàn tánh tướng
Kìa chư thiên tử rải hoa hương.
Cầm chim nhạc lưới nhiều thanh điệu
Gác ngọc lầu châu thảy phóng quang.
Gang tấc nguồn tiền từng chẳng cách
Đừng cho lạc lối tiếc ngư lang![2]
Tuyết Sơn lão tử khéo bi tình
Chỉ điểm đường Tây rất bạch minh.
Vô trụ ngại chi nơi đấy trụ
Không sanh kéo đến cảnh nầy sanh.
Giống lành bể tục nhan gieo sẵn
Duyên đẹp trời sen quả tự thành.
Chuyển bước Đài Sơn về cõi ngọc [3]
Dặm nghìn thôi chẳng hỏi Bồng, Dinh [4]

---

[2] *Đời Tấn, có chàng ngư phủ thấy nhiều cánh hoa đào tươi đẹp, từ một con suối trôi ra sông, liền bơi thuyền ngược dòng tìm. Đến nơi thấy một vùng non xanh nước biếc, hoa đào đua nở, lầu đài quang cảnh xinh đẹp khác tục trần. Hôm sau chàng định tìm đời nhà đến đó ở, thì lạc mất lối cũ, trong lòng lấy làm bàng hoàng mến tiếc. "Nguồn Tiên" trong câu chuyện, ám chỉ cảnh Cực Lạc. Đây nói ý cõi Ta Bà và cõi Cực Lạc đều ở trong thể chân tâm. Nếu niệm Phật thanh tịnh thì dung hòa vào chân tâm, Ta Bà và Cực Lạc không cách xa gang tấc. Như niệm Phật mà tâm còn vọng tưởng loạn động, tất sẽ lạc lối cách xa Cực Lạc, như chàng ngư phủ lạc lối Đào nguyên, mến tiếc cũng đã muộn!*

[3] *Cư sĩ La Đài Sơn tu Tịnh độ, nhưng niệm trần còn, nguyện vãng sanh chưa chắc, nên chuyển kiếp trở lại hưởng sự phú quý. Ý nói mình tin nguyện chắc khác với Đài Sơn, giả sử hiện tại có gặp Đài Sơn cũng lôi kéo ông ta chuyển bước hướng về Cực Lạc.*

[4] *Bồng Đảo, Dinh Châu là cảnh đẹp của tiên. Ý nói mình đã biết cõi Cực Lạc đẹp mầu ức bội phần hơn cảnh tiên, thì không cần chi tìm hỏi về cõi Bồng, Dinh xa xôi nghìn muôn dặm nữa!*

Lúc bấy giờ cư sĩ đã bảy mươi hai tuổi. Mùa hạ năm sau, ông nằm dưỡng bịnh nơi hiên Đàm Ảnh ở Nam viên. Trước hiên có ao sen, một cành hoa to chưa nở mọc lên cạnh mé gộp đá. Một hôm, hoa hướng về phía giường ông nằm mà khoe nở, sắc tươi đẹp hương thanh nhẹ. Hai ngày sau, cư sĩ niệm Phật như thường khóa. Niệm xong, kiết ấn mà qua đời, cành hoa cũng vừa rũ héo. Bấy giờ nhằm ngày mùng tám tháng năm, niên hiệu Càn Long thứ 47.

Không bao lâu, có người ở Lưu Hà lập đàn cơ cầu tiên. Nhân dịp đó, con của Vương Cung đến hỏi thăm về tin tức của cha. Giây phút cơ động viết thành mấy chữ lớn: "Ta là Phá Hữu chủ nhơn đây!" Hỏi: "Nay cha ở đâu?" Đáp: "Việc trần tục đâu còn chi tưởng nhớ". Người con cố hỏi về việc nhà đôi ba lần, cơ đều đáp: "Nam mô Phật!" Rồi yên lặng.

TRƯƠNG CHUNG QUỲ

Trương Chung Quỳ, người đời Đường, nhà ở chợ Trường An, làm nghề giết gà bán thịt. Khi sắp chết, ông thấy một vị mặc áo lụa đỏ, đuổi bầy gà đến, bảo: "Cho phép các ngươi báo thù!" Bầy gà liền xúm đến thi nhau mổ. Hai mắt và khắp mình Trương đều đổ máu. Chung Quỳ đau đớn chịu không nổi, rên siết kêu la. Người lân cận nghe biết, đều tựu đến nhìn xem, lộ sắc kinh hãi!

Vừa lúc ấy, có Sa môn Hoằng Đạo đi ngang qua, thấy chuyện huyên náo, liền ghé vào, bày thánh tượng, khuyên Chung Quỳ cấp thiết niệm Phật. Trương vâng lời, chắp tay chí tâm niệm lớn, bỗng nghe mùi thơm đầy nhà, bầy gà tan rã bỏ đi. Ông tiếp tục niệm một lúc, rồi ngồi ngay thẳng mà mãn phần.

TRƯƠNG THIỆN HÒA

Trương Thiện Hòa, người đời Đường, chuyên nghề giết trâu bò bán thịt. Khi sắp chết, ông thấy loài thú ấy kéo đến đầy nhà, nói tiếng người rằng: "Mi đã giết chúng ta, hôm nay phải đền tội!" Thiện Hòa kinh hãi, vội gọi vợ mau tới chùa gần bên, thỉnh chư tăng hộ trợ.

Giây phút, một vị tăng đến, bảo rằng: "Kinh nói: Nếu có chúng sanh nào tạo nghiệp chẳng lành, sắp đọa ác đạo, nên chí tâm niệm A Di Đà Phật mười hơi. Như thế, trong mỗi câu hồng danh sẽ trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết, liền được sanh về thế giới Cực Lạc!" Thiện Hòa nói: "Tướng hỏa xa ở địa ngục đã hiện tới rất gấp! Mau đem hương lại đây!" Rồi không kịp bưng lấy hư hương, sảng sốt tay trái bốc than lửa, tay mặt cầm hương đốt, xây mặt về Tây lớn tiếng niệm Phật. Trương vừa niệm hơn mười câu, bỗng reo lên nói: "Đức Phật A Di Đà hiện đến, đã trao tòa sen báu cho tôi!" Nói xong, liền qua đời.

KIM THÍCH

Kim Thích, người bình dân lam lũ, chưa rõ xuất xứ. Trước tiên ông chài lưới buôn bán cá để sanh nhai, sau tự giác ngộ sợ ác báo, đổi sang nghề khác. Kế tiếp, ông trường trai tu hành, mỗi ngày niệm Phật đủ muôn câu, không thêm bớt thay đổi.

Một hôm, Kim Thích bảo người nhà rằng: "Tôi đã thấy đức Phật A Di Đà cùng Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, và được cho biết sắp sanh về Cực Lạc!" Hôm sau lại nói: "Có hoa sen vàng từ hư không bay đến rước tôi!" Nói xong đốt hương ngồi ngay thẳng, rồi kiết ấn mà hóa. Lúc ấy tiếng nhạc thanh thao dìu dặt nổi lên giữa hư không, hương lạ bát ngát trọn ngày không tan.

Bấy giờ nhằm niên hiệu Chánh Hòa thứ sáu đời Tống.

PHÙNG MÂN

Phùng Mân, người đời Tống, ở xứ Thượng Ngu, thuở bé thích võ nghệ, lớn lên ưa săn bắn. Vùng ấy ở gần rừng núi, có con rắn cực to thỉnh thoảng bò ra ăn thịt gia súc, dân làng đều nơm nớp lo sợ.

Phùng Mân lập thế bắn giết được ác xà, nhưng từ đó rắn thường hiện hình tác quái làm cho trong nhà không yên. Ông lo ngại nó báo thù nên nương về Phật pháp, sám hối

làm lành, và chuyên tâm niệm Phật. Tu hành như thế được mười năm, một đêm ông mời nhiều bạn đồng tu đến nhà cùng tụng kinh A Di Đà và niệm Phật.

Khi tụng đến bài sám Phổ Hiền, tiếp qua kệ nguyện vãng sanh, ông ngồi ngay thẳng chắp tay nhắm mắt mà qua đời.

NGÔ QUỲNH

Ngô Quỳnh, người trong hạng thường dân, chưa được rõ xuất xứ. Trước tiên ông xuất gia làm tăng, rồi hoàn tục đi nấu bếp cho người. Mỗi khi xắt thịt, miệng ông xưng Phật hiệu không ngớt và thường dạy người trong làng tụng kinh tu sám, niệm A Di Đà Phật.

Về sau, dưới mí mắt Ngô Quỳnh đột nhiên sanh một bướu bọc lớn bằng trứng gà. Ông kinh sợ, giao tất cả việc nhà cho vợ con, rồi cất một túp am tranh, ngày đêm chuyên niệm Phật. Mùa thu năm Thiệu Hưng thứ 23 đời Tống, ông đi khắp nơi thăm viếng và bảo người trong làng rằng: "Ngày mai vào giờ Tuất, Ngô Quỳnh sẽ về Tây phương!" Mọi người nghe nói đều cười. Chiều tối hôm sau, ông lại đi mời các bạn đồng tu, nói: "Đã sắp đến giờ vãng sanh, xin hoan hỷ tới trợ niệm cho tôi!" Khi các đạo hữu tề tựu, ông mặc áo vải, vòng tay từ giã mọi người, kế rót rượu ra chén bưng uống hết, rồi viết bài kệ lưu lại như sau:

Nâng chén rượu không không
Còn hỏi chi Thiền tông?
Ngày nay xin trân trọng
Gió mát lại trăng trong!

Viết xong, ngồi kiết già ngay thẳng, chắp tay niệm Phật. Các đạo hữu cũng đồng niệm theo. Độ giây phút, ông bỗng to tiếng nói: "Đức Phật A Di Đà đã đến!" Liền nhắm mắt mà thoát hóa.

HOÀNG SANH

Hoàng Sanh, người đời Tống, quê ở Đàm Châu. Gia thế vốn nghèo, ông làm nghề thợ rèn để sanh sống.

Một hôm có vị tăng đến nhà khất thực. Ông vội vã mời ngồi uống nước, và đem thức ăn ra cúng dường. Vị tăng thấy là người hảo tâm, khuyên niệm Phật tu hành. Ông thưa: "Con làm nghề nầy, từ hừng sáng đã thức dậy, kéo lửa dập sắt đến tối mịt, gân sức mỏi mòn, còn thì giờ và năng lực đâu để tu niệm?" Vị tăng bảo: "Không ngại chi, việc tu hành phải tùy phương tiện. Trong mỗi cử động khi kéo lửa và dập sắt, ông niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật. Mỗi ngày cứ hành trì như thế, cũng là một cách thức tu niệm, và sẽ được Phật tiếp dẫn về Tây phương". Hoàng Sanh nghe qua vui vẻ, từ đó y theo lời dạy mà tuân hành.

Một ngày nọ, ông mời người bạn quen nhà lân cận đến, đọc bài kệ như sau, bảo ghi chép:

Cong cong cang cang
Luyện lâu thành gang.
Thái bình kề cận
Ta về Tây phang!

Người bạn biên xong, ông lại bảo: "Xin lưu bố bài kệ nầy, để xin mọi người tu hành". Nói xong chắp tay niệm Phật ít câu, rồi nhắm mắt mà vãng sanh.

NGÔ MAO

Ngô Mao nguyên là đứa ở của một thế gia cũng họ Ngô tại Thanh Dương, nên được người xung quanh gọi là Tiểu Ngô. Bình thời, Tiểu Ngô ăn chay trường niệm Phật làm lành, và rất trung thành với chủ. Lúc làm công việc, miệng cũng lâm râm niệm Phật không dứt.

Khi binh của Tả Lương Ngọc tràn qua sông đến Thanh Dương, cả nhà họ Ngô đều bỏ trốn đi, chỉ để một mình Tiểu Ngô ở lại gìn giữ. Binh giặc đến nơi cướp bóc lục soát, bắt Tiểu Ngô tra hỏi, rồi đâm bảy thương giết chết. Giặc kéo đi hết nhà chủ trở về thấy Tiểu Ngô bị đâm chết, cho mời người anh lại để làm bằng chứng. Khi người anh đến, Ngô Mao bỗng tỉnh lại nói: "Tôi vì ác nghiệp đời trước, đáng lẽ phải chuyển kiết làm thân heo bảy lần. Nhưng nhờ đời nầy biết trai giới niệm Phật, nên chỉ chịu bảy thương để trả xong bảy kiếp làm heo. Hiện thời, Phật A Di Đà đứng chờ ở

hư không để tiếp dẫn tôi về Tây phương". Nói xong, chắp tay nhắm mắt mà vãng sanh.

Việc nầy ở vào năm đầu niên hiệu Thuận Trị đời Thanh.

VƯƠNG NGƯỠNG TUYỀN

Vương Ngưỡng Tuyền, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu, làm nghề giết dê bán thịt. Trong thời gian hành nghề, ông giết dê rất nhiều, không biết số là bao nhiêu.

Về sau Ngưỡng Tuyền đau bịnh, thấy bầy dê đến đòi mạng, đứng chật cả trong ngoài. Khi bịnh lành, ông quá sợ hãi, liền đổi nghề, trường trai thờ Phật. Từ đó Ngưỡng Tuyền ngày đêm tụng kinh Kim Cang đủ số ba tạng, rồi tiếp sang lễ bái kinh Pháp Hoa và chuyên niệm Phật.

Lúc được tám mươi mốt tuổi, ông thấy qui sứ tới đòi lôi xuống Minh ty đối chất về vụ án mạng, liền kháng cự rằng: "Đợi Phật đến tôi mới đi!" Rồi chắp tay niệm Phật chí thiết suốt cả ngày đêm. Đến năm hôm sau, Ngưỡng Tuyền thấy Phật A Di Đà hiện thân cao lớn giữa hư không, duỗi tay xuống tiếp dẫn. Ông thuật lại cho người nhà biết, rồi chắp tay vui vẻ mà qua đời.

LƯƠNG DUY CHÂU

Lương Duy Châu, quê ở Thiệu Hưng, làm người chấp sự tại am Long Đàm. Đến bốn mươi tuổi, ông mù cả đôi mắt, không còn làm việc để sanh sống được, muốn tự tử.

Có vị tăng trong am khuyên ngăn rằng: "Buồn phiền mà chết như thế, chỉ thêm nghiệp chứ không giải thoát. Ở thế giới Cực Lạc phương Tây có đức Phật hiệu A Di Đà. Nếu ông chí tâm thường trì niệm hồng danh, thì sẽ vĩnh viễn thoát khổ, sanh về cõi an vui. Vậy sự đui mù có chi mà đáng ngại? Như ông chịu làm y theo lời, tôi nguyện xin khất thực để giúp đỡ! Duy Châu cảm tạ, nguyện xin tuân hành.

Ông chí thiết niệm Phật được ba năm, đôi mắt bỗng nhiên sáng lại, Hơn nửa tháng sau, ông bảo chúng rằng: "Tôi sắp đi xa!" Qua ba hôm, vào giờ Ngọ, Duy Châu ngồi chắp tay day mặt về Tây niệm Phật mà thoát hóa. Lúc ấy nhằm năm Càn Long thứ ba mươi tám.

LỜI BÌNH:

Từ truyện Trương Chung Quỳ đến đây, hoặc bởi những người không quy y Tam bảo, hoặc do sự hiện tích có vẻ ly kỳ, nên soạn giả không sắp vào hàng tứ chúng, mà liệt vào hạng tạp lưu vãng sanh.

Cảnh Luân nghiệp quả đáng bi thương, kiếp phù sanh vẫn như mộng huyễn. Bao nhiêu nỗi khổ vui, vinh nhục, đắc thất đã trải qua: việc lo toan về bản thân, gia đình, xã hội chưa thấy ổn, mà cái chết đã kề cận một bên rồi! Môn

Niệm Phật đối với người tại gia rất cần thiết. Bởi thân đắm vào lò lửa trược trần, tâm chìm trong ngục tù phiền não, khi một hơi thở chẳng vào thì nghiệp tam đồ kế tiếp. Nếu không nhờ sức Phật, làm sao đối địch nổi với cảnh nầy? Với những kẻ tạo nghiệp chẳng lành đang bị ác báo, thì công đức của Phật hiệu, sự hộ trì của tha lực lại càng khẩn yếu. Đại khái như Chung Quỳ và Duy Châu, nếu chẳng nhờ một câu hồng danh thì làm sao được giải thoát? Thế mới biết bi nguyện của Phật thật vô cùng rộng sâu, chẳng bỏ sót một chúng sanh nào cả?

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

(Của TRIỆT NGỘ Thiền sư)

❁

Hán: 1

Nhứt cú Di Đà
Ngã Phật tâm yếu
Thụ triệt Ngũ thời
Hoàng cai Bát giáo.

Việt: 1

Một câu A Di Đà
Tâm yếu của Phật ta.
Đọc năm thời thấu suốt
Ngang tám giáo trùm xa.

Lược giải:

Một câu niệm Phật là tâm yếu của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tâm yếu, cũng gọi là tông, là yếu chỉ tức sắc tức không của cảnh giới chân tâm, không thể dùng lời nói và tư tưởng để luận bàn suy nghĩ được. Năm thời là: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và thời Pháp Hoa, Niết Bàn. Tám giáo là: Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí mật và Bất định giáo. Dọc là chỉ cho chiều cao thuộc Thời gian. Ngang chỉ cho chiều rộng thuộc Không gian. Ý nói: câu niệm Phật rất mầu nhiệm, về nghĩa lý bao trùm Năm thời Tám Giáo, về cao rộng suốt cả Thời gian, Không gian.

❁

Hán 2:

Nhứt cú Di Đà
Ý chỉ như hà?
Tri âm thường thiểu
Mộc nhĩ thiên đa!

Việt 2:

Một câu A Di Đà
Ý chỉ diệu bao nhiêu?
Bạn tri âm thường ít
Kẻ tai gỗ riêng nhiều!

Lược giải:

Như bài kệ trên đã dẫn, ta thấy đại khái ý chỉ của câu niệm Phật cao diệu như thế nào! Cho nên Thành Thời đại sư đã nói trong một Đề Từ: "Mà trong A Di hồng danh thâm. Nghìn muôn khôn tìm ra tri âm! Thiên Như lòng từ soi chân đăng. Đưa người mau ra vòng mê lầm... Ôi câu hồng danh mầu thâm xa. Sâu cùng chư tông làng thiền na. Buông ra thâu vào đều như như. Tương tư mơ đầy trời Liên hoa!" Điệu đàn Niệm Phật cao siêu mầu nhiệm như thế, trừ ra bậc tri âm, chớ kẻ tai gỗ làm sao nghe thấu? Vì thế nhiều kẻ đã lầm đánh giá Niệm Phật là pháp thấp kém chỉ để cho kẻ ngu dốt, hạng người già cả tu hành. Thất đáng cảm xót vì cảnh ít tri âm, như lời một bậc tiền bối đã than:

Nga nga hồi chí tại cao sơn
Dương dương hồ ý tại lưu thủy
Đàn Bá Nha ít kẻ tri âm
Những nghe qua xót trộm lại đau thầm
Chung Kỳ mất đập cầm không muốn khảy!

❁

Hán 3:

Nhứt cú Di Đà
Đại ý phân minh
Xà sanh cung ảnh
Dược xuất kim bình.

Việt 3:

Một câu A Di Đà
Đại ý thật phân minh
Rắn sanh từ cung ảnh
Thuốc lấy ở kim bình.

Lược giải:

Một người tới nhà bạn thân chơi, cố giao rót trà ra chén

mời uống. Lúc ấy vào khoảng đầu đêm, ánh đèn chấp chóa in bóng cung treo gần bên vào chén giống như con rắn đang lăn quăn chao động. Trong lúc không kịp suy nghĩ, người ấy uống vội hết chén trà, rồi chợt sanh lòng nghi là mình đã nuốt con rắn nhỏ vào bụng, nhưng không dám nói. Về đến nhà anh lo sợ, rồi phát bịnh. Sau bạn đến thăm, hỏi biết duyên cớ, mời đến nhà để dĩa đèn và chén trà chỗ cũ, chỉ cây cung treo gần bên, người ấy mới dứt hết mối nghi và lành bịnh. Thuở xưa người Ấn Độ khi luyện thuốc quí, thường dùng gương dầy hoặc ngọc thủy tinh tụ ánh sáng mặt trăng để lấy nước. Luyện xong lại cất thuốc vào bình bạc hoặc bình vàng, cho tăng thêm hiệu lực linh nghiệm. Đây ý nói câu niệm Phật rõ ràng là pháp viên đốn đi thẳng vào chân tâm, ngay lúc niệm Phật tức đã thể hiện Phật tánh, ví như thuốc quí lấy ra từ bình vàng. Kẻ không biết lầm hiểu niệm Phật là pháp Quyền giáo để dứt trừ vọng tưởng, hoặc pháp Tiệm giáo để gieo lần thiện căn. Như thế có khác gì anh chàng lờ lạc nghi ngờ lầm bóng cung là rắn đâu?

❁

Hán 4:

Nhứt cú Di Đà
Danh dị phương tiện
Phổ nhiếp quần cơ
Bàng thông nhất tuyến.

Việt 4:

Một câu A Di Đà
Phương tiện cực mầu lạ
Nhiếp khắp hết căn cơ
Rẽ thông vào Bát nhã.

Lược giải:

Ấn Quang Đại sư nói: "Tu các môn khác phải nhiều đời mới thoát luân hồi, và theo như Khởi Tín Luận thì phải

trải qua một muôn đại kiếp tu hành liên tục mới vượt lên ngôi Bất thối chuyển. Ví như quan chức phải từ phẩm bậc nhỏ lần lượt thăng đến ngôi Tể tướng. Riêng môn Niệm Phật là phương tiện mầu lạ để mau thành Phật một đời được đới nghiệp vãng sanh thoát khỏi luân hồi, một kiếp đã bước lên ngôi Bất thối chuyển. Ví như Thái tử khi mới sanh ra, đã tôn quí vượt hẳn quần thần". Môn Niệm Phật lại nhiếp tất cả căn cơ, dưới từ loài qui súc, hạng ngu tối dốt nát tật nguyền, trên đến bậc Đẳng giác Bồ Tát như Văn Thù Phổ Hiền cũng có lời nguyện cầu sanh Tịnh độ. Chữ "Nhất tuyến" đây là chỉ cho môn thiền Trực chỉ, tức đường lối thẳng vào Bát nhã chân tâm. Ngài Triệt Ngộ dùng từ ngữ nầy, bởi ngài là một "đại thiền sư". Lại "Nhất tuyến" cũng hàm chỉ cho đường lối đặc sắc nhiệm mầu của môn Tịnh độ.

❁

Hán 5:

Nhứt cú Di Đà
Khai vãng sanh môn.
Thị đa phước đức
Phi thiểu thiện căn.

Việt 5:

Một câu A Di Đà
Mở đường lối vãng sanh
Đó là nhiều phước đức
Chẳng phải ít căn lành.

Lược giải:

Từ khi Vi Đề Hy phu nhơn chán cõi đời trược ác, cầu sanh về thế giới mầu đẹp an vui, đức Thích Tôn mới nói ra môn Tịnh độ mở đường lối vãng sanh, để hành giả được dễ dàng thuận tiến trên bước đường giải thoát. Muốn làm một bậc thượng thiện nhân cao quý ở cõi đẹp mầu như thế giới

Cực Lạc, phải là người có nhiều phước đức căn lành. Theo kinh Vô Lượng Thọ: Chúng sanh nào đời nầy nghe nói Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc, phát lòng tín nguyện, chí thiết niệm Phật cầu vãng sanh. Những chúng sanh đó trong tiền kiếp đã từng gặp nhiều đức Phật, và gieo trồng nhiều phước đức căn lành rồi.

❁

Hán 6:

Nhứt cú Di Đà
Lâm chung Phật hiện
Tứ biện thân tuyên
Lục phương cộng tán.

Việt 6:

Một Câu A Di Đà
Khi lâm chung Phật hiện
Tứ biện khó thân tuyên
Sáu phương đồng khen ngợi.

Lược giải:

Liên Trì Đại Sư nói: "Một câu A Di Đà gồm: đại thiện căn, đại phương tiện, đại phước đức, đại trí huệ, đại giải thoát, đại từ bi. Câu niệm Phật đã có nhiều công đức lớn như thế, nên người niệm Phật mau diệt nhiều tội chướng, mau sanh nhiều phước huệ, khi lâm chung quyết định Phật sẽ hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Cho nên chư Phật sáu phương hiện ra tướng lưỡi rộng dài, tiêu biểu cho sự tuyên thuyết pháp môn tối thượng thừa, mà ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Tịnh độ. Đã là pháp môn công đức không thể nghĩ bàn; thì đức Thích Ca Mâu Ni và chư Phật dù đã dùng Tứ biện tài là: Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Nhạo thuyết vô ngại biện, cũng không thể tuyên dương ngợi khen cho hết được!"

Hán 7:

Nhứt cú Di Đà
Thành Phật tiêu chuẩn
Dĩ niệm Phật tâm
Nhập Vô sanh nhẫn.

Việt 7:

Một câu A Di Đà
Là thành Phật tiêu chuẩn
Dùng tâm hạnh niệm Phật
Chứng vào Vô sanh nhẫn.

Lược giải:

Niệm Phật chẳng riêng khi lâm chung được sanh về cõi Phật mà thôi. Trong hiện tại nếu hành giả nhiếp cả sáu căn, giữ cho tịnh niệm nối luôn, có thể ngay đời nầy được ngộ đạo, chứng vào Vô sanh pháp nhẫn. Cho nên gọi: Niệm Phật là tiêu chuẩn thành Phật.

❁

Hán 8:

Nhứt cú Di Đà
Chứng Tam bất thối
Chỉ thử nhất sanh
Tiện bổ Phật vị.

Việt 8:

Một câu A Di Đà
Chứng ba ngôi Bất thối
Chỉ trong một đời nầy
Được bổ lên Phật vị.

Lược giải:

Ba ngôi Bất thối chuyển là: Vị bất thối, Hạnh bất thối, và Niệm bất thối. Cứ theo Thiên Thai giáo, chứng được đệ nhất Bất thối tâm trụ, mới lên ngôi Vị bất thối. Chứng Thập hồi hướng, lên ngôi Hạnh bất thối. Và chứng Sơ địa mới vào ngôi Niệm bất thối. Nhưng ước theo đường lối phổ thông của Đại thừa giáo thì: Phá được kiến tư hoặc mới lên ngôi Vị bất thối. Phục đoạn Trần sa hoặc, lên ngôi Hạnh bất thối. Và tiến phá Vô minh hoặc mới vào ngôi Niệm bất thối. Như thế chứng được ba ngôi Bất thối thật không phải dễ! Theo các giáo môn khác, tất phải tu tập trải A Tăng kỳ số kiếp mới chứng nhập được. Với pháp môn Tịnh độ, khi được vãng sanh kể như vĩnh viễn không còn bị thối chuyển nữa. Điều nầy, theo kinh giáo, gọi riêng là Xứ bất thối. Từ Xứ bất thối, địa vị Tam bất thối là cầm chắc trong tay, lần lượt sẽ tiến lên Phật quả. Cho nên kinh Di Đà nói: "Chúng sanh khi về cõi nước Cực Lạc, đều là bậc A bệ bạt trí *(Bất thối chuyển)*". Chư thiện nhơn ở Cực lạc sống lâu vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, chỉ trong một kiếp sanh về nơi đó đã dư thời gian chứng lên ngôi Nhứt sanh bổ sứ, được bổ vào Phật vị rồi.

❁

Hán 9:

Nhứt cú Di Đà
Mãn thập đại nguyện
Khởi đắc Phổ Hiền
Thác giáo liễu biện!

Việt 9:

Một câu A Di Đà
Tròn đầy mười thập nguyện
Đâu phải đức Phổ Hiền
Dạy lầm cho xong chuyện!

Lược giải:

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới, sau khi đức Phổ Hiền nói mười Đại nguyện vương, ngài liền tự phát thệ và khuyên Thiện Tài đồng tử cùng hải chúng Bồ Tát trong biển thế giới Hoa Tạng, đều nên niệm Phật hồi hướng về Cực Lạc. Lời phát thệ như sau:

Tôi nguyện khi lúc sắp mạng chung

Dứt trừ tất cả điều chướng ngại
Diện kiến đức Phật A Di Đà
Liền được sanh về cõi An Lạc.

Tại sao thế? Vì muốn vào cảnh giới Bất Tư Nghì Giải Thoát, muốn thành tựu các công đức, muốn chứng lên Phật quả, phải thật hành mười Đại nguyện vương. Và muốn không bị nhiều chướng duyên làm cho thối chuyển, muốn sớm mau hoàn mãn mười Đại nguyện vương ấy, tất phải cầu sanh Cực Lạc! Cho nên lời đức Phổ Hiền khuyên dạy chư Bồ Tát niệm Phật cầu về Cực Lạc không phải là điều dạy bảo cạn cợt lạc lầm, nói suông rồi cho xong chuyện! Mà chính đó là lời khuyên dạy tối quan yếu, bao gồm ý vị rất sâu sắc, phải suy gẫm nhiều mới thấu hiểu!

❁

Hán 10:

Nhứt cú Di Đà
Bạch ngưu giá cảnh
Kỳ tật như phong
Hành bộ bình chánh.

Việt 10:

Một câu A Di Đà
Xe gác ách trâu trắng
Chạy lẹ như gió bay
Bước đi thật bằng vững.

Lược giải:

Câu niệm Phật, đối với bậc cao, thì có niệm đồng với không niệm. Và mặc dù không nghĩ rằng mình là người hay niệm, đức Phật là vị được niệm, tâm niệm hằng rỗng không, nhưng cũng chẳng ngại gì câu niệm Phật thường hiển lộ rành rẽ rõ ràng. Như chư Bồ Tát, Tổ sư vẫn đi đứng nằm ngồi, vẫn ăn cơm mặc áo, vẫn thuyết pháp tụng kinh, mà không thấy có các tướng ấy. Các ngài làm pháp hữu vi mà

tâm vô vi, tâm tuy vô vi song vẫn làm tất cả pháp hữu vi. Như thế mới chẳng đọa vào lỗi "không" và "có", tiến lên cảnh giới đại thừa. Cho nên đức Lục Tổ đã bảo:

Không niệm, niệm mới chánh
Có niệm, niệm thành tà
Có, không đều chẳng tưởng
Ngồi được Bạch ngưu xa.

Cần nhận rõ: Không và Có trên đây, chẳng phải là không niệm Phật tụng kinh. Đây chính là niệm Phật đi vào cảnh giới chân không, chẳng tưởng nghĩ rằng mình có niệm hay không niệm. Với bậc kém hơn, tuy chưa thể ứng dụng được như thế, nhưng biết niệm Phật tức là đã tiến lên đường tu bằng phẳng, bước đi an ổn vững vàng, lần siêu vào cảnh giới đại thừa. Như đã ngồi trên xe bạch ngưu, bước đi của nó thật bằng vững, không còn lo ngại chi nữa!

❁

Hán 11:

Nhứt cú Di Đà
Như Lai tạng tâm
Thủy ngoại vô lãng
Khí nguyên thị kim.

Việt 11:

Một câu A Di Đà
Là tâm tạng Như Lai
Ngoài nước đâu có sóng
Xuyến, vàng vốn chẳng hai!

Lược giải:

Có một tu sĩ hỏi vị Thượng tọa: "Niệm Phật để làm gì?" Ngài đáp: "Niệm Phật để thành Phật!" Tu sĩ ấy mỉm cười lui về, ý không công nhận. Tu sĩ đó không công nhận, vì ông chưa hiểu, và chưa ứng dụng được hạnh niệm Phật đi ngay vào Phật cảnh, tức vào tâm tạng của Như Lai. Theo trí phân biệt, ông chỉ chấp nhận và chỉ có thể ứng dụng câu

niệm Phật để trừ vọng tưởng, lần lần chứng vào chân như mà thôi. Đó là quan niệm Tiệm giáo của Nhị thừa. Nếu theo tâm chấp tướng phân biệt, người ta thấy sóng với nước, xuyến cùng vàng khác nhau. Nhưng thật ra, các thứ đó chẳng phải một, cũng chẳng phải hai. Nếu các hành giả niệm Phật từ thí dụ nầy để tìm hiểu, tất sẽ xóa tan niệm phân biệt, dung hòa tâm với cảnh, thể nhập pháp môn Bất nhị, đi ngay vào tạng tánh của Như Lai. Câu niệm Phật là tâm tạng Phật, đại khái ý nghĩa như thế. Thuở xưa, một hành giả khi chứng ngộ vào cảnh giới nầy đã có bài kệ:

Bước đường vô vị đã cùng rồi
Thấy sóng là đâu chỉ nước thôi!
Ông Triệu siêu quần chi lắm đó
Mặt mày trông cũng thế mà thôi.

❁

Hán 12:

Nhứt cú Di Đà
Diệu chân như tánh
Xuân tại hoa chi
Tượng hàm cổ cảnh.

Việt 12:

Một câu A Di Đà
Lộ tánh diệu chân như.
Sắc xuân nơi hoa sáng
Muôn tượng ẩn gương xưa.

Lược giải:

Thuở xưa, một vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: "Chư pháp tùng bản lai. Thường tịch diệt tướng" *(Các pháp từ xưa nay. Tự tướng thường tịch diệt)*, bỗng sanh nghi không hiểu. Sau mấy năm tham thiền, ông chợt tỏ ngộ, liền viết tiếp thêm hai câu: "Xuân đáo bách hoa khai. Hoàng

Oanh đề liễu thượng" *(Xuân đến trăm hoa nở, Oanh vàng kêu liễu biếc!)*. Câu niệm Phật khi đã thuần, hành giả sẽ thấy tánh chân như mầu nhiệm lồ lộ hiện bày, không thể dùng lời nói luận bàn, dùng tâm tư nghĩ suy phân biệt được. Cảnh trạng ấy sự sắc xuân hiện nơi trăm hoa đua nở sáng tươi, như oanh vàng kêu hót líu lo trên cành liễu sanh biếc, chỉ dùng tâm thiên nhiên mới thể hợp được cảnh thiên nhiên. Nếu nghĩ suy phân biệt, tức là phiền não vọng động rồi, đâu còn chi là xuân nữa! Lại như chiếc gương xưa tròn to sáng suốt, trong đó in cảnh non nước trời mây, gương cùng cảnh tượng dung nhập nhau, không nghĩ là đây là kia, là một là khác. Người niệm Phật khi ngộ vào tánh diệu chân như cũng như thế. Thời cận đại ở Trung Hoa, một đêm Hư Vân thượng nhơn đang ngồi tịnh ngoài trời dưới ánh trăng sáng, vị Thiền sư đồng tham bước đến ướm hỏi thử:

Mắt cá vẫn nhiều, châu khó nhận
Móng mây dễ lẫn ráng tươi hồng!

Thượng nhơn liền đáp:

Gương hàm muôn tượng không kim cổ
Chẳng thuộc âm dương sáng đại đồng.

Thiền sư nghe xong, gật đầu mỉm cười rồi bỏ đi.

❁

Hán 13:

Nhứt cú Di Đà
Thanh tịnh thật tướng
Tuyệt nghị, tuyệt tư
Nan danh, nan trạng.

Việt 13:

Một câu A Di Đà
Cảnh thật tướng sạch trong
Tuyệt bàn, tuyệt suy nghĩ
Khó nói, khó hình dung.

Lược giải:

Lập lại ý trên, hành giả niệm Phật khi đi sâu vào tam muội, thể thật tướng của chân tâm lồ lộ hiện bày. Cảnh giới nầy chỉ đem tâm thanh tịnh khế hợp, không thể dùng lời nói diễn tả, dùng tâm niệm phân biệt để nghĩ ngợi phan duyên. Bởi thế nên khi Thủy Lạo Hòa thượng đến tham khấu với ý niệm cầu hỏi về chân tâm, vừa mới cúi lạy đã bị đức Mã Tổ đạp cho té lăn tròn. Thế mà Hòa thượng tỏ ngộ, vỗ tay cười ha hả. Sự tỏ ngộ ấy chỉ đương nhân tự hiểu, như người uống nước lạnh nóng riêng mình biết lấy mà thôi. Cũng với y chỉ nầy, thuở xưa một vị tôn đức đem bài kệ như sau ướm hỏi các môn nhơn:

Có pháp không sau trước
Vô hình vốn lặng trang
Hay làm chủ muôn vật
Chẳng theo bốn mùa tàn.

Một đệ tử nghe xong, vội ứng tiếng thưa: "Đó là chân tâm!" Liền bị tôn đức rầy quở bác phá.

❁

Hán 14:

Nhứt cú Di Đà
Viên dung pháp giới
Thục thể toàn chân
Giao la vô ngại.

Việt 14:

Một câu A Di Đà
Dụng thông tròn pháp giới
Soi lặng thể toàn chân
Xen giăng khắp vô ngại.

Lược giải:

Như trên đã nói, khi hành giả chứng Niệm Phật tam muội, căn trần dứt bặt, tự tánh Di Đà dung thông tròn sáng khắp pháp giới. Cảnh tướng ấy lặng lẽ mà chiếu soi, chiếu soi mà lặng lẽ, toàn thể đâu đâu cũng là chân thật. Trong chân thể ấy, hằng sa vô biên thế giới xen giăng nhau, như vô số hạt châu nơi các mắt lưới của trời Đế Thích. Chân cảnh nầy rất đỗi sâu mầu, trong Tứ pháp giới, thuộc về Sự sự vô ngại pháp giới, trong Thập huyền môn, thuộc về Nhân đà la võng cảnh giới môn.

❁

Hán 15:

Nhứt cú Di Đà
Đại viên trí cảnh
Thân độ ảnh hàm
Trùng trùng yêm ánh.

Việt 15:

Một câu A Di Đà
Gương Đại viên trí cảnh
Thân độ bóng hàm nhau
Lớp lớp mầu lấp lánh.

Lược giải:

Đây là nói tiếp về công hạnh niệm Phật của hành giả khi chứng cùng cực chân cảnh tự tánh Di Đà. Chân cảnh nầy như thể gương tròn sáng không ngằn mé, bao gồm muôn tượng sum la, gọi là Đại viên cảnh trí. Trong thể Đại viên ấy, "Thân" thuộc về phần Chân như tịch chiếu môn. "Độ" thuộc về phần thế giới sanh diệt môn, đều hàm chứa hình bóng lẫn nhau. Sự hàm ảnh đó như mỗi hạt châu nơi mắt lưới của trời Đế Thích, đều ngậm chứa hình bóng của vô số hạt châu khác. Cảnh hàm ảnh giữa Không với Không, Sắc cùng Sắc, Sắc và Không xen lẫn ngậm bóng nhau ấy,

thật là lớp lớp tầng tầng, lấp lánh vô ngại nhiệm mầu khó bề diễn tả.

❁

Hán 16:

Nhứt cú Di Đà
Không Như Lai Tạng
Vạn pháp vị hình
Nhất chân tuyệt tướng.

Việt 16:

Một câu A Di Đà
Là Không Như Lai Tạng
Vạn pháp dứt hình dung
Nhất chân tuyệt sắc tướng.

Lược giải:

Tiếp theo ý nghĩa trên, cảnh giới tuy nhiên sum la như thế, song hành giả phải một tâm lặng lẽ thể nhập vào Không Như Lai Tạng. Tâm cảnh nầy dứt cả muôn pháp, tuyệt cả sắc tướng, chỉ là một thể Nhứt chân không còn phân biệt.

❁

Hán 17:

Nhứt cú Di Đà
Viên mãn Bồ đề
Thiên cảnh vô thượng
Vân biết dữ tề.

Việt 17:

Một câu A Di Đà
Tròn đủ Bồ đề đạo
Ráng mây đều ở thấp
Lại không có trời cao.

Lược giải:

Khi hành giả đã thể nhập Không Như Lai Tạng, thì đạo Bồ đề tròn đủ, con đường giác ngộ đến mức cao tuyệt rồi. Cảnh giới ấy như trạng thái của người: "Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao". Khi xưa ông Khấu Chuẩn đời nhà

Tống, thuở bé theo cha lên núi Thái Sơn, đã đắc ý đọc lên bốn câu thi cũng mường tượng như hai câu sau của bài kệ trên:

Bất dữ quần phong ngũ
Cảnh vô sơn dữ tề
Cử đầu hồng nhật cận
Hồi thủ bạch vân đê!

Tạm dịch:

Chẳng cùng muôn đỉnh đồng bạn
Lại không một núi dám qua
Ngước mắt vầng hồng kề cận
Cúi đầu mây bạc thấp xa!

Nhưng đó chỉ là khẩu khí của một vị Tể tướng, vì trên còn có vầng hồng, còn có Thiên Tử. Chưa bằng vua Hồng Võ đời nhà Minh lúc du ngoạn núi nầy, cũng tức cảnh hai câu:

Nhứt thượng, nhứt thượng, cánh nhứt thượng
Vô hạn yên vân nhãn để thâu!

Tạm dịch:

Lên cao càng lúc càng cao tít
Vô hạn trời mây dưới mắt nhìn!

Đây mới thật là khẩu khí của một bậc Thiên Tử, đứng trên muôn dân. Có thể mượn hai câu sau nầy để tạm hình dùng cảnh tượng giác ngộ tròn đầy cao tuyệt của một vị Pháp Vương đứng trên vạn pháp.

Hán 18:

Nhứt cú Di Đà
Đại bát niết bàn
Nhất luân minh nguyệt
Vạn lý không hàn!

Việt 18:

Một câu A Di Đà
Là cảnh Đại tịch diệt
Muôn niệm trống thanh lương
Chỉ một vầng minh nguyệt!

Lược giải:

Khi đã vào thể nhiệm mầu cao tuyệt của Không Như Lai Tạng, hành giả niệm Phật ở cảnh giới mà nhà Thiền gọi là "Chẳng cùng muôn pháp làm bạn" *(Bất dữ vạn pháp vi lữ)*. Cảnh giới nầy như vầng trăng tròn sáng, chiếu soi muôn dặm vắng lặng thanh thanh lương, là cảnh Đại tịch diệt hay Đại bát niết bàn vậy. Đây cũng gọi là cảnh "Song vong", người chăn và trâu đều mất, phiền não cùng pháp trừ phiền não không còn. Như lời xưa đã diễn tả:

Soi lại người, trâu đã mất tung
Dặm ngàn vắng lạnh nguyệt linh lung!
Ý hay đoan bích như ai hỏi
Cỏ biếc hoa tươi tự thắm hồng!

❁

Hán 19:

Nhứt cú Di Đà
Khai Bát nhã môn
Thập hư vạn pháp
Nhứt khẩu bình thôn.

Việt 19:

Một câu A Di Đà
Mở toang cửa Bát nhã
Muôn pháp cõi thập hư
Một miếng nuốt tất cả.

Lược giải:

Bát nhã là trí huệ. Thập hư có nghĩa: cõi hư không ở mười phương. Một câu Phật hiệu, nếu niệm cùng cực, tất mở toang được trí huệ và bao hàm muôn pháp ở mười phương hư không. Muốn một tiếng nuốt trọn muôn pháp cõi thập hư, bên trong hành giả phải tiêu trừ bốn đại năm uẩn thuộc ngã chấp, bên ngoài xả bỏ sáu trần cùng thời gian, không gian thuộc pháp chấp. Khi chuyên giữ một câu Phật hiệu, xả trừ quan niệm chấp thân tâm và thế giới như thế, đến lúc sức cực công thuần, tâm của đương nhơn bỗng mở rỗng rang, bao trùm muôn pháp khắp mười phương, như bọt nước hòa tan đồng sức hàm chứa cùng biển rộng. Đó gọi là một miếng nuốt tất cả. Thuở xưa cư sĩ Bàng Uẩn đến tham khẩu đức Mã Tổ hỏi: "Thế nào là ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây phương đến?". Mã Tổ đạp: "Đợi khi nào ông uống một hớp hết nước sông Tây giang, ta sẽ nói cho biết!". Cư sĩ nghe xong bỗng đại ngộ. Hành giả niệm Phật nên theo dõi bước đại ngộ nầy, đừng quan thiệp vào lý giải.

❁

Hán 20:

Nhứt cú Di Đà
Hoa ốc môn khai
Tùng giả lý nhập
Khoái tùy ngã lai.

Việt 20:

Một câu A Di Đà
Mở cửa nhà đẹp cao
Gọi các hàng tùng giả
Mau theo ta đi vào.

Lược giải:

Hoa ốc đây, chỉ cho cảnh trang nghiêm của thế giới

Hoa Tạng. Khi hành giả chứng được Niệm Phật tam muội rồi, tâm cảnh rỗng rang, lần lần đi sâu vào biển thế giới Hoa Tạng, gồm vô biên quốc độ mầu đẹp trang nghiêm. Tự mình giác ngộ chứng được đức Trí, lại dùng vô lượng phương tiện khuyên dẫn kẻ hữu duyên đồng bước theo vào nơi hoa ốc để thật hiện đức Bi... Đây là bản nguyện cao cả của người học đạo.

❁

Hán 21

Nhứt cú Di Đà
Nhập vương tam muội
Tợ địa quân kành
Như thiên phổ cái.

Việt 21

Một câu A Di Đà
Vào tam muội Bảo vương
Như đất đều nâng đỡ
Tợ trời che khắp miền.

Lược giải:

Niệm Phật tam muội cũng gọi là Bảo vương tam muội. Khi chứng được tam muội nầy, diệt vô lượng tội chướng, tăng vô biên phước huệ, độ vô số chúng sanh, đức hóa lan rộng khắp mọi nơi như trời che đất chở. Từ nơi Niệm Phật Bảo Vương tam muội nầy, Bồ Tát rưới vô lượng mưa pháp độ khắp chúng sanh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Vân Bồ Tát đã bảo Thiện Tài đồng tử:

... "Thiện nam tử! Chư đại Bồ Tát có vô biên hành môn trí tuệ thanh tịnh. Đó là: Môn Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, thường thấy các thứ cung điện nghiêm sạch nơi tất cả quốc độ của chư Phật. Môn Linh Nhứt Thiết Chúng Sanh Niệm Phật, tùy nơi tâm ưa thích của các chúng sanh, đều khiến cho được thấy Phật và được thanh tịnh. Môn Linh An

Trụ Lực Niệm Phật, khiến cho được vào mười lực của Như Lai. Môn Linh An Trụ Pháp Niệm Phật, khiến cho thấy vô lượng chư Phật, được nghe pháp mầu. Môn Chiếu Diệu Chư Phương Niệm Phật, thấy trong tất cả thế giới, các Phật hải đều đồng nhau không sai khác. Môn Nhập Bất Khả Kiến Xứ Niệm Phật, thấy tất cả cảnh vi tế trong các việc thần thông tự tại của chư Phật. Môn Trụ Ư Chư Kiếp Niệm Phật, trong tất cả kiếp thường thấy các việc làm của Như Lai không tạm mất. Môn Trụ Nhứt Thiết Thời Niệm Phật, trong tất cả thời thường thấy Như Lai, đồng ở gần bên không xa lìa. Môn Trụ Nhứt Thiết Sát Niệm Phật, trong các quốc độ, đều thấy thân Phật vượt hơn tất cả không chi sánh bằng. Môn Trụ Nhứt Thiết Thế Niệm Phật, tùy nơi tâm mình ưa thích, thấy khắp chư Như Lai trong ba đời. Môn Trụ Nhứt Thiết Cảnh Niệm Phật, khắp trong tất cả cảnh giới, thấy chư Như Lai lần lượt hiện thân. Môn Trụ Tịch Diệt Niệm Phật, trong một niệm thấy chư Phật trong tất cả cõi thị hiện vào Niết Bàn. Môn Viễn Ly Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả Phật từ chỗ mình ở đi ra. Môn Trụ Quảng Đại Niệm Phật, tâm thường quán sát mỗi mỗi thân Phật đầy khắp tất cả các pháp giới. Môn Trụ Vi Tế Niệm Phật, khoảng một đầu lông có Bất khả thuyết Như Lai xuất hiện, đều đến tận nơi mà thừa sự. Môn Trụ Trang Nghiêm Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả cõi đều có chư Phật thành Đẳng chánh giác hiện sức thần biến. Môn Trụ Năng Sự Niệm Phật, thấy tất cả Phật hiện ra nơi đời phóng ánh sáng trí huệ, chuyển bánh xe pháp. Môn Trụ Tự Tại Tâm Niệm Phật, tùy tâm mình ưa thích, tất cả chư Phật đều biết và hiện ảnh tượng. Môn Trụ Tự Nghiệp Niệm Phật biết tùy theo nghiệp lành chứa nhóm của chúng sanh, hiện ra ảnh

tượng khiến cho giác ngộ. Môn Trụ Thần Biến Niệm Phật, thấy Phật ngồi trên hoa sen tươi nở rộng lớn đầy khắp pháp giới. Môn Trụ Hư Không Niệm Phật, quán sát Như Lai có nhiều thân như mây, trang nghiêm pháp giới và hư không giới ..."

Môn Niệm Phật xuất sanh nhiều tam muội và lợi ích khắp chúng sanh như thế, nên gọi là Vương tam muội, và như trời che đất chở.

HẾT TẬP MỘT

MỤC LỤC

***

LỜI ĐẦU 5

Phần Một **– THÁNH NHÂN KHUYẾN HÓA**

- **Mã Minh Đại Sĩ** 7
- **Long Thọ Đại Sĩ** 9
- **Thiên Thân Luận sư** 14
- **Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát** 17

Phần Hai **– LIÊN TÔNG CHƯ TỔ**

- **Huệ Viễn Đại Sư** ***(Liên Tông Sơ Tổ)*** 27
- **Thiện Đạo Đại Sư** ***(Liên Tông Nhị Tổ)*** 37
- **Thừa Viễn Đại Sư** ***(Liên Tông Tam Tổ)*** 41
- **Pháp Chiếu Đại Sư** ***(Liên Tông Tứ Tổ)*** 43
- **Thiếu Khang Đại Sư** ***(Liên Tông Ngũ Tổ)*** 48
- **Diên Thọ Đại Sư** ***(Liên Tông Lục Tổ)*** 50
- **Tỉnh Thường Đại Sư** ***(Liên Tông Thất Tổ)*** 57
- **Châu Hoằng Đại Sư** ***(Liên Tông Bát Tổ)*** 59
- **Trí Húc Đại Sư** ***(Liên Tông Cửu Tổ)*** 70
- **Hành Sách Đại Sư** ***(Liên Tông Thập Tổ)*** 73
- **Thật Hiền Đại Sư** ***(Liên Tông Thập Nhất Tổ)*** 78
- **Bài Văn Khuyên Phát Lòng Bồ Đề** ***(Thật Hiền soạn)*** 80
- **Tế Tỉnh Đại Sư** ***(Liên Tông Thập Nhị Tổ)*** 89
- **Ấn Quang Đại Sư** ***(Liên Tông Thập Tam Tổ)*** 93

Phần Ba **– TỨ CHÚNG VÃNG SANH**

- **Huệ Vĩnh Đại Sư** 104
- **Huệ Kiền Pháp sư** 106
- **Tăng Tế Pháp sư** 107
- **Huệ Cung** 108
- **Lưu Trình Chi** 109
- **Trương Kháng** 111
- **Khuyết Công Tắc** 112
- **Tây Trai Tịnh Độ Thi** 113

- Tăng Duệ Pháp sư 114
- Huệ Sùng Đại Sư 116
- Đàm Giám Pháp sư 117
- Đạo Trân Pháp sư 118
- Đàm Loan Pháp sư 119
- Đạo Dũ 122
- Trí Khải Đại Sư 123
- Trí Thông Pháp sư 129
- Pháp Trí 130
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 131
- Pháp Hỷ Và Thọ Hồng 133
- Hai Sa Di 134
- Đạo Kiệt Pháp sư 134
- Quán Đảnh Đại Sư 136
- Đạo Ngang Pháp sư 137
- Đạo Xước Thiền Sư 138
- Tăng Huyền Pháp sư 140
- Duy Ngạn Pháp sư 142
- Hoài Ngọc Pháp sư 143
- Huệ Nhựt Đại Sư 145
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 147
- Tề Hàng Pháp sư 148
- Tự Giác 149
- Tri Tuyền Pháp sư 151
- Hùng Tuấn 154
- Duy Cung 155
- Chí Thông 156
- Ngộ Ân 157
- Trì Lễ Đại Sư 158
- Huệ Tài Pháp sư 161
- Tông Trách Thiền Sư 163
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 168

- Khả Cửu 169
- Tông Bản Đại Sư 170
- Hữu Nghiêm Pháp sư 172
- Tông Đàn Pháp sư 175
- Nguyên Chiếu Luật Sư 177
- Nhược Ngu Pháp sư 179
- Tề Ngọc Pháp sư 181
- Uẩn Tề 183
- Tư Tề Đại Sư 184
- Tử Ngươn Đại Sư 185
- Đạo Nhân Pháp sư 190
- Hữu Bằng Đại Sư 192
- Pháp Nhân Thiền Sư 193
- Ưu Đàm Đại Sư 194
- Hoằng Tế Đại Sư 198
- Thiên Như Thiền Sư 200
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 206
- Huệ Mộc 207
- Chân Tịnh 208
- Châu Cẩm 209
- Quảng Giác 210
- Thành Tịnh 211
- Triều Âm 211
- Dương Kiệt 212
- Chung Ly Cẩn 216
- Mã Vu 217
- Vương Cổ 218
- Hồ Yến 221
- Ngô Bình Tín 222
- Lục Ngoạn 223
- Tiếng Gọi Vô Thường 224
- Trần Toản 225

- Ngu Thuần Hy 227
- Thái Thừa Trực 229
- Viên Hoằng Đạo 231
- Kim Quang Tiền 239
- Tinh Giấc Mộng Đời 241
- Tôn Trung 244
- Vương Điền 245
- Vương Nhựt Hưu 246
- Diêm Ban Vinh 248
- Dương Gia Vỹ 249
- Cố Nguyên 250
- Trương Thủ Ước 252
- Hoàng Thừa Huệ 254
- Văn Khải Sơ 255
- Châu Lộ 256
- Ngô Minh Hồng 258
- Hoàng Phủ Sĩ Phương 259
- Trầm Bính 265
- Viên Liệt Tinh 266
- Vương Cung 270
- Trương Chung Quỳ 272
- Trương Thiện Hòa 273
- Kim Thích 274
- Phùng Mân 274
- Ngô Quỳnh 275
- Hoàng Sanh 276
- Ngô Mao 277
- Vương Ngưỡng Tuyền 278
- Lương Duy Châu 279
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật 281
- Mục Lục 301

- Tăng Duệ Pháp sư 114
- Huệ Sùng Đại Sư 116
- Đàm Giám Pháp sư 117
- Đạo Trân Pháp sư 118
- Đàm Loan Pháp sư 119
- Đạo Dũ 122
- Trí Khải Đại Sư 123
- Trí Thông Pháp sư 129
- Pháp Trí 130
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 131
- Pháp Hỷ Và Thọ Hồng 133
- Hai Sa Di 134
- Đạo Kiệt Pháp sư 134
- Quán Đảnh Đại Sư 136
- Đạo Ngang Pháp sư 137
- Đạo Xước Thiền Sư 138
- Tăng Huyền Pháp sư 140
- Duy Ngạn Pháp sư 142
- Hoài Ngọc Pháp sư 143
- Huệ Nhựt Đại Sư 145
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 147
- Tề Hàng Pháp sư 148
- Tự Giác 149
- Tri Tuyền Pháp sư 151
- Hùng Tuấn 154
- Duy Cung 155
- Chí Thông 156
- Ngộ Ân 157
- Trí Lễ Đại Sư 158
- Huệ Tài Pháp sư 161
- Tông Trách Thiền Sư 163
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 168

- Khả Cửu 169
- Tông Bản Đại Sư 170
- Hữu Nghiêm Pháp sư 172
- Tông Đản Pháp sư 175
- Nguyên Chiếu Luật Sư 177
- Nhược Ngu Pháp sư 179
- Tề Ngọc Pháp sư 181
- Uẩn Tề 183
- Tư Tề Đại Sư 184
- Tử Ngươn Đại Sư 185
- Đạo Nhân Pháp sư 190
- Hữu Bằng Đại Sư 192
- Pháp Nhân Thiền Sư 193
- Ưu Đàm Đại Sư 194
- Hoằng Tế Đại Sư 198
- Thiên Như Thiền Sư 200
- Tây Trai Tịnh Độ Thi 206
- Huệ Mộc 207
- Chân Tịnh 208
- Châu Cẩm 209
- Quảng Giác 210
- Thành Tịnh 211
- Triều Âm 211
- Dương Kiệt 212
- Chung Ly Cẩn 216
- Mã Vu 217
- Vương Cổ 218
- Hồ Yến 221
- Ngô Bình Tín 222
- Lục Ngoạn 223
- Tiếng Gọi Vô Thường 224
- Trần Toản 225

- Ngu Thuần Hy 227
- Thái Thừa Trực 229
- Viên Hoằng Đạo 231
- Kim Quang Tiền 239
- Tỉnh Giấc Mộng Đời 241
- Tôn Trung 244
- Vương Điền 245
- Vương Nhựt Hưu 246
- Diêm Ban Vinh 248
- Dương Gia Vỹ 249
- Cố Nguyên 250
- Trương Thủ Ước 252
- Hoàng Thừa Huệ 254
- Văn Khải Sơ 255
- Châu Lộ 256
- Ngô Minh Hồng 258
- Hoàng Phủ Sĩ Phương 259
- Trầm Bính 265
- Viên Liệt Tinh 266
- Vương Cung 270
- Trương Chung Quỳ 272
- Trương Thiện Hòa 273
- Kim Thích 274
- Phùng Mân 274
- Ngô Quỳnh 275
- Hoàng Sanh 276
- Ngô Mao 277
- Vương Ngưỡng Tuyền 278
- Lương Duy Châu 279
- Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật 281
- Mục Lục 301